

中学校ガイドブック

～ベトナム語版～



愛知教育大学

はじめに

平成25年に、『幼稚園・保育園ガイドブック』を発行し、大きな反響をいただき、その後、平成27年に『小学校ガイドブック』を発行いたしました。保育園・幼稚園、小学校とくれば、当然中学校もということで、『中学校ガイドブック』を是非！という声を本当に多くの方からいただきました。しかし、私たちは『中学校ガイドブック』の発行を踏みとどまっていました。なぜなら、中学校には進路という大きな問題があり、高校入試は、地域によって違いがありますし、高校進学について、私たちはどのように扱っていいか分からなかったからです。その後、私たちは、この『ガイドブック』の目指すところをもう一度振り返って考えてみました。先生方に保護者が必要としている情報に気づいていただき、保護者とのコミュニケーションに役立てていただくこと、そして、保護者に中学校を理解してもらい、行事や活動に参加してもらうことで、日本で成長していく子ども達の支援につなげることが、この『ガイドブック』の目指すところ です。義務教育の最後の中学校は、今後の進路を決める重要な時期です。だからこそ、『中学校ガイドブック』は、絶対に必要であると考え、今回作成に踏み切りました

外国にルーツをもつ子ども達やその保護者への支援は、決して彼らだけのためではなく、日本人の子ども達や保護者をはじめとするすべての人の幸せに繋がるということを、私たちは『幼稚園・保育園ガイドブック』の時から変わらず大切にしています。この気持ちを大切にして、『中学校ガイドブック』を作成いたしました。

平成30年3月

愛知教育大学外国人児童生徒支援リソースルーム

川口直巳・スタッフ同

推薦者のことば

現在日本には、多様な生活様式や文化をもった多くの外国人が暮らしています。当然、日本の学校に対するイメージも、子どもの教育に対する思いもさまざまです。

私は、外国にルーツをもつ児童が全校児童の約6割を占める公立小学校の校長を経験し、多くのことを学びました。たとえば日本にやって来たばかりの外国人保護者の多くは、「遠足」という学校行事を知りません。遠足の持ち物で「水筒」と言えば日本人保護者はわかりますが、外国人保護者は中身の入っていない水筒だけをイメージします。「水かお茶を入れた水筒」と説明する必要があります。これは小学校での一例ですが、今回の『中学校ガイドブック』においては、中学校での生活面・学習面・運動面だけでなく、卒業後の進路選択の問題から思春期を迎える子どもの健康やアイデンティティーの問題に至るまで、きめ細かな指導についての説明がなされています。

どうか先生方におかれましては、学校に在籍することになった外国にルーツをもつ生徒とその保護者の視点に立って指導をしていただくことと、このガイドブックの趣旨を活かしつつ、お勤めの学校に応じたアレンジをしていただいて広く活用をお願いできたらと思います。

平成30年3月

愛知教育大学外国人児童生徒支援リソースルーム

アドバイザー 杉浦 茂

ガイドブックの使い方について

(1) 外国にルーツをもつ保護者を、より理解してもらうために

このガイドブックを読むことで、保護者が日本の学校についてどんな情報が欠けていて、どのような情報を必要としているのかを、理解することができます。

日本人保護者に渡すプリントをただ訳すだけでは、外国にルーツをもつ子どもの保護者には理解できないことがたくさんあることを知っていただけたと思います。

(2) 外国語版が必要な保護者に渡すとき

必要に応じて必要なページをコピーして保護者に渡すようにしてください。まとめて渡してもなかなか読んでもらえません。また渡すときにはできるだけコミュニケーションをとるようにしてください。本当に書かれている内容を理解してもらえているかどうかを確認することも必要です。

(3) 内容について

このガイドブックは一般的な内容で書かれています。中学校によってガイドブックに書かれている内容と異なる場合があります。保護者に渡す前に必ず目を通してください。必要に応じて絵や写真を差し替える、不要な部分を消すなどして、それぞれの中学校に合わせた内容に修正してから、保護者に渡すようにしてください。日本語版と外国語版が見開きで対応しています。以下は修正の例です。

([中学校の一年]のページより)

終業式・修了式後は長期休業になるので、式典後に学級で担任の先生から通知表やテスト、製作作品などが返されます。その学期や学年を反省し、「次の学期や学年もがんばろう」と思うための式です。
終業式・修了式の日には給食がありません。午前中に下校することが多いです。



うちの中学校は2学期制で前期の終業式の日(10/6)に給食がある。

Al término de ambas ceremonias se entra a unas vacaciones prolongadas, por lo que el profesor tutor al culminar la ceremonia pasa al salón de clase y hace entrega de la libreta de notas, exámenes, trabajos, etc. Son ceremonias donde se reflexiona sobre el período o año lectivo que paso y "se anima al estudiante a esforzarse para el siguiente período o grado".

~~El día de ambas ceremonias no hay almuerzo. Por lo que es habitual que los alumnos retomen a sus hogares antes del mediodía.~~

10.6 (Ceremonia de clausura del semestre)
Hay almuerzo.



対応する翻訳文を消して、「給食がある」という表現を他のページなどから探して加筆する。

(4) (えんぴつマーク) について

ガイドブックの中に(えんぴつマーク)が出てきます。そこにはそれぞれの中学校に合わせた内容を記入して、完成させてください。

(5) 吹き出しについて

日本語版のページの中に「※先生方へ※」という吹き出しが出てきます。保護者に説明するとき先生方に知っておいてほしいことやちょっとしたアドバイスなどが書かれています。文化の違いを意識すると、説明しなければ通じないことが見えてくると思います。吹き出しの内容を参考にしてみてください。吹き出しの内容は、先生方のためのものなので、翻訳されていません。

(6) その他

このガイドブックに書かれている内容は全ての中学校に当てはまるわけではありません。それぞれの中学校に合わせた内容に修正しながら使用しなければ、保護者がガイドブックに書かれた内容をそのまま受け取る、もしくはこちらの意図とは異なる受け取り方をしまい、本来伝えたい内容が伝わらず、そこからトラブルが生じる可能性もあります。このガイドブックを使用することで伝える手間、質問する手間を省くのではなく、ガイドブックを一緒に見ながら、コミュニケーションをとる機会を増やしてください。

中学校ガイドブック Sách hướng dẫn về trường trung học cơ sở

～目次 Mục lục～

1. 日本の中学校について	Những kiến thức cơ bản về trường trung học cơ sở của Nhật Bản	
(1) 日本の中学校ってどんなところ？	Trường trung học cơ sở của Nhật Bản là nơi như thế nào？	
中学校の一日	Một ngày ở trường trung học cơ sở	1
中学校の一年	Một năm ở trường trung học cơ sở	7
長期休暇	Kỳ nghỉ dài	15
学習について	Học tập	19
服装・身だしなみ	Trang phục và diện mạo	31
中学校で必要なもの	Đồ dùng cần thiết	39
登下校	Đến trường và tan trường	45
中学校への連絡	Liên lạc với nhà trường	49
緊急連絡	Liên lạc khẩn cấp	55
休校	Trường học đóng cửa	59
出席日数について	Số ngày đi học	65
部活動	Hoạt động câu lạc bộ	67
(2) 日本の中学校の行事	Các sự kiện ở trường trung học cơ sở của Nhật Bản	
入学式	Lễ nhập học	73
先生とお話	Trao đổi với giáo viên	77
〈家庭訪問 Thăm nhà học sinh, 懇談会 Họp phụ huynh, 参観日 Tham quan giờ học〉		
校外学習	Học ngoại khóa	81
職場体験学習	Trải nghiệm nơi làm việc	83
野外学習	Học dã ngoại	87
修学旅行	Du lịch cuối khóa	91
防災訓練・避難訓練	Huấn luyện phòng chống thiên tai và huấn luyện lánh nạn	95
体育大会	Ngày hội thể thao	97
文化祭	Ngày hội văn hóa	103
卒業式	Lễ tốt nghiệp	107
(3) 子どもの体や成長	Cơ thể và sự phát triển của trẻ	
病気やけがのとき	Khi trẻ bị ốm hoặc bị thương	111
体と心の成長	Sự phát triển về thể chất và tâm lý của trẻ	117
予防接種	Tiêm phòng	121
感染症	Bệnh truyền nhiễm	125
健康診断	Khám sức khỏe	129
衛生管理	Quản lý vệ sinh	133
生活習慣	Thói quen sinh hoạt	139
(4) 食事について	Việc ăn uống của trẻ	
給食	Bữa trưa ở trường	149
お弁当・水筒	Cơm hộp và Bình nước	153
2. 進路について	Hướng đi trong tương lai	
(1) 中学校を卒業したら	Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở	157
(2) 進学	Học lên trình độ cao	161
(3) 就職	Đi làm	193
3. コラム	Những thông tin nên biết	
① アイデンティティーに悩む子ども	Trạng thái khủng hoảng bản sắc ở trẻ em	197
② PTA活動	Hoạt động PTA	201
③ 子どものために	Vì lợi ích của trẻ	205
4. 便利帳	Sổ tiện lợi	
① 事前確認事項	Nội dung cần xác nhận trước	207
② 行事のおしらせ	Thông báo sự kiện	208
③ 参考URL	Trang web tham khảo	209

ちゅうがっこう いちにち
中 学 校 の 一 日

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

ちゅうがっこう ひと がくしゅう し かん ぶん し ぶん たんにん せんせい べんきょう きょう
中 学 校 の 一 つ の 学 習 時 間 は 50 分 で す 。 自 分 の ク ラ ス の 担 任 の 先 生 は い ま す が 、 勉 強 は 教
か せんもん せんせい おし きょう か ちが せんせい おし
科 ごとに 専門の先生が教えます。そのため 教科ごとに違う先生に 教えてもらうことになります。
しやうがっこう ちが ぶん い か へんせい
これが 小 学 校 と の 違 い で す 。 1 ク ラ ス は 40 人 以 下 で 編 成 さ れ て
と よ う び に ち よ う び し ゅ く し つ や す ぶ か つ どう
い ま す 。 土 曜 日 と 日 曜 日 ・ 祝 日 は お 休 み で す が 、 部 活 動 が あ る こ
と が あ り ま す 。



ねんせい じ かん わり ちゅうがっこう れい
★1年生の時間割 (ある中学校の例)

		げつ 月	か 火	すい 水	もく 木	きん 金
		① ぶ かつ どう (部活動がない曜日もあります)				
	②あさ の かつどう 朝の活動	しやうかい 集会	どくしょ 読書	どくしょ 読書	どくしょ 読書	どくしょ 読書
8:50 9:40	1	③がっしやうかつどう 学級活動	り か 理科	すうがく 数学	すうがく 数学	り か 理科
		④ やす じ かん 休み時間				
9:50 10:40	2	り か 理科	こくご 国語	ほ けんたいいく 保健体育	こくご 国語	こくご 国語
10:50 11:40	3	えいご 英語	び じゅつ 美術	しゃかい 社会	ほ けんたいいく 保健体育	ほ けんたいいく 保健体育
11:50 12:40	4	しゃかい 社会	しゃかい 社会	えいご 英語	えいご 英語	すうがく 数学
		⑤ きやうしき 給食				
		⑥ そうじ 掃除				
13:50 14:40	5	すうがく 数学	ぎ じゅつ か てい 技術家庭	おんがく 音楽	そうごう 総合	すうがく 数学
14:50 15:40	6		ぎ じゅつ か てい 技術家庭	こくご 国語	どうとく 道徳	そうごう おんがく 総合・音楽 び じゅつ 美術
15:45 15:55	かえり の かつどう 帰りの活動					
16:00		げ こう ぶ かつ どう (部活動がない曜日もあります)				

Một ngày ở trường trung học cơ sở

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Thời gian mỗi tiết học ở trường trung học cơ sở là 50 phút. Mỗi lớp đều có giáo viên chủ nhiệm. Tuy nhiên, các tiết học sẽ do giáo viên phụ trách từng bộ môn giảng dạy. Do đó, mỗi bộ môn sẽ do các giáo viên khác nhau giảng dạy. Điều này khác với trường tiểu học. Số học sinh ở mỗi lớp là dưới 40 học sinh. Học sinh được nghỉ vào thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ. Tuy nhiên, thỉnh thoảng sẽ có hoạt động câu lạc bộ vào những ngày nghỉ này.



★ Thời gian biểu của học sinh năm 1 (Ví dụ của một trường trung học cơ sở)

		Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
		① Hoạt động câu lạc bộ (một số hôm không có hoạt động câu lạc bộ)				
	② Hoạt động buổi sáng	Tập trung	Độc sách	Độc sách	Độc sách	Độc sách
8:50 9:40	1	③ Hoạt động trong lớp	Tự nhiên	Toán học	Toán học	Tự nhiên
		④ Nghỉ giải lao				
9:50 10:40	2	Tự nhiên	Quốc ngữ	Giáo dục thể chất	Quốc ngữ	Quốc ngữ
10:50 11:40	3	Tiếng Anh	Mỹ thuật	Xã hội	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
11:50 12:40	4	Xã hội	Xã hội	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Toán học
		⑤ Ăn trưa				
		⑥ Dọn dẹp				
13:50 14:40	5	Toán học	Kỹ thuật và cuộc sống gia đình	Âm nhạc	Tổng hợp	Toán học
14:50 15:40	6		Kỹ thuật và cuộc sống gia đình	Quốc ngữ	Đạo đức	Tổng hợp, Âm nhạc, Mỹ thuật
15:45 15:55	Hoạt động trước khi về nhà					
16:00		Tan trường • Hoạt động câu lạc bộ (một số ngày không có hoạt động câu lạc bộ)				

① 部活動

日本のほとんどの中学校では部活動があります。運動部から文化部まで様々です。一日の授業の後に練習を行います。朝、早く行って練習を行う部活動もあります。部活動によって活動時間が違い、土日に練習がある場合もあります。入部前にはしっかり説明を聞き、自分に合った部活動を選びましょう。分からないときは相談しましょう。(p.67「部活動」のページを見てください)

② 朝の活動

授業の前に、出欠確認や担任の先生からの連絡があります。その後、読書・ドリル・スピーチなどの短い活動をする学校もあります。学校集会がある場合もあります。

③ 授業

教科ごとに専門の先生の授業を受けるので、いろいろな先生に勉強を教えてもらうことができます。

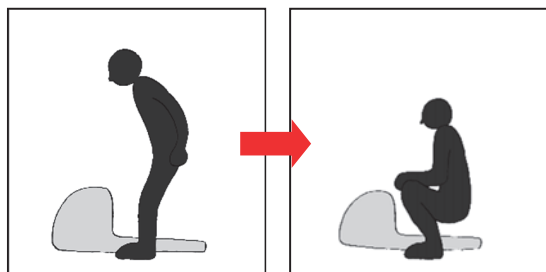
(p.19「学習について」のページを見てください)



④ 休み時間

中学校の授業の間にある10分間の休み時間は、遊ぶ時間ではありません。トイレに行ったり、授業の準備や教室移動をしたりする時間です。次の授業のはじまりには、席に着いていなければなりません。日本の中学校のトイレは、家のトイレと形が違います。使い方を事前に確認しておくとう安心です。

<和式トイレの使い方>



※日本のトイレでは使ったトイレペーパーはトイレに流してください。女子トイレの個室には、使い終わった生理用品を入れるゴミ箱があります。生理用品をトイレに流してはいけません。

① Hoạt động câu lạc bộ (Bukatsudou)

Hầu hết các trường trung học cơ sở ở Nhật đều có hoạt động câu lạc bộ. Câu lạc bộ rất đa dạng, từ câu lạc bộ thể dục đến câu lạc bộ văn hóa. Học sinh luyện tập sau khi kết thúc một ngày học tập. Một số câu lạc bộ luyện tập vào sáng sớm. Thời gian luyện tập khác nhau tùy theo từng câu lạc bộ, một số câu lạc bộ luyện tập vào thứ bảy hoặc chủ nhật. Trước khi tham gia câu lạc bộ, học sinh cần nghe kỹ hướng dẫn để lựa chọn câu lạc bộ phù hợp với bản thân. Nếu có gì không hiểu thì học sinh cần hỏi lại. (Tham khảo nội dung “Hoạt động câu lạc bộ” ở trang 68)

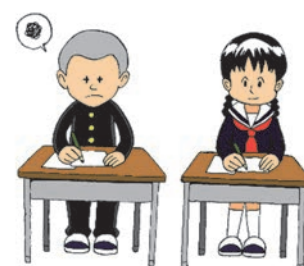
② Hoạt động buổi sáng

Trước giờ học, giáo viên chủ nhiệm sẽ điểm danh và thông báo một số nội dung. Sau đó, một số trường có hoạt động trong thời gian ngắn như đọc sách, luyện tập, thuyết trình... Một số trường còn tổ chức buổi tập trung toàn trường.

③ Giờ học

Giáo viên bộ môn phụ trách từng bộ môn khác nhau nên học sinh được học từ nhiều giáo viên.

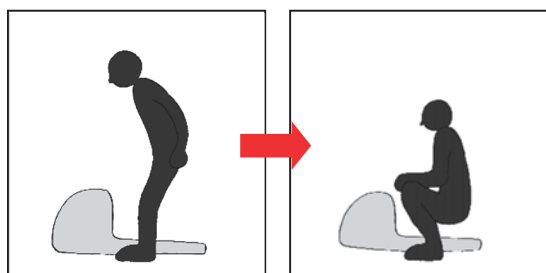
(Tham khảo nội dung “Học tập” ở trang 20)



④ Thời gian nghỉ giải lao

Thời gian nghỉ giải lao 10 phút giữa các tiết học ở trường trung học cơ sở không phải là thời gian chơi đùa. Đây là thời gian để học sinh đi vệ sinh, chuẩn bị cho tiết học tiếp theo hoặc di chuyển lớp học. Học sinh phải ngồi vào ghế trước khi bắt đầu tiết học tiếp theo. Nhà vệ sinh ở trường của Nhật có thể khác so với nhà vệ sinh ở nhà. Học sinh cần tìm hiểu trước về cách sử dụng để không lúng túng khi sử dụng.

<Cách sử dụng nhà vệ sinh kiểu Nhật (washiki)>



※ Ở Nhật, giấy vệ sinh được thả vào bồn cầu sau khi sử dụng xong. Nhà vệ sinh nữ có đặt thùng rác để vứt băng vệ sinh sau khi sử dụng xong. Băng vệ sinh không được thả vào bồn cầu.

⑤ 給食

中学校の給食は、生徒が自分たちで準備や後片づけを行います。およその目安は、「準備15分」「食事20分」「片づけ10分」です。みんなでそろって楽しく、栄養バランスのとれた食事をいただきます。(p.149「給食」のページを見てください)

⑥ 掃除

日本の中学校では、自分たちの使う教室やトイレ、運動場などを、みんなで分担し、きれいに掃除します。いつも同じ場所を掃除するのではなく、何か所かを交替して掃除します。

⑦ 帰りの活動

先生からの連絡を聞いたり、次の日の時間割の確認をしたりします。次の日の時間割や持ち物は、黒板に書いてあるものを自分でノートに書き写すことが多いです。

⑤ Bữa trưa ở trường (Kyuushoku)

Bữa trưa ở trường do học sinh tự phân phát và dọn dẹp. Thời gian ước tính cho bữa trưa là “15 phút chuẩn bị”, “20 phút ăn”, “10 phút dọn dẹp”. Học sinh sẽ cùng nhau ăn bữa trưa đầy đủ chất dinh dưỡng một cách vui vẻ. (Tham khảo nội dung “Bữa trưa ở trường (Kyuushoku)” ở trang 150).

⑥ Dọn vệ sinh

Ở trường trung học cơ sở của Nhật, học sinh phân công nhau dọn dẹp sạch sẽ những nơi mình sử dụng như lớp học, nhà vệ sinh hay sân vận động... Học sinh không phải lúc nào cũng dọn dẹp một khu vực mà phân công nhau dọn dẹp các khu vực khác nhau.

⑦ Hoạt động trước khi về nhà

Học sinh nghe thông báo từ giáo viên, xác nhận lại thời gian biểu của ngày hôm sau. Học sinh thường tự ghi chép lại nội dung cô giáo viết trên bảng vào vở như thời gian biểu và đồ vật cần mang theo của ngày hôm sau.

1. 中学校の一年

つき 月	がっきせい 3学期制	がっきせい 2学期制	おも ぎょうじ 主な行事		
がつ 4月	1 学 期	にゅうがくしき しぎょうしき 入 学 式 ・ 始 業 式	ぜん 期	にゅうがくしき しぎょうしき 入 学 式 ・ 始 業 式	ていき 定期テスト ちゅうかん きまつ (中 間 ・ 期 末 ・ がくねんまつ 学年末テスト) かだい 課題テスト じつりよく 実 カ テ ス ト
がつ 5月		ちゅうかん 中 間 テ ス ト		ちゅうかん 中 間 テ ス ト	
がつ 6月		きまつ 期 末 テ ス ト		しゅうぎょうしき 終 業 式	
がつ 7月		しゅうぎょうしき 終 業 式			
がつ 8月	なつ やす 夏 休 み				
がつ 9月	2 学 期	しぎょうしき 始 業 式	こう 後 期	きまつ しゅうぎょうしき 期 末 テ ス ト ・ 終 業 式	だいいくたいかい 体 育 大 会 ぶんかさい 文 化 祭 ・ がっしょう 合 唱 コ ン ク ル
がつ 10月		ちゅうかん 中 間 テ ス ト		しぎょうしき 始 業 式	
がつ 11月		きまつ 期 末 テ ス ト		ちゅうかん 中 間 テ ス ト	
がつ 12月		しゅうぎょうしき 終 業 式			
	ふゆ やす 冬 休 み				
がつ 1月	3 学 期	しぎょうしき 始 業 式	はる やす 春 休 み	がくねんまつ 学 年 末 テ ス ト (3 年 生)	ぶんかさい 文 化 祭 ・ がっしょう 合 唱 コ ン ク ル
がつ 2月		がくねんまつ 学 年 末 テ ス ト (1 ・ 2 年 生)		がくねんまつ 学 年 末 テ ス ト (1 ・ 2 年 生)	
がつ 3月		しゅうりょうしき そつぎょうしき 修 了 式 ・ 卒 業 式		しゅうりょうしき そつぎょうしき 修 了 式 ・ 卒 業 式	

2. 学年 がくねん

ちゅうがっこう ねんかんかよ ねんれい がくねんせい
中学校は、3年間通います。年齢による3学年制です。

7

Một năm ở trường trung học cơ sở

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Một năm ở trường trung học cơ sở

Trường trung học cơ sở của Nhật Bản bắt đầu vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 3.

Tháng	Hệ thống 3 học kỳ		Hệ thống 2 học kỳ		Hoạt động chính
Tháng 4	Học kỳ 1	Lễ nhập học/ Lễ khai giảng	Học kỳ đầu	Lễ nhập học/ Lễ khai giảng	Kiểm tra định kỳ (Kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và kiểm tra cuối năm học) Kiểm tra viết luận Kiểm tra năng lực
Tháng 5		Kiểm tra giữa kỳ			
Tháng 6		Kiểm tra cuối kỳ		Kiểm tra giữa kỳ	
Tháng 7		Lễ bế giảng			
Tháng 8	Nghỉ hè				 Ngày hội thể thao
Tháng 9	Học kỳ 2	Lễ khai giảng	Học kỳ sau	Kiểm tra cuối kỳ, Lễ bế giảng	
Tháng 10		Kiểm tra giữa kỳ		Lễ khai giảng	
Tháng 11		Kiểm tra cuối kỳ		Kiểm tra giữa kỳ	
Tháng 12		Lễ bế giảng			
	Nghỉ đông				Ngày hội văn hóa Thi hợp xướng
Tháng 1	Học kỳ 3	Lễ khai giảng Kiểm tra cuối năm học (lớp 9)		Kiểm tra cuối năm học (lớp 9)	
Tháng 2		Kiểm tra cuối năm học (lớp 7 và lớp 8)		Kiểm tra cuối năm học (lớp 7 và lớp 8)	
Tháng 3		Lễ tổng kết/ Lễ tốt nghiệp		Lễ tổng kết/ Lễ tốt nghiệp	
	Nghỉ xuân				

2. Khối lớp

Trường trung học cơ sở có 3 khối lớp được chia theo từng độ tuổi.

Độ tuổi dưới đây tính từ ngày 2 tháng 4 đến ngày 1 tháng 4 năm tiếp theo.

Trẻ em 13 tuổi → Khối năm 1 (Học sinh năm 1) (tương đương lớp 7 ở Việt Nam)

Trẻ em 14 tuổi → Khối năm 2 (Học sinh năm 2) (tương đương lớp 8 ở Việt Nam)

Trẻ em 15 tuổi → Khối năm 3 (Học sinh năm 3) (tương đương lớp 9 ở Việt Nam)

3. 学期

1年間をいくつかの期間に分けています。3学期制の中学校と、2学期制の中学校があります。子どもの通っている中学校がどちらの学期制なのか、よく確認しましょう。

	4月	5月	6月	7月	8月	9月	10月	11月	12月	1月	2月	3月	
3学期制 がっきせい	1学期（ がっき 4月～ がっ 7月）				夏休み なつやす	2学期（ がっき 9月～ がっ 12月）				冬休み ふゆやす	3学期 がっき （ がっ 1月～ がっ 3月）		春休み はるやす
2学期制 がっきせい	前期（ ぜんき 4月～ がっ 9月）				夏休み なつやす	後期（ こうき 10月～ がっ 3月）				冬休み ふゆやす			春休み はるやす

4. 始業式

各学期の初日に、始業式を行います。始業式では、全校生徒が体育館に集まって、校長先生の話の聞いたり、代表の生徒による意見発表を聞いたり、校歌を歌います。学校生活に節目を付け、落ち着いた雰囲気の中で「新しい学期もがんばろう」と思うための式です。

始業式の日には給食がありません。午前中に下校することが多いです（2学期制の後期の始業式の日には給食がある場合もあります）。

5. 終業式・修了式

3学期制の1学期・2学期、2学期制の前期の最終日に、終業式を行います。年度末である3学期制の3学期、2学期制の後期の最終日には、修了式を行います。

始業式と同じように、全校生徒が集まり、校長先生の話や意見発表、校歌斉唱などをします。コンクールやスポーツの大会などで入賞した生徒の表彰もあります。

終業式・修了式後は長期休業になるので、式典後に学級で担任の先生から通知表やテスト、製作作品などが返されます。その学期や学年を反省し、「次の学期や学年もがんばろう」と思うための式です。

終業式・修了式の日には給食がありません。午前中に下校することが多いです。



3. Học kỳ

Một năm học được chia thành nhiều học kỳ. Tùy theo từng trường, năm học sẽ được chia thành 2 học kỳ hoặc 3 học kỳ. Phụ huynh cần biết con mình đang học trường có mấy học kỳ.

Hệ thống 3 học kỳ	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
	Học kỳ 1 (Từ tháng 4 đến tháng 7)				Nghỉ hè	Học kỳ 2 (Từ tháng 9 đến tháng 12)				Nghỉ đông	Học kỳ 3 (Từ tháng 1 đến tháng 3)	

Hệ thống 2 học kỳ	Học kỳ đầu (Từ tháng 4 đến tháng 9)				Nghỉ hè	Học kỳ sau (Từ tháng 10 đến tháng 3)				Nghỉ đông	Nghỉ xuân	
-------------------	--	--	--	--	---------	---	--	--	--	-----------	-----------	--

4. Lễ khai giảng (Shigyoushiki)

Lễ khai giảng được tổ chức vào ngày đầu tiên của mỗi học kỳ. Trong lễ khai giảng, tất cả học sinh tập trung ở nhà thể chất của trường để nghe bài phát biểu của hiệu trưởng nhà trường và phát biểu của học sinh đại diện, sau đó hát bài hát của trường (kouka). Lễ khai giảng đánh dấu bước khởi đầu mới trong cuộc đời học sinh. Học sinh sẽ cảm nhận không khí trang trọng của buổi lễ với sự quyết tâm cố gắng trong học kỳ mới.

Nhà trường không chuẩn bị bữa trưa trong ngày tổ chức lễ khai giảng. Ở hầu hết các trường, học sinh thường về nhà trong buổi sáng. (Một số trường chuẩn bị bữa trưa vào ngày lễ khai giảng của học kỳ sau đối với hệ thống 2 học kỳ).

5. Lễ bế giảng (Shuugyoushiki)/ Lễ tổng kết (Shuuryoushiki)

Lễ bế giảng được tổ chức vào ngày cuối cùng của học kỳ 1 và học kỳ 2 đối với hệ thống 3 học kỳ, ngày cuối cùng của học kỳ trước đối với hệ thống 2 học kỳ. Lễ tổng kết được tổ chức vào ngày cuối cùng của học kỳ 3 đối với hệ thống 3 học kỳ (cuối năm học) và ngày cuối cùng của học kỳ sau đối với hệ thống 2 học kỳ.

Cũng giống như lễ khai giảng, tất cả học sinh tập trung lại, nghe bài phát biểu của hiệu trưởng nhà trường và phát biểu của học sinh đại diện, sau đó hát bài hát của trường. Buổi lễ còn tuyên dương những học sinh đã dành giải thưởng trong các cuộc thi nghệ thuật hay đại hội thể thao.

Sau lễ bế giảng và lễ tổng kết là kỳ nghỉ dài. Sau khi buổi lễ kết thúc, tại lớp học, giáo viên chủ nhiệm sẽ trả lại cho học sinh sổ thông báo, bài kiểm tra hay các tác phẩm nghệ thuật mà học sinh đã làm... Đây là buổi lễ để học sinh nhìn lại các kỳ học và một năm học đã qua để quyết tâm cố gắng cho kỳ học và năm học tiếp theo.

Nhà trường không chuẩn bị bữa trưa trong ngày tổ chức lễ bế giảng và lễ tổng kết. Ở hầu hết các trường, học sinh thường về nhà trong buổi sáng.



6. 年間の主な行事

(1) 主な行事

[全学年が参加する大きな行事]

・体育大会、文化祭、球技大会

[各学年で決まっている大きな行事]

・1年生・・・入学式、入学時オリエンテーションなど

・2年生・・・職場体験学習など

・3年生・・・修学旅行、卒業式など

校外学習や野外学習に行く学年は、学校によって違います。

(2) テストについて

2学期制の中学校では年に4回、3学期制の中学校では年に5回の定期テスト（中間・期末・学年末テスト）があります。長期休暇の後に課題テストや実力テストがあるところもあります。各教科の成績を決める大事なテストです。授業の中で各教科の先生がテストの出題範囲を発表しますので、よく聞いてテストに備えて学習内容の復習をしましょう。

（p.19「学習について」のページを見てください）

(3) 保護者が参加する行事

生徒だけが参加する行事と、保護者も参加したり見に行ったりする行事があります。

[生徒だけが参加する行事]

校外学習、野外学習、職場体験学習、修学旅行など

[保護者も参加する行事]

入学式、卒業式、家庭訪問、懇談会、授業参観、避難訓練（引き渡し訓練）、体育大会、文化祭など

7. 集金について

(1) 集金の種類について

中学校では様々な種類の集金があります。毎月決まった金額を集金するものや、何回かに分けて集金し、積み立てるものがあります。子どもの通う中学校がどんな費用を・いつ・何円払うのかを事前によく確認し、お金を準備しましょう。

[集金する費用の例]

・毎月決まった金額を集金するもの・・・給食費、PTA会費、生徒会費など

・何回かに分けて集金し積み立てるもの・・・修学旅行費、卒業アルバム代など

・年に何回か集金するもの・・・副教材費（教科書以外に授業で使う教材費）など

※経済的な理由により、これらの支払いが難しい時には、教育費の一部を援助する就学援助制度があります。詳しくは中学校に確認してください。

6. Hoạt động chính trong một năm

(1) Các hoạt động chính

[Hoạt động lớn với sự tham gia của tất cả các khối lớp]

- Ngày hội thể thao, Ngày hội văn hóa, Ngày hội các môn thể thao liên quan đến bóng

[Hoạt động lớn quy định đối với từng khối lớp]

- Học sinh năm 1 • • • Lễ nhập học, Buổi hướng dẫn khi nhập học...
- Học sinh năm 2 • • • Trải nghiệm nơi làm việc...
- Học sinh năm 3 • • • Du lịch cuối khóa, Lễ tốt nghiệp...

Khối lớp tham gia học ngoại khóa hay học dã ngoại khác nhau tùy theo từng trường.

(2) Bài kiểm tra

Trường trung học cơ sở với hệ thống 2 học kỳ có 4 lần kiểm tra định kỳ trong một năm, trường trung học cơ sở với hệ thống 3 học kỳ có 5 lần kiểm tra định kỳ trong một năm (kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra cuối kỳ và kiểm tra cuối năm học). Một số trường còn có kiểm tra viết luận và kiểm tra năng lực sau khi kết thúc kỳ nghỉ dài. Đây là những bài kiểm tra rất quan trọng vì nó quyết định thành tích của các môn học. Trong giờ học, giáo viên từng bộ môn sẽ thông báo phạm vi ra đề bài kiểm tra, học sinh cần chú ý lắng nghe và ôn tập những nội dung đã học để chuẩn bị cho bài kiểm tra.

(Tham khảo nội dung “Học tập” ở trang 20)

(3) Hoạt động có sự tham gia của phụ huynh

Có hoạt động chỉ học sinh tham gia và có hoạt động mà phụ huynh cũng tham gia hoặc đến trường xem.

[Hoạt động chỉ học sinh tham gia]

Học ngoại khóa, học dã ngoại, trải nghiệm nơi làm việc, du lịch cuối khóa...

[Hoạt động mà phụ huynh cũng tham gia]

Lễ nhập học, lễ tốt nghiệp, thăm nhà học sinh, họp phụ huynh, tham quan giờ học, huấn luyện lãnh nạn (huấn luyện đưa đón), ngày hội thể thao, ngày hội văn hóa...

7. Thu tiền

(1) Các loại chi phí cần nộp

Ở trường trung học cơ sở có nhiều loại chi phí cần nộp. Có loại chi phí cố định nộp hàng tháng, loại chi phí nộp tích lũy nhiều lần... Phụ huynh cần xác nhận xem trường con mình đang học cần nộp những chi phí gì, khi nào cần nộp, số tiền là bao nhiêu... để có thể chuẩn bị trước.

[Một số ví dụ về chi phí cần nộp]

- Chi phí cố định hàng tháng • • • Tiền ăn trưa, phí hội PTA, phí hội học sinh...
- Chi phí nộp tích lũy nhiều lần • • • Tiền du lịch cuối khóa, tiền làm album ảnh tốt nghiệp...
- Chi phí nộp nhiều lần trong một năm • • • Tiền giáo trình phụ trợ (tiền giáo trình sử dụng trong giờ học ngoài sách giáo khoa)...

※ Có Chế độ hỗ trợ giáo dục (Shuugaku enjyo seido) hỗ trợ một phần chi phí giáo dục đối với trường hợp không thể nộp các chi phí này do điều kiện kinh tế. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường để biết thêm chi tiết.

(2) 自動引き落としについて

中学校に納めるお金を現金ではなく、銀行や郵便局の保護者の預金口座から自動的に支払う方法があります。子どもが学校に現金を持って行かなくてすむので、落としたり、なくしたりする心配がなく、保護者も現金を手元に用意する手間がいりません。手続きの方法について分からないことがあれば、先生に確認しましょう。

(2) Thu chi phí theo hình thức tự động

Chi phí nộp cho nhà trường có thể nộp bằng hình thức rút tự động từ tài khoản ngân hàng hay tài khoản ngân hàng bưu điện của phụ huynh. Học sinh sẽ không cần phải mang tiền mặt đến trường nên phụ huynh không cần phải lo con mình làm rơi hay làm mất, phụ huynh cũng không mất thời gian chuẩn bị tiền mặt. Phụ huynh nên hỏi lại giáo viên nếu có điều gì không hiểu liên quan đến thủ tục này.

ちょうききゅうか 長期休暇

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 長期休暇ってなに？

中学校では、夏・冬・春に長期休暇があります。3学期制の中学校は、長期休暇を境に1学期・2学期・3学期と分かれています。2学期制の中学校では、10月の秋の連休を境に前期・後期を分けています。(p.7「中学校の一年」のページを見てください)
長期休暇の期間は学校によって違うので、中学校に確認しましょう。

2. どう過ごしたらいいの？

長期休暇中は、自由に使える時間が多くなります。その分、不規則な生活になりやすいです。休みだからといってだらしない生活(朝寝坊や夜更かし、暴飲暴食、ゲームのやりすぎ)にならないよう、規則正しい生活を心がけましょう。計画を立てて学習に取り組んだり、部活動に参加したり、家の手伝いをしたりして、有意義に過ごしましょう。
映画館、カラオケ、ゲームセンター、マンガ喫茶、インターネットカフェなどには子どもたちだけで行かず、必ず保護者と一緒に行きましょう。

3. 学校に行く日について

長期休暇中でも何日か登校する日があります。けがや病気になったり、一時帰国したりするときは必ず中学校に連絡しましょう。中学校に行く日に連絡をしないで欠席すると、先生がとても心配します。休むときは必ず連絡をしましょう。

[登校する日の例]

- 夏休み：登校日、学習日、補習授業、プール開放、部活動など
- 冬休み：学習日、面談、部活動など

[部活動について]

練習や試合などのため、夏、冬、春休み中にも部活動をする学校が多いです。欠席する場合には部活動の先生に連絡しましょう。

4. 宿題は出るの？

長期休暇中も宿題があります。宿題の例です。

- 夏休み：問題集、自由研究、読書感想文、ポスターなど
- 冬休み：問題集、書き初めなど
- 春休み：問題集など



Kỳ nghỉ dài

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Kỳ nghỉ dài là gì?

Trường trung học cơ sở có các kỳ nghỉ dài vào mùa hè, mùa đông và mùa xuân. Trường trung học cơ sở với hệ thống 3 học kỳ chia thành học kỳ 1, học kỳ 2 và học kỳ 3, cách nhau bởi kỳ nghỉ dài. Trường trung học cơ sở với hệ thống 2 học kỳ chia thành học kỳ đầu và học kỳ sau, cách nhau bởi kỳ nghỉ dài vào mùa thu tháng 10. (Tham khảo nội dung “Một năm ở trường trung học cơ sở” ở trang 8).

Thời gian của kỳ nghỉ dài khác nhau tùy theo từng trường nên phụ huynh cần xác nhận thông tin với nhà trường.

2. Học sinh làm gì trong kỳ nghỉ dài?

Trong kỳ nghỉ dài, học sinh có nhiều thời gian tự do. Do đó, học sinh dễ bị sinh hoạt không điều độ. Mặc dù là kỳ nghỉ dài nhưng học sinh không được lười biếng (dậy muộn, thức khuya, ăn uống quá nhiều, chơi điện tử quá nhiều) và phải chú ý sinh hoạt điều độ, lành mạnh. Học sinh nên lập kế hoạch để có thể trải qua kỳ nghỉ dài một cách ý nghĩa như học tập, tham gia hoạt động câu lạc bộ, giúp đỡ bố mẹ việc nhà...

Học sinh không nên cùng nhau đến rạp chiếu phim, quán karaoke, trung tâm chơi game, quán cà phê manga, quán cà phê internet... mà cần phải đi cùng với gia đình.

3. Ngày đến trường

Trong kỳ nghỉ dài, có một số ngày học sinh phải đến trường. Phụ huynh cần liên lạc với nhà trường trong trường hợp con mình bị thương, bị ốm hay về nước chơi. Giáo viên sẽ rất lo lắng nếu vào ngày đến trường, học sinh vắng mặt mà không liên lạc gì với nhà trường. Do đó, phụ huynh cần phải liên lạc với nhà trường nếu con mình nghỉ.

[Ví dụ một số ngày đến trường]

- Nghỉ hè: ngày đến trường, ngày học tập, giờ học bổ trợ, ngày bơi lội, hoạt động câu lạc bộ...
- Nghỉ đông: ngày học tập, ngày gặp mặt trao đổi, hoạt động câu lạc bộ...

[Hoạt động câu lạc bộ]

Nhiều trường tổ chức hoạt động câu lạc bộ trong cả kỳ nghỉ hè, nghỉ đông và nghỉ xuân để luyện tập hoặc chuẩn bị cho thi đấu... Phụ huynh cần liên lạc với giáo viên phụ trách hoạt động câu lạc bộ trong trường hợp con mình vắng mặt.

4. Có bài tập về nhà không?

Kỳ nghỉ dài cũng có bài tập về nhà. Dưới đây là một số ví dụ về bài tập về nhà.

- Nghỉ hè: Bài tập, nghiên cứu tự do, văn cảm tưởng sau khi đọc sách, làm poster...
- Nghỉ đông: Bài tập, khai bút...
- Nghỉ xuân: Bài tập...



宿題について分からないことがあれば、先生に確認しましょう。提出日が決まっているので、休みの終わりに慌てないように、計画を立てて早めに宿題をしましょう。登校日に提出する宿題もあるので、それぞれの宿題の提出日を確認しましょう。宿題が難しすぎるときは、休みの前に先生に相談しましょう。出された宿題にがんばって取り組みましょう。

※先生方へ※

長期休暇は学校の授業が進まないため、外国にルーツをもつ子どもにとっては、少しでも周りに追いつくことのできる貴重なチャンスです。子どものレベルに合った宿題を出したり、補習学習を計画したり、子どもとじっくり向きあう時間を作ったりしてみてもいいでしょうか。



Học sinh cần hỏi lại giáo viên nếu có bất cứ điều gì không hiểu liên quan đến bài tập về nhà. Vì thời hạn nộp bài tập được quy định nên học sinh cần lập kế hoạch và cố gắng hoàn thành bài tập về nhà sớm để không phải vội vàng vào cuối kỳ nghỉ. Học sinh cần xác nhận với giáo viên về thời hạn nộp các loại bài tập vì có bài tập phải nộp vào ngày đến trường. Nếu bài tập quá khó thì học sinh cần trao đổi với giáo viên trước kỳ nghỉ. Học sinh phải cố gắng hoàn thành bài tập được giao.



がくしゅう 学習について

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. どんな勉強をするの？

中学校ではいろいろな勉強をします。授業は教科担任制で、それぞれの教科ごとに専門の先生が教えます。先生が教室に来て授業をします。教科によっては音楽室や理科室などの別の教室で勉強をすることもあります。

日本の中学校では授業は日本語で行います。日本語が分からないと授業を理解することが難しくなります。しかし、日本語が十分に使えるようになるまで授業をうけないでいると、どんどん遅れてしまいます。そうすると、進学が難しくなります。日本では義務教育は中学校までです。高校へ進学するためには試験を受けなければいけません。日本語が分からない子どもは、日本語を勉強しながら、できるだけ早く教科の勉強を進めていくことが大切です。

また、母国で義務教育を受けて来日した子どもは、最初は日本語での授業を理解するために辞書や翻訳教材を使うことも1つの方法です。

教科書は無償でもらえます。なくしてしまっても新しい教科書はもらえません。3年間ずっと使う教科書もあります。捨てたり、なくしたりしないように大切に使います。ノートや文房具などは自分で買います。授業で使用する道具の中には、集金をして学校でまとめて購入するものがあります。高くてすぐには買えない場合、卒業生からゆずってもらえないか先生に相談してみましょう。学年の途中に転入して、ほとんど使うことがない道具は、学校のものを借りることができないか先生に確認してみましょう。

(1) 教科の学習

国語、数学、社会、理科、外国語（英語）、音楽、美術、保健体育、技術・家庭科

国語

日本語を使って聞く、話す、読む、書くなどの活動を通して表現する力、考える力、想像する力をつけます。

中学校では、古文・漢文という昔の日本語も勉強します。古文や漢文が分からないからといって、日常生活するのに必要な日本語に困ることはありませんが、進学を考えていれば受験の時に必要になることがあります。

Học tập

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Học sinh học gì ở trường?

Học sinh học rất nhiều môn học ở trường trung học cơ sở. Các giờ học do giáo viên phụ trách từng bộ môn giảng dạy theo hình thức phụ trách chuyên môn. Giáo viên đến lớp để thực hiện giảng dạy. Tùy theo từng môn học, học sinh có thể học ở phòng học khác như phòng âm nhạc, phòng khoa học tự nhiên...

Ở trường trung học cơ sở của Nhật, tất cả các tiết học đều được giảng dạy bằng tiếng Nhật. Nếu học sinh không hiểu tiếng Nhật thì sẽ không hiểu được bài giảng trên lớp. Tuy nhiên, nếu học sinh không tham gia các tiết học trên lớp và chờ đến khi có thể sử dụng tiếng Nhật thành thạo thì học sinh đó sẽ không theo kịp bài giảng trên lớp. Do đó, việc lên lớp sẽ bị ảnh hưởng. Ở Nhật, giáo dục bắt buộc là hết trung học cơ sở. Học sinh phải tham gia thi để học tiếp lên trung học phổ thông. Đối với những học sinh không hiểu tiếng Nhật, điều quan trọng là vừa học tiếng Nhật, vừa tham gia các tiết học trên lớp sớm nhất có thể.

Ngoài ra, những học sinh đến Nhật đã tham gia giáo dục bắt buộc tại nước mẹ để có thể sử dụng từ điển và giáo trình dịch để hiểu được nội dung bài giảng bằng tiếng Nhật khi mới đến Nhật.

Nhà trường phát sách giáo khoa miễn phí cho học sinh. Nếu học sinh làm mất thì sẽ không được phát lại lần nữa. Học sinh sẽ sử dụng một số sách trong suốt 3 năm học. Do đó, học sinh không được vứt đi và phải giữ gìn cẩn thận để không bị mất. Học sinh phải tự mua vở và đồ dùng học tập. Trong số những đồ dùng sử dụng trong các tiết học, có một số đồ dùng mà nhà trường sẽ thu tiền và mua. Nếu đồ dùng quá đắt, không thể mua được luôn thì phụ huynh có thể trao đổi với giáo viên xem có thể xin từ học sinh đã tốt nghiệp hay không. Nếu học sinh chuyển trường giữa chừng, phụ huynh có thể hỏi giáo viên xem có thể mượn đồ dùng từ nhà trường hay không đối với những đồ dùng hầu như không sử dụng đến.

(1) Các môn học

Quốc ngữ, Toán học, Xã hội, Tự nhiên, Ngoại ngữ (Tiếng Anh), Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Kỹ thuật và cuộc sống gia đình.

Quốc ngữ (Kokugo)

Học sinh sẽ được học khả năng diễn đạt, khả năng suy nghĩ và khả năng tưởng tượng thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật.

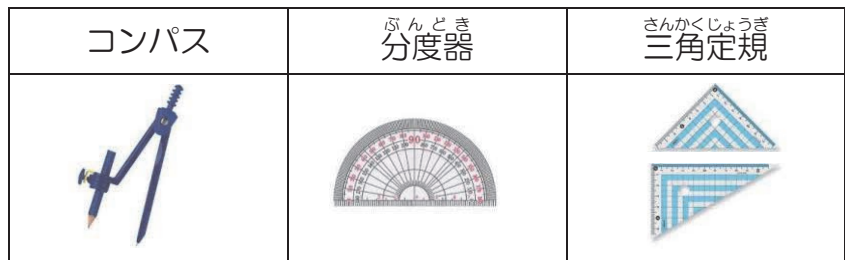
Ở trường trung học cơ sở, học sinh học cả tiếng Nhật cổ được gọi là văn cổ, Hán văn. Nếu không hiểu văn cổ hay Hán văn thì cũng không gặp khó khăn khi sử dụng tiếng Nhật trong cuộc sống thường ngày. Tuy nhiên, môn học này cần thiết khi dự thi để học lên trình độ cao.

学習について

すうがく

数学

数、計算、図形、関数、資料の活用などについて勉強します。国によって筆算や分数などの計算の仕方が違うことがあります。そのため、答えは合っているのに間違っていると勘違いしてしまう場合があります。母国のやり方と日本のやり方をどちらも知っておくと便利です。図形の学習ではコンパスや分度器、三角定規を使うことがあります。日本では小学校でも使うので、ほとんどの子どもが自分のものを持っています。すぐに準備できない場合やどんなものが分からないときには必ず先生に相談しましょう。



しゃかい

社会

歴史、地理、公民について勉強します。日本の地理や歴史だけではなく世界の地理や歴史も勉強します。公民では政治や経済について勉強します。

理科

物理、化学、生物、地学について勉強します。植物や動物、太陽や月や星など自然を観察したり、光や音、圧力や電流など科学的な実験をしたりして勉強します。教室だけではなく、理科室や校庭、校外で実験や観察をすることもあります。

外国語（英語）

英語を使って聞く、話す、読む、書くなどコミュニケーション能力の基礎を作ります。いつもは日本人の先生が教えますが、ときどき日本人以外の先生がきて、英語でコミュニケーションしながら授業をすることがあります。

英語の授業といっても、文法的な説明やテストの問題などはほとんど日本語を使います。英語が理解できても日本語が分からないと、テストの点数が悪くなってしまいます。

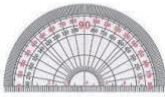


※先生方へ※

英語のスピーチコンテストや外国人生徒向けの日本語スピーチコンテストなどに参加させてあげるのも良いでしょう。目標を持ち、やり遂げる経験することにより、日本語学習への意欲や自信につながります。

Toán học (Suugaku)

Học sinh sẽ được học về con số, tính toán, hình học, hàm số, sử dụng thông tin... Mỗi quốc gia sẽ có cách tính toán và cách viết phân số khác nhau. Do đó, có những trường hợp gây hiểu lầm là tính toán sai mặc dù đáp án đúng. Nếu học sinh biết được cả cách tính của đất nước mình và cách tính của Nhật thì sẽ rất tiện lợi. Khi học môn hình học, thỉnh thoảng học sinh sẽ sử dụng compa, thước đo góc, thước kẻ tam giác... Ở Nhật, ở trường tiểu học cũng sử dụng những dụng cụ này nên hầu hết học sinh đều mang theo đồ của mình. Nếu không thể chuẩn bị sớm hoặc có gì không hiểu thì phụ huynh cần trao đổi với giáo viên.

Compa	Thước đo góc	Thước kẻ tam giác
		

Xã hội (Shakai)

Học sinh được học lịch sử (rekishi), địa lý (chiri), công dân (koumin). Học sinh không chỉ học về địa lý và lịch sử của Nhật mà còn học về địa lý và lịch sử thế giới. Trong phần công dân, học sinh sẽ học về chính trị và kinh tế.

Tự nhiên (Rika)

Học sinh được học vật lý (butsuri), hóa học (kagaku), sinh học (seibutsu), địa học (chigaku). Học sinh sẽ học thông qua việc quan sát thiên nhiên như thực vật, động vật, mặt trời, mặt trăng, sao..., những thí nghiệm khoa học liên quan đến ánh sáng, âm thanh, áp suất, điện lưu... Học sinh không chỉ học trên lớp mà thỉnh thoảng còn thí nghiệm và quan sát ở phòng thí nghiệm khoa học, sân trường hay bên ngoài trường.

Ngoại ngữ (Tiếng Anh) (Gaikokugo (Eigo))

Học sinh sẽ sử dụng tiếng Anh và hình thành năng lực giao tiếp cơ bản thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết... Thông thường, giáo viên người Nhật sẽ giảng dạy bộ môn này. Tuy nhiên, thỉnh thoảng sẽ có giáo viên không phải là người Nhật đến giảng dạy và thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh.

Mặc dù gọi là tiết học tiếng Anh nhưng giáo viên chủ yếu giải thích ngữ pháp bằng tiếng Nhật và bài kiểm tra hầu hết đều sử dụng tiếng Nhật. Nếu học sinh hiểu tiếng Anh nhưng không hiểu tiếng Nhật thì kết quả bài kiểm tra cũng không được tốt.



学習について

音楽

歌を歌ったり、楽器を演奏したり、いろいろな曲を鑑賞したりします。音楽室で勉強することが多いです。他の人のものを使うことができないアルトリコーダーは買わなければいけません。小学校のときに使うのはソプラノリコーダーです。ソプラノリコーダーとアルトリコーダーは違うので、気をつけましょう。



美術

絵を描いたり、作品を作ったり、いろいろな美術作品をみて楽しんだりします。1年生のときにポスターカラーのセットを買って準備します。また、作品を作るときに彫刻刀を使うことがあります。日本では小学校でも使うので、ほとんどの子どもが自分のものを持っています。すぐに準備できない場合やどんなものかわからないときには必ず先生に相談しましょう。



保健体育

運動場や体育館で陸上競技、器械運動、球技、ダンス、武道などいろいろな運動をします。また、体や心の成長についても勉強します。保健体育は男子と女子に分かれて授業を行います。

保健体育の授業では体操服や水着に着替えます。体操服は持ち帰って定期的に洗濯をします。夏には、プールで水泳をします。水着と水泳帽とゴーグルを準備します。水着や水泳帽は学校で決められた形や色があります。また、プールの授業は水遊びではありません。感染のおそれのある症状がある場合や女子で生理になっている場合などを除き、全員が参加します。

特に女子は体の成長に合わせて普段から下着を変えたり、胸パットなどを使ったりするようにしましょう。日本では服の上からバストやバストトップが目立たないように気を付けます。ブラジャーの上にキャミソールやタンクトップを着ている子どももいます。

宗教上、服装に制限があるときには必ず事前に先生に相談しましょう。

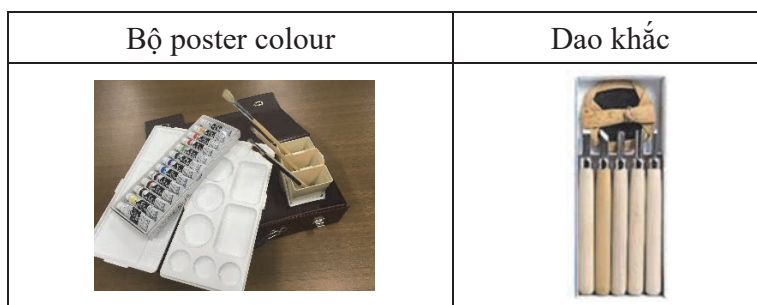
Âm nhạc (Ongaku)

Học sinh sẽ ca hát, chơi nhạc cụ và nghe nhiều thể loại âm nhạc khác nhau. Học sinh học chủ yếu tại phòng âm nhạc. Học sinh phải mua sáo alto recorder vì đây là dụng cụ không thể sử dụng của người khác. Ở trường tiểu học, học sinh sử dụng sáo soprano recorder. Phụ huynh và học sinh cần lưu ý vì sáo soprano recorder và sáo alto recorder là hai dụng cụ khác nhau.



Mỹ thuật (Bijyutsu)

Học sinh sẽ vẽ tranh, tạo các tác phẩm nghệ thuật và xem nhiều thể loại tác phẩm mỹ thuật khác nhau. Học sinh năm 1 phải tự chuẩn bị bộ poster colour. Ngoài ra, học sinh có thể sử dụng đến dao khắc khi tạo tác phẩm nghệ thuật. Ở Nhật, trường tiểu học cũng sử dụng những dụng cụ này nên hầu hết học sinh đều mang theo đồ của mình. Nếu không thể chuẩn bị sớm hoặc có gì không hiểu thì phụ huynh cần trao đổi với giáo viên.



Giáo dục thể chất (Hoken taiiku)

Học sinh chơi nhiều môn thể thao khác nhau như điền kinh, thể dục dụng cụ, các môn thể thao liên quan đến bóng, nhảy múa, võ đạo... ở sân vận động hay nhà thể chất. Ngoài ra, học sinh còn học về sự phát triển của thể chất và tâm lý. Môn học thể chất được giảng dạy riêng biệt đối với học sinh nam và học sinh nữ.

Trong giờ học giáo dục thể chất, học sinh sẽ mặc quần áo thể dục hoặc quần áo bơi. Học sinh phải mang quần áo thể dục về nhà để giặt đều đặn. Vào mùa hè, học sinh sẽ bơi ở bể bơi. Học sinh phải chuẩn bị quần áo bơi, mũ bơi và kính bơi. Nhà trường quy định hình dáng và màu sắc của quần áo bơi và mũ bơi. Ngoài ra, giờ học bơi không phải là giờ nghịch nước. Tất cả học sinh đều tham gia giờ học này, trừ trường hợp bị mắc bệnh có nguy cơ truyền nhiễm, trường hợp học sinh nữ đang có kinh nguyệt...

Đặc biệt, học sinh nữ cần mặc quần áo lót và áo ngực phù hợp với sự phát triển của cơ thể. Ở Nhật, cần lưu ý để không lộ ngực hoặc áo ngực khi nhìn từ bên ngoài áo. Một số học sinh còn mặc áo hai dây hoặc áo may ô bên ngoài áo ngực.

Học sinh theo tôn giáo có quy định về trang phục thì cần trao đổi trước với giáo viên.

学習について

家庭科

調理実習をしたり、裁縫道具やミシンを使って作品を作ったりします。日常の家庭生活に必要な知識と技術を身につけます。裁縫をするときには裁縫道具を準備します。日本では小学校でも使うので、ほとんどの子どもが自分のものを持っています。すぐに準備できない場合やどんなものか分からないときには必ず先生に相談しましょう。また、調理実習のときにはエプロンや三角巾、マスク、ふきんを準備します。料理を作る材料として、家から野菜や果物などを持って行くこともあります。調理実習はほとんどの場合、グループで作ります。材料を忘れるとグループのみんなが困ることになります。家がない、持って行くものがよく分からないときには先生に相談しましょう。

宗教上、材料や調理方法に制限があるときには必ず事前に先生に相談しましょう。

裁縫道具	エプロン・三角巾
	

技術

木工、電気回路、パソコンなどの実践的、体験的な学習をします。1年生のときに木工作業に必要な道具のセットを買って準備することもあります。危険な作業も多いため、使い方を間違えると大ケガをしてしまいます。使う前に先生が使い方や注意点を説明してくれます。日本語が分からず使い方や注意点を理解できないまま使うのは危険です。先生に絵や図で手本を示してもらいましょう。



(2) 教科以外の学習

総合的な学習の時間・道徳（2019年度から教科化）・特別活動

Nữ công gia chánh (Kateika)

Học sinh sẽ thực hành nấu ăn, sử dụng dụng cụ may vá hoặc máy may để làm các tác phẩm. Học sinh sẽ được học những kiến thức và kỹ thuật cần thiết cho cuộc sống sinh hoạt thường ngày trong gia đình. Học sinh phải tự chuẩn bị dụng cụ may vá khi học may. Ở Nhật, trường tiểu học cũng sử dụng những dụng cụ này nên hầu hết học sinh đều mang theo đồ của mình. Nếu không thể chuẩn bị sớm hoặc có gì không hiểu thì phụ huynh cần trao đổi với giáo viên. Ngoài ra, học sinh phải tự chuẩn bị tạp dề, khăn hình tam giác, khăn lau khi thực hành nấu ăn. Thông thường học sinh sẽ phải mang rau hay hoa quả từ nhà để làm nguyên liệu chế biến món ăn. Hầu hết giờ thực hành nấu ăn đều được chia theo nhóm. Nếu một học sinh nào đó quên không mang nguyên liệu thì sẽ làm ảnh hưởng đến nhóm mình. Do đó, nếu tại nhà không có nguyên liệu hoặc không hiểu rõ những đồ cần mang đi thì học sinh cần trao đổi với giáo viên.

Học sinh theo tôn giáo có quy định về nguyên liệu và cách chế biến món ăn thì phải trao đổi trước với giáo viên.

Dụng cụ may vá	Tạp dề và khăn hình tam giác
	

Kỹ thuật (Gijyutsu)

Học sinh được trải nghiệm và thực hành các công việc như làm đồ mộc, nối mạch điện, sử dụng máy tính... Học sinh năm 1 có thể phải tự chuẩn bị bộ dụng cụ cần thiết cho việc thực hành làm đồ mộc. Do có nhiều thao tác nguy hiểm nên nếu học sinh nhầm cách sử dụng thì sẽ bị thương nặng. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh cách sử dụng và lưu ý trước khi học sinh sử dụng. Nếu học sinh không hiểu tiếng Nhật, không hiểu được cách sử dụng và lưu ý khi sử dụng thì sẽ rất nguy hiểm. Giáo viên nên làm mẫu cho học sinh bằng cách sử dụng tranh hoặc hình ảnh.



(2) Học ngoài sách giáo khoa

Giờ học tổng hợp; Đạo đức (Doutoku) (bắt đầu được giảng dạy trong sách giáo khoa từ năm 2019); Các hoạt động đặc biệt.

2. テストについて

にほん ちゅうがっこう ていき じつりよく
日本の中学校には、定期テストと実力テストがあります。

【定期テスト】

○各学期の途中にある中間テスト、各学期の終わりにある期末テスト、各学年の終わりにある学年末テストがあります。3学期制の学校では1年間に合計5回、2学期制の学校では1年間に合計4回行われます。

○中間テストは、国語、数学、理科、社会、英語の5教科ですが、期末テストと学年末テストでは5教科に加えて音楽、美術、保健体育、技術・家庭科のあわせて9教科のテストを行います。

○テストの1～2週間前にテスト範囲が発表されます。テスト範囲は教科書や問題集のページの範囲で示されます（テスト後にテスト範囲のノートや問題集を提出しなければならない学校もあります）。前のテストから今回のテストの間に授業で勉強した内容が出題されることが多いです。範囲が決まっているので、そこを集中して勉強しましょう。

○テストの1週間前から、テスト勉強をするために部活動は休みになります。子どもは早く家に帰って、集中してテストに向けて家で勉強します。勉強ができるように家族の理解と協力が必要です。

○テストの点数をもとに学年順位がでます。日本では自分の順位しか教えてもらえません。また定期テストは成績に大きく影響します。

【実力テスト】

○1年に数回行われます。特に3年生になると高校受験に向けて実力テストの回数が多くなります。

○実力をはかるテストなので、テスト範囲は基本的にこれまで勉強してきた範囲全てが対象となります。

○テストの点数をもとに学年順位がでます。日本では自分の順位しか教えてもらえません。

○実力テストの結果を進学先を決めるときの参考にすることがあります。

定期テストや実力テストの日は、午前中だけテストを受けて家に帰ります。昼食は家で食べます。早く帰ってきたら遊びに行かないで、次の日のテストの勉強をしましょう。

その他に、夏休みや冬休みが終わったときに休み中の宿題を範囲とする課題テストを行ったり、授業中に単元テストや小テストを行ったりすることがあります。

日本語が十分に理解できていないからといってテストを全く受けないでいると、成績をつけることができなくなります。テスト問題の漢字によみがながあれば少しはできる、数学の計算問題ならできる、英語のテストならできる問題がいくつかあるなど、子どもの学習状況に合わせて先生と相談しながらテストに取り組ませましょう。

2. Bài kiểm tra

Trường trung học cơ sở của Nhật có bài kiểm tra định kỳ (teiki test) và bài kiểm tra năng lực (jitsuryoku test).

【Bài kiểm tra định kỳ (Teiki test)】

- Bao gồm bài kiểm tra giữa kỳ giữa các kỳ học, bài kiểm tra cuối kỳ ở cuối mỗi kỳ học và bài kiểm tra cuối năm ở cuối mỗi năm học. Ở trường với hệ thống 3 học kỳ, một năm học có tổng số 5 lần kiểm tra, ở trường với hệ thống 2 học kỳ, một năm học có tổng số 4 lần kiểm tra.
- Bài kiểm tra giữa kỳ bao gồm 5 bài kiểm tra của 5 môn học là quốc ngữ (kokugo), toán học (suugaku), tự nhiên (rika), xã hội (shakai), tiếng Anh (eigo). Bài kiểm tra cuối kỳ và bài kiểm tra cuối năm bao gồm 9 bài kiểm tra của 9 môn học là 5 môn học nêu trên và các môn âm nhạc (ongaku), mỹ thuật (bijyutsu), giáo dục thể chất (hoken taiiku), kỹ thuật và nữ công gia chánh (gijyutsu kateika).
- Khoảng 1 đến 2 tuần trước khi có bài kiểm tra, giáo viên sẽ thông báo phạm vi bài kiểm tra. Phạm vi bài kiểm tra là phạm vi số trang trong sách giáo khoa hoặc trong tập luyện đề. (Một số trường yêu cầu học sinh nộp vở hoặc tập luyện đề theo phạm vi bài kiểm tra sau khi kết thúc bài kiểm tra). Nội dung bài kiểm tra thường là nội dung đã học trong các giờ học giữa bài kiểm tra lần này và bài kiểm tra lần trước đó. Do phạm vi được quy định trước nên học sinh cần tập trung học trong phạm vi đó.
- Khoảng 1 tuần trước khi có bài kiểm tra, hoạt động câu lạc bộ sẽ dừng để học sinh ôn thi. Học sinh sẽ về nhà sớm và tập trung ôn thi ở nhà. Gia đình cần hiểu và hợp tác để con mình có thời gian học tập.
- Xếp hạng trong khối lớp được quy định dựa theo kết quả của bài kiểm tra. Ở Nhật, học sinh chỉ được biết vị trí xếp hạng của mình. Ngoài ra, bài kiểm tra định kỳ cũng ảnh hưởng rất lớn đến thành tích.

【Bài kiểm tra năng lực (Jitsuryoku test)】

- Bài kiểm tra năng lực có nhiều lần trong một năm. Đối với học sinh năm 3, số bài kiểm tra năng lực nhiều hơn để học sinh ôn thi cho kỳ thi vào trung học phổ thông.
- Vì đây là bài kiểm tra năng lực nên phạm vi bài kiểm tra là tất cả nội dung học trước đó.
- Xếp hạng trong khối lớp được quy định dựa theo kết quả của bài kiểm tra. Ở Nhật, học sinh chỉ được biết vị trí xếp hạng của mình.
- Kết quả của bài kiểm tra năng lực có thể được sử dụng để tham khảo khi học sinh lựa chọn trường học sau khi tốt nghiệp.

Bài kiểm tra định kỳ (teiki test) và kiểm tra năng lực (jitsuryoku test) đều kết thúc trong buổi sáng. Sau đó học sinh sẽ về nhà và ăn trưa ở nhà. Học sinh không nên đi chơi mà nên về nhà sớm để ôn tập cho bài kiểm tra ngày hôm sau.

Ngoài ra, sau khi kết thúc kỳ nghỉ hè hay kỳ nghỉ đông, nhà trường có thể tổ chức bài kiểm tra viết luận với phạm vi là bài tập được giao trong kỳ nghỉ, bài kiểm tra nội dung đã học hoặc bài kiểm tra nhỏ trong giờ học.

Nếu học sinh không tham gia làm bài kiểm tra vì lý do không hiểu rõ tiếng Nhật thì thành tích học tập sẽ bị ảnh hưởng. Phụ huynh nên giúp con mình tham gia làm bài kiểm tra bằng cách trao đổi với giáo viên để có thể điều chỉnh bài kiểm tra phù hợp với tình hình học tập của con mình, ví dụ như con có thể làm được bài nếu chữ Hán trong bài kiểm tra có phiên âm cách đọc, con có thể làm bài tập tính toán trong bài kiểm tra toán học, hay con có thể làm được một số câu trong bài kiểm tra tiếng Anh.

※テストのまるつけについて

日本では正しい答えに○、間違った答えに×、✓のしるしをつけます。

3. 成績について

子どもの中学校での勉強の成績(教科の学習)や中学校生活の様々な活動の様子などは、各学期の終わりに担任の先生から通知表で伝えられます。通知表は中学校によって、その名前や形式や記入の仕方が違います。成績は「1～5」段階(5が一番評価が高い)で評価されます。勉強の成績は、テストの点数だけで決まるものではありません。授業中の態度や決められた提出物を出すことも成績に関係します。テストで点数がとれなくても、態度や提出物をがんばれば、とても悪い成績にはなりません。いい評価がつくと、子どものやる気がでます。各学期の終わりに必ず通知表が渡されますので、子どもと一緒に見て、がんばったところをほめてあげたり、次の目標を一緒にたてたりしましょう。

通知表は1年間同じものを使用する学校が多いです。休み中に汚したり、なくしたりしないように大切に保管し、次の学期が始まる時には忘れないように必ず中学校に持っていくます。通知表には保護者が見たことを先生が確認できるように、印鑑を押す欄があります。忘れないで印鑑を押しましょう。

通知表の見かたや意味が分からないときには、先生に聞いてみましょう。

※日本の中学校では、成績が悪いからといって落第することはほとんどありません。また、成績がいいからといって飛び級できる制度はありません。ほとんどの場合、年齢に応じて学年があがります。いい面もありますが、勉強が理解できないまま学年があがってしまうことになります。子どもの勉強は毎日の積み重ねが大切です。一時帰国などで長い間学校を休むことは子どもの勉強に影響します。できるだけ子どもが続けて勉強できる環境にしましょう。

4. 宿題はとても大切です。

日本の中学校ではほとんど毎日宿題があります。日本語が分からなくてできないからといって何もしないのはよくありません。先生に相談して、できる宿題に変えてもらうこともできます。



※先生方へ※

子どもの成績を少しでも上げるために、子どものレベルに合わせた、できる宿題を準備してあげましょう。

日本語が十分に身につけていない子どもにとって、日本人の子どもが勉強する内容と日本語の勉強の両方が必要です。とても大変なことですが、日本人の子ども以上に努力しなければいけません。中学校の授業だけでは十分ではありません。家庭で宿題などの勉強をすることはとても大切なことです。家の手伝いや弟や妹の世話も大切ですが、子どもが家庭で勉強できる時間や場所を作りましょう。

※ Cách đánh dấu câu trả lời trong bài kiểm tra

Ở Nhật, câu trả lời đúng đánh dấu ○, câu trả lời sai đánh dấu × hoặc ✓.

3. Thành tích học tập

Giáo viên chủ nhiệm thông báo cho phụ huynh thông qua sổ thông báo (tsuuchiyou) vào cuối mỗi kỳ học về thành tích học tập ở trường (kết quả học tập của các môn học) và các hoạt động sinh hoạt ở trường của học sinh... Tên gọi, hình thức và cách viết của sổ thông báo khác nhau tùy theo từng trường. Thành tích học tập được đánh giá theo các mức 「1~5」 (5 là mức đánh giá cao nhất). Thành tích học tập không chỉ được quyết định bằng điểm số của bài kiểm tra. Thái độ học tập trong giờ học và bài tập cần nộp quy định cũng ảnh hưởng đến thành tích học tập. Nếu kết quả bài kiểm tra không tốt nhưng học sinh có thái độ tích cực trong học tập và nộp bài tập đầy đủ thì thành tích sẽ không quá xấu. Học sinh được đánh giá cao thì sẽ có thêm động lực. Sau khi nhận được sổ thông báo vào cuối mỗi kỳ học, phụ huynh nên xem cùng với con mình, khen ngợi sự cố gắng của con mình và cùng con mình lập mục tiêu cho kỳ học tiếp theo.

Hầu hết các trường đều sử dụng một quyển sổ thông báo trong suốt một năm. Do đó, phụ huynh và học sinh cần giữ gìn cẩn thận để không làm bẩn hoặc làm mất, và nhớ mang đến trường khi bắt đầu kỳ học tiếp theo. Trong sổ thông báo, có phần phụ huynh đóng dấu để giáo viên có thể biết được là phụ huynh đã xem. Phụ huynh cần nhớ đóng dấu vào sổ thông báo.

Phụ huynh cần hỏi lại giáo viên nếu không biết cách xem hoặc không hiểu nội dung của sổ thông báo.

※ Trường trung học cơ sở của Nhật hầu như không có chế độ học lại nếu thành tích kém. Ngoài ra, cũng không có chế độ nhảy lớp nếu thành tích cao. Học sinh sẽ lên lớp theo độ tuổi. Chế độ này cũng có mặt tốt, tuy nhiên có trường hợp học sinh không hiểu bài mà vẫn được lên lớp. Tích lũy kiến thức hàng ngày rất quan trọng. Nếu học sinh nghỉ học thời gian dài vì lý do như về nước chơi... thì sẽ ảnh hưởng đến việc học tập. Phụ huynh cần cố gắng tạo môi trường tốt để con mình có thể học liên tục.

4. Bài tập về nhà rất quan trọng

Ở trường trung học cơ sở của Nhật, hầu hết ngày nào cũng có bài tập về nhà. Nếu học sinh không làm được do không hiểu tiếng Nhật thì sẽ không được đánh giá tốt. Học sinh có thể trao đổi với giáo viên để giáo viên thay đổi sang bài tập mà học sinh có thể làm được.



Đối với những học sinh chưa giỏi tiếng Nhật lắm, ngoài nội dung mà học sinh người Nhật học, học sinh đó sẽ phải học thêm tiếng Nhật. Mặc dù sẽ vất vả nhưng những học sinh này phải nỗ lực rất nhiều so với học sinh người Nhật. Nếu chỉ học ở trường thì sẽ không đủ. Học ở nhà, làm bài tập về nhà, rất quan trọng. Giúp bố mẹ làm việc nhà hay chăm sóc em gái, em trai cũng rất quan trọng, nhưng phụ huynh cũng cần đảm bảo thời gian và địa điểm để con mình có thể học ở nhà.

服装・身だしなみ

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 中学校での服装

中学生は、中学校に私服を着て行くことはありません。それぞれの学校で決まっている制服、カバン、体操服があります。中学生はそれらを身につけて、学校生活を送ります。

保護者は子どもが中学校に入学する前に、制服、カバン、体操服など用意する必要があります。学校が指定するものを用意しなくてははいけません。これらの購入については入学前に中学校から案内があります。どこで、どうやって用意するのか、案内をみてきちんと確認しましょう。安いものではありません。日ごろから貯金を心がけましょう。

きょうだいが使っていたものをもらってもいいですし、中学校を卒業して必要なくなった知り合いがいたら、その方にもらってもいいですね。また、地域によっては学校でバザーをひらいていて、そこで他の人が使わなくなった制服を安く買うこともできます。

2. どんな服装？

制服	夏服		中学生は登下校・授業中などの時間、ほぼ制服を着て過ごします。制服にはセーラー服、学生服、ブレザーなど、いろいろな種類があります。またそれぞれの種類の中でも少しずつデザインが違います。子どもが通う中学校の制服がどんなデザインか確認をしましょう。中学生は成長する時期です。特に男子はみんな大きめのサイズを買っています。
	冬服		また、制服には夏服と冬服があります。夏服は5月ごろから10月ごろまで、冬服は10月ごろから5月ごろまで使用します。冬服と夏服の変わり目には一週間ほどどちらの服を着てもいい期間があります。

Trang phục và diện mạo

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

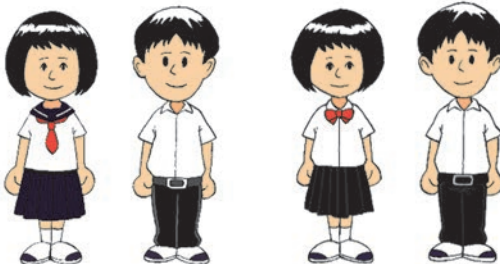
1. Trang phục ở trường trung học cơ sở

Học sinh trung học cơ sở không mặc quần áo tự do khi đến trường. Mỗi trường có quy định riêng về đồng phục (seifuku), cặp sách, quần áo thể dục. Học sinh sẽ mặc đồ do nhà trường quy định khi ở trường.

Phụ huynh cần chuẩn bị cho trẻ đồng phục, cặp sách, quần áo thể dục... trước khi nhập học. Phụ huynh phải chuẩn bị những đồ dùng do nhà trường quy định. Nhà trường sẽ hướng dẫn về việc mua đồ dùng trường ngày nhập học. Phụ huynh cần xem hướng dẫn và xác nhận rõ xem mua ở đâu và mua như thế nào. Những đồ dùng cần mua không rẻ. Phụ huynh cần tiết kiệm tiền hàng ngày.

Phụ huynh có thể cho trẻ sử dụng đồ dùng của anh chị em trong gia đình, hoặc xin đồ dùng từ người quen đã tốt nghiệp và không sử dụng đến nữa. Ngoài ra, tùy từng khu vực, ở trường còn có chợ bán đồ cũ, phụ huynh có thể mua quần áo mà người khác không sử dụng nữa với giá rẻ.

2. Trang phục như thế nào?

Đồng phục	Đồng phục mùa hè	 Áo thủy thủ và áo sơ mi Áo vest	Học sinh trung học cơ sở thường mặc đồng phục trên đường đến trường, trên đường về nhà và trong giờ học. Có rất nhiều loại đồng phục như áo thủy thủ, quần áo học sinh, áo vest. Ngoài ra, mỗi loại cũng có thiết kế khác nhau một chút. Phụ huynh cần xác nhận xem đồng phục của trường con mình học có thiết kế như thế nào. Học sinh trung học cơ sở đang trong giai đoạn phát triển. Đặc biệt, học sinh nam thường mua quần áo có kích cỡ hơi to một chút. Ngoài ra còn có đồng phục mùa hè và đồng phục mùa đông. Đồng phục mùa hè mặc từ khoảng tháng 5 đến khoảng tháng 10, đồng phục mùa đông mặc từ khoảng tháng 10 đến khoảng tháng 5. Thời điểm thay đổi giữa đồng phục mùa đông và đồng phục mùa hè là khoảng một tuần, học sinh có thể mặc một trong hai loại trong khoảng thời gian này.
	Đồng phục mùa đông	 Áo thủy thủ và quần áo học sinh Áo vest	

カバン			きょうかしょ ひっきようぐ など、その日に 必要(ひつよう)なものを入れて登下校(とうげこう)します。 学校指定(がっこうしてい)のものを使うことが多い です。学校によって指定(してい)しているカ バンが違います。確認(かくにん)しましょう。 またカバンにもものが入りきらない ときは、サブバッグを使用(しよう)するこ とがあります。サブバッグも学校指定 (がっこうしてい)の場合が多いです。こちらも確認 (かくにん)を しましょう。
体操服 たいそうふく	体操服 たいそうふく	 体操服 ジャージ	体育(たいいく)の時間(じかん)には体操服(たいそうふく)を着(き)ます。 冬季(とうき)はジャージを着(き)ることもできま す。体操服(たいそうふく)、ジャージには誰(だれ)のものか わかるように、名前(なまえ)の刺しゅうやゼ ッケン(ひつよう)が必要(ひつよう)です。 また授業(じゅぎょう)中(ちゅう)や部活動登校時(ぶかつどうとうこうじ)、ジ ャージの着用(ちやくよう)を許可(きょか)している中学 校(ちゅうがっこう)もあります。
	ブレンド ウィンド カー		冬の寒い時期(ふゆ さむい じき)は、学校指定(がっこうしてい)、もしくは 部活動(ぶかつどう)で使用するウィンドブレ ーカーの着用(ちやくよう)を許可(きょか)している中学校 校(ちゅうがっこう)もあります。
くつ	屋外 おくがい		白いスニーカーを指定(してい)されることが 多いです。登下校時(とうげこうじ)、体育(たいいく)の時間(じかん) にはきます。 見えるところに名前(なまえ)を書(か)きましょ う。
	屋内 おくない		屋内用(おくないよう)の上履(うわば)き、体育館用(たいいくかんよう)の 体育館シューズなど各学校で指定(してい)が あります。子どもの学校(がっこう)がどのよう なくつを指定(してい)しているか確認(かくにん)しまし よう。
	体育館 たいいくかん		見えるところに名前(なまえ)を書(か)きましょ う。
	靴下 くつした		白い靴下(くつした)を指定(してい)している中学校 校(ちゅうがっこう)が多いです。ワンポイントを許可(きょか) している学校(がっこう)もあります。また、冬季(とうき)は 女子(じょし)の黒タイツ着用(ちやくよう)を許可(きょか)してい る中学校(ちゅうがっこう)もあります。

Cặp sách			Cặp sách để những đồ dùng cần thiết như sách giáo khoa, dụng cụ ghi chép... và mang đến trường. Học sinh thường sử dụng cặp sách do nhà trường quy định. Mỗi trường có quy định khác nhau về loại cặp sách. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường. Ngoài ra, nếu không để được hết đồ vào trong cặp sách, học sinh có thể sử dụng túi phụ trợ. Nhiều trường cũng có quy định đối với túi phụ trợ này. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường.
Quần áo thể dục	Quần áo thể dục	 Quần áo thể dục Quần áo thun	Học sinh mặc quần áo thể dục trong giờ học giáo dục thể chất. Học sinh có thể mặc quần áo thun vào mùa đông. Quần áo thể dục và quần áo thun cần thêu tên hoặc viết số để có thể phân biệt được với đồ của người khác. Ngoài ra, một số trường cho phép mặc quần áo thun trong giờ học hoặc khi đến trường tham gia hoạt động câu lạc bộ.
	Áo gió		Một số trường cho phép học sinh mặc áo gió do nhà trường quy định hoặc áo gió sử dụng khi hoạt động câu lạc bộ trong những ngày mùa đông lạnh.
Giày	Ngoài trời		Nhiều trường quy định giày thể thao màu trắng khi đến trường và trong giờ học giáo dục thể chất. Cần viết tên vào vị trí có thể nhìn thấy trên giày.
	Trong nhà		Mỗi trường có quy định khác nhau về giày đi trong nhà, giày đi trong nhà thể chất. Phụ huynh cần xác nhận xem trường con mình học quy định như thế nào. Viết tên vào vị trí có thể nhìn thấy trên giày.
	Nhà thể chất		Nhiều trường quy định tất màu trắng. Một số trường cho phép sử dụng tất có chi tiết thêu nhỏ. Ngoài ra, một số trường cũng cho phép học sinh nữ sử dụng tất quần màu đen vào mùa đông.
	Tất		

3. 髪かみの毛け

男子女子共通 だんしじょしきょうつう	
・脱色 だっしょく 、染髪 せんぱつ 、剃りこみ そ 、パーマなど は はしない。 ・ワックス、ヘアスプレー、ムースなど を をつけない。	
男子 だんし	女子 じょし
・横髪 よこがみ は耳 みみ にかからない長さ なが にする。 ・後ろ髪 うし がみ えり は襟 なが にかからない長さ なが にする。	・髪 かみ が肩 かた にかかるときはヘアゴム むす で結ぶ。 ・ヘアゴムとヘアピンは黒 くろ か紺 こん か茶 ちゃ 。 ・カラフルなものやヘアアクセサリー つか は使 つか わない。

4. 寒さむいときには・・・

冬ふゆの間あいだ、学校内がっこうないは寒さむいことが多いです。各学校おおによって許可かくがっこうされている防寒具きょかは違ちがいます。
子どもこの中学校ちゅうがっこうが何なにを許可きょかしていて、何なにを禁止きんししているのか確認かくにんしましょう。



チェック		チェック		チェック	
	セーター せいふく （制服 した の下 ちやくよう に着用）		タイツ じょし （女子）		マフラー ネックウォーマー
	手袋 てぶくろ		コート くら （暗め いろ の色）		使い捨て つかす カイロ

5. 清潔せいけつにしよう！

冬ふゆの制服せいふくは簡単かんたんに洗あらえるものではありません（最近さいきんは洗あらえるタイプせいけつのものもあります）。清潔せいけつさを保たもつため、制服せいふくの下したには下着したぎを身みにつけましょう。

また、子どもが身こにつけた下着み、靴下したぎ、体操服くつした、夏なつの制服せいふくなどは毎日まいにち洗あらいましょう。中学生ちゅうがくせいの体からだは成長期せいちょうきにあり、大人おとなに近づちかいてきています。汗あせからにおいがしてくることもあります。に

においがすると、子どもこの人間関係にんげんかんけいにまで影えい響きようが及およぶかもしれません。
清潔せいけつなものを身みにつけて、子どもが気持ちよく学校生活がっこうせいかつを送おくれるようにしましょう。

6. よくある質問しつもん

① 香水かうすいを学校がっこうにつけてきてはいけません。どうして？

→ 日本にほんの子どもは香水かうすいをつける習慣しゅうかんがありません。中学校ちゅうがっこうに香水かうすいをつけていくと、それいがいい香りかおでも「くさい」と言いわれてしまうかもしれません。

またお風呂ふろに毎日まいにち入はいらないため、子どもからにおいがきて、香水かうすいをつけさせることこがあるかもしれません。しかし、日本にほんの気候きこうは気温きおんも湿度しつども高たかく汗あせをかきやすいです。毎日まいにち汚よごれや汗あせをきちんとお落おとして、香水かうすいを使つかわないようにしましょう。

3. Quy định về tóc

Quy định chung cho học sinh nam và học sinh nữ	
- Không tẩy màu tóc, nhuộm tóc, cạo tóc, làm tóc xoắn... - Không sử dụng sáp vuốt tóc, keo xịt tóc, bột tạo kiểu tóc	
Học sinh nam	Học sinh nữ
- Phần tóc hai bên có độ dài không chạm vào tai. - Phần tóc phía sau có độ dài không chạm vào cổ áo.	- Nếu tóc dài ngang vai thì buộc bằng dây buộc tóc. - Màu của dây buộc tóc và kẹp tóc là màu đen, màu xanh đậm hoặc màu nâu. - Không sử dụng đồ có màu sắc sặc sỡ hoặc phụ kiện tóc.

4. Khi trời lạnh...

Vào mùa đông, trong trường thường lạnh. Đồ dùng chống lạnh được phép sử dụng khác nhau tùy theo từng trường. Phụ huynh cần xác nhận xem trường con mình đang học cho phép sử dụng đồ dùng gì và cấm sử dụng đồ gì.



Xác nhận		Xác nhận		Xác nhận	
	Áo len (mặc trong đồng phục)		Tất quần (học sinh nữ)		Khăn quàng cổ Khăn ống
	Găng tay		Áo khoác (màu tối)		Miếng dán giữ nhiệt dùng một lần

5. Giữ vệ sinh sạch sẽ!

Đồng phục mùa đông thường khó giặt (gần đây cũng có loại có thể giặt được một cách dễ dàng). Học sinh nên mặc đồ lót bên trong đồng phục để giữ đồng phục sạch sẽ.

Ngoài ra, phụ huynh nên giặt hàng ngày những đồ mà trẻ mặc như đồ lót, tất, quần áo thể dục, đồng phục mùa hè... Cơ thể của học sinh trung học cơ sở đang trong giai đoạn trưởng thành và sắp trở thành người lớn. Mùi mồ hôi có thể bốc ra từ cơ thể. Nếu cơ thể có mùi mồ hôi thì có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ trong xã hội của trẻ.

Phụ huynh cần cho trẻ mặc quần áo sạch sẽ để trẻ có cuộc sống sinh hoạt ở trường thật thoải mái.

6. Các câu hỏi thường gặp

① Tại sao học sinh không được sử dụng nước hoa khi đến trường?

→ Học sinh ở Nhật không có thói quen sử dụng nước hoa. Dù học sinh sử dụng nước hoa có mùi thơm thì cũng có thể người xung quanh sẽ thấy mùi khó chịu.

Ngoài ra, có thể sẽ có phụ huynh cho trẻ sử dụng nước hoa vì trẻ có mùi khó chịu do không tắm hàng ngày. Tuy nhiên, nhiệt độ và độ ẩm ở Nhật khá cao nên cơ thể rất dễ ra mồ hôi. Vì vậy, phụ huynh cần cho trẻ tắm sạch sẽ hàng ngày và không cho trẻ sử dụng nước hoa.

② **ピアスやネックレスなど、アクセサリーをつけて行きたいんだけど…？**

→ 日本では、中学校にアクセサリーをつけていきません。中学校の基本的な考え方としては「学校生活に必要なものを持ってこない」です。子どもがアクセサリーを身につけたまま登校すると、学校の先生に没収されてしまう可能性があります。子どもが悲しい思いをしないためにも身につけさせずに登校させましょう。

③ **どうして髪を染めたり、お化粧をしたりしちゃいけないの？**

→ 他の国では中学生が髪を染めたり、お化粧をしたりして、おしゃれをするのはよくあることかもしれませんが、日本の中学校では許されていません。髪を染めたり、お化粧をしたりしていると、ルールを守らない子だと思われてしまいます。日本の中学校にも髪を染めたり、化粧をしたりしている子どももまれにいますが、それはルールを守っていない子どもたちです。真似をしないでルールを守るようにしましょう。

また、日本人の子どもはほとんどが黒髪なので、茶髪や金髪だと目立ってしまいます。生まれつき茶髪や金髪の場合は黒色に染める必要はありません。先生に伝えておくといいでしょう。

② **Tại sao học sinh không được đeo đồ trang sức như hoa tai hay vòng cổ đến trường?**

→ Ở Nhật, học sinh không được phép đeo đồ trang sức đến trường. Quan niệm cơ bản của trường trung học cơ sở là “Học sinh không mang đồ dùng không cần thiết đến trường”. Nếu học sinh đeo đồ trang sức đến trường thì có khả năng bị giáo viên nhà trường thu lại. Do đó, phụ huynh không nên cho trẻ đeo đồ trang sức đến trường để trẻ không có những kỷ niệm buồn.

③ **Tại sao học sinh không được nhuộm tóc hay trang điểm?**

→ Ở các nước khác, học sinh trung học cơ sở có thể nhuộm tóc, trang điểm hay làm điệu, nhưng ở trường trung học cơ sở của Nhật bị cấm. Nếu học sinh nhuộm tóc hay trang điểm thì người xung quanh sẽ nghĩ học sinh đó là đứa trẻ không tuân thủ quy định. Ở trường trung học cơ sở của Nhật, đôi khi cũng có những học sinh nhuộm tóc hay trang điểm, đó đều là những học sinh không tuân thủ quy định. Học sinh không nên bắt chước và cần tuân thủ quy định.

Ngoài ra, hầu hết trẻ em người Nhật đều tóc đen nên trẻ em có tóc nâu hay tóc vàng sẽ rất nổi bật. Nếu trẻ có màu tóc nâu hay màu tóc vàng tự nhiên thì không cần nhuộm màu đen. Phụ huynh nên nói chuyện trước với giáo viên về vấn đề này.

ちゅうがっこう ひつよう 中 学校で必要なもの

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

中 学校に入 学するときには、たくさん^{たくさん}のものを^{じゅんび}準備します。中 学校によって、学校で使うものにはそれぞれ細^{こま}かいルールがあったり（靴^{くつ}の色^{いろ}など）、学校が決め^{きめ}たお店でなければ購 入^{こうにゅう}できないものがあったりする^{ゆる}ので、しっかり確認^{かくにん}して準備^{じゅんび}するようにしましょう。もちろんルールで許^{ゆる}されているものであれば、文房具^{ぶんぼうぐ}や運動靴^{うんどうくつ}など小 学校のときに使用^{しようがっこう}していたものを続^{つづ}けて使うことはできます。また、制服^{せいふく}やバッグなどは、知り合^{しあ}いや地^ち域^{いき}の方^{かた}からもら^らえる場合^{ばあい}もあるので、必要^{ひつよう}な場合は相^{さう}談^{だん}してみま^みしょう。（p.31「服装・身^みだしなみ」のページを見^みてください）

とても たいせつ

すべてのものに、子^こどもの名^な前^{まえ}を書^かきましょう。

日本^{にほん}の中 学校では、制服^{せいふく}や体^{たい}操^{そう}服^{ふく}など、全^{ぜん}員^{いん}が同^{おな}じ形^{かたち}のものを使用^{しよう}する場^ば合^{あい}が多^{おお}いです。着替^きえ中^{ちゅう}に他^{ほか}の生徒^{せいと}のもの^まと混^まざってしま^まったり、落^おとしたりしたとき^{とき}に、名^な前^{まえ}が書^かいてあ^あれば自^じ分^{ぶん}の^もとこ^とろに^も戻^もってき^きます。名^な前^{まえ}を書^かく場^ば合^{あい}、学^が校^{がっこう}によ^よって書^かく場^ば所^{しょ}や大^{おお}きさなど決^きまりがあ^あるこ^ことが^ありま^ます。し^しっか^かり確^{かく}認^{にん}してか^から書^かくよ^ようにしま^ましょう。また、誰^{だれ}かか^からも^もら^らったもの^{もの}を^{つか}う場^ば合^{あい}、前^{まえ}の^{ひと}の^な名^な前^{まえ}を^け消^こして子^こども^なの名^な前^{まえ}を書^かきま^ましょう。

も 持^もってき^きては^いけ^けないもの

外国^{がいこく}では許^{ゆる}されてい^いても、日本^{にほん}の中 学校では絶^ぜ対^{たい}に持^もってき^きては^いけ^けないもの^{もの}があ^あるので、気^きをつ^つけま^ましょう。

【例】

- ・アクセサリ^{るい}類^{るい}（ピアス^{ピアス}、指^{ゆび}輪^わ、ネ^ネック^{レス}レス^{など}など）
- ・お菓^{かし}子^{るい}類^{るい}（ガム^{ガム}、ビス^{ビス}ケ^{ケット}ット^{など}、キャン^{キャン}ディ^{など}など）

日本^{にほん}の中 学校では休^{やす}み時^じ間^{かん}にお^おや^やつ^つを^た食^くべ^べるこ^ことは^はでき^きま^ません。

- ・お^{かね}金^金
日本^{にほん}の中 学校にはお菓^{かし}子^{るい}やジュー^{ジュ}ース^スを^か買^かうこ^この^{ばい}て^んん^んの^がこ^この^がえ^えみ^みち^ちに
お^みせ^せに^よ寄^よっ^て、お菓^{かし}子^{るい}やジュー^{ジュ}ース^スを^か買^かうこ^ことも^もい^いけ^けま^ません。

- ・携^{けい}帯^{たい}電^{でん}話^わ
- ・カ^{るい}ー^{るい}ド^ド類^{るい}
- ・ゲ^きー^きム^ム機^き

Đồ dùng cần thiết

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Phụ huynh phải chuẩn bị cho trẻ nhiều đồ dùng khi trẻ bắt đầu vào trường trung học cơ sở. Mỗi trường có quy định cụ thể riêng đối với đồ dùng sử dụng ở trường (như màu giấy...), hoặc có những đồ chỉ có thể mua ở cửa hàng do nhà trường quy định. Vì vậy, phụ huynh cần xác nhận rõ với nhà trường để có thể chuẩn bị đầy đủ. Nếu quy định cho phép thì học sinh có thể sử dụng lại những đồ dùng đã sử dụng ở trường tiểu học như dụng cụ học tập hay giấy thể thao. Ngoài ra, đối với đồng phục (seifuku) hay cặp sách, học sinh có thể xin từ người quen hay người sống cùng khu vực nên hãy hỏi xung quanh nếu thấy cần thiết. (Tham khảo nội dung “Trang phục và diện mạo” ở trang 32).

Rất quan trọng

Ghi tên trẻ vào tất cả đồ dùng.

Ở hầu hết các trường trung học cơ sở của Nhật, tất cả học sinh đều sử dụng đồ giống nhau như đồng phục hay quần áo thể dục... Khi lẫn đồ với học sinh khác lúc thay quần áo hay khi làm rơi, nếu có ghi tên thì sẽ nhận lại được đồ của mình. Một số trường còn có quy định khi viết tên như vị trí viết tên hay cỡ chữ... Phụ huynh cần xác nhận rõ để viết tên vào đồ dùng cho con mình. Ngoài ra, đối với đồ dùng nhận từ người khác, phụ huynh có thể xóa tên của người sử dụng trước, sau đó viết tên trẻ lên.

Đồ vật không được mang đến trường

Phụ huynh và học sinh cần lưu ý vì có những đồ vật được phép mang đến trường ở các quốc gia khác nhưng tuyệt đối không được phép mang đến trường của Nhật.

【Ví dụ】

- Đồ trang sức (hoa tai, nhẫn, vòng cổ...)
- Bánh kẹo (kẹo cao su, bánh quy, kẹo viên...)

Trường trung học cơ sở của Nhật không cho phép học sinh ăn vặt trong giờ nghỉ giải lao.

- Tiền

Trong trường trung học cơ sở của Nhật không có cửa hàng bán bánh kẹo hay nước hoa quả. Học sinh cũng không được phép vào cửa hàng để mua bánh kẹo hay nước hoa quả trên đường từ trường về nhà.

- Điện thoại di động
- Các loại thẻ
- Máy chơi điện tử

中学校で必要なもの

こうにゅう いちれい
購入するものの一例

ここに挙げているのは、一般的な例です。中学校によって違いますので、必ず子どもが通う中学校で必要なものを確認しましょう。※教科書は無償で配布されます。

(1) 服装など (p.31「服装・身だしなみ」のページを見てください)

中学校によって、決められたルールがあったり、学校が決めたお店でなければ買えないものがあったりするので、しっかり確認して準備するようにしましょう。制服や体操服などは、中学校にお店が来てくれる「一斉販売日」がある場合もあります。

制服	- 男女で違います。 - 夏服と冬服があります。
体操服	- 長袖、半そで、ジャージ、ハーフパンツ、クォーターパンツなど - 洗濯することを考えて、2着以上ずつ購入することが多いです(体育大会の練習時などは、毎日体操服を使用することがあります)。
靴下	- 基本白色のものが指定されていることが多いです。 - 靴下のラインやワンポイントは許可をしている中学校もあります。
履物	- 屋内用の上履き、体育館シューズ、通学用運動靴など - 体育館シューズを入れる袋も必要な場合があります。
かばん	通学用かばん、サブバッグ(ナップサックなど)

※この他、部活動でもユニフォームやシューズを購入する必要があります。(p.67「部活動」のページを見てください)



ひっきようぐ
(2) 筆記用具

筆箱	必要な筆記用具が入るサイズを準備しましょう。
鉛筆・赤ペン シャープペンシル	芯の濃さは、HB・Bくらいがよく使われます。シャープペンシルが禁止されている学校もあります。赤ペンは丸つけのために使います。
消しゴム	学習用のよく消えるものを選びましょう
定規	真っすぐに線を引くときに使います。筆箱に入るサイズのものが一本あると便利です。

Một số ví dụ về đồ dùng cần mua

Các đồ dùng dưới đây là một số ví dụ chung. Đồ dùng cần mua sẽ khác nhau tùy theo từng trường nên phụ huynh cần xác nhận với trường mà trẻ học về đồ dùng cần thiết. ※ Sách giáo khoa được phát miễn phí.

(1) Trang phục (Tham khảo nội dung “Trang phục và diện mạo” ở trang 32)

Mỗi trường có những quy định riêng về đồng phục, có những loại đồng phục chỉ có thể mua được ở cửa hàng do nhà trường quy định. Do đó, phụ huynh cần xác nhận rõ để có thể chuẩn bị đầy đủ. Đối với đồng phục và quần áo thể dục, một số trường có “Ngày bán hàng đồng loạt”, là ngày mà cửa hàng sẽ đến trường để bán hàng.

Đồng phục	- Học sinh nam và học sinh nữ khác nhau. - Có đồng phục mùa hè và đồng phục mùa đông.
Quần áo thể dục	- Áo dài tay, áo ngắn tay, quần áo thun, quần lửng, quần đùi... - Hầu hết phụ huynh đều mua cho trẻ từ 2 bộ trở lên vì còn phải giặt giũ. (Trong thời gian luyện tập cho ngày hội thể thao, học sinh có thể phải mặc quần áo thể dục hàng ngày).
Tất	- Nhiều trường quy định tất màu trắng. - Một số trường cho phép tất có đường kẻ hoặc tất có chi tiết thêu nhỏ.
Giày dép	- Giày vải đi trong nhà, giày đi trong nhà thể chất, giày thể thao dùng khi đến trường và về nhà... - Một số trường yêu cầu chuẩn bị túi để đựng giày đi trong nhà thể chất.
Cặp sách	Cặp sách đi học, túi phụ trợ (như balo...)

※ Ngoài ra, học sinh cần phải mua đồng phục và giày dùng cho hoạt động câu lạc bộ. (Tham khảo nội dung “Hoạt động câu lạc bộ” ở trang 68).



(2) Dụng cụ ghi chép

Hộp bút	Chuẩn bị hộp bút với độ lớn có thể đựng được dụng cụ ghi chép cần thiết.
Bút chì, bút đỏ, bút chì kim	Thường sử dụng bút chì với độ đậm của ngòi bút khoảng HB hoặc B. Một số trường cấm sử dụng bút chì kim. Bút đỏ dùng khi khoanh tròn.
Tẩy	Lựa chọn đồ có chất lượng tốt dùng trong học tập.
Thước kẻ	Sử dụng khi cần kẻ đường thẳng. Nếu có một chiếc thước có độ dài vừa với hộp bút thì rất tiện.

中学校で必要なもの

下敷き	・ノートに字を書くときに使います。紙の下に敷くことで書きやすくなり、ノートをきれいに使えます。
ノート	・各教科のノートを購入します。学年のはじめだけ学校で一括注文する場合があります。



(3)給食 ※地域や中学校によって必要なものは違います。

はし	・ケース付きのものを100円均一のお店でも購入することができます。
マスク	・準備をするときに使います。唾液が飛び、給食に入るのを防ぎます。
ナプキン	・机の上に敷き、机が食べ物で汚れるのを防ぎます。

★給食で使うものは、毎日持ち帰り、きれいに洗って翌日持っていきます。ナプキン、マスクは2、3枚準備しておくといいですね。

(4)その他

自転車 自転車通学の場合、中学校のルールにあった自転車の購入が必要です。中学校によって決められたルールがあるので確認しましょう。(p.45「登下校」のページを見てください)	ヘルメット 自転車に乗るときに着用します。無償で配布する中学校もあります。	雨ガッパ 自転車に通学するときには、安全のため、傘ではなくカッパを着用します。セパレートタイプを指定されることが多いです。
--	---	---

Giấy lót	Sử dụng khi viết chữ lên vở. Nếu lót giấy này xuống dưới giấy, học sinh có thể viết dễ dàng hơn và giữ cho vở luôn sạch sẽ.
Vở	Mỗi môn học cần một quyển vở. Ở một số trường, phụ huynh đặt mua tất cả ở trường vào đầu năm học.



(3) Bữa trưa ở trường ※ Đồ dùng cần thiết khác nhau tùy theo từng khu vực và trường học

Đũa	Phụ huynh có thể mua đũa có kèm hộp đựng đũa ở cửa hàng 100 yên.
Khẩu trang	Sử dụng khi chuẩn bị bữa trưa để tránh nước bọt bắn vào đồ ăn.
Khăn trải bàn	Trải lên trên bàn ăn để tránh thức ăn làm bẩn bàn.

★ Học sinh phải mang những đồ sử dụng trong bữa trưa ở trường về nhà hàng ngày, giặt sạch sẽ và mang đến trường vào ngày hôm sau. Phụ huynh nên chuẩn bị cho trẻ 2 hoặc 3 chiếc khẩu trang và khăn trải bàn.

(4) Những đồ dùng khác

Xe đạp  Nếu trẻ đi học bằng xe đạp, phụ huynh cần mua cho trẻ loại xe theo quy định của nhà trường. Mỗi trường có quy định khác nhau nên phụ huynh cần xác nhận với giáo viên. (Tham khảo nội dung “Đến trường và tan trường” ở trang 46).	Mũ bảo hiểm  Học sinh phải đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp. Một số trường phát miễn phí mũ bảo hiểm cho học sinh.	Quần áo mưa  Khi đi học bằng xe đạp, học sinh không nên sử dụng ô mà nên mặc quần áo mưa để đảm bảo an toàn. Nhiều trường quy định loại quần áo mưa với quần và áo riêng biệt.
--	---	--

とうげこう 登下校

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. とうげこう 登下校について

中学校では、家から学校までの通学する道（通学路）が決まっていることがあります。通学路は「車が少ない」「歩道がある」など、できるだけ安全な道が選ばれています。また繁華街などを避けた道が選ばれます。学校が決めた通学路を通して、登下校しましょう。

中学校は小学校と違って通学班などはありません。家が近くの友だちと声をかけ合って、一緒に登校しましょう。

2. じてんしゃつうがく 自転車通学

家から学校まで遠い場合、自転車での通学が許可されることがあります。自転車通学をするためには、たくさんあるルールを確認し、それに従わなくてはなりません。自転車通学で万が一事故が起こったときのために、日本スポーツ振興センターなど中学校から紹介される保険に加入しておくといいでしょう。やすいお金で入ることができます。

<自転車通学のためのルール>

○学校側が自転車通学を許可しているエリアに住んでいる。

※許可エリア以外でも、けがや身体的な理由で自転車通学が許可されることがあります。

※許可エリア以外でも、部活動の練習試合、高校入試などで自転車通学が許可されることがあります。

○自転車の整備を定期的に行う（ブレーキ、鍵、ベル、ライト、反射鏡など）。

○自転車に、学校で配られる（もしくは購入）ステッカーを貼る。

○乗車時にはヘルメットを着ける。

○雨の日は雨ガッパを着る（傘を使わない）。

<自転車通学のための自転車>

○派手な色、華美でないもの

○変形ハンドルでないもの

○変速ギアについていないもの

○落書きをしたりシールを貼ったりしていないもの

○スタンドは両足スタンドのもの（1本でないもの）

○シティサイクルタイプのもの（マウンテンバイクや、折り畳み自転車は不可）

○記名をする ○防犯登録してあるもの ○前かごのあるもの



Đến trường và tan trường

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Đến trường và tan trường

Trường trung học cơ sở quy định tuyến đường đi học từ nhà đến trường (tsuugakuro). Tuyến đường này được lựa chọn dựa trên tiêu chí an toàn như ít phương tiện giao thông hoặc có đường dành cho người đi bộ. Ngoài ra, tuyến đường còn tránh những khu phố tấp nập. Học sinh nên đến trường và về nhà theo tuyến đường do nhà trường quy định.

Khác với trường tiểu học, học sinh trường trung học cơ sở không đi học theo nhóm (tsuugakuhan). Học sinh nên đi học cùng với những người bạn sống gần nhà mình.

2. Đến trường bằng xe đạp

Nếu nhà của học sinh xa trường, nhà trường có thể cho phép học sinh đến trường bằng xe đạp. Để có thể đến trường bằng xe đạp, học sinh phải nắm rõ các quy định và phải tuân thủ những quy định đó. Để đề phòng trong trường hợp xảy ra tai nạn rủi ro khi đến trường bằng xe đạp, học sinh nên tham gia bảo hiểm được nhà trường giới thiệu như Trung tâm xúc tiến thể thao Nhật Bản (Nihon sport shinkou center). Học sinh có thể tham gia bảo hiểm với giá rẻ.

<Quy định khi đến trường bằng xe đạp>

- ☐ Sống trong khu vực được nhà trường cho phép đến trường bằng xe đạp.
 - ※ Học sinh sống ngoài khu vực được cho phép vẫn có thể được phép đến trường bằng xe đạp vì lý do bị thương hay những lý do về thể chất khác.
 - ※ Học sinh sống ngoài khu vực được cho phép vẫn có thể được phép đến trường bằng xe đạp vì lý do luyện tập thi đấu trong hoạt động câu lạc bộ hay trong kỳ thi vào trung học phổ thông.
- ☐ Thực hiện bảo trì xe đạp định kỳ (như phanh, chìa khóa, chuông, đèn, gương chiếu hậu...)
- ☐ Dán đề can được nhà trường phát (hoặc mua) vào xe đạp.
- ☐ Đội mũ bảo hiểm khi lái xe.
- ☐ Mặc áo mưa khi trời mưa (không sử dụng ô).

<Xe đạp sử dụng khi đến trường>

- ☐ Xe không có màu sắc sỡ, lòe loẹt
- ☐ Xe không uốn cong được tay lái
- ☐ Xe không có hộp số thay đổi tốc độ
- ☐ Xe không viết bậy hoặc dán đề can
- ☐ Xe có chân chống là hai chân (không phải loại một chân)
- ☐ Xe dùng để đi trong thành phố (không được sử dụng xe đạp leo núi, xe đạp dạng gấp...)
- ☐ Ghi tên vào xe
- ☐ Xe đã đăng ký chống trộm
- ☐ Xe có giỏ ở phía trước



3. 登下校時に気をつけること

- 交通ルールを守る。
- 通学路を通る。
- 遅刻をしないように登校する。
- 制服で登下校する。(部活動のために、再登校したり土日に登校したりする場合は、体操服、ジャージ登校が許可される中学校もある)
- 寄り道や買い食いをしない。
- 部活動で遅くなるときは、安全のため、できるだけ1人で帰らないようにする。

4. 日本の交通ルール

- 信号を守る。
- 原則、自転車は左側通行(例外もあります)。
- 徒歩通学も自転車通学も、道路上を横に広がって通らない。
- 自転車の二人乗りをしない。
- 交差点では一時停止をして、左右の安全確認をする。
- 自転車に乗るときは、傘をさしたり、携帯電話やスマートフォンを使ったり、イヤホンをつけたりしてはいけない。

3. Những điều cần lưu ý khi đến trường và về nhà

- ☐ Tuân thủ luật giao thông
- ☐ Sử dụng tuyến đường đi học quy định
- ☐ Không đến trường muộn
- ☐ Mặc đồng phục trên đường đến trường và về nhà (một số trường cho phép mặc quần áo thể dục, quần áo thun khi đến trường trong trường hợp đến trường sau kỳ nghỉ, đến trường vào thứ bảy, chủ nhật để tham gia hoạt động câu lạc bộ)
- ☐ Không rẽ ngang rẽ dọc hoặc mua đồ ăn.
- ☐ Nếu hoạt động câu lạc bộ kết thúc muộn, không nên về nhà một mình để đảm bảo an toàn.

4. Luật giao thông của Nhật Bản

- ☐ Chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông.
- ☐ Về nguyên tắc, xe đạp đi ở bên trái đường (có trường hợp ngoại lệ).
- ☐ Không dàn hàng ngang trên đường khi đi bộ hay đi bằng xe đạp.
- ☐ Không đi hai người khi đi xe đạp.
- ☐ Tại chỗ giao cắt, nên dừng xe lại và quan sát an toàn bên trái và bên phải.
- ☐ Khi lái xe, không được che ô, sử dụng điện thoại di động hay smart phone, đeo tai nghe.

ちゅうがっこう れんらく 中学校への連絡



でんわばんごう
(電話番号)



❖ かならず、保護者が電話をかけましょう ❖

1. 中学校へ連絡しましょう

中学校を休む・遅刻・早退するとき、また学校に伝えておきたいことがあるときは、必ず保護者が電話で学校に知らせましょう。

小学校のときは、通学班の友だちに伝えたいことを書いた連絡帳を渡し、届けてもらうことができたが、個人で登校する中学校ではそれは難しいです。

電話はその日の午前（時 分）までにかけましょう。

(注意) 日本では、雨がふる日、雪がふる日も中学校へ行きます。天気が悪いという理由では休みません。(※暴風警報などが発表されると、お休みになることがあります)
(p.59「休校」のページを見てください)

2. 中学校へ連絡する時

次のようなときには、必ず中学校に連絡します。

○欠席：子どもの体調が悪いときや、家庭の用事などで中学校をお休みするときに、なぜお休みするのかを伝えます。体育大会のように土曜日や日曜日に学校行事がある場合があります。土曜日、日曜日でも欠席連絡が必要です。

○遅刻：何らかの理由で学校に行くのが遅れる場合、遅れる理由と、学校に行く時間を伝えます。

○早退：子どもが学校から早く帰る必要がある場合、何時に誰が迎えに行くのかを伝えます。
通常、子どもだけで学校から早退することはできません。

※部活動を欠席、遅刻、早退するときや転居をするときも同じように連絡をしましょう。

体調が悪いときにお休みするのは悪いことではありません。しかし、日本の中学校では出席日数がとても大切です。高校進学にも影響をします。本当に休みが必要なとき以外に安易に休むことは避けましょう。

Liên lạc với nhà trường



(Số điện thoại)



❖ Phụ huynh phải gọi điện cho nhà trường ❖

1. Liên lạc với nhà trường

Trường hợp trẻ nghỉ học, đi muộn, về sớm, hay trường hợp muốn thông báo với nhà trường một vấn đề gì đó, phụ huynh cần liên lạc với nhà trường bằng điện thoại.

Ở trường tiểu học, phụ huynh có thể đưa sổ liên lạc có viết nội dung muốn truyền đạt cho bạn cùng nhóm đi học của trẻ và nhờ gửi giáo viên giúp. Tuy nhiên, ở trường trung học cơ sở, học sinh đi học theo từng cá nhân nên khó có thể sử dụng hình thức liên lạc này.

Phụ huynh cần gọi điện trước  (giờ phút) sáng ngày hôm đó.

(Lưu ý) Ở Nhật, học sinh đến trường cả ngày trời mưa và trời có tuyết. Học sinh sẽ không nghỉ học vì lý do thời tiết xấu. (※ Trường có thể đóng cửa nếu Cảnh báo siêu bão được công bố).

(Tham khảo nội dung “Trường học đóng cửa” ở trang 60)

2. Những trường hợp liên lạc với nhà trường

Phụ huynh cần liên lạc với nhà trường trong những trường hợp dưới đây.

- Nghỉ học: Khi sức khỏe của trẻ không tốt hoặc khi nghỉ học vì những lý do như có việc gia đình, phụ huynh cần thông báo lý do trẻ nghỉ học. Một số hoạt động của trường như ngày hội thể thao có thể được tổ chức vào thứ bảy hoặc chủ nhật. Dù thứ bảy hay chủ nhật thì phụ huynh cũng cần liên lạc với nhà trường nếu trẻ vắng mặt.
- Đi muộn: Nếu trẻ đến trường muộn vì một lý do nào đó, phụ huynh cần thông báo thời gian trẻ đến trường.
- Về sớm: Nếu trẻ cần về nhà sớm, phụ huynh cần thông báo thời gian đến trường đón và người đến đón trẻ. Thông thường, học sinh không được về sớm một mình.

※ Trường hợp trẻ nghỉ, đi muộn, về sớm khi tham gia hoạt động câu lạc bộ hay chuyển nhà thì phụ huynh cũng cần liên lạc với nhà trường.

Nghỉ học khi sức khỏe không tốt không phải là điều xấu. Tuy nhiên, ở trường trung học cơ sở của Nhật, việc điểm danh rất quan trọng. Điều này ảnh hưởng đến cả việc học tiếp lên trung học phổ thông. Học sinh không nên nghỉ học trừ trường hợp thực sự cần thiết.

3. 電話連絡

でんわ ちゅうがっこう れんらく はな かた しょうかい
電話で中学校に連絡をするときの話し方を紹介します。

〈欠席連絡〉



moshi moshi nen kumi no 父(chichi) desu. desu.
(子どものクラス) (子どものなまえ) [母(haha)]
kyouwa yasumi masu
きょうは、やすみ ます。」

※ に欠席理由を入れましょう。

• kaze • netsu • kega • ie no youji • fukutsuu
• かぜ • ねつ • けが • いえ の ようじ • ふくつう

〈遅刻連絡〉



moshi moshi nen kumi no 父(chichi) desu.
(子どものクラス) (子どものなまえ) [母(haha)]
kyouwa okure masu. 〇〇時〇〇分 に いきます。(じかん)
きょうは、おくれ ます。 〇〇時〇〇分 に いきます。(じかん)

※学校に行く時間を伝えましょう。

〈早退連絡〉



moshi moshi nen kumi no 父(chichi) desu.
(子どものクラス) (子どものなまえ) [母(haha)]
kyouwa soutai shimasu.
〇〇時〇〇分 に 〇〇〇〇が むかえに いきます。
(じかん) (むかえに いくひとの なまえ)

※何時に誰が迎えに行くか伝えましょう。

〈病気・けがの連絡〉

あさ こ ひょうじょう たいちょう み ちが ちゅうがっこう つた
朝、子どもの表情や体調を見て、いつもと違うことがあったら、中学校に伝えてお
きましょう。

〈例〉・いつもより元気がない • 下痢 • 咳がよくでる • けがをしている



moshi moshi nen kumi desu kodomo no genkiga arimasen.
(子どものクラス) (子どものなまえ)

※子どもの様子によっては、中学校を休ませましょう。

3. Liên lạc qua điện thoại

Dưới đây là giới thiệu về một số cách nói chuyện khi liên lạc với nhà trường qua điện thoại.

〈Liên lạc khi nghỉ học〉

moshi moshi nen kumi no desu
「もしもし。おねんくみ、○○○ ○○○の父(chichi)/ 母(haha)です。
[] です。
Alo. Tôi là bố/ mẹ của (tên học sinh) (lớp).

kyouwa yasumi masu
きょうは、やすみ ます。」
Hôm nay con xin phép nghỉ học.

※ Nêu lý do nghỉ học trong []
kaze netsu kega i e no youji fukutsuu
• かぜ (Bị cảm) • ねつ (Bị sốt) • けが (Bị thương) • いえ の ようじ (Việc gia đình) • ぶんづ (Đau bụng)

〈Liên lạc khi đi muộn〉

moshi moshi nen kumi no desu
「もしもし。おねんくみ、○○○ ○○○の父(chichi)/ 母(haha)です。
Alo. Tôi là bố/ mẹ của (tên học sinh) (lớp).

kyouwa okure masu ji fun ni ikimasu
きょうは、おくれ ます。 ○○時○○分 に いきます。」

Hôm nay con xin phép đến muộn. Con sẽ đến trường vào ~ giờ ~ phút.

※ Phụ huynh nên thông báo với nhà trường thời gian trễ đến trường.

〈Liên lạc khi về sớm〉

moshi moshi nen kumi no desu
「もしもし。おねんくみ、○○○ ○○○の父(chichi)/ 母(haha)です。
Alo. Tôi là bố/ mẹ của (tên học sinh) (lớp).

kyouwa sou tai shimasu
きょうは そうたい します。

Hôm nay con xin phép về sớm.

ji fun ni ga mukaeni ikimasu
○○時○○分 に ○○○○が むかえに いきます。」

(Tên người đến đón) sẽ đến đón con vào ~ giờ ~ phút.

※ Phụ huynh nên thông báo với nhà trường thời gian đến trường đón và người đến đón trẻ.

〈Liên lạc khi bị ốm hoặc bị thương〉

Buổi sáng khi đi học, nếu thấy biểu hiện và tình trạng sức khỏe của trẻ khác mọi ngày, phụ huynh cần thông báo với nhà trường.

<Ví dụ> • Không khỏe như mọi ngày • Đi ngoài • Ho • Bị thương

moshi moshi nen kumi no desu
「もしもし。おねんくみ、○○○ ○○○の父(chichi)/ 母(haha)です。
kodomo no genkiga arimasen
子どもの元気がありません。」

Alo. Tôi là bố/ mẹ của (tên học sinh) (lớp). Con không được khỏe.

※ Phụ huynh nên cho trẻ nghỉ học tùy theo tình trạng sức khỏe của trẻ.

Q&A よくある質問

○なぜ、休む日・遅刻する日に連絡するの？

子どもたちが、決まった時間までに中学校に来ないと、「家で病気やケガをしたのかな？」「来る途中で事故にあったのかな？」と先生たちは心配になります。「休みます」「遅れます」と連絡してもらえると、先生たちは安心です。かんたんな日本語で伝えられます。必ず連絡してくださいね。

○なぜ、早退する日に連絡が必要なの？

中学校の授業は子どもの在籍学級以外の場所で行われることもあるので、急に迎えに行っても、すぐに帰ることができません。また保護者以外の方が子どもを迎えに来て、子どもを帰すことはできません。何時に誰が迎えに行くのかを事前に伝えま

す。また子どもに伝えさせるのではなく、保護者から伝えるようにしましょう。

○なぜ、体調が悪い日に連絡が必要なの？

中学校に登校させてしまうと子ども自身が辛い思いをしてしまいます。また病気やけがが悪化することがあるかもしれません。

病院に連れて行く必要があるかどうかを相談するためにも、電話をかけてください。感染を防ぐために、休まなければならないことがあります。

(p.125「感染症」のページを見てください)

○なぜ、土曜日・日曜日に行事があるの？

平日(月曜日から金曜日)は仕事がある保護者に、行事を見に来てもらうためです。土曜日・日曜日でも、行事を休む日には、必ず連絡をしてくださいね。

Q&A Các câu hỏi thường gặp

○ Tại sao phải liên lạc với nhà trường khi nghỉ học hay đi muộn?

Bởi vì nếu học sinh không đến trường trước giờ quy định thì giáo viên sẽ lo lắng như “Học sinh có bị ốm hay bị thương ở nhà không nhỉ?” hay “Học sinh có bị tai nạn trên đường đến trường không nhỉ?”.

Nếu giáo viên nhận được thông báo học sinh nghỉ học hoặc đến muộn thì giáo viên có thể yên tâm.

Nội dung này có thể thông báo được bằng tiếng Nhật đơn giản nên phụ huynh cần cố gắng liên lạc với giáo viên.

○ Tại sao phải liên lạc khi về sớm?

Bởi vì các tiết học ở trường có thể tổ chức ở các địa điểm khác ngoài lớp học nên nếu phụ huynh đến trường đón con mình mà không liên lạc trước thì không thể đón được ngay lập tức. Ngoài ra, nếu một người khác không phải phụ huynh học sinh đến trường đón thì nhà trường không thể để cho học sinh về. Do đó, phụ huynh phải liên lạc trước với nhà trường về thời gian đến trường đón và người đến đón trẻ. Những thông báo này phải do phụ huynh thông báo với nhà trường chứ không phải học sinh.

○ Tại sao phải liên lạc với nhà trường khi tình trạng sức khỏe không tốt?

Nếu tình trạng sức khỏe không tốt mà vẫn đến trường thì trẻ sẽ cảm thấy mệt mỏi. Khi đó, tình trạng sức khỏe của trẻ có khả năng xấu hơn.

Phụ huynh cần gọi điện cho nhà trường để trao đổi xem có cần thiết phải đưa trẻ đi bệnh viện không. Trẻ có thể phải nghỉ học để tránh lây nhiễm sang người khác. (Tham khảo nội dung “Bệnh truyền nhiễm (Kansenshou)” ở trang 126).

○ Tại sao lại có các hoạt động vào thứ bảy và chủ nhật?

Để phụ huynh làm việc vào ngày thường (từ thứ hai đến thứ sáu) có thể tham gia các hoạt động. Dù thứ bảy hay chủ nhật thì phụ huynh cũng cần liên lạc với nhà trường nếu trẻ không tham gia.

きんきゅうれんらく
緊急連絡

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

子どもが病気やけがをしたとき、地震や災害が発生したとき、中学校は保護者に連絡をします。保護者は昼間でも、できるだけ早く中学校へ子どもを迎えに行かなければなりません。また、地震が発生したときや暴風警報・暴風雪警報・特別警報が発表されたときには、中学校からの連絡がなくても、できるだけ早く安全に子どもを迎えに行ってください。保護者が迎えに行けない場合は、自分で帰れそうなときは子どもは自分で帰ります。ただし、どうしても迎えが必要な場合は、代替りの人に頼むことができます。その場合は誰が代わりに迎えに行くのか中学校に電話で連絡しましょう。

①けが	じゅうだい 重大なけが	ちゅうがっこう せんせい いそ こ びょういん つ い 中学校の先生が、急いで子どもを病院へ連れて行きます。また必要に応じて、中学校の先生が救急車を呼びます。保護者は中学校の先生の指示にしたがってください。
	かる 軽いけが	ちゅうがっこう かんたん て あ ひつよう おう ほごしゃ 中学校で簡単な手当てをします。必要に応じて保護者に連絡して、様子を伝えます。保護者の判断で子どもを病院へ連れて行ってください。
びょうき ②病 気	じゅうだい びょうき 重大な病気	ちゅうがっこう せんせい いそ こ びょういん つ い 中学校の先生が、急いで子どもを病院へ連れて行きます。また必要に応じて、中学校の先生が救急車を呼びます。保護者は中学校の先生の指示にしたがってください。
	かんせんしょう 感染症 (インフルエンザなど)	ほごしゃ ちゅうがっこう こ むか い ほごしゃ こ 保護者が中学校に子どもを迎えに行きます。保護者が子どもを病院へ連れて行ってください。
	たいちょうふりょう はつねつ 体調不良（発熱、 げり おうと 下痢、嘔吐など）	かんせんしょう なお どうこうきょかしょう ひつよう びょういん ねが 感染症が治ったら登校許可証が必要です。病院にお願いして許可証を出してもらいます。
じしん ③地震	とうかいじしんちゅういほう 東海地震注意報	い まえ はっぴょう はっせい ①行く前に発表／発生 …中学校に行かないでください。 こ ちゅうがっこう い はっぴょう はっせい ②子どもが中学校に行ってから発表／発生 …中学校に子どもを迎えに行ってください。
	けいかいせんげん 警戒宣言 よ ちじょうほう 予知情報	
	しんど じゃくいじょう 震度5 弱 以上の じしん 地震	
けいほう ④警 報	ぼうふうけいほう 暴風警報	い まえ はっぴょう ①行く前に発表 …中学校に行かないでください。 こ ちゅうがっこう い はっぴょう ②子どもが中学校に行ってから発表 …子どもは一斉に下校します。保護者のお迎えが必要な場合もあります。
	ぼうふうせつけいほう 暴風雪警報	
	とくべつけいほう 特別警報	

Liên lạc khẩn cấp

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Nhà trường sẽ liên lạc với phụ huynh trong trường hợp học sinh bị ốm hay bị thương và trong trường hợp động đất hay thiên tai xảy ra. Phụ huynh phải đến trường sớm nhất có thể để đón con mình, kể cả vào giữa ngày.

Ngoài ra, khi động đất xảy ra hay khi Cảnh báo siêu bão (Boufuu keihou), Cảnh báo bão tuyết (Boufuusetsu keihou), Cảnh báo khẩn cấp (Tokubetsu keihou) được công bố, phụ huynh phải đến trường sớm nhất có thể để đón và đảm bảo an toàn cho con mình kể cả khi không có liên lạc từ nhà trường.

Nếu phụ huynh không thể đến trường đón trẻ thì trẻ sẽ tự về nhà nếu có thể. Tuy nhiên, nếu bắt buộc cần thiết phải đến đón trẻ thì phụ huynh có thể nhờ người khác đến đón giúp. Trường hợp này, phụ huynh cần gọi điện cho nhà trường để thông báo về người sẽ đến trường đón trẻ.

① Bị thương	Thương nặng	Giáo viên nhà trường sẽ đưa học sinh đến bệnh viện ngay lập tức. Ngoài ra, giáo viên sẽ gọi xe cấp cứu khi cần thiết. Phụ huynh cần tuân theo chỉ thị của giáo viên nhà trường.
	Thương nhẹ	Nhà trường sẽ sơ cứu đơn giản cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường sẽ liên lạc với phụ huynh để thông báo tình hình của học sinh khi cần thiết. Khi đó, phụ huynh sẽ quyết định xem có đưa con mình đến bệnh viện hay không.
② Bị ốm	Ôm nặng	Giáo viên nhà trường sẽ đưa học sinh đến bệnh viện ngay lập tức. Ngoài ra, giáo viên sẽ gọi xe cấp cứu khi cần thiết. Phụ huynh cần tuân theo chỉ thị của giáo viên nhà trường.
	Bệnh truyền nhiễm (như bệnh cúm...)	Phụ huynh phải đến trường đón và đưa con mình đến bệnh viện. Sau khi khỏi bệnh truyền nhiễm thì cần phải có “Giấy cho phép đến trường” (Toukou kyokashou). Phụ huynh cần xin giấy này ở bệnh viện.
	Sức khỏe yếu (bị sốt, đi ngoài, nôn...)	
③ Động đất	Thông báo chú ý động đất Toukai	① Được công bố hoặc xảy ra trước khi học sinh đến trường. ... Học sinh không nên đến trường. ② Được công bố hoặc xảy ra sau khi học sinh đến trường. ... Phụ huynh cần đến trường đón con mình.
	Cảnh báo Thông tin dự báo	
	Động đất 5 độ richter trở lên	
④ Cảnh báo	Cảnh báo siêu bão (Boufuu keihou)	① Được công bố trước khi học sinh đến trường. ... Học sinh không nên đến trường. ② Được công bố sau khi học sinh đến trường. ... Giáo viên sẽ hướng dẫn để đưa học sinh về nhà theo nhóm. Phụ huynh có thể phải đến trường đón con mình.
	Cảnh báo bão tuyết (Boufuusetsu keihou)	
	Cảnh báo khẩn cấp (Tokubetsu keihou)	

	ほか けいほう その他の警報	おおあめこうすいけいほう はろうけいほう たかしおけいほう はっぴょう 大雨洪水警報、波浪警報、高潮警報などが発表されてい るとき、中学校は休みになりません。 [注意] 状況を見て危険だと判断したときは、中学校 へ行かないでください。
⑤その他		こ ちゅうがっこう もんだいこうどう お れんらく く 子どもが中学校で問題行動を起こしたときに連絡が来 ることがあります。先生も冷静な時に本人から話を聞き たいので、一度冷静になってもらうために、家に帰すこと があります。

〇連絡ツール

さいきん がっこう つうじょうれんらく おお ちゅうがっこう はい
最近では学校からの通常連絡はメールでくることが多くなってきました。中学校からメール配
信サービスについての案内があります。案内にしたがって自分でメールアドレスを登録します。
とうろくほうほう わ せんせい
登録方法がよく分からないときには先生にきいてみましょう。

ほごしゃ ちゅうがっこう でんわ で ちか そふぼ しん れんらくさき
また保護者が中学校からの電話に出られないときのために、近くの祖父母や親せきの連絡先
も中学校に伝えておきましょう。

かんれん	③地震… (p.95「防災訓練・避難訓練」のページを見てください)
けいほう	④警報… (p.59「休校」のページを見てください)

	Các cảnh báo khác	Nhà trường không đóng cửa trong các trường hợp như Cảnh báo mưa lớn và lũ lụt (Ooame kouzui keihou), Cảnh báo sóng lớn (Harou keihou), Cảnh báo thủy triều cao (Takashio keihou)... được công bố. [Lưu ý] Phụ huynh không nên cho con mình đến trường nếu thấy tình hình nguy hiểm.
⑤ Khác		Nhà trường có thể liên lạc với phụ huynh khi học sinh có hành vi gây ra vấn đề. Giáo viên có thể cho trẻ về nhà để giữ bình tĩnh. Sau khi học sinh đã bình tĩnh trở lại, giáo viên sẽ nói chuyện với học sinh đó.

○ Hình thức liên lạc

Gần đây, nhà trường chủ yếu liên lạc với phụ huynh qua email. Nhà trường sẽ hướng dẫn phụ huynh về dịch vụ thông tin liên lạc qua email. Phụ huynh sẽ tự đăng ký địa chỉ email theo hướng dẫn. Phụ huynh cần hỏi lại giáo viên nếu không biết cách đăng ký.

Ngoài ra, phụ huynh cần thông báo trước cho nhà trường số điện thoại của ông bà hoặc người thân sống gần nhà để đề phòng trong trường hợp phụ huynh không thể nghe được điện thoại từ nhà trường.

[Nội dung liên quan]

- ③ Động đất ... (Tham khảo nội dung “Huấn luyện phòng chống thiên tai (Bousai kunren) và Huấn luyện lánh nạn (Hinan kunren)” ở trang 96)
- ④ Cảnh báo ... (Tham khảo nội dung “Trường học đóng cửa” ở trang 60).

きゅうこう ちゅうがっこう やす
休校（中学校が休みになるとき）

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

けいほう ちゅういほう
警報と注意報

ちゅうがっこう やす ぼうふうけいほう ぼうふうせつけいほう とくべつけいほう はっぴょう おおあめけいほう
中学校が休みになるのは、暴風警報か暴風雪警報か特別警報が発表されるときです。大雨警報
おおあめこうすいけいほう はっぴょう ちゅうがっこう い おおあめちゅういほう たかしお
や大雨洪水警報が発表されているときは、いつもどおり中学校へ行きます。大雨注意報や高潮
ちゅういほう ちゅういほう はっぴょう ちゅうがっこう い そと
注意報などの注意報が発表されているときも、いつもどおり中学校へ行きます。ただし、外に
で きけん がっこう れんらく いえ す
出るのが危険なときは、学校に連絡して、家で過ごしましょう。

ぼうふうけいほう
（１）暴風警報

ぼうふうけいほう
1. 暴風警報ってなに？

ぼうふうけいほう つよ かぜ ふ さいがい お ちゅうい
暴風警報は「とても強い風が吹きます。ひどい災害が起こるかもしれないのでしっかり注意
い み ぼうふうけいほう はっぴょう あいだ たてもの なか
してください」という意味です。暴風警報が発表されている間は、建物の中にいるほうがいい
です。

はっぴょう
2. どんなときに発表されるの？

- たいふう にほん ちか
・台風が日本に近づいているとき。
- たいふう にほん じょうりく
・台風が日本に上陸しているとき。
- かぜ つよ
・とても風が強いとき。



し
3. どうやって知るの？

ぼうふうけいほう はっぴょう かくにん ぼうほう
暴風警報が発表されているかどうかを確認する方法はいろいろあります。

- ① テレビを見る ② ラジオを聴く ③ インターネットで調べる

とくに、日本のまわりで台風が発生しているときは、常に暴風警報が発表されているかどうか確認してください。

4. こんなとき、どうするの？

あさ ちゅうがっこう い じかん 朝、中学校へ行く時間に ぼうふうけいほう はっぴょう 暴風警報が発表されていたら…	→	そと で きけん ちゅうがっこう い 外に出るのは危険です。中学校へ行ってはいけません。
こ ちゅうがっこう い 子どもが中学校へ行ってから、 ぼうふうけいほう はっぴょう 暴風警報が発表されたら…	→	ひ じゅぎょう ちゅうし その日の授業は中止です。 いっせい げこう 一斉に下校します。

Trường học đóng cửa

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Cảnh báo (Keihou) và Thông báo chú ý (Chuuihou)

Trường học sẽ đóng cửa khi Cảnh báo siêu bão (Boufuu keihou), Cảnh báo bão tuyết (Boufuusetsu keihou), Cảnh báo khẩn cấp (Tokubetsu keihou) được công bố. Học sinh vẫn đi học bình thường trong trường hợp Cảnh báo mưa lớn (Ooame keihou), Cảnh báo mưa lớn và lũ lụt (Ooame kouzui keihou), Thông báo chú ý mưa lớn (Ooame chuuihou), Thông báo chú ý thủy triều cao (Takashio chuuihou) được công bố. Tuy nhiên, học sinh cần liên lạc với nhà trường và ở nhà nếu thấy ra ngoài nguy hiểm.

(1) Cảnh báo siêu bão (Boufuu keihou)

1. Cảnh báo siêu bão là gì?

Cảnh báo siêu bão được công bố khi chúng ta cần thận trọng vì gió rất mạnh, có khả năng gây ra thiệt hại lớn. Chúng ta nên ở trong nhà trong suốt thời gian cảnh báo siêu bão được công bố.

2. Cảnh báo siêu bão được công bố khi nào?

- Khi bão đang tiếp cận Nhật Bản.
- Khi bão đã tiến đến Nhật Bản.
- Khi gió rất mạnh.



3. Làm thế nào để biết được?

Có nhiều cách để biết được cảnh báo có được công bố không.

- ① Xem tivi ② Nghe đài ③ Tìm hiểu trên mạng

Đặc biệt, khi bão xuất hiện quanh Nhật Bản, phụ huynh phải luôn kiểm tra xem cảnh báo có được công bố không.

4. Cần làm gì trong trường hợp như vậy?

Nếu cảnh báo siêu bão được công bố khi học sinh chuẩn bị đi học ...	→	Ra ngoài rất nguy hiểm. Học sinh không nên đến trường.
Nếu cảnh báo siêu bão được công bố sau khi học sinh đến trường ...	→	Tất cả các tiết học trong ngày sẽ bị hoãn. Tất cả học sinh sẽ về nhà.

(2) 暴風雪警報

1. 暴風雪警報ってなに？

暴風雪警報は「雪が降りとても強い風が吹きます。ひどい災害が起こるかもしれないのでしっかりと注意してください」という意味です。暴風雪警報が発表されている間は、建物の中にいるほうがいいです。



2. どんな時に発表されるの？

雪が降る時期の、風がとても強い日に発表されます。

3. どうやって知るの？

暴風雪警報が発表されているかどうか確認してください。確認する方法はいろいろあります。

- ①テレビを見る
- ②ラジオを聴く
- ③インターネットで調べる

4. こんなとき、どうするの？

朝、中学校へ行く時間に 暴風雪警報が発表されていたら…	→	外に出るのは危険です。中学校へ行ってはいけません。
子どもが中学校へ行ってから、 暴風雪警報が発表されたら…	→	その日の授業は中止です。 一斉に下校します。

(3) 特別警報

1. 特別警報ってなに？

特別警報は、「数十年に一度の災害がきています。命を守るための行動をしてください」という意味です。暴風警報や暴風雪警報のときよりもひどい災害が起こるかもしれません。しっかりと注意しましょう。

2. どんな時に発表されるの？

とてもひどい災害が起きそうなときに発表されます。

3. どうやって知るの？

特別警報が発表されているかどうか確認してください。確認する方法はいろいろあります。

- ①テレビを見る
- ②ラジオを聴く
- ③インターネットで調べる

(2) Cảnh báo bão tuyết (Boufuuetsu keihou)

1. Cảnh báo bão tuyết là gì?

Cảnh báo bão tuyết được công bố khi chúng ta cần cẩn thận vì tuyết rơi, gió thổi rất mạnh và có khả năng gây ra thiệt hại nặng. Chúng ta nên ở trong nhà trong suốt thời gian cảnh báo bão tuyết được công bố.

2. Cảnh báo bão tuyết được công bố khi nào?

Cảnh báo bão tuyết được công bố vào những ngày gió mạnh khi trời có tuyết.



3. Làm thế nào để biết được?

Có nhiều cách để biết được cảnh báo có được công bố không.

- ① Xem tivi ② Nghe đài ③ Tìm hiểu trên mạng

4. Cần làm gì trong trường hợp như vậy?

Nếu cảnh báo bão tuyết được công bố khi học sinh chuẩn bị đi học ...	→	Ra ngoài rất nguy hiểm. Học sinh không nên đến trường.
Nếu cảnh báo bão tuyết được công bố sau khi học sinh đến trường ...	→	Tất cả các tiết học trong ngày sẽ bị hoãn. Tất cả học sinh sẽ về nhà.

(3) Cảnh báo khẩn cấp (Tokubetsu keihou)

1. Cảnh báo khẩn cấp là gì?

Cảnh báo khẩn cấp được công bố khi chúng ta cần đối phó để bảo vệ tính mạng đối với những thiên tai mấy chục năm mới xuất hiện một lần. Trường hợp này có khả năng gây ra những thiệt hại lớn hơn rất nhiều so với trường hợp Cảnh báo siêu bão và Cảnh báo bão tuyết được công bố. Vì vậy, chúng ta cần đặc biệt lưu ý.

2. Cảnh báo khẩn cấp được công bố khi nào?

Cảnh báo khẩn cấp được công bố khi có nguy cơ xảy ra những thiệt hại rất lớn.

3. Làm thế nào để biết được?

Có nhiều cách để biết được cảnh báo có được công bố không.

- ① Xem tivi ② Nghe đài ③ Tìm hiểu trên mạng

4. こんなとき、どうするの？

あさ ちゅうがっこう い じかん 朝、中学校へ行く時間に とくべつけいほう はっぴょう 特別警報が発表されていたら…	→	そと で けけん 外に出るのは危険です。中学校へ行ってはいけません。
こ ちゅうがっこう い 子どもが中学校へ行ってから、 とくべつけいほう はっぴょう 特別警報が発表されたら…	→	ひ じゅぎょう ちゅうし その日の授業は中止です。 ほごしや ちゅうがっこう こ むか 保護者は、すぐに中学校へ子どもを迎えに行ってください。

さんこう
[参考]

けいほう ちゅういほう えいご し
警報・注意報を英語で知らせています。

きしょうちょう えいごばん
気象庁HP英語版 (<http://www.jma.go.jp/jma/indexe.html>)

→ **Weather/Earthquake** → **Weather Warnings/Advisories**

4. Cần làm gì trong trường hợp như vậy?

Nếu cảnh báo khẩn cấp được công bố khi học sinh chuẩn bị đi học ...	→	Ra ngoài rất nguy hiểm. Học sinh không nên đến trường.
Nếu cảnh báo khẩn cấp được công bố sau khi học sinh đến trường ...	→	Tất cả các tiết học trong ngày sẽ bị hoãn. Phụ huynh phải đến trường đón trẻ ngay lập tức.

[Tham khảo]

Cảnh báo và Thông báo chú ý sẽ được công bố bằng tiếng Anh.

Trang web tiếng Anh của cục khí tượng (<http://www.jma.go.jp/jma/indexe.html>)

→ [Weather/Earthquake](#) → [Weather Warnings/Advisories](#)

しゅっせきにっすう

出席日数について

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 出席日数

日本では、小学校の6年間と中学校の3年間は義務教育です。義務教育の期間は子どもにとって学校に行くことが最優先されます。体調が悪い時以外は学校を休みません（特定の感染症で学校に来てはいけなときや親族のお葬式の場合、休んでも欠席にならないことがあります。先生に確認しましょう）。家事手伝いやワールドカップ観戦や天気（警報発令中は学校が休みになることがあります（p.59「休校」のページを見てください））を理由に休むことはありません。1年間の出席日数、欠席日数、休んだ理由が学校に記録されます。そして高校受験のときには出席日数が十分であるかどうか重要になってきます。出席日数が足りないことで高校進学が難しくなることがあります。毎日学校に通うことは、とても大切です。

2. 日本語教室に通うとき

日本にきてすぐ、地域によっては短期間集中的に日本語の勉強をするために初期の日本語適応教室に通うことがあります。そのとき、在籍する中学校に行かないで、日本語適応教室がある別の学校に通うことがありますが、教育委員会が運営している教室であれば、出席日数として認められます。安心して通いましょう。

ただし、個人的に学校を休んでプライベートの日本語教室に通う場合には学校の出席日数として認められないことが多いので、注意する必要があります。教育委員会に、子どもが通う日本語教室が出席日数として認められる教室かどうか確認しましょう。

3. 学校に行くのがつらいとき

慣れない日本での生活、言葉も文化も違う学校生活に疲れて、学校に行くのがつらくなってしまうことがあるかもしれません。

通常の学校生活を送ることが精神的に難しくなってしまった場合、別室登校という方法が認められる場合があります。学校には行きますが、子どもの教室ではない別の教室で個人的に勉強をすることで出席と認められます。別室登校が可能かどうかは学校によって対応が異なります。先生に確認しましょう。

Số ngày đi học

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Số ngày đi học

Ở Nhật, 6 năm học ở trường tiểu học và 3 năm học ở trường trung học cơ sở là giáo dục bắt buộc. Trong thời gian giáo dục bắt buộc, việc đến trường của trẻ được ưu tiên hàng đầu. Học sinh không nghỉ học, trừ trường hợp sức khỏe không tốt. (Học sinh nghỉ học nhưng vẫn được tính là đến trường trong một số trường hợp như không thể đến trường do mắc bệnh truyền nhiễm đặc thù, tang lễ của người thân... Phụ huynh nên xác nhận thông tin với giáo viên). Học sinh không được nghỉ học vì những lý do như giúp đỡ gia đình việc nhà, xem World Cup hay thời tiết xấu (Trường học có thể đóng cửa trong trường hợp cảnh báo được công bố. (Tham khảo nội dung “Trường học đóng cửa” ở trang 60)). Nhà trường sẽ lưu lại thông tin về số ngày đi học, số ngày nghỉ, lý do nghỉ trong một năm. Khi dự thi kỳ thi trung học phổ thông, số ngày đi học có đủ hay không là điều rất quan trọng. Nếu số ngày đi học không đủ thì có thể khó học tiếp lên trung học phổ thông. Do đó, việc đến trường hàng ngày rất quan trọng.

2. Tham gia lớp học tiếng Nhật

Một số địa phương tổ chức lớp học tiếng Nhật dành cho những học sinh vừa mới đến Nhật. Mục đích của lớp học là giúp học sinh có thể học tiếng Nhật tập trung trong thời gian ngắn. Khi đó, học sinh có thể đến trường có lớp học tiếng Nhật mà không cần đến trường đang theo học. Nếu là lớp học do Ủy ban giáo dục vận hành thì dù học sinh nghỉ học vẫn được tính là đến trường. Do đó, học sinh có thể yên tâm tham gia lớp học này.

Tuy nhiên, trường hợp học sinh nghỉ học để tham gia lớp học tiếng Nhật theo cá nhân thì hầu như không được tính là đến trường. Do đó, phụ huynh cần lưu ý điều này. Phụ huynh cần xác nhận với Ủy ban giáo dục xem lớp học tiếng Nhật mà con mình tham gia có được tính số ngày đi học hay không.

3. Khi trẻ không muốn đến trường

Khi mệt mỏi với cuộc sống ở Nhật, mệt mỏi với cuộc sống ở trường học do không quen môi trường hay do sự khác nhau về ngôn ngữ và văn hóa, trẻ có thể cảm thấy không muốn đến trường.

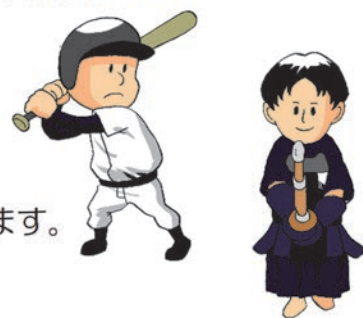
Nếu trẻ gặp khó khăn về mặt tâm lý trong cuộc sống sinh hoạt ở trường học thì nhà trường có thể chấp nhận hình thức học ở lớp học riêng. Học sinh vẫn đến trường nhưng học riêng ở lớp học riêng biệt mà không phải lớp học thông thường và vẫn được tính số ngày đi học. Hình thức khác nhau tùy theo từng trường. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường xem có thể học ở lớp học riêng biệt hay không.

ぶ かつどう 部活動

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. ぶ かつどう 部活動ってなに？

日本の中学校では、授業の前や後、休みの日に、運動をしたり、音楽を演奏したり、絵を描いたりします。それを部活動といいます（部活と呼ぶことが多いです）。ほとんどの中学生が部活動に参加します。中学校では勉強だけでなく、部活動で友だちを作ったり、丈夫な体を作ったり、ルールを学んだりします。1年生から3年生の夏や秋まで（部活動によって違います）同じ部活動を続けます。



2. ぶ かつどう しゅるい 部活動の種類

部活動には運動部（スポーツ）と文化部（運動部以外）があります。

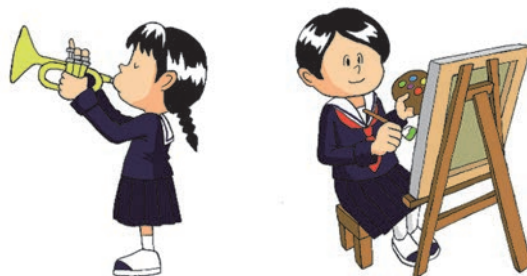
【部活動の種類の例】（学校によって違います）

○ 運動部（スポーツ）

野球、サッカー、バレーボール、バスケットボール、ソフトテニス、ソフトボール、陸上、水泳、卓球、弓道、柔道、剣道など

○ 文化部（運動部以外）

吹奏楽、合唱、科学、美術、家庭科、茶道など



3. ぶ かつどう かなら はい 部活動には必ず入るの？

多くの中学校では、全員が何かの部活動に入らなければいけません。高校受験のときに、部活動を一生懸命した人は、有利になることがあります。

また、クラスだけでなく、部活動の中でも友だちができます。たくさんの友だちができれば、いろいろなことを相談にのってくれます。部活動では何かをがんばることや、人間関係を学べます。

部活動は中学校のとても良い思い出になります。

4. ぶ かつどう いつ部活動をするの？

部活動は、朝（授業の前）、夕方（授業の後）、休日などに行うことが多いです。部活動によって活動日数や活動時間が違います。テストの前は部活動はありません。季節によって部活動の時間が変わります。

Hoạt động câu lạc bộ (Bukatsudou)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Hoạt động câu lạc bộ (Bukatsudou) là gì?

Ở trường trung học cơ sở của Nhật, học sinh thường chơi thể thao, chơi nhạc cụ, vẽ tranh vào thời gian trước hoặc sau giờ học, hoặc vào ngày nghỉ. Đây được gọi là Hoạt động câu lạc bộ (Bukatsudou) (thường được gọi là “Bukatsu”). Hầu hết các học sinh đều tham gia hoạt động câu lạc bộ. Ở trường trung học cơ sở, học sinh không chỉ học trên lớp mà còn kết bạn thông qua hoạt động câu lạc bộ, rèn luyện cơ thể dẻo dai và học về các quy định. Học sinh tham gia cùng một câu lạc bộ suốt từ năm 1 đến mùa hè hoặc mùa thu năm 3 (khác nhau tùy từng câu lạc bộ).

2. Các loại câu lạc bộ

Có câu lạc bộ thể thao và câu lạc bộ văn hóa (ngoài hoạt động thể thao).

【Một số ví dụ về các loại câu lạc bộ】 (Khác nhau tùy theo từng trường).

☐ Câu lạc bộ thể thao

Bóng chày, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, quần vợt mềm, bóng mềm, điền kinh, bơi lội, bóng bàn, bắn cung (kyuudou), nhu đạo (jyuudou), kiếm đạo (kendou)...

☐ Câu lạc bộ văn hóa (ngoài hoạt động thể thao)

Nhạc cụ bộ hơi, hợp xướng, khoa học, mỹ thuật, nữ công gia chánh, trà đạo (sadou)...

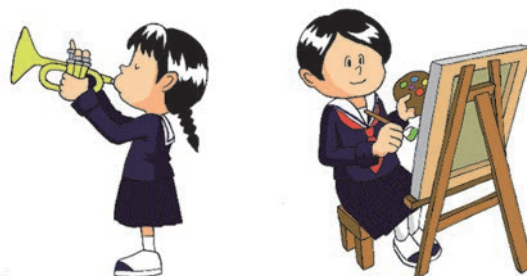


3. Hoạt động câu lạc bộ có bắt buộc không?

Nhiều trường học bắt buộc học sinh phải tham gia một câu lạc bộ nào đó. Nếu học sinh có nhiều cố gắng trong hoạt động câu lạc bộ thì sẽ có lợi trong kỳ thi trung học phổ thông.

Ngoài ra, học sinh có thể kết bạn không chỉ trong lớp học mà còn trong câu lạc bộ. Nếu có nhiều bạn thì có thể trao đổi được nhiều thứ. Thông qua hoạt động câu lạc bộ, học sinh học được về tầm quan trọng của sự cố gắng và về mối quan hệ trong xã hội.

Hoạt động câu lạc bộ là một kỷ niệm đẹp để ở trường trung học cơ sở của học sinh.



4. Hoạt động câu lạc bộ diễn ra khi nào?

Hoạt động câu lạc bộ thường diễn ra vào buổi sáng (trước giờ học), buổi chiều (sau giờ học), ngày nghỉ... Số ngày luyện tập và thời gian luyện tập khác nhau tùy từng câu lạc bộ. Hoạt động câu lạc bộ không diễn ra trước thời gian có bài kiểm tra. Thời gian hoạt động của câu lạc bộ khác nhau tùy từng mùa.

5. お金はかかるの？

ラケット・グローブ・シューズなど活動に必要なものは、自分で買います。部活動用のおそろいのウェアを買ったり、道具を買ったりすると、たくさんのお金が必要になることがあります。大会や練習試合に電車で行く場合、交通費がかかります。また自転車で行くこともあります。自転車で大会や練習試合に行く部活動に入ったら、通学に自転車を使っていなくても、部活動のために自転車とヘルメットを準備しなければいけません。自転車には乗れるようにしておきましょう。万が一、事故にあったときのために保険にも入っておくといいでしょう。



※先生方へ※

国によっては、自転車を使う習慣がないところもあります。生徒が自転車に乗れるかどうか事前に確認するといいいでしょう。

6. だれが教えてくれるの？

それぞれの部活動には、それぞれの先生がいます。その先生を「顧問」といいます。また、部活動によっては、専門の先生が特別に来て教えてくれることもあります。上級生が下級生に教えてくれることもあります。上級生のことを、下級生は「先輩」と呼びます。

部活動に保護者が参加することはありませんが、大会や練習試合で遠くに行くときに保護者の車に子どもたちを乗せて行くことがあります。保護者の車が必要なときには事前に連絡があります。車で送り迎えができない場合には、先生に相談しましょう。

7. どうやって部活動を決めるの？

中学校に入學すると、入る部活動を考えます。どの部活動に入るか決める前に、体験入部の期間があります。同じ部活動を続けられるように、入る前にはよく考えて決めましょう。

子どもが部活動を決める前に、保護者会が開かれることがあります。わからないことや不安に思うことがあれば、保護者会のときに先生に聞いてみましょう。

【入部の手順の例】

「部活動説明会」→「部活動見学」→「体験入部」→「入部」
いくつかの部活動を体験してから決めましょう。

8. 部活動を休むときは、どうするの？

部活動は、学校の授業とは違います。教えてくれる先生も違います。欠席するときは、顧問の先生に忘れずに連絡をしましょう。

体調が悪いときは無理して参加しなくてもいいですが、できるだけ部活動は休まないようにしましょう。

5. Có mất chi phí không?

Học sinh phải tự mua những đồ dùng cần thiết cho hoạt động như vợt, găng tay, giày... Có thể sẽ mất khá nhiều chi phí để mua quần áo phù hợp và dụng cụ dùng cho hoạt động của câu lạc bộ.

Nếu học sinh sử dụng tàu điện để đi tham gia đại hội hay luyện tập cho đại hội thì sẽ mất chi phí đi lại. Học sinh cũng có thể đi bằng xe đạp. Nếu câu lạc bộ học sinh tham gia sử dụng xe đạp để đi tham gia đại hội hay luyện tập cho đại hội thì học sinh đó phải chuẩn bị xe đạp và mũ bảo hiểm, mặc dù thường ngày không sử dụng xe đạp để đến trường. Học sinh cần luyện tập để có thể đi được xe đạp. Học sinh cũng nên tham gia bảo hiểm để đề phòng trường hợp gặp tai nạn rủi ro.



6. Ai thực hiện hướng dẫn hoạt động câu lạc bộ?

Mỗi câu lạc bộ đều có giáo viên hướng dẫn. Giáo viên đó được gọi là Người cố vấn (Komon). Ngoài ra, một số câu lạc bộ thỉnh thoảng còn có giáo viên chuyên môn đến hướng dẫn. Thành viên cấp cao cũng có thể hướng dẫn thành viên cấp thấp. Thành viên cấp thấp gọi thành viên cấp cao là Tiền bối (Senpai).

Phụ huynh không tham gia hoạt động câu lạc bộ nhưng phụ huynh có thể sử dụng xe ô tô để đưa trẻ đi khi phải đi quãng đường xa để đến đại hội hoặc luyện tập cho đại hội. Câu lạc bộ sẽ thông báo trước cho phụ huynh nếu cần phải đi bằng ô tô. Phụ huynh cần trao đổi với giáo viên nếu không thể đưa và đón trẻ bằng xe ô tô.

7. Làm thế nào để lựa chọn câu lạc bộ tham gia?

Khi bắt đầu học trung học cơ sở, học sinh phải suy nghĩ xem mình sẽ tham gia câu lạc bộ nào. Học sinh sẽ có thời gian trải nghiệm hoạt động ở một số câu lạc bộ trước khi quyết định câu lạc bộ mà mình sẽ tham gia. Học sinh cần suy nghĩ và lựa chọn kỹ vì sẽ phải tham gia cùng một câu lạc bộ trong suốt thời gian dài.

Nhà trường có thể tổ chức họp phụ huynh trước khi học sinh quyết định câu lạc bộ mà mình sẽ tham gia. Trong buổi họp phụ huynh này, phụ huynh nên hỏi giáo viên nếu có điều gì không hiểu hoặc lo lắng.

【Ví dụ về trình tự tham gia câu lạc bộ】

「Buổi hướng dẫn về câu lạc bộ」→「Tham quan câu lạc bộ」→「Trải nghiệm hoạt động ở câu lạc bộ」
→「Tham gia câu lạc bộ」

Trước khi quyết định, học sinh nên trải nghiệm hoạt động của một số câu lạc bộ.

8. Phải làm gì khi nghỉ hoạt động câu lạc bộ?

Hoạt động câu lạc bộ khác với giờ học ở trường. Giáo viên hướng dẫn cũng khác. Nếu vắng mặt thì học sinh cần liên lạc với giáo viên cố vấn.

Khi sức khỏe không tốt thì không cần thiết phải tham gia. Tuy nhiên, học sinh cần cố gắng để không phải nghỉ hoạt động câu lạc bộ.

9. 注意することは何？

部活動ごとにさまざまなルールがあります。上級生（先輩）が下級生を教えてくれることも多いです。部活動では上級生やクラス以外の友達と関わって、人間関係を学ぶことができます。特に運動部では上級生との上下関係があり、とまどうことがあるかもしれません。しかし、日本ではその経験が社会に出てから生かされることもあります。何か困ったことがあったら、どんなことでも先生に相談しましょう。



※先生方へ※

ブラジルなど、国によっては部活動がないところもあります。外国にルーツをもつ子の場合、部活動の仕組み、先輩・後輩のしきたり、部活動の費用がわからない場合も多いです。特に保護者には、日本の部活動の仕組みについて、ゆっくりていねいに説明することが必要です。

9. Cần lưu ý điều gì?

Câu lạc bộ có rất nhiều quy định. Thông thường, thành viên cấp cao (senpai) sẽ hướng dẫn thành viên cấp thấp. Thông qua hoạt động câu lạc bộ, học sinh có thể học được về mối quan hệ trong xã hội khi tiếp xúc với thành viên cấp cao hay những người bạn không phải bạn cùng lớp. Đặc biệt, trong câu lạc bộ thể thao có mối quan hệ cấp bậc với thành viên cấp trên nên học sinh có thể bị bối rối. Tuy nhiên, kinh nghiệm này có thể giúp ích cho học sinh khi đi làm ở Nhật. Hãy trao đổi với giáo viên nếu có bất cứ điều gì lo lắng.



にゅうがくしき 入学式

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 入学式ってなに？

入学式とは、中学校に入る子どもとその保護者が集まって行う式です。子どもの成長をみんなで喜ぶ式です。また、中学校生活にむけて新しい出発を見守る式です。パーティーのように、にぎやかな式ではありません。中学校生活の最初の日です。中学校の先生と在校生が新入生を迎えてくれます。



2. だれが参加するの？

- (1) 子ども：新入生（在校生）
- (2) 保護者：日本では、お母さんまたはお父さんが子どもと一緒に入学式に参加します。両親で参加する家族も最近は多くなりました。

3. どこでするの？

入学式は中学校の体育館で行います。式の間は、子どもたちは前の方にクラスごとに並んで座り、保護者は子どもたちの後ろにまとまって座る場合が多いです。

4. なにをするの？

- (1) 入学式の会場に入る前に受付を済ませ、子どものクラスを確認します。
- (2) 子どもは教室に入ります。保護者は入学式の会場（体育館）で待ちます。会場では席が決められています。保護者の場所は、会場の後ろ半分です。
- (3) 入学式が始まります。子どもたちが担任の先生を先頭にクラスごとに入場します。校長先生、PTA会長からのお話があります。お話は静かに聞きましょう。動いたり、おしゃべりしたり、飲食したりしないようにしましょう。
- (4) 入学式が終わったら、子どもは教室に行きます。保護者もあとから子どもの教室に行きます。担任の先生から、子どもたちがどのような生活を送るか（1日の説明）、持ち物、行事、ルール、お願いなどのお話があります。大切なお話ばかりなので、きちんと聞きましょう。分からないことなどは、お話の後で先生に聞きましょう。
- (5) 教室で子どもに、教科書などが配られます。配られるものの量が多いので、全部そろっているか確認しましょう。足りないものがあったら、すぐに先生に言いましょう。家で全ての教科書に名前を書きましょう。

Lễ nhập học (Nyuugakushiki)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Lễ nhập học (Nyuugakushiki) là gì?

Lễ nhập học là buổi lễ được tổ chức với sự tham gia của học sinh nhập học và các phụ huynh. Đây không chỉ là buổi lễ chúc mừng sự trưởng thành của trẻ mà còn là buổi lễ đánh dấu mốc xuất phát mới trong cuộc sống tại trường trung học cơ sở của trẻ. Đây không phải là buổi lễ náo nhiệt như một bữa tiệc mà là ngày đầu tiên trong cuộc đời học sinh trung học cơ sở của trẻ. Các giáo viên và các học sinh trong trường sẽ đón những học sinh mới.

2. Ai tham gia lễ nhập học?

- (1) Học sinh: Học sinh mới (học sinh trong trường)
- (2) Phụ huynh: Ở Nhật, bố hoặc mẹ của học sinh cùng tham gia lễ nhập học.
Gần đây, có nhiều gia đình cả bố và mẹ đều tham gia.



3. Lễ nhập học được tổ chức ở đâu?

Lễ nhập học được tổ chức ở nhà thể chất của trường. Ở hầu hết các trường, học sinh sẽ xếp hàng và ngồi theo từng lớp ở phía trước, còn phụ huynh sẽ ngồi ở phía sau học sinh trong suốt buổi lễ.

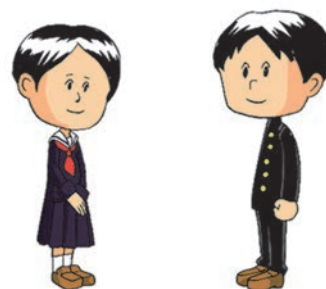
4. Làm gì trong lễ nhập học?

- (1) Phụ huynh phải đến bàn lễ tân trước khi vào hội trường của buổi lễ nhập học. Sau đó, xác nhận lớp của con mình ở bàn lễ tân.
- (2) Sau đó, học sinh sẽ vào lớp học của mình. Còn phụ huynh sẽ đứng chờ ở nhà thể chất. Ghế ngồi trong hội trường đã được quy định trước. Ghế ngồi của phụ huynh được bố trí ở nửa sau của hội trường.
- (3) Buổi lễ chính thức bắt đầu. Học sinh sẽ tiến vào hội trường theo từng lớp với người dẫn đầu là giáo viên chủ nhiệm. Hiệu trưởng, hội trưởng hội phụ huynh và giáo viên PTA sẽ phát biểu. Phụ huynh và học sinh cần chú ý lắng nghe, không nên di chuyển, nói chuyện hoặc ăn uống.
- (4) Sau khi buổi lễ kết thúc, học sinh sẽ vào lớp học của mình. Phụ huynh cũng theo sau học sinh vào lớp học. Giáo viên chủ nhiệm sẽ nói chuyện về cuộc sống ở trường (một ngày ở trường như thế nào), những đồ dùng cần mang đến trường, các sự kiện ở trường, các quy tắc và các yêu cầu từ nhà trường. Phụ huynh và học sinh cần chú ý lắng nghe vì những nội dung này rất quan trọng. Sau khi nghe xong, nếu có điều gì không hiểu, phụ huynh và học sinh cần hỏi lại giáo viên.
- (5) Giáo viên sẽ phát cho học sinh sách giáo khoa tại lớp học. Số lượng sách được phát khá nhiều nên học sinh cần kiểm tra xem đã nhận đủ chưa. Nếu thiếu thì học sinh phải nói với giáo viên ngay lập tức. Sau khi mang về nhà, cần viết tên lên tất cả các cuốn sách.

5. 服装・何を持っていくの？

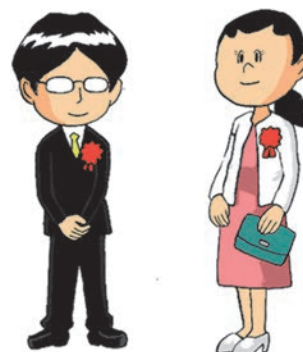
(1) 子どもの服装

中学校で決められた制服を着ます。パーティーではないので、アクセサリをつけたり、化粧をしたりしてはいけません。髪型も派手なアレンジはしません。靴下のデザイン、制服の下に着る服も学校で決められたルールがあります。それを守ります。
(例：靴下は白色、またはワンポイントのものなど)



(2) 保護者の服装

新入生の保護者は、スーツやワンピースを着て行く場合が多いです。必ずしもそのような服装で行く必要はありませんが、ジーンズやTシャツなどのカジュアルな服装では行きません。



(3) 子どもの持ち物

- ① 上靴
- ② 学生カバン
- ③ 入学式のお知らせに書いてある持ち物

(4) 保護者の持ち物

入学式のお知らせに書いてある持ち物（入学許可証、スリッパ、靴を入れるビニール袋、筆記用具など）。

子どもの姿を写したい場合はカメラやビデオを持って行きます。カメラやビデオでの撮影は他の方の迷惑にならないようにしましょう。また、携帯電話はマナーモードにするか、電源を切っておきましょう。

※ 入学説明会などで渡された児童生徒調査票・健康カードなどの書類はとても大切なものです。あらかじめ記入をして、入学式のときに忘れずに持って行きましょう。

6. 早めに行こう！

入学式は決まった時間に始まります。集合時間の15分前には、中学校へ行きましょう。

7. 入学式はチャンスです！

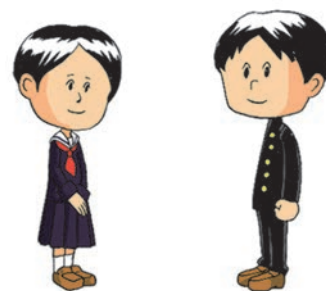
入学式にはほとんどの子どもや保護者、中学校の先生方が参加します。これから子どもがどのようなクラスで、どのような先生や子どもたちと過ごすのかが見ることができます。また、子どもと同じクラスの保護者や担任の先生と直接話ができるチャンスです。入学前にいろいろ不安に思っていることも、ぜひこの日に先生に聞いてみましょう。

5. Mặc gì và mang đồ gì đến lễ nhập học?

(1) Trang phục của học sinh

Học sinh mặc đồng phục do nhà trường quy định. Buổi lễ không phải là buổi tiệc nên không được đeo đồ trang sức hay trang điểm. Không được để kiểu tóc lộng lẫy. Nhà trường cũng quy định quần áo mặc trong đồng phục. Học sinh cần tuân thủ những quy định này.

(Ví dụ: Tất màu trắng hoặc tất có chi tiết thêu nhỏ)

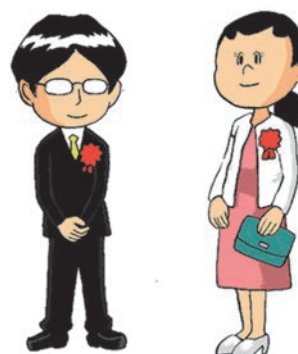


(2) Trang phục của phụ huynh

Hầu hết các phụ huynh của học sinh mới đều mặc vest hoặc váy. Phụ huynh không nhất thiết phải mặc như vậy, nhưng không nên mặc những trang phục thoải mái như quần bò, áo phông...

(3) Những đồ dùng trẻ cần mang theo

- ① Giấy vải
- ② Cặp sách học sinh
- ③ Những đồ dùng ghi trong thông báo lễ nhập học.



(4) Những đồ dùng phụ huynh cần mang theo

Phụ huynh cần mang theo những đồ dùng ghi trong thông báo lễ nhập học (như giấy cho phép nhập học, dép đi trong nhà, túi đựng giày, dụng cụ ghi chép..)

Phụ huynh có thể mang theo máy ảnh hoặc máy quay nếu muốn chụp ảnh và quay video cho trẻ. Phụ huynh cần tránh làm ảnh hưởng đến người khác khi chụp ảnh và quay phim. Ngoài ra, phụ huynh nên để điện thoại ở chế độ im lặng hoặc tắt nguồn điện thoại.

※ Những tài liệu được phát ở buổi hướng dẫn nhập học như Phiếu điều tra học sinh (Jidou seito chousahyou) và Phiếu sức khỏe (Kenkou card) rất quan trọng. Phụ huynh phải điền trước thông tin vào những tài liệu này và mang đến lễ nhập học.

6. Đi sớm

Lễ nhập học diễn ra vào thời gian quy định. Phụ huynh và học sinh nên đến trường sớm 15 phút trước khi buổi lễ bắt đầu.

7. Lễ nhập học là một cơ hội rất tốt!

Hầu hết học sinh, phụ huynh, giáo viên trong trường đều tham gia lễ nhập học. Phụ huynh có thể thấy được môi trường học tập của con mình, gặp gỡ giáo viên và những đứa trẻ khác mà con mình sẽ sinh hoạt cùng từ nay về sau. Đây còn là cơ hội để phụ huynh có thể trực tiếp nói chuyện với giáo viên chủ nhiệm và những phụ huynh khác có con học cùng lớp với con mình. Phụ huynh có thể nói chuyện với giáo viên về tất cả những điều bản thân cảm thấy lo lắng trước khi kỳ học chính thức bắt đầu.

先生とのお話

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

中学校では、先生と保護者が直接会って、子どものこと、家庭のこと、中学校での生活のことなどを相談したり、卒業後の進路について話し合ったり、情報交換したりする日があります。中学校に行くときにはスリッパを忘れずに持って行きます。もちろん、先生と話したいときには、いつでも中学校に連絡してください。

1. 家庭訪問

先生が、各家庭に行き家と保護者と話をします。先生が事前に都合のよい時間を聞いて、時間を調整します。時間が決まったら、その時間は必ず保護者は家にいてください。

先生は計画を立てて、1日に何軒かまわります。そのため、1つの家庭で話をする時間は決まっています。時間を延ばすことはできません。先生に相談したいことがある場合は内容をメモしておきましょう。

先生は、保護者と話をするだけではなく、子どもの家庭での生活の様子を見たり、家がある場所を確認したりします。家の中に入って話をする場合や、玄関で話をする場合があります。先生を不審者と間違えないように、家族みんなにも先生が来る日時を伝えておきましょう。

おみやげやお茶、おかし、食事などを出す必要はありません。先生は時間が限られているので、出されても食べないことがあります。

長期欠席や無断欠席で保護者と連絡がとれない場合にも家庭訪問をすることがあります。保護者と話をせず、家の場所を確認するだけの学校もあります。

2. 個別懇談会／クラス懇談会

保護者が、中学校で先生と話をします。子どものことについて相談したいことや中学校の生活で先生に聞きたいことや知りたいこと、進路についてなど、直接話をする事ができる貴重な時間です。

個別懇談会は、先生と保護者が1対1で話をする2者面談と先生と保護者と子どもで話をする3者面談があります。どちらも必ず参加します。特に卒業後の進路について話をするときには、子どものためにも必ず参加してください。話をする時間は決まっています。先生が事前に都合のよい時間を聞いて時間を調整します。時間に遅れないように少し早めに行きましょう。時間が過ぎてしまうと次の人の順番になります。決められた時間に行けなくなってしまう場合には、決められた時間の前に必ず中学校に電話をかけましょう。

Trao đổi với giáo viên

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Ở trường trung học cơ sở, có một ngày mà phụ huynh sẽ gặp trực tiếp giáo viên để nói chuyện và trao đổi thông tin về con mình, về gia đình, về hướng đi sau khi tốt nghiệp, về sinh hoạt ở trường. Phụ huynh cần nhớ mang theo dép đi trong nhà khi đến trường. Ngoài ra, phụ huynh có thể liên lạc với nhà trường bất cứ lúc nào muốn nói chuyện với giáo viên.

1. Thăm nhà học sinh (Kateihoumon)

Giáo viên sẽ đi thăm từng nhà học sinh và nói chuyện với phụ huynh. Giáo viên sẽ liên lạc trước với phụ huynh để sắp xếp thời gian hợp lý. Phụ huynh phải ở nhà trong thời gian đó.

Giáo viên sẽ lập kế hoạch và đi thăm một số nhà học sinh trong một ngày. Do đó, giáo viên sẽ nói chuyện ở mỗi gia đình trong một khoảng thời gian nhất định. Thời gian được quy định nên không thể kéo dài thêm. Phụ huynh cần tổng hợp trước những nội dung muốn trao đổi với giáo viên.

Giáo viên không chỉ nói chuyện với phụ huynh mà còn quan sát cuộc sống sinh hoạt trong gia đình của học sinh và xác nhận địa chỉ nhà của học sinh. Giáo viên và phụ huynh có thể nói chuyện ở trong nhà học sinh hoặc ở phía cửa nhà học sinh. Phụ huynh cần thông báo trước với mọi người trong gia đình về ngày và thời gian giáo viên đến thăm nhà để mọi người không nhầm giáo viên là người lạ.

Phụ huynh không cần phải chuẩn bị quà tặng, trà, bánh kẹo hay đồ ăn. Thời gian của giáo viên không có nhiều nên dù phụ huynh có chuẩn bị thì giáo viên có thể không ăn.

Giáo viên có thể đến thăm nhà học sinh trong trường hợp không thể liên lạc với phụ huynh khi học sinh nghỉ thời gian dài hay nghỉ học không có lý do. Một số trường không nói chuyện với phụ huynh mà chỉ xác nhận địa chỉ nhà của học sinh.

2. Họp cá nhân (Kobetsu kondankai) và Họp phụ huynh (Kurasu kondankai)

Phụ huynh sẽ nói chuyện với giáo viên ở trường. Đây là khoảng thời gian rất quan trọng vì phụ huynh có thể trao đổi trực tiếp với giáo viên về những vấn đề liên quan đến trẻ, cuộc sống sinh hoạt ở trường của trẻ, hướng đi tiếp theo của trẻ...

Trong buổi họp cá nhân, có buổi nói chuyện 2 người giữa giáo viên và phụ huynh, và buổi nói chuyện 3 người giữa giáo viên, phụ huynh và học sinh. Phụ huynh phải tham gia cả hai buổi nói chuyện này. Đặc biệt, vì con mình, phụ huynh cần phải tham gia buổi nói chuyện về hướng đi sau khi tốt nghiệp. Thời gian nói chuyện được quy định trước. Giáo viên sẽ liên lạc trước với phụ huynh để sắp xếp thời gian hợp lý. Phụ huynh nên đến sớm một chút để không bị muộn giờ quy định. Nếu phụ huynh đi muộn thì sẽ đến lượt phụ huynh khác. Nếu phụ huynh không thể đến đúng giờ quy định thì cần gọi điện cho nhà trước thời gian quy định của mình.

クラス懇談会では、クラスの保護者が集まって、先生と話 をします。クラスの保護者とも話 ができるいい機会です。積極的に参加しましょう。



3. 参観日

子どもの中学校での生活の様子を保護者に見てもらうために、参観日があります。保護者は子どもの授業の様子を教室の後ろで見ます。子どもは授業中なので、保護者は子どもに話しかけてはいけません。また、教室の後ろや廊下で保護者同士でおしゃべりをする子どもが授業に集中できなくなります。静かに見るようにします。携帯電話はマナーモードにするか、電源を切りましょう。

必ず、事前にお知らせがあります。日時と内容を確認して、中学校へ行きましょう。

4. 言葉が通じないときは…

家庭訪問や個別懇談会するとき、保護者が日本語を分からないと先生の話 を理解することができません。また、先生に相談したいことも決められた時間の中で伝えることができません。学校によっては通訳の方に同席してもらうこともできます。通訳の方がいるかどうか、同席をお願いできるかどうかを中学校に確認してみましょう。

自分の知り合いに通訳できる人がいる場合にはお願いしてもいいかもしれません。ただし、子どもの方が日本語を理解できるからといって、子どもに通訳をさせるのはできるだけやめましょう。子どもが自分にとって都合の悪いことを通訳しなかったり、子どもにはあまり理解できない言葉が出てきたりすることもあります。先生と保護者はお互いに正しく通訳されているかどうかを確認できないため、通訳は先生と保護者の言葉をそのまま訳すことのできる、信頼できる人をお願いしましょう。

Trong buổi họp phụ huynh, các phụ huynh của lớp sẽ tập trung lại và nghe giáo viên nói chuyện. Đây là cơ hội tốt để các phụ huynh có thể cùng nói chuyện với nhau. Vì vậy, phụ huynh nên tích cực tham gia những buổi như thế này.



3. Ngày tham quan giờ học (Sankanbi)

Ở trường trung học cơ sở, có ngày mà phụ huynh sẽ đến xem cuộc sống sinh hoạt ở trường của con mình. Phụ huynh sẽ quan sát các tiết học ở phía dưới lớp học. Phụ huynh không được nói chuyện với học sinh khi học sinh đang nghe giảng. Ngoài ra, nếu các phụ huynh nói chuyện với nhau ở phía dưới lớp học hoặc ở hành lang thì học sinh sẽ không tập trung vào bài giảng được. Do đó, các phụ huynh cần giữ trật tự để quan sát. Phụ huynh nên để chế độ im lặng hoặc tắt nguồn điện thoại.

Nhà trường sẽ thông báo trước ngày tham quan giờ học. Phụ huynh cần xác nhận thời gian để có đến trường đúng thời gian quy định.

4. Trường hợp không hiểu tiếng Nhật

Nếu phụ huynh không hiểu tiếng Nhật thì phụ huynh sẽ không thể hiểu được nội dung giáo viên nói khi giáo viên đến thăm nhà hay khi họp phụ huynh. Phụ huynh cũng sẽ không thể truyền đạt được nội dung muốn trao đổi với giáo viên trong khoảng thời gian quy định. Một số trường cho phép phụ huynh đi cùng phiên dịch. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường xem có phiên dịch không hoặc có thể nhờ phiên dịch đi cùng hay không.

Phụ huynh có thể nhờ người quen phiên dịch giúp. Tuy nhiên, phụ huynh không nên nhờ trẻ phiên dịch giúp kể cả trong trường hợp trẻ hiểu tiếng Nhật. Bởi vì trẻ có thể lược bớt những nội dung không hay liên quan đến mình hoặc giáo viên có thể sử dụng những từ ngữ mà trẻ không hiểu rõ. Phụ huynh cần nhờ người đáng tin cậy để có thể dịch được chính xác nội dung vì giáo viên và phụ huynh không thể kiểm tra xem phiên dịch có dịch chính xác nội dung trao đổi hay không,

校外学習

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

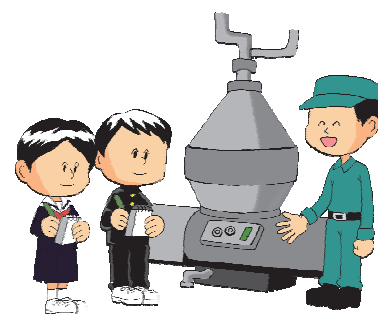
1. 校外学習ってなに？

学校以外の場所で知識や経験を広げる機会です。工場や博物館などに行き、施設を見学します。班ごとに別々の施設に行き、いろいろなことを調べたり、体験したりする学校もあります。3年生で行く修学旅行（p.91「修学旅行」のページを見てください）の練習、準備にもなります。校外学習は遊びではなく、学習です。お弁当を持って行くこともあります。

2. どこに行くの？

[行き先の例]

公共施設、美術館、博物館、科学館、工場などに行きます。



3. なにを着て行くの？ なにを持って行くの？

(1) 服装

① 制服

② 運動靴（新しい運動靴ではなく、いつもはいている靴）

(2) 持ち物

① お弁当（p.153「お弁当・水筒」のページを見てください）

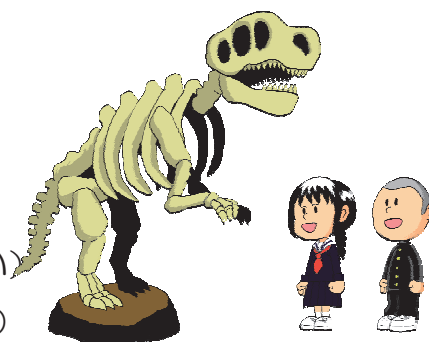
② 水筒（p.153「お弁当・水筒」のページを見てください）

③ 筆箱（えんぴつ・消しゴム）

④ 中学校で配られたしおり

（校外学習の予定や持ち物などが書かれたものを「しおり」といいます）

※持ち物に書かれていないもの（携帯電話、ゲーム機など）は、持って行ってはいけません。



子どもはみんな校外学習をとても楽しみにしています。

当日、病気で休むことがないように体調を整えるようにしましょう。休むときには

必ず中学校に連絡します。（p.49「中学校への連絡」のページを見てください）

Học ngoại khóa (Kougai gakushuu)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

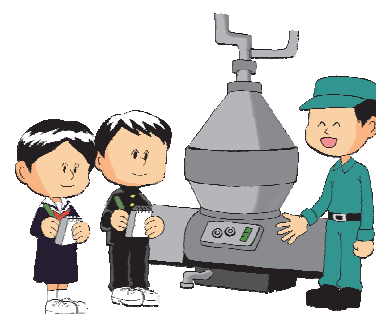
1. Học ngoại khóa (Kougai gakushuu) là gì?

Đây là cơ hội giúp học sinh mở rộng kiến thức và kinh nghiệm ở những nơi không phải trường học. Học sinh sẽ được đi đến những nơi như nhà máy hoặc bảo tàng để tham quan. Một số trường chia học sinh thành các nhóm, mỗi nhóm sẽ đi tham quan các nơi khác nhau để tìm hiểu và trải nghiệm nhiều thứ. Đây cũng là hoạt động luyện tập chuẩn bị cho chuyến Du lịch cuối khóa (Shuugaku ryokou) mà học sinh sẽ đi vào năm 3. (Tham khảo nội dung “Du lịch cuối khóa (Shuugaku ryokou)” ở trang 92). Học ngoại khóa không phải để chơi mà là để học. Học sinh có thể phải mang theo cơm hộp.

2. Học sinh sẽ đi đâu?

[Ví dụ]

Học sinh sẽ đi đến những nơi như công trình công cộng, bảo tàng mỹ thuật, viện bảo tàng, bảo tàng khoa học, nhà máy...



3. Học sinh mặc gì và mang theo đồ gì?

(1) Quần áo

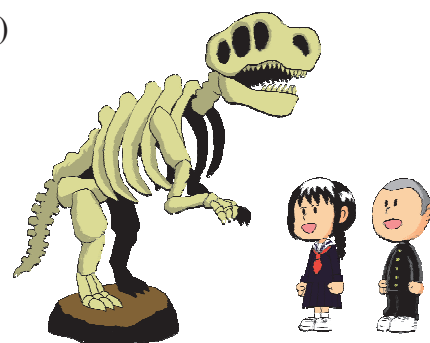
- ① Đồng phục
- ② Giày thể thao (không phải giày mới mà là giày trẻ đi hàng ngày)

(2) Đồ cần mang theo

- ① Cơm hộp (Obentou) (Tham khảo nội dung “Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)” ở trang 154).
- ② Bình nước (Suitou) (Tham khảo nội dung “Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)” ở trang 154).
- ③ Hộp bút (bút chì và tẩy)
- ④ Sách hướng dẫn (shiori) được nhà trường phát.

(“Shiori” là quyển sách có ghi kế hoạch học ngoại khóa và những đồ dùng cần mang theo).

※ Không mang theo những đồ không ghi trong danh sách đồ cần mang theo (như điện thoại di động, máy chơi điện tử...).



Học sinh rất háo hức mong chờ buổi học ngoại khóa.

Vì vậy, phụ huynh cần quan tâm đến sức khỏe của trẻ để trẻ không bị ốm và phải bỏ lỡ buổi học này. Phụ huynh phải liên lạc với nhà trường nếu trẻ không tham gia. (Tham khảo nội dung “Liên lạc với nhà trường” ở trang 50).

しょうばたいけんがくしゅう 職場体験学習



分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 職場体験学習ってなに？

住んでいる地域のお店や施設に行き、そこでの仕事を見て、体験することができます。
社会にどんな仕事があって、働いている人がどんな仕事をしているか知ることができます。
子どもが将来の自分の仕事を考える良い機会です。

2. いつするの？

中学2年生が職場体験学習に行きます。2日間から3日間、行う学校が多いです。

3. どこへ行くの？

中学校の近くには、働く場所がいろいろあります。学校が体験学習を受け入れてくれる職場を用意してくれます。その中から、自分が体験したい職場を決めます。「友達と同じところ」という理由ではなく、自分の興味のある職場を選びましょう。

【体験学習の場所の例】

(食べ物関係) パン屋、喫茶店、レストラン、ファストフード店、スーパー、コンビニ
(食べ物以外) 美容院、美容室、ガソリンスタンド、郵便局、書店、病院、ホテル
(市町村の施設) 図書館、公民館、博物館、保育園、デイサービスセンター

4. 時間は？

体験先の仕事時間によって違いますが、16:00 ごろには終わります。

5. どうやって体験場所に行くの？

職場体験の日は中学校には行かないで、自分で体験場所に行きます。自転車に乗ったり、電車やバスを使ったりして体験場所に行くこともあります。



6. 職場体験学習のすすめ方

1. (事前のあいさつ) 体験前に職場へ行き、体験に必要な準備や注意事項などを聞きます。
2. (職場体験中) それぞれの職場に分かれて職場体験をします。
3. (職場体験後) 体験したこと、学んだことをまとめて、学校で報告会を開きます。

Trải nghiệm nơi làm việc (Shokuba Taiken Gakushuu)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc



1. Trải nghiệm nơi làm việc (Shokuba Taiken Gakushuu) là gì?

Học sinh có thể đi đến các cửa hàng hay các công trình công cộng để quan sát và trải nghiệm công việc tại những nơi đó.

Những buổi trải nghiệm như vậy giúp học sinh biết được những công việc có trong xã hội và biết được con người làm việc như thế nào. Đây là cơ hội tốt giúp học sinh suy nghĩ về công việc trong tương lai của mình.

2. Học sinh đi khi nào?

Học sinh năm 2 sẽ đi trải nghiệm nơi làm việc. Nhiều trường tổ chức trải nghiệm trong thời gian từ 2 ngày đến 3 ngày.

3. Học sinh đi đâu?

Gần trường học có rất nhiều nơi làm việc. Trong đó, có những nơi tiếp nhận học sinh ở các trường đến để tham gia trải nghiệm. Học sinh sẽ lựa chọn và quyết định nơi mình muốn trải nghiệm trong số đó. Học sinh không nên lựa chọn với lý do “Vì đó là nơi bạn bè đi”, mà nên lựa chọn nơi bản thân cảm thấy yêu thích.

【Một số ví dụ về nơi trải nghiệm】

(Ngành liên quan đến thực phẩm) Cửa hàng bánh mì, Quán cà phê, Nhà hàng, Cửa hàng bán đồ ăn nhanh, Siêu thị, Cửa hàng tiện lợi.

(Ngành không liên quan đến thực phẩm) Tiệm cắt tóc nam, Tiệm cắt tóc nữ, Trạm bán xăng, Bưu điện, Hiệu sách, Bệnh viện, Khách sạn.

(Công trình trong địa phương) Thư viện, Nhà văn hóa công cộng, Bảo tàng, Nhà trẻ (Hoikuen), Trung tâm dịch vụ ban ngày.

4. Thời gian học như thế nào?

Thời gian làm việc của từng nơi trải nghiệm khác nhau nhưng đều kết thúc vào khoảng 16:00.

5. Học sinh đi như thế nào?

Vào ngày trải nghiệm nơi làm việc, học sinh sẽ không đi đến trường mà tự mình đến nơi trải nghiệm. Học sinh có thể đi xe đạp, đi tàu điện hoặc đi xe buýt đến nơi trải nghiệm.



6. Các bước trải nghiệm nơi làm việc

1. (Chào hỏi trước) Đi đến nơi làm việc trước ngày trải nghiệm thực tế để hỏi về những thứ cần chuẩn bị cho ngày trải nghiệm và những điều cần lưu ý.
2. (Trong thời gian trải nghiệm) Học sinh sẽ được phân chia đến từng nơi làm việc để trải nghiệm.
3. (Sau thời gian trải nghiệm) Sau buổi trải nghiệm, học sinh sẽ tổng hợp lại nội dung đã học, nhà trường sẽ tổ chức buổi báo cáo.

7. 注意すること

1. 絶対に時間に遅れないようにしましょう。決められた時間の10分前には、職場に到着しましょう。
2. あいさつ、返事をしっかりしましょう。態度が悪いと、その中学校の生徒は来年から受け入れてもらえなくなるかもしれません。
3. 中学校の先生が、子どもの活動の様子を見に来ることがあります。困ったことがあれば、相談しましょう。
4. 体験場所には、自分たちだけで行く場合が多いです。交通安全に十分、注意しましょう。
5. 職場が飲食店の場合は、昼ごはんを出してもらえることがあります。アレルギーや宗教上の理由で、食べられないものがあるときは、職場の人に言いましょう。

7. Những điều cần lưu ý

1. Tuyệt đối không được đi muộn. Đến nơi làm việc sớm 10 phút trước thời gian quy định.
2. Chào hỏi và trả lời rõ ràng. Nếu học sinh có thái độ không tốt thì học sinh của trường đó có thể sẽ không được tiếp nhận từ năm tới nữa.
3. Giáo viên nhà trường có thể đến xem tình hình hoạt động của học sinh. Học sinh có thể trao đổi với giáo viên nếu gặp khó khăn.
4. Hầu hết học sinh đều tự mình đi đến nơi trải nghiệm. Cần chú ý đảm bảo an toàn giao thông.
5. Trường hợp nơi làm việc là cửa hàng ăn uống, học sinh có thể được ăn bữa trưa. Nếu có nguyên liệu không thể ăn được do bị dị ứng hoặc do vấn đề tôn giáo thì học sinh cần nói với người ở nơi làm việc đó.

やがいがくしゅう 野外学習

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 野外学習の目的

家や中学校を離れて、自然の中で1泊2日または2泊3日の集団生活を体験します。1年生は入学時オリエンテーションとして、中学生としての自覚を高め、団結力をつける目的で、4月や5月に行くこともあります。2年生は自然に親しみ、みんなで協力することの大切さを知り、友だちを理解することが目的で、春から秋にかけて行くことが多いです。
学校によって、行く学年が違います。



2. どこに泊まるの？

現在では、ほとんどの学校が「少年自然の家」のような公的な宿泊施設を利用します。施設内の敷地で、1泊はテント宿泊を体験するところもあります。集団で食事や入浴をしますの
で、宗教的な理由やアレルギーで、食べられないものがある場合や、入浴やお祈りなど宗教的な配慮が必要な場合など、心配なことがあるときは、行く前に先生に相談しましょう。

3. なにをするの？

野外学習では、次のような活動を行います。

[活動の例]

(登山) 山に登ります。

(オリエンタリング) グループごとに、目印を見つながら制限時間内にゴールを目指します。

(飯盒炊さん) 自分たちでご飯を炊いたり、食事を作って食べます。

(キャンプファイヤー) 焚き火を囲んで、ゲームをしたり歌を歌ったりします。

4. なにを着て行くの？ 持って行くの？

(1) 服装

①体操服 (学校で決められた体操服を着ます) (p.31「服装・身だしなみ」のページを見てください)

②運動靴 (新しい運動靴ではなく、履きなれたいつもの靴をはきましょう)

(2) 持ち物

学校から事前に「持ち物リスト」が配布されます。よく確認して、忘れ物のないように早めに準備をしましょう。宿泊するので、大きいバッグが必要です。キャスターがついたかばんはいけません。特に持ち物に書かれていないもの(携帯電話、ゲーム機など)は、持って行ってはいけません。

Học dã ngoại (Yagai gakushuu)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Mục đích của học dã ngoại

Học sinh sẽ xa gia đình và nhà trường để trải nghiệm sinh hoạt tập thể trong môi trường thiên nhiên trong thời gian 2 ngày 1 đêm hoặc 3 ngày 2 đêm. Học sinh năm 1 có thể đi vào tháng 4 hoặc tháng 5 như một buổi hướng dẫn cho học sinh mới nhập học với mục đích nâng cao nhận thức rằng mình đã trở thành học sinh trung học cơ sở và đẩy mạnh tinh thần đoàn kết giữa các học sinh. Học sinh năm 2 thường đi trong khoảng từ mùa xuân đến mùa thu với mục đích gần gũi với thiên nhiên, học về tầm quan trọng của việc mọi người cùng giúp đỡ nhau và hiểu hơn về bạn bè của mình.

Khối lớp đi học dã ngoại có thể khác nhau tùy theo từng trường.



2. Học sinh sẽ ở đâu?

Hiện tại, nhiều nhà trường sử dụng nhà nghỉ như Trung tâm thiếu niên (Shounen shizen no ie). Trong khu vực nhà nghỉ, học sinh có thể có cơ hội trải nghiệm ở lều trong một đêm. Học sinh sẽ cùng nhau ăn uống và tắm bồn tập thể. Do đó, trường hợp gặp vấn đề lo lắng như trường hợp có nguyên liệu không thể ăn được do bị dị ứng hay do vấn đề tôn giáo, hoặc trường hợp cần phải lưu ý về vấn đề tôn giáo như tắm bồn hay cầu nguyện, học sinh cần trao đổi với giáo viên trước khi đi.

3. Học sinh sẽ làm gì?

Trong thời gian học ngoại khóa, học sinh sẽ tham gia những hoạt động như dưới đây.

[Ví dụ]

- (Tozan): Leo núi
- (Orienteering): Là môn thể thao chơi theo nhóm, người chơi sẽ tìm vị trí đánh dấu và đến đích trong khoảng thời gian quy định.
- (Hangousuisan /nấu cơm bằng bếp lửa): Học sinh tự nấu cơm, nấu thức ăn và ăn cùng nhau.
- (Campfire): Học sinh cùng ngồi quanh đồng lửa, chơi trò chơi và ca hát.

4. Học sinh mặc gì và mang theo đồ gì?

(1) Trang phục

- ① Quần áo thể dục (quần áo thể dục do nhà trường quy định) (Tham khảo nội dung “Trang phục và diện mạo” ở trang 32).
- ② Giày thể thao (không phải giày mới mà là giày học sinh đi thường ngày).

(2) Đồ cần mang theo

Nhà trường sẽ phát trước danh sách những đồ cần mang theo. Học sinh cần kiểm tra kỹ và chuẩn bị sớm để không quên bất cứ đồ gì. Bởi vì ở lại qua đêm nên học sinh cần phải mang theo túi cỡ lớn. Học sinh không được mang theo cặp có gắn bánh xe. Đặc biệt, học sinh không được mang theo những đồ không ghi trong danh sách đồ cần mang theo (như điện thoại di động, máy chơi điện tử...).

5. 気をつけること

- 事前に保護者向けの説明会があるので、必ず出席して、分からないことがあれば先生に確認しておきましょう。
- 宿泊施設では集団で入浴をします。入浴の仕方が分からない場合や、宗教的な理由で入浴をみんなと別の時間にしてほしい場合などは、行く前に先生に相談しましょう。
- 途中で体調が悪くなった場合には、保護者に迎えにきてもらうことになります。必ず連絡がとれるようにしておいてください。
- 薬を持たせる場合は事前に学校に届け出が必要です。学校に連絡せずに持たせてはいけません。

子どもはみんな野外学習をととても楽しみにしています。
当日、病気で休むことがないように体調を整えるようにしましょう。休むときには
必ず中学校に連絡します。(p.49「中学校への連絡」のページを見てください)

5. Những điều cần lưu ý

- Nhà trường sẽ tổ chức buổi hướng dẫn dành cho phụ huynh. Phụ huynh cần tham gia và hỏi lại giáo viên nếu có điều gì không hiểu.
- Học sinh sẽ vào bồn tắm tập thể ở nơi nghỉ lại qua đêm. Nếu trẻ không biết cách tắm bồn hay trẻ muốn tắm bồn vào thời gian khác với những học sinh khác do vấn đề tôn giáo, phụ huynh cần trao đổi với giáo viên trước khi đi.
- Trường hợp trẻ có vấn đề về sức khỏe trong thời gian học ngoại khóa thì phụ huynh phải đến đón trẻ. Phụ huynh cần giữ liên lạc để nhà trường có thể liên lạc được bất cứ lúc nào.
- Trường hợp phụ huynh cho trẻ mang theo thuốc thì cần thông báo trước với nhà trường. Trẻ không được phép mang theo thuốc nếu chưa thông báo với nhà trường.

Học sinh rất háo hức mong chờ buổi học dã ngoại.

Vì vậy, phụ huynh cần quan tâm đến sức khỏe của trẻ để trẻ không bị ốm và phải bỏ lỡ buổi học này. Phụ huynh phải liên lạc với nhà trường nếu trẻ không tham gia. (Tham khảo nội dung “Liên lạc với nhà trường” ở trang 50).

しゅうがくりょこう 修学旅行

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. しゅうがくりょこう もくてき 修学旅行の目的

中学校の3年生は、2泊3日の修学旅行に行きます。修学旅行は遊びに行くのではありません。施設を見学したり、日本の歴史や文化に対する関心を深めたり、教室では学べないことを学習します。また集団行動を通して、マナーやきまりを守ることの大切さを学んだり、友達との絆を深めたりすることも目的です。

2. どこに泊まるの？

ホテルや旅館、民宿などの宿泊施設に泊まります。宿泊施設では集団で朝・晩の食事や入浴をします。宗教的な理由やアレルギーで、食べられないものがある場合や、入浴やお祈りなど宗教的な配慮が必要な場合など、心配なことがあるときは行く前に先生に相談しましょう。

3. どこに行くの？

[愛知県の中学校の行き先の例]

東京、千葉、神奈川、大阪などに行くことが多いです。

- ・東京ディズニーランド、ユニバーサルスタジオジャパン
- ・漁村・農村の民宿に宿泊し、地引網や農業などの体験活動
- ・班行動では国会議事堂、東京タワー、東京スカイツリーなど、グループで行き先を決めて、計画を立てて行動します。



4. なにを着て行くの？ 持って行くの？

(1) 服装

- ①制服 (p.31「服装・身だしなみ」のページを見てください)
- ②運動靴 (新しい運動靴ではなく、いつもはいている靴)

(2) 持ち物

事前に中学校で配布される持ち物リストをチェックし、早めに持ち物の準備をしましょう。宿泊するので、大きいバッグが必要です。持ち物に書かれていないもの(携帯電話、ゲーム機など)は、持って行ってはいけません。

Du lịch cuối khóa (Shuugaku ryokou)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Mục đích của Du lịch cuối khóa (Shuugaku ryokou)

Học sinh năm 3 sẽ đi du lịch cuối khóa trong thời gian 3 ngày 2 đêm. Du lịch cuối khóa không có nghĩa là học sinh đi chơi. Học sinh sẽ đi tham quan các công trình công cộng, quan tâm hơn nữa đến lịch sử và văn hóa Nhật Bản, học những kiến thức không thể học ở trên lớp. Ngoài ra, thông qua các hoạt động tập thể, học sinh còn học được tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy tắc ứng xử và các quy định, gắn kết hơn nữa mối quan hệ với bạn bè.

2. Học sinh sẽ ở đâu?

Học sinh sẽ nghỉ qua đêm ở khách sạn, nhà nghỉ (ryokan) 【Một kiểu nhà nghỉ truyền thống của Nhật Bản】 , nhà trọ (minshuku)... Nếu có bất cứ lo lắng gì như trẻ không ăn được đồ ăn do dị ứng hoặc vì lý do tôn giáo hay cần phải cân nhắc về mặt tôn giáo như khi tắm bồn hay cầu nguyện..., phụ huynh cần trao đổi trước với giáo viên.

3. Học sinh sẽ đi đâu?

【Dưới đây là ví dụ của một trường trung học cơ sở trong tỉnh Aichi】

Hầu hết các trường thường đi Tokyo, Chiba, Kanagawa, Osaka...

- Tokyo Disneyland, Universal Studio Japan
- Qua đêm ở nhà trọ ở làng chài hoặc làng nông, tham gia các hoạt động trải nghiệm
- Đối với hoạt động nhóm, các nhóm sẽ tự quyết định nơi mình sẽ đi như Tòa nhà quốc hội, Tháp Tokyo, Tokyo sky tree..., sau đó lập kế hoạch đi.



4. Học sinh mặc gì và mang theo đồ gì?

(1) Trang phục

- ① Đồng phục (Tham khảo nội dung “Trang phục và diện mạo” ở trang 32).
- ② Giấy thể thao (không phải giấy mới mà là giấy học sinh đi thường ngày).

(2) Đồ cần mang theo

Nhà trường sẽ phát trước danh sách những đồ cần mang theo. Học sinh cần kiểm tra kỹ và chuẩn bị sớm để không quên bất cứ đồ gì. Bởi vì ở lại qua đêm nên học sinh cần phải mang theo túi cỡ lớn. Học sinh không được mang theo cặp có gắn bánh xe. Đặc biệt, học sinh không được mang theo những đồ không ghi trong danh sách đồ cần mang theo (như điện thoại di động, máy chơi điện tử...).

5. 気をつけること

- 事前に保護者向けの説明会があるので、必ず出席して、分からないことがあれば先生に確認しましょう。
- 費用が5万円くらいかかります。一度に全部のお金を集めるのではなく、何回かに分けて給食費などと一緒に引き落とされます。いくら引き落とされるかは、毎月の引き落としのお知らせに書いてあります。
- 神社やお寺を見学することがあるので、宗教的な理由で見学できない場合には行く前に先生に相談しましょう。
- 宿泊施設では集団で入浴をすることがあります。入浴の仕方が分からない場合や、宗教的な理由で入浴をみんなと別の時間にしてほしい場合などは、行く前に先生に相談しましょう。
- 途中で体調が悪くなったときや緊急時には保護者に連絡があります。保護者は連絡が取れるようにしておいてください。
- 薬を持たせる場合は事前に学校に届け出が必要です。学校に連絡せずに持たせてはいけません。
- おやつやおこづかいを持って行くことができる学校が多いです。金額が決まっているので、決められた額以上は持たせないようにしましょう。

子どもはみんな修学旅行をととても楽しみにしています。

当日、病気で休むことがないように体調を整えるようにしましょう。休むときには必ず中学校に連絡します。(p.49「中学校への連絡」のページを見てください)

5. Những điều cần lưu ý

- Nhà trường sẽ tổ chức buổi hướng dẫn dành cho phụ huynh. Phụ huynh cần tham gia và hỏi lại giáo viên nếu có điều gì không hiểu.
- Chi phí tham gia là 5 man yên. Nhà trường không thu toàn bộ số tiền trong 1 lần mà chia làm nhiều lần và rút tự động từ tài khoản cùng với các chi phí khác như tiền ăn trưa. Số tiền rút từ tài khoản được ghi trong thông báo số tiền rút hàng tháng.
- Học sinh có thể đi tham quan đền (jinja) hoặc miếu thờ (bukkaku). Phụ huynh cần trao đổi trước với nhà trường nếu trẻ không thể tham quan được vì lý do tôn giáo.
- Học sinh sẽ vào bồn tắm tập thể ở nơi nghỉ lại qua đêm. Nếu trẻ không biết cách tắm bồn hay trẻ muốn tắm bồn vào thời gian khác với những học sinh khác do vấn đề tôn giáo, phụ huynh cần trao đổi với giáo viên trước khi đi.
- Nhà trường có thể liên lạc với phụ huynh khi trẻ có vấn đề về sức khỏe trong thời gian đi du lịch hoặc trong trường hợp khẩn cấp. Phụ huynh cần giữ liên lạc để nhà trường có thể liên lạc được bất cứ lúc nào.
- Trường hợp phụ huynh cho trẻ mang theo thuốc thì cần thông báo trước với nhà trường. Trẻ không được phép mang theo thuốc nếu chưa thông báo với nhà trường.
- Nhiều trường cho phép học sinh mang theo đồ ăn vặt hoặc tiền. Tuy nhiên, học sinh chỉ được mang một số tiền nhất định. Phụ huynh không nên cho trẻ mang nhiều tiền hơn số tiền quy định.

Học sinh rất háo hức mong chờ buổi du lịch cuối khóa.

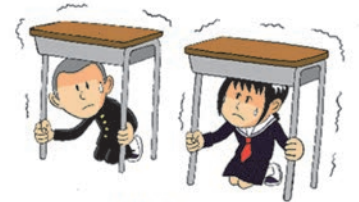
Vì vậy, phụ huynh cần quan tâm đến sức khỏe của trẻ để trẻ không bị ốm và phải bỏ lỡ buổi học này. Phụ huynh phải liên lạc với nhà trường nếu trẻ không tham gia. (Tham khảo nội dung “Liên lạc với nhà trường” ở trang 50).

ぼうさいくんれん ひなんくんれん 防災訓練・避難訓練

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. ぼうさいくんれん ひなんくんれん 防災訓練・避難訓練

日本は地震が多い国です。災害がいつ起きるか分からないので、中学校では普段から防災教育を行っています。近いうちに起きると言われている大きな地震（東海地震）に対する訓練だけではなく、火災や津波、不審者に対する訓練もあります。しかし、災害は中学校にいるときに起きるとは限りません。家庭でも災害時にどのように行動するのか、学校や職場や家、それぞれに近い避難場所などを家族みんなで確認しておきましょう。また、災害が起きたときのために食糧や生活用品を備えておきましょう。



2. さいがいじたいおう じしん 災害時対応について 地震

(1) とうかいじしん かんれん じょうほう しゅるい 東海地震に関連する情報の種類

「東海地震に関連する情報」については、気象庁のホームページで公表されています。予知情報や注意情報が出されたときは、テレビやラジオ、あるいは、自治体の防災無線などを通して、住民に知らされます。地震の予知はととても難しいです。予知情報や注意情報がなくても突然地震が起きる可能性もあります。

① とうかいじしん よ ち じょうほう 東海地震予知情報

東海地震が発生するおそれがあるときに発表されます。

すべての中学校では、東海地震予知情報が発表されたときは、休みとなります。すぐに大きな地震が来るかもしれないので、自分の体を守ってください。子どもたちが中学校にいる間に東海地震予知情報が出された場合には、子どもたちは中学校で避難します。

その他、安全な場所への避難や交通規制が行われたり、店が営業中止になったりします。

② とうかいじしん ちゅういじょうほう 東海地震注意情報

東海地震が発生するかもしれないときに発表されます。

すべての中学校では、東海地震注意情報が発表されたときは、休みとなります。子どもが中学校にいるときに発表された場合に、一斉下校になるのか、保護者が学校に迎えに行くのかを確認しておきましょう。

(2) ひ わた し 引き渡し

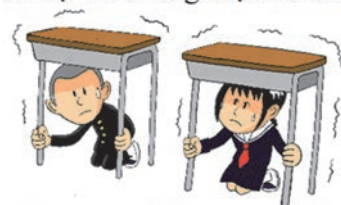
- 地震が発生したとき、必ず誰かが子どもを迎えに行くことができるようにしておきましょう。
- 実際に、子どもを迎えに行ったら勝手に連れて帰ってはいけません。先生に連れて帰ることを伝えてから帰りましょう。
- 引き渡しの訓練も行われます。保護者への防災意識を高めてもらう目的もあります。保護者も参加して、どのような流れで迎えに行くのかを確認しておきます。ぜひ訓練に参加しましょう。

Huấn luyện phòng chống thiên tai (Bousai kunren) và Huấn luyện lánh nạn (Hinan kunren)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Huấn luyện phòng chống thiên tai (Bousai kunren) và Huấn luyện lánh nạn (Hinan kunren)

Nhật Bản là một đất nước thường xuyên xảy ra động đất. Trường trung học cơ sở tổ chức huấn luyện phòng chống thiên tai cho học sinh để phòng trường hợp thiên tai xảy ra bất ngờ. Nhà trường không chỉ huấn luyện để đối phó với động đất Toukai được dự đoán sẽ xảy ra trong tương lai gần mà còn huấn luyện để đối phó với hỏa hoạn, sóng thần và kẻ khả nghi. Tuy nhiên, thiên tai không chỉ xảy ra khi học sinh ở trường. Mỗi gia đình cần tìm hiểu trước nơi lánh nạn ở gần trường học, gần nơi làm việc hay gần nhà và cần học cách ứng phó khi thiên tai xảy ra. Ngoài ra, mỗi gia đình cũng cần dự trữ lương thực và đồ dùng sinh hoạt cần thiết trong trường hợp có thiên tai xảy ra.



2. Ứng phó khi thiên tai xảy ra Động đất

(1) Những thông tin liên quan đến động đất Toukai (Toukai jishin)

“Thông tin liên quan đến động đất Toukai” được công bố trên trang web của cục khí tượng. Khi thông tin dự báo và thông tin chú ý được công bố, người dân sẽ được thông báo thông qua tivi, đài hoặc sóng vô tuyến về phòng chống thiên tai của địa phương. Dự báo động đất rất khó. Động đất có thể xảy ra đột ngột mà không có thông tin dự báo hay thông tin lưu ý.

① Thông tin dự báo động đất Toukai (Toukai jishin yochi jouhou)

Thông tin được công bố khi có khả năng xảy ra động đất Toukai.

Tất cả các trường học sẽ đóng cửa khi thông tin dự báo động đất Toukai được công bố. Một trận động đất lớn có thể xảy ra ngay sau đó nên học sinh cần bảo vệ tính mạng của mình. Nếu thông tin dự báo động đất Toukai được công bố trong khi học sinh đang ở trường thì học sinh sẽ lánh nạn ở trường.

Ngoài ra, khi đó sẽ có nhiều đối sách được thực hiện như người dân đi lánh nạn, triển khai các quy luật giao thông hay các cửa hàng ngừng kinh doanh.

② Thông báo chú ý động đất Toukai (Toukai jishin chuui jouhou)

Thông tin được công bố khi động đất Toukai có nguy cơ xảy ra.

Tất cả các trường học sẽ đóng cửa khi thông tin dự báo động đất Toukai được công bố. Trường hợp thông tin được công bố khi học sinh đang ở trường, phụ huynh cần xác nhận xem học sinh sẽ cùng về nhà hay phụ huynh phải đến trường đón con mình.

(2) Đến trường đón trẻ

- Trường hợp có động đất xảy ra, phụ huynh phải sắp xếp người đến trường đón trẻ.
- Phụ huynh không được tự ý đưa trẻ về khi đến trường đón trẻ. Phụ huynh cần thông báo với giáo viên trước khi đưa trẻ về.
- Nhà trường tổ chức huấn luyện việc đón trẻ. Buổi huấn luyện còn nhằm mục đích nâng cao ý thức của phụ huynh về phòng chống thiên tai. Phụ huynh nên tham gia buổi huấn luyện này để hiểu được quy trình đón trẻ ở trường.

たいいくたいかい 体育大会

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 体育大会ってなに？

体育大会では、いろいろな運動競技を行います。団体競技や個人競技がありますが、運動能力を競い合うだけではなく、みんなで協力することを目的とした競技もあります。体育大会の日が近づくと、子どもたちは競技の練習をします。

学校によって体育大会を行う時期が違います。春か秋に行います。

体育大会は土曜日に行うことがあります。休まずに行きましょう。土曜日に体育大会を行ったときは、月曜日など平日が代わりにお休みになります。



2. だれが参加するの？

(1) 生徒

生徒は、みんな体育大会に参加します。

(2) 家族

家族も見に行くことができます。時間のあるときは、ぜひ見に行きましょう。

3. どこでするの？

中学校の運動場で体育大会をします。



4. なにをするの？

(1) 開会式

はじめに、開会式をします。開会式では、校長先生があいさつをします。また、体育大会についての注意もあります。

(2) 競技

次に、競技をします。子どもたちは、決められた競技に参加します。クラス対抗戦などで競技を行う学校も多いです。

(3) 閉会式

最後に、閉会式をします。閉会式では、校長先生があいさつをします。クラス対抗戦を行っている場合には、成績発表もあります。優勝チームは賞状がもらえます。

Ngày hội thể thao (Taiiku taikai)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Ngày hội thể thao (Taiiku taikai) là gì?

Ngày hội thể thao tổ chức thi đấu nhiều môn thể thao khác nhau. Có các môn thi đấu đồng đội và các môn thi đấu cá nhân. Mục đích của ngày hội thể thao không chỉ là để thi đấu khả năng vận động mà còn giúp đẩy mạnh tinh thần đoàn kết giữa các học sinh. Học sinh sẽ luyện tập các môn thể thao khi ngày hội thể thao đến gần.

Thời điểm tổ chức ngày hội thể thao khác nhau tùy theo từng trường. Thông thường được tổ chức vào mùa xuân hoặc mùa thu.

Ngày hội thể thao có thể được tổ chức vào thứ bảy. Học sinh không nên tham gia. Nếu ngày hội thể thao được tổ chức vào thứ bảy thì học sinh sẽ được nghỉ bù vào thứ hai hoặc một ngày nào đó.

2. Ai tham gia ngày hội thể thao?

(1) Học sinh

Tất cả học sinh đều tham gia ngày hội thể thao

(2) Gia đình

Gia đình của học sinh cũng có thể đến xem.

Phụ huynh nên tham gia nếu có thời gian.



3. Ngày hội thể thao được tổ chức ở đâu?

Ngày hội thể thao được tổ chức ở sân vận động của nhà trường.



4. Ngày hội thể thao diễn ra như thế nào?

(1) Lễ khai mạc (Kaikaishiki)

Đầu tiên diễn ra lễ khai mạc. Hiệu trưởng nhà trường phát biểu trong lễ khai mạc. Hiệu trưởng cũng thông báo về những điều cần lưu ý trong ngày hội thể thao.

(2) Các môn thi đấu

Tiếp theo là thời gian thi đấu. Học sinh sẽ tham gia thi đấu theo quy định. Nhiều trường còn tổ chức thi đấu giữa các lớp.

(3) Lễ bế mạc (Heikaishiki)

Cuối cùng diễn ra lễ bế mạc. Hiệu trưởng nhà trường sẽ phát biểu trong lễ bế mạc. Trường hợp thi đấu theo lớp thì kết quả sẽ được công bố. Đội chiến thắng sẽ nhận được giải thưởng.

子どもたちはこんな競技をします（例）

- 短距離走・・・100m走、200m走などがあります。ゴールまでの速さを競います。
- リレー・・・何人かのチームでバトンを渡しなが走り、速さを競います。
- つなひき・・・2つのチームが1本の綱を両側から引き合います。チームで力を合わせて行う団体競技です。
- 騎馬戦・・・チーム対抗の団体競技です。4人1組1つの騎馬を作ります。3人が手を組んで土台を作り、1人がその上に乗ります。相手チームの騎馬の上に乗っている子どもの帽子を取り合います。動きが激しいため裸足で行います。
- 応援合戦・・・チームを応援するために、学年やクラス単位で行うもので、歌やダンス、組体操などを行います。



5. なにを着て行くの？ 持って行くの？

(1) 子どもの服装

- ① 体操服（学校で決められた体操服を着ます）
（p.31「服装・身だしなみ」のページを見てください）

② 運動靴

（新しい運動靴ではなく、履きなれたいつもの靴をはきましょう）



(2) 子どもの持ち物

① タオル

- ② 水筒（p.153「お弁当・水筒」のページを見てください）

〔注意〕 水筒にはお茶かお水を入れましょう。

- ③ お弁当（p.153「お弁当・水筒」のページを見てください）

〔注意〕 昼食の時間には、子どもは（教室に戻って）お弁当を食べます。
給食が出る学校もあります。事前に確認しましょう。

Những môn thi đấu mà trẻ tham gia (ví dụ)

Chạy cự ly ngắn (Tankyorisou) • • • Chạy 100m hoặc 200m. Thi đấu tốc độ chạy đến đích.

Chạy tiếp sức (Relay) • • • Trong một đội gồm một vài người, các thành viên trong đội chạy và trao gậy cho nhau. Đây là môn thi tốc độ.

Kéo co (Tsunahiki) • • • Hai đội kéo một sợi dây từ hai phía. Đây là môn thi đấu đồng đội mà cả đội phải cùng hợp sức.

Kỹ mã chiến (Kibasen) • • • Là môn thi đấu đồng đội giữa các đội. Một nhóm gồm 4 người sẽ tạo thành một kỵ mã. Trong mỗi đội, 3 người sẽ khoác tay nhau để tạo thành khối và người còn lại sẽ ngồi trên đó. Mỗi đội sẽ có một người ngồi trên và những người này sẽ giành lấy mũ của nhau. Vì các đội phải di chuyển nhiều nên mọi người sẽ cởi giày của mình ra.

Thi đấu cổ vũ • • • Đây là hoạt động tổ chức theo đơn vị khối lớp hoặc lớp học, học sinh sẽ hát, nhảy hoặc thể dục nhịp điệu.



5. Trang phục như thế nào và mang theo những đồ gì?

(1) Trang phục của học sinh

- ① Quần áo thể dục (mặc quần áo thể dục do nhà trường quy định)
(Tham khảo nội dung “Trang phục và diện mạo” ở trang 32).
- ② Giày thể thao
(không phải giày mới mà là giày đã đi quen hàng ngày)



(2) Những đồ dùng học sinh cần mang theo

- ① Khăn mặt
- ② Bình nước (Tham khảo nội dung “Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)” ở trang 154).
[Lưu ý] Chỉ mang theo trà hoặc nước.
- ③ Cơm hộp (Tham khảo nội dung “Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)” ở trang 154).
[Lưu ý] Học sinh (quay lại lớp học) và ăn cơm hộp trong thời gian ăn trưa.
Một số trường có bữa trưa nên phụ huynh cần xác nhận thông tin với nhà trường.

6. その他

- ① 体育大会の間、子どもたちはクラスの人々と一緒に活動します。昼食は、教室へ戻ってお弁当や給食を食べる場合と、保護者席で保護者と一緒に食べる場合があります。子どもの競技が終わったからといって、家へ連れて帰ったりしないでください。
- ② 雨が降った場合の対応を、中学校の先生に確認しておきましょう。体育大会は延期、または中止になりますが、お弁当は必要な場合があります。
- ③ 当日の応援席の場所取りや駐車場の使用には制限があります。中学校から連絡がありますので、必ず内容を確認してルールを守りましょう。
- ④ 体育大会の日は普段に比べ、のどがかわきます。水筒の量を普段よりも多めに持たせてください。
- ⑤ 体育大会はお祭りやパーティーではありません。子どもの楽しんでいる様子や成長を感じるところです。音楽を流したり、バーベキューセットやお酒を持ち込んだりするのは禁止されています。運動場などの競技を見る場所へのビーチパラソルやテントの持ち込みは禁止されています。

6. Những điều cần lưu ý khác

- ① Trong suốt thời gian diễn ra ngày hội thể thao, học sinh sẽ hoạt động cùng với bạn bè trong lớp. Vào giờ ăn trưa, học sinh có thể quay lại lớp học để ăn cơm hộp hoặc ăn bữa trưa của trường, hoặc ăn cùng với phụ huynh tại ghế dành cho phụ huynh. Phụ huynh không nên đưa con mình về trước khi ngày hội thể thao kết thúc.
- ② Phụ huynh cần xác nhận với giáo viên nhà trường về cách ứng phó khi trời mưa. Ngày hội thể thao bị hoãn lại hoặc tạm dừng nhưng có thể vẫn cần phải mang theo cơm hộp.
- ③ Có giới hạn đối với khu vực ngồi cổ vũ và bãi đỗ xe trong ngày diễn ra ngày hội thể thao. Nhà trường sẽ liên lạc với phụ huynh, khi đó, phụ huynh cần xác nhận thông tin và tuân theo các quy định.
- ④ Trong ngày diễn ra ngày hội thể thao, trẻ dễ khát nước hơn ngày thường. Do đó, phụ huynh nên cho trẻ mang trà hoặc nước uống nhiều hơn so với ngày thường.
- ⑤ Ngày hội thể thao không phải là bữa tiệc hay lễ hội mà là nơi phụ huynh quan sát trẻ vận động và thấy được sự trưởng thành của trẻ. Phụ huynh không được phép mở nhạc, mang theo đồ nướng BBQ hay rượu. Phụ huynh không được phép mang dù che nắng bãi biển hay lều vào khu vực xem trận đấu như sân vận động...

ぶんかさい 文化祭

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. ぶんかさい 文化祭ってなに？

中学校の文化祭は、普段の学習の成果などを保護者や他のクラス、学年の生徒に広く見てもらう機会として行うもので、お祭りではありません。学校によっては文化発表会などと名前が変わるところもあります。個人ではなく、クラス単位でのステージ発表、文化部の発表や作品の展示などがあります。また、合唱コンクールを行う学校も多いです。子どもたちは文化祭のために、たくさんの時間を使って準備や練習をします。ぜひ見に行きましょう。

2. いつするの？

学校によって時期は違いますが、9月～11月ごろに行うことが多いです。

3. だれが参加するの？

(1) 生徒

生徒はみんな、文化祭に参加します。

(2) 家族

家族も見に行くことができます。学校が決めた保護者席で発表を見たり、展示会場で展示を見たりすることができます。時間があるときは、ぜひ見に行きましょう。自分の子どもの発表だけ見に行く保護者が多いです。事前に配られるプログラムを見て、子どもの発表がいつ始まるのか確認しましょう。



4. どこでするの？

学校の体育館や、教室や廊下などを使って行うことが多いです。

合唱コンクールやステージ発表は近くの公民館・市民会館で行うこともあります。



5. なにをするの？

(1) クラス単位での発表

ダンス、劇などを、クラスのみんなで考えて、何回も練習して発表します。

(2) 文化部の展示や発表

手芸、美術、造形、マンガなどの作品を展示します。科学の実験や、吹奏楽の演奏などを行うこともあります。

(3) 合唱コンクール

クラス単位での合唱をステージで発表します。子どもたちはこの日のために、クラスでたくさん合唱の練習をします。優秀なクラスは賞がもらえます。合唱コンクールは文化祭とは別の時期に行う学校もあります。

Ngày hội văn hóa (Bunkasai)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Ngày hội văn hóa (Bunkasai) là gì?

Ngày hội văn hóa ở trường trung học cơ sở không phải là lễ hội. Đây là sự kiện được tổ chức để tạo cơ hội cho phụ huynh, học sinh của các lớp khác, học sinh trong toàn khối có thể thấy được thành tích học tập thường ngày của học sinh. Một số trường còn gọi sự kiện này là Bunka happyoukai... Học sinh không biểu diễn cá nhân. Có các hoạt động như biểu diễn trên sân khấu theo lớp, câu lạc bộ văn hóa biểu diễn hoặc triển lãm tác phẩm. Nhiều trường còn tổ chức thi hợp xướng. Học sinh dành nhiều thời gian để chuẩn bị và luyện tập cho ngày hội văn hóa. Phụ huynh cần cố gắng tham gia sự kiện này.

2. Ngày hội văn hóa diễn ra khi nào?

Thời điểm tổ chức ngày hội văn hóa khác nhau tùy theo từng trường. Đa số các trường tổ chức vào khoảng tháng 9 ~ tháng 11.

3. Ai tham gia ngày hội văn hóa?

(1) Học sinh

Tất cả học sinh đều tham gia ngày hội văn hóa

(2) Gia đình

Gia đình cũng có thể đến xem. Phụ huynh có thể xem biểu diễn tại ghế dành cho phụ huynh do nhà trường quy định và xem triển lãm tại hội trường triển lãm. Phụ huynh nên tham gia nếu có thời gian. Nhiều phụ huynh chỉ đến xem phần biểu diễn của con mình. Phụ huynh nên xem trước lịch trình do nhà trường phát trước đó để biết thời gian bắt đầu phần biểu diễn của con mình.



4. Ngày hội văn hóa được tổ chức ở đâu?

Hầu hết các trường thường tổ chức ngày hội văn hóa ở nhà thể chất của trường, lớp học, hành lang... Thi hợp xướng và biểu diễn trên sân khấu có thể được tổ chức ở trung tâm văn hóa công cộng (kouminkan) hoặc hội trường thành phố (shimin kaikan) ở gần trường.



5. Ngày hội văn hóa diễn ra như thế nào?

(1) Biểu diễn theo từng lớp

Tất cả các thành viên trong lớp cùng suy nghĩ, luyện tập nhiều lần để biểu diễn nhảy múa, kịch...

(2) Câu lạc bộ văn hóa triển lãm và biểu diễn

Triển lãm các tác phẩm nghệ thuật như sản phẩm thủ công, mỹ thuật, tạo hình, truyện tranh (manga)...

Có thể có thí nghiệm hóa học hay biểu diễn dụng cụ bộ hơi...

(3) Thi hợp xướng

Các lớp biểu diễn hợp xướng trên sân khấu. Học sinh luyện hát hợp xướng nhiều lần trên lớp để chuẩn bị cho ngày hội văn hóa. Lớp xuất sắc sẽ được nhận giải thưởng. Một số trường tổ chức thi hợp xướng vào thời điểm khác ngày hội văn hóa.

6. 文化祭までに準備・練習しておくこと

※ 難しいときは早めに先生に相談しましょう。

(1) 歌や台詞、ダンスの振り付けなど

文化祭で子どもが発表する歌や劇の台詞、ダンスの振り付けなどを家で覚えたり、練習したりすることがあります。

(2) 衣装・道具

必要な衣装や道具を家庭で準備することがあります。

7. なにを着て行くの？ 持って行くの？

(1) 子どもの服装

普段、学校に行く服装と同じで、制服で行きます。衣装がある場合は学校で着替えます。

(2) 保護者の服装

文化祭は式典ではありません。服装もカジュアルな服装でかまいません。しかし、学校は「学ぶ場所」です。たくさんの汚れがついている服、ジャージ、肌の露出が多い服、ドレスなどはやめましょう。

(3) 保護者の持ち物

① 文化祭のプログラム

② スリッパ

③ カメラやビデオを持って行くこともできます。カメラやビデオでの撮影は他の方や発表の邪魔にならないようにしましょう。携帯電話やスマートフォンでの撮影、ネット上に許可なく公開するのはやめましょう。

8. その他

① 文化祭の間、子どもは先生や他の生徒たちと一緒に活動します。子どもの発表が終わったからといって、子どもを保護者席へ連れだしたり、家へ連れて帰ったりしないでください。

② 移動やトイレは発表と発表のあいだの時間で行きましょう。

③ カメラやビデオで撮影をしてもいい学校と、してはいけない学校があります。先生に確認をしましょう。

④ 子どもが間違えて発表したり、失敗したりすることもあります。その時は責めずに、何度も練習したことやがんばったことを認め、ほめたり、励ましたりしましょう。



6. Những việc cần làm và luyện tập trước ngày hội văn hóa

※Học sinh nên trao đổi với giáo viên sớm nếu thấy quá khó.

(1) Luyện hát, nhớ lời thoại, nhớ các bước nhảy

Khi ở nhà, học sinh luyện tập hát, nhớ lời thoại trong vở kịch, nhớ các bước nhảy sẽ biểu diễn trong ngày hội văn hóa.

(2) Trang phục và dụng cụ

Học sinh có thể phải chuẩn bị trang phục và dụng cụ cần thiết từ nhà.

7. Học sinh mặc gì và mang theo đồ gì?

(1) Trang phục của học sinh

Học sinh mặc đồng phục giống thường ngày mặc khi đến trường. Học sinh sẽ thay trang phục biểu diễn ở trường.

(2) Trang phục của phụ huynh

Ngày hội văn hóa không phải là một buổi lễ. Phụ huynh có thể mặc trang phục thường ngày. Tuy nhiên, trường học là “Nơi để học”. Vì vậy, phụ huynh nên tránh mặc quần áo bẩn, quần áo thun, quần áo hở hang hay váy dạ hội...

(3) Những đồ phụ huynh cần mang theo

① Chương trình ngày hội văn hóa

② Dép đi trong nhà

③ Phụ huynh có thể mang theo máy ảnh hoặc máy quay. Phụ huynh cần tránh làm ảnh hưởng đến người khác khi chụp ảnh hay quay phim. Phụ huynh không nên công khai trên mạng những hình ảnh chụp bằng điện thoại di động hay smartphone mà chưa được cho phép.

8. Những điều cần lưu ý khác

- ① Trong suốt thời gian diễn ra ngày hội văn hóa, trẻ sẽ hoạt động cùng với giáo viên và bạn bè mình. Phụ huynh không nên đưa trẻ vào ghế dành cho phụ huynh hoặc đưa trẻ về nhà kể cả sau khi phần biểu diễn của trẻ kết thúc.
- ② Phụ huynh nên di chuyển hoặc đi vệ sinh trong khoảng thời gian giữa các phần biểu diễn.
- ③ Có trường cho phép chụp ảnh và quay phim nhưng cũng có trường không cho phép chụp ảnh và quay phim. Phụ huynh cần xác nhận thông tin này với giáo viên.
- ④ Học sinh có thể nhầm lẫn khi biểu diễn. Trong trường hợp này, phụ huynh không nên trách mắng trẻ, nên công nhận, khen ngợi và động viên sự nỗ lực, cố gắng của trẻ.



そつぎょうしき 卒業式

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 卒業式ってなに？

卒業式は、子どもたちが中学校での教育課程を終えたことをお祝いする式です。また、お世話になった中学校の先生たちとお別れをする式です。

卒業式は、宗教的な行事ではありません。



2. いつするの？

卒業式は、3月に行われます。

(日本の中学校の1年は、4月に始まって3月に終わります。)

3. だれが参加するの？

① 生徒

生徒はみんな、卒業式に参加します。

② 保護者

日本では、ほとんどの保護者が卒業式に出席します。

【注意】保護者以外の人は卒業式に参加できないことがあります。保護者以外の親戚が保護者と一緒に参加してもよいか確認しましょう。たくさん行くと、会場に入りきらなかったり、イスの数がたりなかったりするからです。中学校の先生に確認してください。

4. なにをするの？

① 校長先生のあいさつ

校長先生が、卒業する子どもたちにむけて、お祝いのメッセージを言います。

② 卒業証書授与

校長先生から、卒業する子どもたちに、卒業証書が渡されます。

③ 教育委員会、来賓のお祝いのことば

教育委員会や来賓の方が、卒業する子どもたちにむけて、お祝いのメッセージを言います。

④ 卒業生・在校生お別れの言葉

卒業生・在校生がお互いにお別れのメッセージを言います。

⑤ 卒業生合唱

卒業する子どもたちが、歌をうたいます。この日のために歌の練習をしています。

Lễ tốt nghiệp (Sotsugyoushiki)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Lễ tốt nghiệp (Sotsugyoushiki) là gì?

Lễ tốt nghiệp là buổi lễ chúc mừng học sinh đã hoàn thành quá trình học tập ở trường trung học cơ sở. Đây cũng là buổi lễ học sinh chia tay với giáo viên đã giúp đỡ mình trong suốt thời gian học ở trường.

Lễ tốt nghiệp không phải là sự kiện mang tính tôn giáo.

2. Lễ tốt nghiệp được tổ chức khi nào?

Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 3.

(Một năm học ở trường trung học cơ sở của Nhật Bản bắt đầu vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 3).



3. Ai tham gia lễ tốt nghiệp?

① Học sinh

Tất cả học sinh trong trường đều tham gia lễ tốt nghiệp.

② Phụ huynh

Ở Nhật, hầu hết các phụ huynh đều tham gia lễ tốt nghiệp.

[Lưu ý] Những người không phải là bố mẹ của học sinh có thể không được phép tham gia lễ tốt nghiệp. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường xem người thân trong gia đình có thể tham gia cùng phụ huynh được không. Bởi vì nếu quá nhiều người tham gia thì sẽ không thể vào hết được hội trường hoặc không đủ chỗ ngồi. Phụ huynh cần xác nhận thông tin với giáo viên nhà trường.

4. Lễ tốt nghiệp diễn ra như thế nào?

① Hiệu trưởng nhà trường phát biểu

Hiệu trưởng nhà trường gửi lời chúc mừng đến những học sinh tốt nghiệp.

② Trao bằng tốt nghiệp

Hiệu trưởng nhà trường trao bằng tốt nghiệp cho những học sinh tốt nghiệp.

③ Lời chúc từ ủy ban giáo dục và các khách mời

Ủy ban giáo dục và các khách mời gửi lời chúc mừng đến những học sinh tốt nghiệp.

④ Lời chia tay của học sinh tốt nghiệp và học sinh trong trường

Học sinh tốt nghiệp và học sinh trong trường gửi cho nhau những lời chia tay.

⑤ Học sinh tốt nghiệp hát hợp xướng

Những học sinh tốt nghiệp hát hợp xướng. Học sinh sẽ luyện tập trước để hát trong lễ tốt nghiệp.

5. なにを着よう？なにを持って行こう？

(1) 服装

① 子ども

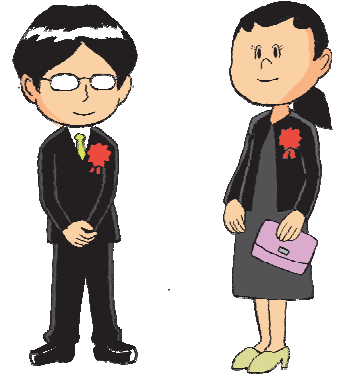
中学校の制服を着ます。パーティーではないので、アクセサリをつけたり、化粧をしたりしてはいけません。髪型も派手なアレンジはしません。靴下のデザイン、制服の下に着る服も学校で決められたルールを守りましょう。

② 保護者

あまり派手ではない色・デザインの服を着ましょう。たとえば、女の人なら、色は、黒や紺色、グレー、ベージュなどがおすすめです。デザインは、ジャケットとスカート、ワンピースなどがおすすめです。

男の人は、黒いスーツが 좋습니다。

女の人、男の人、ジーンズやTシャツ、スウェットなどは着ません。



(2) 保護者の持ち物

① スリッパ

② カメラやビデオを持って行くこともできます。カメラやビデオでの撮影は他の方の邪魔にならないようにしましょう。携帯電話やスマートフォンでの撮影、ネット上に許可なく公開するのはやめましょう。

6. その他

(1) 早めに行こう！

卒業式では、始まる時間や、プログラムが決まっています。卒業式が始まる 15 分ほど前に、中学校に着くようにしましょう。

(2) 卒業式の雰囲気

卒業式はパーティーのように、にぎやかな式ではありません。保護者は成長した子どもたちの姿を静かに見守ります。

(3) 卒業証書

子どもたちが、中学校での教育課程を終えたことを証明するものです。大切に家を持って帰り、失くさないようにしましょう。



5. Trang phục như thế nào và mang theo những đồ gì?

(1) Trang phục

① Học sinh

Học sinh mặc đồng phục của trường trung học cơ sở. Lễ tốt nghiệp không phải là bữa tiệc nên học sinh không được đeo đồ trang sức hay trang điểm. Kiểu tóc cũng không được cầu kỳ. Học sinh cần tuân thủ quy định của nhà trường về thiết kế của tất và quần áo mặc bên trong đồng phục.

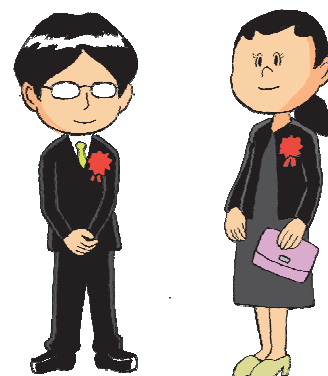
② Phụ huynh

Phụ huynh nên mặc trang phục có màu sắc nhẹ nhàng và thiết kế đơn giản.

Ví dụ: Về màu sắc, phụ nữ nên mặc màu đen, màu xanh đậm, màu ghi, màu be. Còn về thiết kế, phụ nữ nên mặc áo khoác, váy hoặc đầm.

Đàn ông nên mặc comple màu đen.

Cả phụ nữ và đàn ông không nên mặc quần bò, áo phông hay áo thun...



(2) Những đồ phụ huynh cần mang theo

① Dép đi trong nhà

② Phụ huynh có thể mang theo máy ảnh hoặc máy quay. Phụ huynh cần tránh làm ảnh hưởng đến người khác khi chụp ảnh hay quay phim. Hình ảnh chụp bằng điện thoại di động và smartphone không được công khai trên mạng nếu chưa nhận được sự cho phép.

6. Những điều cần lưu ý khác

(1) Đi sớm

Thời gian diễn ra lễ tốt nghiệp và chương trình trong buổi lễ được nhà trường quy định trước. Phụ huynh nên đến trường sớm 15 phút trước khi buổi lễ bắt đầu.

(2) Không khí của lễ tốt nghiệp

Lễ tốt nghiệp không phải là buổi lễ náo nhiệt như bữa tiệc. Đây là buổi lễ mà phụ huynh lặng lẽ dõi theo sự trưởng thành của con mình.

(3) Bằng tốt nghiệp

Bằng tốt nghiệp chứng minh học sinh đã hoàn thành quá trình học tập ở trường trung học cơ sở. Phụ huynh nên mang về nhà và lưu giữ cẩn thận để tránh làm mất.



びょうき 病 気やけがのとき



1. 子どもが 病 気やけがをしたら

いえ そと こ びょうき
家や外で子どもが病気やけがをしたら、お つ たいおう
落ち着いて対応しましょう。びょういん やす きゅうじつ
病院が休みの休日や
やかん びょうき ばあい いりょうきかんあんない りょう
夜間に病気やけがをした場合、医療機関案内サービスを利用しましょう。

がいこくご あんない 外国語での案内サービス

あいちけん きゅうきゅういりょうじょうほう 〇愛知県 救 急 医療情報システム

てつどう えきめい し く ちょうそんめい はつおん いちばんちか いりょうきかん おんせい
鉄道の駅名または市区町村名を発音すると、一番近い医療機関を、音声またはFAXで
じどうてき あんない こくご ちゅうごくご えいご こ かんこくご
自動的に案内します。5ヶ国語（中国語、英語、ポルトガル語、スペイン語、韓国語）に
たいおう
対応しています。

でんわ
電話・FAX：(050) 5810-5884

あいちいりょうつうやく 〇愛知医療通訳システム（A i M I S）

びょういん つうやく ちゅうごくご えいご こ ちゅうごくご えいご りょう
病院で通訳（中国語、英語、ポルトガル語、スペイン語、フィリピン語）を利用できます。
また、24時間体制で6か国語（中国語、英語、ポルトガル語、スペイン語、フィリピン
ご かんこく ちょうせんご でんわつうやく たいおう
語、韓国・朝鮮語）で電話通訳に対応しています。

でんわ
電話・FAX：(050) 5814-7263

きんきゅう ばあい きゅうきゅうしゃ よ でんわばんごう でんわ
緊急の場合は救 急 車を呼びましょう。電話番号は「119」です。電話をするときには、
にほんご はな にほんご せつめい ちか にほんご はな
日本語で話さなければいけません。日本語でうまく説明できないときは、近くの日本語を話せる
ひと たす もと ちか たす もと ひと ばあい かんたん にほんご つた
人に助けを求めましょう。近くに助けを求められる人がいない場合は、簡単な日本語で伝えるよ
うにしましょう。

き 聞かれる内容

かさい きゅうきゅう
「火災か救 急か」

きゅうきゅう
→救 急 です。

じゅうしょ
「住所」

きゅうきゅうしゃ き ばしょ つた
→救 急 車にきてほしい場所を伝えます。

なまえ れんらくさき
「名前、連絡先」

でんわ ひと なまえ でんわばんごう
→電話をかけた人の名前と電話番号

だれ
「いつ、誰が、どこで、どうしてけがをしたのか」

こ
→子どもがいつ、どこで、どうしてけがをしたのか言います。

いま じょうたい
「今どんな状態か」

み こ じょうたい かんたん い
→見たままの子どもの状態を簡単に言います。

Khi trẻ bị ốm hoặc bị thương



1. Khi trẻ bị ốm hoặc bị thương

Nếu trẻ bị ốm hoặc bị thương khi ở nhà hoặc ở bên ngoài thì phụ huynh cần bình tĩnh xử lý. Trường hợp trẻ bị ốm hoặc bị thương vào ngày bệnh viện đóng cửa hoặc vào ban đêm thì phụ huynh nên sử dụng dịch vụ hướng dẫn của cơ sở y tế (iryoku kikan annai).

Dịch vụ hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài

○ Hệ thống thông tin y tế cấp cứu tỉnh Aichi

Nếu nói tên ga hoặc tên tỉnh, thành phố thì hệ thống sẽ hướng dẫn tự động cơ sở y tế gần nhất bằng âm thanh hoặc bằng FAX. Dịch vụ có 5 ngôn ngữ (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Hàn Quốc).

Điện thoại • FAX: (050) 5810-5884

○ Hệ thống phiên dịch liên quan đến y tế tỉnh Aichi (AiMIS)

Phụ huynh có thể hệ thống dịch vụ phiên dịch tại bệnh viện (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Philippin). Hệ thống cung cấp dịch vụ phiên dịch 24/7 qua điện thoại với 6 ngôn ngữ (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Philippin, tiếng Hàn Quốc/ tiếng Triều Tiên).

Điện thoại • FAX: (050) 5814-7263

Phụ huynh cần gọi xe cấp cứu trong trường hợp khẩn cấp. Số điện thoại của xe cấp cứu là “119”. Nếu gọi điện thoại thì phụ huynh phải nói bằng tiếng Nhật. Nếu phụ huynh không thể giải thích được rõ ràng bằng tiếng Nhật thì phụ huynh nên nhờ người có thể nói được tiếng Nhật ở gần đó giúp đỡ. Trường hợp không thể nhờ người gần đó giúp đỡ thì phụ huynh nên sử dụng những câu tiếng Nhật đơn giản để nói chuyện.

Nội dung hội thoại

「Kasai ka kyuu kyuu ka」 (Hỏa hoạn hay Cấp cứu?)

→ Kyuukyuu desu (Cấp cứu)

「Juusho」 (Địa chỉ)

→ Nói địa chỉ mong muốn xe cấp cứu đến.

「Namae, Renrakusaki」 (Tên và Số điện thoại liên lạc)

→ Nói tên và số điện thoại của người gọi điện.

「Itsu, Darega, Dokode, Doushite Kega wo Shitanoka」

(Bị thương khi nào? Ở đâu? Ai bị thương? Tại sao bị thương?)

→ Nói thời điểm, địa điểm và lý do trẻ bị thương.

「Ima donna joutai ka」 (Tình trạng hiện tại như thế nào?)

→ Nói đơn giản về tình trạng hiện tại của trẻ mà phụ huynh nhìn thấy.

2. 病院へ行ったあと

病院で診察を受けたら、医師に中学校に行ってもいいか確認をします。

(1) 行けないとき

中学校を休ませて、家で看病します。中学校の先生は、子どものことを心配しています。休むことと病名や症状を具体的に伝えてください。

(2) 行けるとき

中学校へ行けるときの、先生に子どもの病名や症状を具体的に伝えましょう。病院で、医師に紙に書いておいてもらうことをおすすめします。

薬の取り扱いについて

- ・ 中学校は薬を預かってくれません。もし給食の前や後に薬を飲む必要があれば、子どもに自分で飲むよう持たせましょう。
- ・ 「1日3回」の薬は、必ず昼食の後に飲まなければいけないというわけではありません。帰宅後に飲ませることもできます。そのときは、帰宅後に飲んでから夜の薬を飲むまで何時間あけなくてははいけないか医師に相談しましょう。
- ・ 病院で医師に相談すると「1日3回」の薬を「1日2回」にしてくれることがあります。相談してみましょう。

3. もしものときのために

病気やけがで心配になったときは、こんなサイトもあります。

① あいち救急医療ガイド <http://www.qq.pref.aichi.jp/>

「愛知県救急医療情報システム」のホームページ「あいち救急医療ガイド」では、外国語で対応できる休日診療所を検索することができます。

② あいち医療通訳システム

<http://www.aichi-iryoku-tsuyaku-system.com/>

愛知県の一部の病院などで受けられる通訳や翻訳のサービスです。外国語でホームページを見ることができます。

でんわ
電話・FAX：(050) 5814-7263

2. Sau khi đến bệnh viện

Sau khi trẻ được bác sỹ khám xong ở bệnh viện, phụ huynh cần hỏi bác sỹ xem trẻ có thể đến trường được không.

(1) Trường hợp trẻ không thể đến trường

Phụ huynh nên cho trẻ nghỉ học và chăm sóc trẻ ở nhà. Giáo viên nhà trường sẽ rất lo lắng cho học sinh. Do đó, phụ huynh cần thông báo cụ thể với giáo viên việc trẻ nghỉ học, tên bệnh và triệu chứng bệnh của trẻ.

(2) Trường hợp trẻ có thể đến trường

Trong trường hợp trẻ có thể đến trường, phụ huynh cần thông báo cụ thể cho giáo viên về tên bệnh và triệu chứng bệnh của trẻ. Phụ huynh nên chuẩn bị bằng cách nhờ bác sỹ viết những thông tin này vào giấy.

Sử dụng thuốc

- Nhà trường không bảo quản thuốc giúp học sinh. Nếu trẻ phải uống thuốc trước hoặc sau bữa trưa thì phụ huynh cho trẻ mang thuốc đến trường để tự uống.
- Thuốc được chỉ định “3 lần/ ngày” không có nghĩa bắt buộc phải uống sau bữa trưa. Trẻ có thể uống sau khi về nhà. Khi đó, phụ huynh cần hỏi bác sỹ xem thời gian uống thuốc buổi tối và thời gian uống thuốc trước buổi tối cách nhau mấy tiếng.
- Một số trường hợp, bác sỹ có thể thay đổi đơn thuốc từ “3 lần/ ngày” sang “2 lần/ ngày”. Phụ huynh cần trao đổi với bác sỹ về điều này.

3. Chuẩn bị cho trường hợp khẩn cấp

Nếu cảm thấy lo lắng khi trẻ bị ốm hoặc bị thương thì phụ huynh có thể tham khảo trang web dưới đây.

① Hướng dẫn về y tế cấp cứu tỉnh Aichi <http://www.qq.pref.aichi.jp/>

Trên trang web “Hướng dẫn về y tế cấp cứu Aichi” của “Hệ thống thông tin y tế cấp cứu tỉnh Aichi”, phụ huynh có thể tìm kiếm trung tâm khám bệnh vào ngày nghỉ có hỗ trợ tiếng nước ngoài.

② Hệ thống phiên dịch y tế tỉnh Aichi <http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/>

Đây là dịch vụ phiên dịch và biên dịch có ở một số bệnh viện thuộc tỉnh Aichi. Phụ huynh có thể xem trang web bằng tiếng nước ngoài.

Điện thoại • FAX: (050) 5814-7263

4. 保健室でできること

(1) 保健室ってなに？

中学校には保健室があります。保健室には養護教諭と呼ばれる先生がいます。養護教諭は子どもが学校で病気やけがをしたとき、応急処置をしてくれます。そして病院に行った方がいいか、学校で授業が受けられるかを判断します。

養護教諭は医師ではありません。必要なときは必ず病院で診察を受けましょう。

(2) 迎えが必要なとき

養護教諭が「病院に行く必要がある」や「学校で授業を受けることができない」と判断したら、保護者に電話をします。できるだけ早く学校に迎えに行ってください。また子どもが病気やけがをしたときに、きちんと連絡が取れるよう、学校に連絡先を教えておきましょう。



4. Phòng y tế (Hokenshitsu)

(1) Phòng y tế là gì?

Ở trường tiểu học có phòng y tế. Trong phòng y tế có giáo viên được gọi là “Y tá” (Yougo kyouyu). Y tá sẽ xử lý khẩn cấp trong trường hợp học sinh bị ốm hoặc bị thương ở trường. Ngoài ra, y tá sẽ nhận định xem học sinh có nên đi bệnh viện không và có thể tiếp tục tham gia các tiết học trên lớp hay không.

Y tá không phải là bác sỹ. Phụ huynh cần đưa trẻ đến bệnh viện khám khi cần thiết.

(2) Trường hợp phụ huynh cần đến trường đón trẻ

Nếu y tá nhận định “Trẻ cần đi bệnh viện” hoặc “Trẻ không thể tiếp tục tham gia các tiết học ở trường” thì nhà trường sẽ gọi điện cho phụ huynh. Phụ huynh cần đến trường đón trẻ sớm nhất có thể. Ngoài ra, phụ huynh cần thông báo trước cho nhà trường thông tin liên lạc để nhà trường có thể liên lạc trong trường hợp trẻ bị ốm hoặc bị thương.



からだ ころ せいちょう 体と心の成長

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 子どもの体と心の成長について

中学生の時期、子どもの体や心にはいろいろな変化が起きます。男の子は中学生から10代後半にかけて体が大きく成長します。女の子は小学校のあいだに、ある程度体は大きくなっていることが多いですが、まだまだ成長します。

また心にも変化が起きてきます。中学生になると思春期に入り、勉強、進路、友人関係、部活動、恋愛など、いろいろなことで子どもは悩めます。大人から見ると、小さい悩みに見えることもあるかもしれませんが、しかし毎日中学校に通い、そこで生活している子どもにとっては大きな悩みです。

子どもは自分の体や心に起こる変化に、戸惑い、悩むこともあるでしょう。保護者も子どもの変化に戸惑うこともあると思います。必要なときにはサポートし、子どもの成長を見守りましょう。

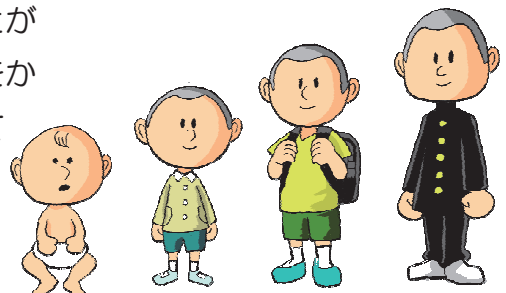
2. 体に合ったものを身につけよう

中学生は体の変化が起こる時期です。男の子は身長がかなり伸びることがあります。入学するときには少し大きめの制服を買うといいでしょう。女の子は身長の変化はあまりないかもしれませんが、脂肪がつき女性らしい体になってきます。男の子も女の子も、今着ている制服や体操服が合わなくなってきたら、成長に合わせて準備しましょう。きょうだいの服を使ったり、近所の先輩にもらったりする方法もあります。

3. 第二性徴ってなに？

第二性徴とは、子どもの体が大人の体になるための準備を始めることです。第二性徴が始まると子どもの体にはいろいろな変化が起こります。個人差はありますが、中学生の年齢は、第二性徴の時期にあたります。第二性徴が起きている時期を思春期といいま

す。
第二性徴が始まると、子どもは自分の体の変化に戸惑います。保護者のサポートを必要としているときも、恥ずかしくて自分から言い出すことが出来ないかもしれません。そんなときは保護者から声をかけてあげてください。普段から子どもの様子をよく見てあげることが大切です。



Sự phát triển về thể chất và tâm lý của trẻ

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Sự phát triển về thể chất và tâm lý của trẻ

Thể chất và tâm lý của học sinh trung học cơ sở có rất nhiều thay đổi. Cơ thể của bé trai phát triển rất nhanh trong thời gian từ khi học trung học cơ sở cho đến trước tuổi trưởng thành. Còn cơ thể của bé gái thì thường phát triển ở một mức độ nào đó từ khi học tiểu học và vẫn tiếp tục phát triển nữa.

Ngoài ra, tâm lý của trẻ cũng thay đổi trong giai đoạn này. Khi bắt đầu học trung học cơ sở, trẻ bước vào giai đoạn tuổi dậy thì và bắt đầu trăn trở về nhiều điều trong cuộc sống như học tập, hướng đi trong tương lai, mối quan hệ bạn bè, hoạt động câu lạc bộ, tình yêu... Nhìn từ phía người lớn, đó có thể chỉ là những trăn trở không đáng quan tâm. Tuy nhiên, đối với một đứa trẻ hàng ngày đến trường, sinh hoạt ở trường thì đó là những trăn trở khá lớn.

Trẻ có thể cảm thấy băn khoăn và lo lắng đối với những thay đổi về thể chất về tâm lý của bản thân. Phụ huynh có thể cũng sẽ cảm thấy băn khoăn với những thay đổi của trẻ. Phụ huynh cần hỗ trợ trẻ khi cần thiết và quan sát sự phát triển của trẻ.

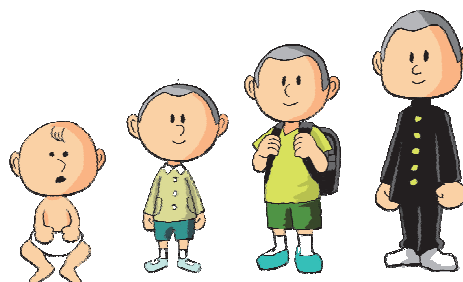
2. Trẻ nên mặc quần áo phù hợp với cơ thể

Cơ thể của trẻ phát triển trong suốt thời gian học trung học cơ sở. Chiều cao của bé trai có thể tăng lên khá nhiều. Do đó, khi trẻ nhập học, phụ huynh nên mua đồng phục có cỡ to hơn một chút. Chiều cao của bé gái thì không thay đổi nhiều nhưng trông sẽ nữ tính hơn do béo lên một chút. Bé trai và bé gái đều cần chuẩn bị quần áo phù hợp với sự phát triển của cơ thể nếu đồng phục và quần áo thể dục đang mặc không mặc vừa nữa. Phụ huynh có thể cho trẻ mặc quần áo cũ của anh chị trong gia đình hoặc xin quần áo cũ của anh chị hàng xóm.

3. Đặc điểm của tuổi dậy thì là gì?

Đặc điểm của tuổi dậy thì là đặc điểm đánh dấu sự bắt đầu phát triển thành người lớn của trẻ. Khi đặc điểm của tuổi dậy thì xuất hiện thì cơ thể trẻ có rất nhiều thay đổi. Mỗi cá nhân có sự phát triển khác nhau nhưng thông thường, trẻ sẽ xuất hiện đặc điểm của tuổi dậy thì trong thời gian học trung học cơ sở. Giai đoạn này được gọi là tuổi dậy thì.

Khi đặc điểm của tuổi dậy thì xuất hiện, trẻ sẽ lo lắng về những thay đổi trên cơ thể của bản thân. Trẻ có thể sẽ xấu hổ và không thể nói ra những suy nghĩ của bản thân kể cả khi trẻ cần sự giúp đỡ của bố mẹ. Trong trường hợp này, phụ huynh nên chủ động nói chuyện với trẻ. Phụ huynh cũng nên quan tâm đến tình trạng hàng ngày của trẻ.



★第二次性徴の体の変化と必要なサポート★

男子	女子
声変わり	乳房の発達…ブラジャーを身につけさせる
ひげの発生…シェーバーの使い方を教える	初潮…生理用品の使い方を教える
体毛の発生…日本では気にする女の子が多いため、女の子にはわき毛などの処理の仕方を教える	
体臭の発生…制汗スプレーや制汗シートを用意する	

※服の上からでも胸のふくらみが見えるようになったら、ブラジャーを身につけさせましょう。日本では人前に出る場合、ブラジャーを身につけます。制服や体操服の上から、自立ちににくいデザインや色のものを選びましょう。

4. 思春期の子どもたち

思春期の子どもは大変デリケートです。イライラして、保護者に対して反抗的な態度をとってしまう時期もあります（反抗期といいます）。少しわるいことに憧れることもあるかもしれません。異性に興味を持ち、誰かとお付き合いをすることもできるかもしれません。

子どもがモラルに反することをし、人に迷惑をかけたり、法を犯しそうになったら保護者は全力で止め、きちんと注意しなければいけません。しかし、ある程度の反抗的な態度は子どもの成長過程と思って、温かく見守りましょう。

子どものSOSサインを見逃さないで！

最近、中学生の自殺が増加しています。その自殺の原因の1つは「いじめ」です。いじめはあってはいけないことですが、実際まだまだ各地の中学校に存在します。

もし自分の子どもがいじめにあっていたら助けてあげてください。子どもは自分がいじめにあっていることを、なかなか親に言い出せません。普段から子どもの様子をよく見ることが大切です。子どもに次の変化があったら、声をかけ話を聞いてあげましょう。

- ・学校や友達のことを話さなくなった
- ・忘れ物が増える
- ・成績が下がる
- ・学校に行きたがらない
- ・体の不調が増える
- ・けがが増える
- ・物をなくしたり汚したりして帰ってくる

【困ったときは…】

※いじめ等の全国一律相談ダイヤル サイト（内閣府）：<http://www8.cao.go.jp/youth/soudan/>

5. 中学校のサポート

ほとんどの中学校で、保健体育の時間に第二次性徴や性についての授業があり、自分の体の変化について学ぶことができます。ぜひ家でも話す機会を作ってあげてください。女の子は、もし学校で初潮がきた場合、保健室でサポートを受けることができます。保健室には生理用品や下着が準備してあります。

また中学校には定期的にスクールカウンセラーが来ます。何か悩みがあったら、子どもに相談しに行かせましょう。保護者に話せないことでもカウンセラーには話せるということもあるかもしれません。

★ Những thay đổi cơ thể khi xuất hiện đặc điểm của tuổi dậy thì và sự hỗ trợ cần thiết ★

Nam	Nữ
Vỡ giọng	Ngực phát triển ... Cho trẻ mặc áo lót
Mọc râu ... Dạy trẻ cách sử dụng dao cạo râu	Xuất hiện kinh nguyệt lần đầu ... Dạy trẻ cách sử dụng băng vệ sinh
Mọc lông cơ thể ... Ở Nhật, con gái thường hay quan tâm đến lông cơ thể. Do đó, phụ huynh nên dạy trẻ cách xử lý lông cơ thể như lông nách...	
Có mùi cơ thể ... Chuẩn bị lọ xịt khử mùi và miếng dán khử mùi	

※ Nếu thấy ngực trẻ phát triển khi nhìn qua áo, phụ huynh nên cho trẻ mặc áo lót. Ở Nhật, phụ nữ sẽ mặc áo lót khi xuất hiện trước mọi người. Nên lựa chọn áo lót có thiết kế và màu sắc kín đáo khó nhìn qua đồng phục hoặc quần áo thể dục.

4. Trẻ trong giai đoạn tuổi dậy thì

Trẻ đang trong giai đoạn tuổi dậy thì rất nhạy cảm. Đây cũng là giai đoạn trẻ dễ cáu giận và có thái độ phản kháng với bố mẹ (giai đoạn này cũng được gọi là Giai đoạn nổi loạn (Hankouki)). Trẻ có thể đam mê những thứ không tốt lắm. Trẻ bắt đầu thích bạn khác giới và có thể có mối quan hệ nam nữ với một ai đó.

Nếu trẻ làm điều gì trái với tiêu chuẩn đạo đức, làm phiền đến người khác hay vi phạm luật, phụ huynh cần ngăn chặn và nhắc nhở trẻ. Tuy nhiên, đối với thái độ phản kháng của trẻ, phụ huynh cần coi đó là một bước phát triển của trẻ, quan tâm và dõi theo trẻ.

Không được bỏ qua dấu hiệu SOS của trẻ!

Gần đây, số lượng học sinh trung học cơ sở tự sát đang tăng lên. Một trong những nguyên nhân đó là do Bắt nạt học đường (Ijime). Bắt nạt học đường bị cấm nhưng trên thực tế vẫn tồn tại trong các trường ở các khu vực.

Nếu trẻ bị bắt nạt thì phụ huynh cần giúp đỡ trẻ. Trẻ sẽ không nói cho bố mẹ biết việc mình bị bắt nạt. Do đó, phụ huynh cần quan sát tình trạng hàng ngày của trẻ. Phụ huynh hãy nói chuyện với trẻ nếu trẻ có những dấu hiệu dưới đây.

- Không kể chuyện về trường lớp và bạn bè nữa
- Hay quên đồ
- Kết quả học tập giảm sút
- Không muốn đến trường
- Cơ thể của trẻ yếu hơn
- Trẻ hay bị thương
- Trở về nhà trong trạng thái mất đồ hoặc bẩn đồ

【Khi xảy ra vấn đề gì đó...】

※ Tư vấn toàn quốc về các vấn đề như bắt nạt học đường...

Trang web (Văn phòng nội các): <http://www8.cao.go.jp/youth/soudan/>

5. Sự hỗ trợ từ phía nhà trường

Hầu hết các trường trung học cơ sở đều có tiết học về đặc điểm của tuổi dậy thì và về giới tính trong giờ học môn Giáo dục thể chất. Do đó, học sinh có thể học được về những thay đổi trên cơ thể của bản thân. Tuy nhiên, phụ huynh cũng cần tạo cơ hội để nói chuyện với trẻ về vấn đề này khi ở nhà. Nếu học sinh nữ xuất hiện kinh nguyệt lần đầu khi đang ở trường thì phòng y tế nhà trường sẽ hỗ trợ. Phòng y tế có chuẩn bị băng vệ sinh và đồ lót.

Ngoài ra còn có chuyên gia tư vấn học đường sẽ đến trường tư vấn định kỳ. Phụ huynh hãy đưa trẻ đến để được tư vấn bởi vì có những vấn đề mà trẻ không thể nói với bố mẹ nhưng có thể nói với chuyên gia tư vấn.

よ ぼ う せ っ し ゅ 予 防 接 種

1. な ぜ 予 防 接 種 を 受 け る の ？

こ どもは、免 疫 力 が 弱 く、病 気 に か かり や す い で す。予 防 接 種 を 受 け る こ と で、重 症 化 を 予 防 できる 病 気 が あ り ま す。大 切 な こ の 命 を 守 る た め に、予 防 接 種 を 受 け ま し ょ う。国 籍 や 在 留 資 格 に 関 係 な く 受 け る こ と が で き ま す。

2. ワ ク チ ン の し く み

予 防 接 種 に 使 う 薬 液 の こ と を 「ワ ク チ ン」と い い ま す。ワ ク チ ン は、体 の な か に 人 工 的 に 免 疫 を 作 り だ し ま す。ワ ク チ ン に よ っ て、病 気 が 重 く な る 危 険 を 低 く す る こ と が で き ま す。た だ、そ の 免 疫 は 少 し 弱 く、何 回 か の 接 種 が 必 要 な 場 合 が あ り ま す。

3. 予 防 接 種 の 種 類

予 防 接 種 に は、定 期 接 種 と 任 意 接 種 の 2 種 類 が あ り ま す。

- ① 定 期 接 種 ・ ・ ・ 国 が 決 め て、受 け る よ う 保 護 者 に 勧 め て い る 予 防 接 種 で す。
予 防 できる 病 気 ： ジ フ テ リ ア、百 日 せ き、ポ リ オ、麻 し ん ・ 風 し ん、日 本 脳 炎、破 傷 風、結 核、
B 型 肝 炎、子 宮 頸 がん など
- ② 任 意 接 種 ・ ・ ・ 流 行 の 時 期 に あ わ せ て、受 け る か ど う か 医 師 と 相 談 し て 決 め ま す。
予 防 できる 病 気 ： イン フ ル エ ン ザ、お た ふ く か ぜ、水 ぼ う そ う、ロ タ ウ イ ル ス、髄 膜 炎 など

※ 副 作 用 に つ い て

ワ ク チ ン を 接 種 し た あ と、副 作 用 が 出 る こ と が あ り ま す。接 種 す る 前 に、効 果 と 副 作 用 の リ ス ク を 確 認 し ま し ょ う。心 配 な と き は、医 師 に よ く 相 談 し ま し ょ う。

4. 費 用 は ？

- ① 定 期 接 種 は、決 め ら れ た 期 間 内 で あ れ ば、お お よ そ 無 料 で す。
- ② 任 意 接 種 は、ほ と ん ど の 場 合、全 額 自 己 負 担 で す。費 用 は 安 い も の で は あ り ま せ ん。し か し、予 防 接 種 を 受 け な か っ た た め に、重 い 病 気 に か かり、重 症 化 し て 後 遺 症 が 残 っ た り、時 に は 命 を 落 し た り す る こ と も あ り ま す。そ の こ と を 考 え れ ば、予 防 接 種 は と て も 重 要 で す。

Tiêm phòng (Yobou sesshu)

1. Tại sao trẻ cần phải tiêm phòng?

Khả năng miễn dịch của trẻ em rất kém nên dễ bị ốm. Có những bệnh có thể phòng tránh bằng cách tiêm phòng. Phụ huynh cần cho trẻ tiêm phòng để bảo vệ sức khỏe của trẻ. Tất cả trẻ em đều có thể tiêm phòng, bất kể quốc tịch nào và tư cách lưu trú là gì.

2. Chức năng của vaccin

Thuốc thể lỏng sử dụng khi tiêm phòng được gọi là “Vaccin”. Vaccin sẽ tạo ra miễn dịch đặc hiệu chủ động nhằm tăng sức đề kháng của cơ thể đối với một số tác nhân gây bệnh. Một số loại vaccin có thể làm giảm nguy cơ dẫn đến bệnh nặng. Tuy nhiên, một số trường hợp cần tiêm chủng nhiều lần do hệ miễn dịch kém.

3. Các hình thức tiêm phòng

Tiêm phòng được chia ra làm 2 loại, đó là tiêm phòng định kỳ và tiêm phòng không bắt buộc.

- ① Tiêm phòng định kỳ • • • Là loại tiêm phòng do nhà nước quy định và khuyến khích phụ huynh cho trẻ tham gia tiêm chủng.

Phòng chống các bệnh: Bệnh bạch hầu, ho lâu ngày, bệnh bại liệt, bệnh sởi, bệnh rubella, viêm não Nhật Bản, bệnh uốn ván, bệnh lao, bệnh viêm gan B, bệnh ung thư tử cung...

- ② Tiêm phòng không bắt buộc • • • Phụ huynh cần trao đổi với bác sỹ xem có nên cho trẻ tham gia hay không vào mùa có dịch bệnh.

Phòng chống các bệnh: Bệnh cảm cúm, bệnh quai bị, bệnh thủy đậu, bệnh tiêu chảy do rota virus, viêm màng não...

※ Tác dụng phụ

Tác dụng phụ có thể xảy ra sau khi tiêm phòng. Trước khi cho trẻ tiêm phòng, phụ huynh nên tìm hiểu về hiệu quả của vaccin và nguy cơ xảy ra tác dụng phụ. Nếu cảm thấy lo lắng, phụ huynh nên trao đổi kỹ với bác sỹ về vấn đề này.

4. Phí tiêm phòng

Đối với tiêm phòng định kỳ nêu ở ①, chi phí tiêm phòng được miễn phí trong khoảng thời gian quy định.

Đối với tiêm phòng không bắt buộc nêu ở ②, người tham gia phải chịu tất cả các chi phí. Phí tiêm phòng khá đắt. Tuy nhiên, nếu không tiêm phòng, trẻ có thể bị mắc bệnh nặng, bệnh nặng hơn dẫn đến biến chứng bệnh và có thể ảnh hưởng đến tính mạng. Nếu xét đến yếu tố này thì tiêm chủng phòng bệnh là rất cần thiết.

5. いつ受けるの？

ワクチンは、子どもの月齢や年齢によって接種できる期間が決まっています。接種期間についてのお知らせが、自治体から来ます。その期間内に受けるようスケジュールをたてましょう。期間外に受ける場合、費用が高くなる場合があります。

6. どこで受けるの？

市が指定した保健所や保健センター、かかりつけの小児科などで受けます。市が指定したところの場合、住民登録された方のみ受けることができます。

7. 受ける前に

予診票を記入します。記入のしかたが分からないときは、保健所や病院に相談しましょう。

8. もちもの

母子健康手帳、予診票（記入したもの）、予防接種手帳など。母国での予防接種記録があれば、持参しましょう。

子どもの健康のために

9. かかりつけの小児科をみつけよう！

疑問や不安を気軽に相談できる、かかりつけの小児科をみつけましょう。また、予防接種だけでなく、子どものようすについて心配なことがあれば、医師に何でも相談しましょう。

10. 正しい情報を得よう！

予防接種を安心して受けるために、正しい情報を得ましょう。

「予防接種と子どもの健康」（財）予防接種リサーチセンター
<http://www.yoboseshu-rc.com/index.php?id=8>

「予防接種と子どもの健康」の本文を、外国語（英語、韓国語、中国語、ポルトガル語、タガログ語）で読むことができます。また、外国語の予診票も、ダウンロードして使えます。（お願い）ダウンロードするときは、利用規約をしっかりと読んで守るようにしましょう。



※先生方へ※

日本生まれではない生徒は、母国で受けた予防接種の記録を持っている場合が多いです。国によって受ける予防接種の種類は違います。学校で必要であれば、保護者に聞いてみましょう。

5. Tham gia tiêm phòng khi nào?

Thời gian có thể tham gia tiêm chủng các loại vaccin được quy định theo tháng tuổi và theo năm tuổi. Chính quyền địa phương sẽ thông báo cho người dân về thời gian tiêm phòng. Phụ huynh cần lập kế hoạch để có thể cho trẻ tham gia tiêm phòng trong thời gian quy định. Trường hợp tham gia tiêm phòng ngoài thời gian quy định thì phí tiêm phòng có thể đắt hơn.

6. Tham gia tiêm phòng ở đâu?

Trẻ có thể tham gia tiêm phòng ở nhiều nơi như nhà y tế do thành phố chỉ định, trung tâm y tế hoặc ở khoa nhi riêng.

Chỉ những người dân đã đăng ký tạm trú mới có thể tham gia tiêm phòng ở địa điểm do thành phố chỉ định.

7. Trước khi tham gia tiêm phòng

Phụ huynh phải điền vào Phiếu khám sơ bộ (Yoshinhyou). Phụ huynh cần trao đổi với trung tâm y tế hoặc bệnh viện nếu không biết cách điền thông tin.

8. Đồ mang theo khi tham gia tiêm phòng

Sổ tay sức khỏe mẹ và bé (Boshi kenkou techou), Phiếu khám sơ bộ (Phiếu đã điền thông tin), Sổ tiêm phòng (Yobou sesshu techou)...

Nếu có danh sách vaccin trẻ đã tiêm khi ở nước mẹ đẻ thì phụ huynh nên mang theo danh sách này.

Bảo vệ sức khỏe của trẻ

9. Tìm khoa nhi riêng

Phụ huynh nên tìm khoa nhi riêng cho gia đình để có thể trao đổi bất cứ lúc nào khi có thắc mắc hoặc khi cảm thấy lo lắng. Không chỉ khi tiêm phòng, phụ huynh cũng nên trao đổi tất cả với bác sỹ nếu có điều gì lo lắng về tình trạng sức khỏe của trẻ.

10. Tìm hiểu thông tin chính xác

Phụ huynh cần tìm hiểu thông tin chính xác để có thể yên tâm cho trẻ tham gia tiêm phòng.

“Tiêm phòng và sức khỏe của trẻ”(Yobou sesshu to kodomo no kenkou)

Trung tâm nghiên cứu tiêm phòng (Yobou sesshu research center)

<http://www.yoboseshu-rc.com/index.php?id=8>

Nội dung về “Tiêm phòng và sức khỏe của trẻ” có nhiều ngôn ngữ (tiếng Anh, tiếng Hàn Quốc, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Philippines). Phụ huynh có thể tải trên mạng phiếu khám sơ bộ bằng ngôn ngữ nước ngoài và sử dụng.

(Lưu ý) Trước khi tải về, phụ huynh cần đọc kỹ và tuân thủ quy định khi sử dụng.



感染症

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 感染症ってなに？

感染症とは、ウイルスや細菌が体の中に入って起こる病気です。子どもは免疫力が十分でなく、急に病気の症状が出る場合があります。また、病気の進行も早いので、十分注意が必要です。また、感染のルートはさまざまです。せき・くしゃみによって広がったり、手や食べ物を通して感染したりします。これらのルートをさえぎることが大切です。

2. 感染症にかかったら

感染症にかかったら、中学校へ行くことができなくなる場合があります。医師に中学校に行けるかどうか確認しましょう。

○中学校へ行けない場合 → 他の子どもへ感染しないと判断されるまでの期間、保護者が家などで看病します。

感染症が治ったら、病院で医師に「出席停止証明書」または「登校許可証」などの証明書を書いてもらって、学校に提出しましょう。証明書がなければ学校に行くことができません。どの証明書が必要か学校に確認しましょう。証明書の用紙は、病院においてあったり、学校のホームページから印刷できたりします。用紙を準備して、病院に持って行きましょう。

○中学校へ行ける場合 → 行けるからといって油断は禁物です。感染症は人にうつる病気です。子どもの様子を十分に観察して、何か気になることがあれば、医師や中学校の先生に伝えましょう。

3. 感染症を予防しよう！

(1) こまめに手洗いをしよう

石けんを泡立てて、手のすみずみまで洗います。そのあと、水で洗い流します。

(2) マスクをつけよう

病気の子供は、人にうつさないようにマスクをつけます。感染症がはやっている時期は、病気にかかってなくても、予防のためにマスクをつけましょう。

Bệnh truyền nhiễm (Kansenshou)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Bệnh truyền nhiễm (Kansenshou) là gì?

Bệnh truyền nhiễm là bệnh gây ra do virus hoặc vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể. Hệ miễn dịch của trẻ chưa phát triển đầy đủ nên trẻ có thể đột ngột nhiễm bệnh. Phụ huynh cần lưu ý vì bệnh tiến triển rất nhanh. Ngoài ra, có rất nhiều con đường lây nhiễm. Bệnh có thể lan rộng khi ho, hắt hơi, hay lan rộng qua tay hoặc thức ăn. Ngăn chặn những con đường lây nhiễm này là việc rất quan trọng.

2. Khi mắc bệnh truyền nhiễm

Trẻ có thể không được đến trường nếu mắc bệnh truyền nhiễm. Phụ huynh cần xác nhận với bác sỹ xem trẻ có thể đến trường không.

- Trường hợp trẻ không thể đến trường → Phụ huynh phải chăm sóc trẻ ở nhà cho đến khi bác sỹ nhận định là trẻ không lây nhiễm sang người khác.

Sau khi trẻ khỏi bệnh, phụ huynh cần nhờ bác sỹ ghi thông tin vào “**Giấy chứng nhận vắng mặt**” (Shusseki teishi shoumeisho) hoặc “**Giấy cho phép đến trường**” (Toukou kyokashou) và nộp cho nhà trường. Học sinh không được phép đến trường nếu không có giấy chứng nhận. Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường các loại giấy chứng nhận cần thiết. Phụ huynh có thể lấy giấy chứng nhận ở bệnh viện hoặc có thể in từ trang web của nhà trường. Phụ huynh nên chuẩn bị trước giấy chứng nhận để mang đến bệnh viện.

- Trường hợp trẻ có thể đến trường → Phụ huynh vẫn cần phải cẩn thận trong trường hợp trẻ có thể đến trường. Bệnh truyền nhiễm là bệnh lây sang người khác. Phụ huynh cần theo dõi tình trạng sức khỏe của trẻ, nếu thấy có điều gì lo lắng thì cần thông báo ngay lập tức cho bác sỹ và giáo viên nhà trường.

3. Phòng chống bệnh truyền nhiễm

【Phòng chống bệnh truyền nhiễm khi ở nhà là việc rất quan trọng.】

(1) Rửa tay thường xuyên

Đánh kỹ bọt nước rửa tay, sau đó rửa tay kỹ. Cuối cùng, rửa sạch lại bằng nước.

(2) Đeo khẩu trang

Trẻ đang mắc bệnh cần đeo khẩu trang để không lây nhiễm sang người khác. Vào mùa có dịch bệnh truyền nhiễm, trẻ cũng nên đeo khẩu trang để phòng tránh bệnh kể cả khi không mắc bệnh.

(3) おう吐物や大便に気をつけよう

おう吐物や大便には、ウイルスが含まれていることがあります。使い捨てのマスクやビニール手袋をつけて、できるだけ早く取り除きます。

(4) 清潔にしよう

床や壁やドアなど、こまめに水拭きします。必要に応じて消毒液を使って掃除します。こまめに窓を開けて部屋の空気を入れかえましょう。

(5) 予防接種を受けよう→ (p. 121「予防接種」のページを見てください)

(6) 生活リズムをととのえよう

ふだんから食事、睡眠などを充分にとり、規則正しい生活をすることも大切です。
→ (p. 139「生活習慣」のページを見てください)

4. 主な学校感染症

医師に学校感染症と診断された場合は、出席停止となります。学校で指定された書類を、医師に記入してもらふ必要があります。

【第1種】特殊なもの

エボラ出血熱、クリミア・コンゴ出血熱、鳥インフルエンザ など

【第2種】学校で多く見かける感染症で飛沫感染（唾液を介しての感染）するもの

インフルエンザ、百日咳、麻疹（はしか）、流行性耳下腺炎（おたふくかぜ）、風疹（三日ばしか）、水痘（水ぼうそう）、結核など

【第3種】それ以外のもので、学校で流行しやすいもの

腸管出血性大腸菌感染症（O-157）、流行性角結膜炎、手足口病
伝染性紅斑（りんご病）、伝染性膿痂疹（とびひ）など



(3) Chú ý vật nôn mửa và phân

Trong vật nôn mửa và phân có khả năng chứa virus. Loại bỏ virus bằng cách dùng khăn trang một lần hoặc đeo găng tay nilon.

(4) Dọn vệ sinh

Thường xuyên lau nền nhà, tường và cửa bằng khăn ướt. Có thể sử dụng dung dịch sát trùng để lau chùi nếu thấy cần thiết. Thường xuyên mở cửa sổ để thông gió.

(5) Tham gia tiêm phòng → (Tham khảo nội dung “Tiêm phòng (Yobou sesshu)” ở trang 122).**(6) Sinh hoạt điều độ**

Hàng ngày, ăn uống và ngủ đầy đủ, sinh hoạt điều độ là việc làm rất quan trọng.
→ (Tham khảo nội dung “Thói quen sinh hoạt” ở trang 140).

4. Các loại Bệnh truyền nhiễm học đường (Gakkou kansenshou) chủ yếu

Nếu bác sỹ nhận định là trẻ bị mắc bệnh truyền nhiễm học đường, trẻ phải tạm thời nghỉ học. Phụ huynh cần nhờ bác sỹ điền thông tin vào giấy tờ do nhà trường quy định.

【Loại 1】 Các bệnh đặc thù

Sốt xuất huyết ebola, sốt xuất huyết Crimean-Congo, bệnh cúm gia cầm...

【Loại 2】 Bệnh phổ biến hay gặp ở trường học và lây nhiễm qua không khí (lây nhiễm qua đường nước bọt).

Bệnh cúm, bệnh ho lâu ngày, bệnh sởi, bệnh quai bị, bệnh rubella, bệnh thủy đậu, bệnh lao ...

【Loại 3】 Những bệnh ngoài các bệnh nêu trên và dễ lây nhiễm trong trường học.

Bệnh nhiễm trùng Escherichia coli (O-157), viêm kết mạc, bệnh tay chân miệng, bệnh hồng ban nút (bệnh má đỏ), bệnh chốc lở (da nổi bóng nước)...



けんこうしんだん 健康診断

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。



がつ

にち

____月____日 () に

けんこうしんだん

健康診断をします。

けんこうしんだん 1. 健康診断ってなに？

けんこうしんだん
健康診断では、こどもたちの体の発育のようすや、えいようじょうたい かくにん
栄養状態を確認します。せんもん い し
ちゅうがっこう けんこうしんだん
中学校に来て、健康診断をします。

2. なにをするの？

		けんさ どんな検査なの？
①	たいじゅうそくてい 体重測定	けんさ じょうげたいそうふく はだし おこな がっこう おお 検査は上下体操服・裸足で行う学校が多いです。子どもの体重・身長を せいかく そくてい しゅうきょうじょう りゆう きが 正確に測定するためです。宗教上の理由で、異性の前で着替えること ができない場合や、はんそで はん たいそうふく き ② 身長測定 ② 身長測定 は、事前に先生に相談しましょう。
③	ないしん しょくしん 内診、触診	い し が、こどものむね せなか ちようしんき あ 医師が、子どもの胸や背中に聴診器を当てて、心臓の音を聞きます。こ ちらも体操服で行うことが多いです。また、み ね はな なか み ④ 視力検査 ④ 視力検査 スプーンのような道具で片目を隠し、もう一方の目で検査用の記号や絵を みます。検査用の記号や絵はいろいろな大きさ・形があります。子ども たちは、じぶん み え た も の が なに こと ⑤ 聴力検査 ⑤ 聴力検査 いろいろな音を聞いて、子どもの反応があるかないかで、聞こえているか どうかを判断します。
⑥	し か けんしん 歯科健診	はいしや が、こどものくち ちゅう なか み 歯医者が、子どもの口の中を見ます。おもに、は は じょうたい (は しっかりみがいているか、歯並びはどうか、かみ合わせはどうかなど) を見 ます。
⑦	きょうぶ せん 胸部X線 けんさ 検査 (レントゲン)	じょうはんしん 上半身のレントゲンを撮って、しんぞう はい おうかくまく 上半身のレントゲンを撮って、心臓や肺、横隔膜などに異常がないか見 ます。子どもは体操服やキャミソール、タンクトップなどを着ます。撮影 のとき、じょうはんしん きんぞく りん たいそうふく ⑦ 胸部X線 けんさ 検査 (レントゲン) ※レントゲンでは放射線を使用しますが、特に体に影響が出る量では ありません。それでも心配なときは先生に相談しましょう。

Khám sức khỏe (Kenkou shindan)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc



Khám sức khỏe vào ngày_____tháng_____()

1. Khám sức khỏe (Kenkou shindan) là gì?

Mục đích của khám sức khỏe là để kiểm tra tình trạng phát triển thể chất và chế độ dinh dưỡng của trẻ. Bác sỹ chuyên môn sẽ đến trường để khám sức khỏe cho trẻ.

2. Khám sức khỏe như thế nào?

		Khám như thế nào?
	① Đo cân nặng	Nhiều trường học kiểm tra khi trẻ trong trạng thái mặc quần áo thể dục và không đi tất. Mục đích là để đo chính xác cân nặng và chiều cao của trẻ. Trong trường hợp trẻ không thể thay quần áo trước mặt bạn khác giới hoặc không thể mặc quần áo thể dục với áo tay ngắn và quần ngắn vì lý do tôn giáo, phụ huynh cần trao đổi trước với giáo viên.
	② Đo chiều cao	
	③ Nội chẩn và xúc chẩn	Bác sỹ sẽ đặt ống nghe vào ngực và lưng của trẻ để nghe nhịp tim. Mục khám này hầu hết được thực hiện khi trẻ mặc quần áo thể dục. Bác sỹ cũng có thể kiểm tra được mắt, họng và trong mũi của trẻ.
	④ Kiểm tra thị lực	Bác sỹ sẽ che một mắt của trẻ bằng một dụng cụ giống như chiếc thìa. Trẻ sẽ nhìn các ký hiệu và tranh dùng khi kiểm tra bằng một mắt còn lại. Các ký hiệu và tranh dùng khi kiểm tra có độ lớn và hình dạng khác nhau. Trẻ sẽ phải trả lời những gì trẻ nhìn thấy.
	⑤ Kiểm tra khả năng nghe	Bác sỹ cho trẻ nghe nhiều âm thanh khác nhau và phán đoán xem trẻ có nghe được hay không thông qua phản ứng của trẻ.
	⑥ Kiểm tra răng	Bác sỹ kiểm tra trong miệng của trẻ. Bác sỹ sẽ kiểm tra tình trạng của răng và nướu (trẻ có đánh răng thường xuyên không, răng có mọc đều hay không, răng có thẳng hàng hay không...)
	⑦ Chụp X quang	Chụp X quang phần trên cơ thể để kiểm tra xem tim, phổi, cơ hoành... có bất thường hay không. Trẻ sẽ mặc quần áo thể dục, áo hai dây hay áo may ô. Khi chụp, trẻ phải tháo bỏ các loại cúc hay khuy áo có chất liệu nhựa hoặc kim loại ở phần trên cơ thể. Bé gái thì phải cởi áo lót ngực. ※ Chụp X quang có sử dụng tia phóng xạ nhưng lượng tia phóng xạ này không gây ảnh hưởng gì đến cơ thể. Tuy nhiên, phụ huynh nên trao đổi với bác sỹ nếu cảm thấy lo lắng.

3. 健康診断は受けないといけないの？

必ず受けさせてください。中学校に通う子どもたちは、少なくとも1年間に1回、健康診断を受けることになっています。また、健康診断の内容や方法は決められています。

体や口の中を人に見せることに抵抗を感じる子どももいるかもしれませんが、でも、安心してください。専門の医師が、正しい方法で検査します。子どもの健康と成長のために、健康診断を受けさせてあげてくださいね。

4. 健康診断で救える命

学校での健康診断をきっかけに、心臓に穴が開いていることや腎臓の病気が発見されたり、脊椎の異常や難聴が診断されたりした例があります。また、身体測定の記録から、低身長であることが分かったこともあります。

子どもでも、大きな病気で亡くなる場合があります。健康診断で病気の前兆が見つかることもあるかもしれません。学校の健康診断は無料で受けることができます。きちんと受けさせましょう。

5. 健康診断が終わったら…

健康診断の結果が気になる子どもには、学校から病院に行くことをすすめられます。病院に行った結果を、もう一度学校に報告します。病気ではないけれど、ダイエットのしすぎや生活習慣の乱れなどにより、標準体重から外れている場合は、生活習慣を見直す必要があります。保護者は子どもの成長をサポートしましょう。



※先生方へ※

海外では、学校で健康診断を行わないところも多いです。その場合、希望する保護者が個人的に病院で受けます。そのため日本の健康診断において、意味も分からずに子どもがいろいろ体を触られたり、調べられたりすることを不安に思う保護者もいます。また、胸部 X 線検査を「被ばく」という解釈から拒否する保護者もいます。事前に目的や検査内容など詳細を説明すると安心するでしょう。

3. Tại sao phải tham gia khám sức khỏe?

Phụ huynh nhất định phải cho trẻ tham gia khám sức khỏe. Trẻ đang học ở trường trung học cơ sở phải tham gia khám sức khỏe ít nhất một lần một năm. Ngoài ra, nội dung và cách thức khám sức khỏe cũng được quy định.

Một số trẻ có thể cảm thấy không thoải mái khi cho người khác nhìn cơ thể và trong miệng của mình. Tuy nhiên phụ huynh hãy yên tâm về điều này. Bác sỹ chuyên môn sẽ sử dụng phương pháp chính xác để khám cho trẻ. Vì sức khỏe và sự phát triển của trẻ, phụ huynh nên cho trẻ tham gia khám sức khỏe.

4. Trẻ có thể được cứu thông qua việc khám sức khỏe

Thông qua việc khám sức khỏe ở trường, một số trường hợp phát hiện được các bệnh như trong tim xuất hiện lỗ thủng, bệnh thận hay phát hiện những bất thường trong cột sống, khả năng nghe kém... Ngoài ra, phụ huynh có thể biết được trẻ có chiều cao thấp dựa trên dữ liệu đo chiều cao.

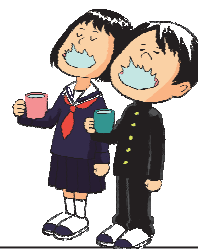
Trẻ em cũng có thể tử vong do mắc bệnh nghiêm trọng. Khám sức khỏe có thể phát hiện được những triệu chứng của bệnh. Trẻ được tham gia khám sức khỏe miễn phí ở trường. Do đó, phụ huynh nên cho trẻ tham gia đầy đủ.

5. Sau khi khám sức khỏe...

Đối với những học sinh có vấn đề về kết quả khám sức khỏe, nhà trường khuyến khích khám lại ở bệnh viện. Phụ huynh nên thông báo cho nhà trường kết quả khám ở bệnh viện. Trường hợp trẻ không mắc bệnh nhưng không đạt cân nặng tiêu chuẩn do ăn kiêng quá mức hay do đảo lộn thói quen sinh hoạt thì cần xem xét lại thói quen sinh hoạt của mình. Phụ huynh cần hỗ trợ đối với sự phát triển của trẻ.



えいせいかんり 衛生管理



分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. えいせいかんり 衛生管理ってなに？

衛生管理とは「子どもが常に健康、清潔でいられるように、保護者が気をつけておきましょう」ということです。子どもが清潔でいることは子どもの成長に大切なだけでなく、中学校で集団生活を送る子どもの人間関係にも、とても大切なことです。

2. せいけつ 清潔にしよう！

	★なにに気をつけたらいいの？	★なぜ必要なの？
1	ハンカチ、ティッシュを 持とう！	ハンカチ、ティッシュを持っていないと、手を洗った後に服で手を拭いたり、手や服で鼻を拭いたりします。ばい菌が増え、病気になるかもしれません。また、持ち歩くハンカチは毎日洗いましょう。
2	爪を定期的に切ろう！	手と足の爪を定期的に切るようにしましょう。爪が長いと、汚れやばい菌がたまってしまいます。手のひらから見て、爪の先が見えない長さがいいでしょう。ただし、切りすぎないように気をつけましょう。
3	歯をみがこう！	食事のあとは歯をみがきましょう。みがかないと虫歯になってしまいます。口からにおいがしてくることもあります。
4	毎日お風呂に入ろう！	子どもはたくさん汗をかきます。毎日お風呂に入って、体の汚れを流し、頭を洗いましょう。毎日お風呂に入らないと、においがしてくることがあります。特に運動部に所属している中学生は、部活動中に汗をいっぱいかいています。気をつけましょう。
5	手洗い・うがいをしよう！	石けんを使って手を洗いましょう。外から室内に入ったらうがいをしましょう。ばい菌を落とし、風邪を予防しましょう。
6	マスクをつけよう！	咳やくしゃみが出るときはマスクをつけましょう。マスクをつけていないと、咳やくしゃみをしたときに、ウイルスが他の人についてしまうかもしれません。またマスクを持っていないときはハンカチやティッシュで口を覆いましょう。

Quản lý vệ sinh



Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Quản lý vệ sinh là gì?

Quản lý vệ sinh có nghĩa là phụ huynh cần quan tâm đến trẻ để trẻ luôn luôn được khỏe mạnh và sạch sẽ. Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ cho trẻ không chỉ quan trọng đối với sự phát triển của trẻ mà còn rất quan trọng trong quan hệ xã hội của trẻ khi sinh hoạt tập thể ở trường trung học cơ sở.

2. Giữ vệ sinh sạch sẽ

	★Cần lưu ý điều gì?	★Tại sao lại cần thiết?
1	Mang theo khăn tay hoặc khăn giấy!	Nếu không mang theo khăn tay hoặc khăn giấy, trẻ có thể sẽ lau tay vào quần áo sau khi rửa tay, hoặc lau mũi bằng tay hay quần áo. Như vậy, vi khuẩn sẽ sinh sôi và trẻ có thể sẽ mắc bệnh. Ngoài ra, trẻ nên giặt khăn tay hàng ngày.
2	Cắt móng tay thường xuyên!	Trẻ nên cắt móng tay và móng chân thường xuyên. Nếu móng tay và móng chân dài thì rất dễ bẩn và vi khuẩn dễ sinh sôi. Độ dài của móng tay tốt nhất là độ dài không thấy được đầu móng tay khi nhìn từ lòng bàn tay. Lưu ý không cắt quá ngắn.
3	Đánh răng!	Trẻ nên đánh răng sau bữa ăn. Nếu không đánh răng, trẻ sẽ bị sâu răng. Đôi khi miệng sẽ có mùi hôi.
4	Tắm hàng ngày!	Cơ thể trẻ em ra rất nhiều mồ hôi. Trẻ nên tắm và gội đầu sạch sẽ hàng ngày. Nếu trẻ không tắm hàng ngày thì cơ thể trẻ sẽ có mùi khó chịu. Đặc biệt, học sinh tham gia hoạt động câu lạc bộ thể thao sẽ ra rất nhiều mồ hôi trong thời gian luyện tập. Do đó, cần lưu ý điều này.
5	Rửa tay và súc miệng!	Trẻ nên rửa tay bằng nước rửa tay. Sau khi đi từ ngoài về, trẻ nên súc miệng. Việc này sẽ giúp giảm lượng vi khuẩn và phòng chống bệnh cảm cúm.
6	Đeo khẩu trang!	Trẻ nên đeo khẩu trang khi bị ho hoặc bị hắt hơi. Nếu trẻ không đeo khẩu trang khi bị ho hoặc bị hắt hơi thì virus sẽ lây sang người khác. Nếu trẻ không mang theo khẩu trang thì có thể che miệng bằng khăn tay hoặc khăn giấy.

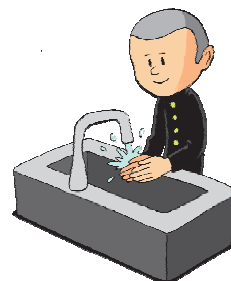
7	かお あら 顔を洗おう！	あさ お 朝起きたら顔を洗って、汚れや目やにを落としましょう。 う。朝、顔を洗うと目が覚めます。
8	した ぎ 下着を着よう！	せいふく した 制服の下にシャツやタンクトップなどの下着を着ましょう。 う。下着が汗を 吸 収 してくれます。 また靴下もはきましょう。裸足で靴をはくと、足がに おってることがあります。

3. とうはつ ふくそうけんさ 頭髪・服装検査ってなに？

ちゅうがっこう ていきてき とうはつ ふくそうけんさ
中学校には定期的に頭髪・服装検査があります。子どもが制服を正しく着ているか、清潔な
かみがた 髪形をしているかをチェックされます。校則に載っている着方や髪型をしていないと、違反と
かんが 考 えられて注意されることがあります。

とうはつ ふくそうけんさ 〇頭髪・服装検査でチェックされること〇

とうはつ 頭髪	だんじょきょうつう 男女共通	- まえがみ まゆげ なが ・前髪は眉毛にかからない長さか。 - だっしよく せんぱつ そ ・脱色、染髪、剃りこみ、パーマなどをしていないか。 - こ かみ いろ う ちやいろ きんいろ ばあい にゅうがく せんせい ※子どもの髪の色が、生まれつき茶色や金色の場合、入学のときに先生に つた 伝えておくといいでしょう。 - つか ・ワックス、ヘアスプレー、ムースなどを使っていないか。
	だんし 男子	- よこがみ みみ なが ・横髪は耳にかからない長さか。 - うし かみ えり なが ・後ろ髪は襟にかからない長さか。
	じょし 女子	- かみ かた むす ・髪が肩にかかるときはヘアゴムで結んでいるか。 - いろ くる こん ちゃ つか ・ヘアゴムの色は黒か紺か茶。カラフルなものを使っていないか。 - ひつよう ・必要のないヘアアクセサリーをつけていないか。
ふくそう 服装	だんじょきょうつう 男女共通	なふだ ・名札をきちんとつけているか。
	だんし 男子	せいふく ばあい ・ネクタイ（ブレザーの制服の場合）、ボタンをきちんとつけているか。
	じょし 女子	- せいふく ・制服のリボンをきちんとつけているか。 - みじか ・スカートが短くないか。
その他	だんじょきょうつう 男女共通	- つめ き ・爪をきちんと切っているか。 - み つ ・ピアスやアクセサリーを身に着けていないか。 - まゆげ ととの ・眉毛を整えていないか。
	じょし 女子	・マニキュアをしていないか。



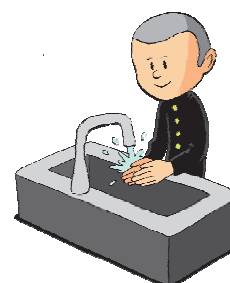
7	Rửa mặt!	Buổi sáng, sau khi ngủ dậy, trẻ nên rửa mặt để loại bỏ bụi bẩn và nhử mắt. Nếu trẻ rửa mặt vào buổi sáng, trẻ sẽ thấy tỉnh táo.
8	Mặc đồ lót!	Trẻ nên mặc đồ lót trong quần áo như áo phông hay áo may ô. Bởi vì đồ lót thấm mồ hôi tốt. Trẻ nên đi tất khi đi giày. Nếu trẻ đi giày mà không đi tất thì chân trẻ sẽ có mùi khó chịu.

3. Kiểm tra đầu tóc và trang phục (Touhatsu・Fukusou kensa) là gì?

Trường trung học cơ sở thực hiện kiểm tra đầu tóc và trang phục thường xuyên. Nhà trường sẽ kiểm tra xem học sinh có mặc đồng phục đúng hay không, có để đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ hay không. Nếu cách mặc đồng phục và kiểu tóc của học sinh không giống với quy định của nhà trường thì nhà trường sẽ cho rằng đó là vi phạm nội quy và nhắc nhở học sinh.

○Hạng mục khi tiến hành kiểm tra đầu tóc và trang phục○

Đầu tóc	Học sinh nam và học sinh nữ	• Độ dài của tóc mái không chạm vào lông mày. • Không tẩy màu tóc, nhuộm tóc, cạo lông, làm tóc xoắn. ※ Nếu màu tóc tự nhiên của trẻ là màu nâu hoặc màu vàng thì phụ huynh nên nói trước với giáo viên khi nhập học. • Không sử dụng sáp vuốt tóc, keo xịt tóc, bột tạo kiểu tóc.
	Học sinh nam	• Tóc hai bên có độ dài không chạm vào tai. • Tóc phía sau có độ dài không chạm vào cổ áo.
	Học sinh nữ	• Nếu tóc ngang vai thì buộc bằng dây buộc tóc. • Màu của dây buộc tóc là màu đen, màu xanh đậm hoặc màu nâu. Không sử dụng đồ có màu sắc sặc sỡ. • Không sử dụng những phụ kiện tóc không cần thiết.
Trang phục	Học sinh nam và học sinh nữ	• Đeo thẻ tên đầy đủ.
	Học sinh nam	• Đeo cà vạt (nếu đồng phục là áo vest), cài cúc áo gọn gàng.
	Học sinh nữ	• Đeo nơ gắn trên áo đồng phục đầy đủ. • Váy không quá ngắn.
Khác	Học sinh nam và học sinh nữ	• Cắt móng tay sạch sẽ. • Không đeo khuyên tai và đồ trang sức. • Không tỉa lông mày.
	Học sinh nữ	• Không sơn móng tay.



4. 家庭で気をつけること

保護者が協力しないと子どもの清潔を保つことはできません。家庭でも特に以下のことに気をつけましょう。

① 洗濯

子どもはたくさん汗をかきます。夏の制服、下着、体操服、ジャージはきちんと洗濯しましょう。また給食当番の週は金曜日に給食エプロンを持って帰ってきます。洗濯をしてアイロンをかけてから、月曜日に中学校に持っていけるようにしましょう。忘れたり洗濯をしていなかったりすると、次の当番の子どもに迷惑がかかってしまいます。

② 洗い物

給食で使ったはしや学校に持っていった水筒は毎日しっかり洗いましょう。洗わないと、ばい菌が増えたものに口をつけることになってしまいます（外すことができるパーツは、ばい菌が繁殖しやすいので、外して洗いましょう）。

③ お風呂

毎日お風呂に入るようにしましょう。子どもは汗をたくさんかきます。体の汚れを流し、頭を洗いましょう。湯船につからなくても、シャワーを浴びたり、濡れタオルで体を拭いたりするだけでも大丈夫です。

お風呂に入らないと、子どもからにおいがしてくることがあります。だからといって子どもに香水など香りのあるものをつけることはやめましょう。日本の子どもは香水をつける習慣がありません。中学校に香水をつけていくと、それがいい香りでも「くさい」と言われてしまうかもしれません。また中学校では香水を禁止しています。

国によって、毎日お風呂に入る習慣のない国もあるかもしれません。しかし日本の気候は、気温も湿度も高く、汗をかきやすいです。毎日汚れや汗をきちんと落としましょう。



4. Những điều cần lưu ý trong gia đình

Trẻ sẽ không thể giữ gìn vệ sinh sạch sẽ nếu không có sự hợp tác của phụ huynh. Phụ huynh cần lưu ý những điều sau đây:

① Giặt giũ

Cơ thể trẻ thường ra nhiều mồ hôi. Phụ huynh cần giặt giũ sạch sẽ đồng phục mùa hè, đồ lót, quần áo thể dục, quần áo thun cho trẻ. Ngoài ra, trẻ sẽ mang tạp dề dùng trong bữa trưa ở trường vào tuần được phân công phục vụ bữa trưa. Phụ huynh cần giặt giũ và là cẩn thận để trẻ có thể mang đến trường vào thứ hai của tuần tiếp theo. Nếu trẻ quên mang hoặc không giặt thì sẽ gây ảnh hưởng đến những học sinh được phân công lần tiếp theo.

② Đồ dùng cần rửa

Hàng ngày, phụ huynh cần rửa sạch đĩa dùng khi ăn trưa ở trường và bình nước trẻ mang đến trường. Nếu không rửa sạch sẽ, miệng của trẻ sẽ tiếp xúc với đồ chứa nhiều vi khuẩn (vi khuẩn dễ sinh sôi ở những bộ phận có thể tháo rời trong bình nước nên cần tháo và rửa sạch sẽ).

③ Tắm rửa

Trẻ nên tắm rửa sạch sẽ hàng ngày. Cơ thể trẻ thường ra nhiều mồ hôi. Do đó, trẻ cần tắm rửa và gội đầu sạch sẽ. Trẻ không nhất thiết phải tắm bồn, mà chỉ cần tắm vòi hoa sen hoặc lau người bằng khăn ướt.

Nếu trẻ không tắm, cơ thể trẻ có thể sẽ có mùi khó chịu. Tuy nhiên, phụ huynh không nên cho trẻ sử dụng đồ có mùi thơm như nước hoa. Trẻ em Nhật Bản không có thói quen sử dụng nước hoa. Nếu trẻ sử dụng nước hoa khi đến trường, mọi người xung quanh có thể cảm thấy mùi khó chịu. Ngoài ra, nhà trường cũng cấm học sinh sử dụng nước hoa.

Nhiều quốc gia không có thói quen tắm bồn hàng ngày. Tuy nhiên, nhiệt độ và độ ẩm của Nhật cao nên cơ thể dễ ra mồ hôi. Vì vậy, trẻ nên tắm rửa sạch sẽ hàng ngày.



せいかつしゅうかん 生活習慣



分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

子どもが毎日を元気に過ごすために、生活リズムをととのえましょう。子どもが明るく元気に過ごすには、運動、バランスの良い食事、十分な睡眠が必要です。特に早寝・早起き・朝ごはんは、子どもの成長にとっても大切です。

また、中学生は友人関係も広がり、行動範囲も広がります。思春期に入り、わるいことに憧れたり、大人っぽいことをしてみたくなったりする子どももいるでしょう。わるい大人に声をかけられる可能性もあります。保護者は、子どもがわるいことや危ないことに巻き込まれそうなときは、全力で守りましょう。そしてできるだけ子どもが危ないことに巻き込まれないように、予防しましょう。

中学生は、体は大きくなってきていますが、心はまだまだ子どもです。いდანからたくさんコミュニケーションをとりましょう。

1. 中学生の健康的な1日

あさ 朝	・早起きをしましょう。 ・朝ごはんを食べましょう。	→登校するギリギリの時間ではなく余裕をもって起きましょう。朝日を浴びると、体内時計がリセットされますよ。 →朝ごはんは午前中に活動するためのエネルギーとなります。朝ごはんを食べないと、午前中ぼんやりしたり、眠くなったりします。また食事のバランスが崩れ、肥満につながる可能性があります。
ひる 昼	・しっかり授業を受けましょう。 ・給食をしっかり食べましょう。 ・体を動かしましょう。	→中学校の勉強は小学校より専門的になっています。ぼんやりしていると、すぐにわからなくなってしまう。わからないことがあったら積極的に先生に質問しましょう。 →給食は栄養バランスを考えて作られています。アレルギーや宗教的な制限がない限り、できるだけ好き嫌いせず食べましょう。 →子どもの成長には適度な運動が必要です。体育や部活動の時間にしっかり体を動かしましょう。
よる 夜	・夜ごはんを食べましょう。	→バランスよく食べましょう。食べ過ぎにも注意です。あまり時間が遅くならないようにしましょう。

Thói quen sinh hoạt



Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Trẻ cần có chế độ sinh hoạt hợp lý để duy trì sức khỏe hàng ngày. Vận động, ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng và ngủ đủ giờ là những việc rất quan trọng để trẻ luôn vui vẻ, khỏe mạnh. Đặc biệt, **ngủ sớm, dậy sớm và ăn sáng đầy đủ** rất cần thiết cho sự phát triển của trẻ.

Ngoài ra, học sinh trung học cơ sở có nhiều mối quan hệ bạn bè và phạm vi hoạt động khá rộng. Do trong giai đoạn tuổi dậy thì nên một số trẻ đam mê những thứ không tốt lắm và muốn làm những việc giống người lớn. Trẻ cũng có thể bị dụ dỗ bởi những người xấu. Phụ huynh cần bảo vệ trẻ khi trẻ có nguy cơ bị lôi kéo vào những việc xấu hay việc nguy hiểm. Phụ huynh cũng nên đề phòng để trẻ không bị lôi kéo vào những việc xấu hay việc nguy hiểm.

Cơ thể của học sinh trung học cơ sở đang phát triển nhưng tâm lý vẫn rất trẻ con. Phụ huynh nên giao tiếp với trẻ hàng ngày.

1. Một ngày khỏe mạnh của học sinh trung học cơ sở

Buổi sáng	• Dậy sớm • Ăn sáng	→ Trẻ nên dậy sớm để có thời gian thoải mái trước khi đến trường. Nếu trẻ tắm nắng buổi sáng, đồng hồ sinh học của cơ thể sẽ được thiết lập lại. → Bữa sáng cung cấp năng lượng để hoạt động trong suốt buổi sáng. Nếu không ăn sáng, đầu óc sẽ mất tập trung và buồn ngủ. Ngoài ra, chế độ ăn uống không hợp lý có thể dẫn đến nguy cơ béo phì.
Buổi trưa	• Tham gia đầy đủ các tiết học • Ăn trưa đầy đủ • Vận động cơ thể	→ Các môn học ở trường trung học cơ sở có tính chuyên môn hơn trường tiểu học. Nếu không tập trung thì trẻ sẽ không hiểu được bài. Trẻ nên tích cực đặt câu hỏi cho giáo viên nếu có bất cứ điều gì không hiểu. → Bữa trưa ở trường được nấu với đầy đủ chất dinh dưỡng. Nếu không bị dị ứng hoặc không có quy định về mặt tôn giáo, trẻ nên ăn hết thức ăn bất kể là thích ăn hay không. → Vận động hợp lý rất cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Trẻ nên vận động tích cực trong tiết học thể chất hoặc trong thời gian hoạt động câu lạc bộ.
Buổi tối	• Ăn tối	→ Ăn tối điều độ. Chú ý không nên ăn quá nhiều và không nên ăn quá muộn.

• 宿題をしましょう。 • お風呂に入りましょう。 • 早く寝ましょう。	→ 中学校は小学校より宿題がたくさん出ます。宿題をする習慣を子どもに身につけさせましょう。 → 中学生の子どもは体育や部活動で汗をかいています。汚れを落とし頭を洗いましょう。 → 体も脳も寝ている間に成長します。寝るのが遅くなり睡眠時間が短くなると、子どもの学力に影響したり、子どもがイライラしたりします。夜更かしせず早く寝るようにしましょう。夜遅くまで携帯やスマートフォンを使っている子どもが増えていきます。親子で使い方のルールを決めて、夜遅い時間に使わないようにしましょう。中学生の理想的な睡眠時間は7～8時間です。テスト勉強のときや受験前も6時間は眠るようにしましょう。
---	---

2. 中学生の携帯電話・スマートフォン

最近は携帯電話やスマートフォンを持つ中学生も増えてきました。忙しい保護者にとって、携帯電話やスマートフォンを子どもに持たせることは、子どもとの連絡を取るためにはとても便利な手段です。しかし便利である一方、携帯電話・スマートフォンを子どもに持たせることは、とても危険なことでもあります。保護者と子どもで、どのように使うのか、ルールを決めて約束することが、とても大切なことです。フィルタリングサービスを使うのもいいですね。

○ルールの例○※子どもの年齢によって増やしたり、減らしたりしてもいいですね。

- 自分の電話番号やメールアドレスをむやみに教えない。
- 誰かに電話番号やメールアドレスを教えたら、誰に教えたか保護者に伝える。
- 夜9時以降は携帯電話やスマートフォンをさわらない。
- 食事中・勉強中は携帯電話やスマートフォンをさわらない。
- 携帯電話やスマートフォンは自分の部屋に持ち込まず、居間で使い、保管する。
- 必要のないサイトにアクセスしない。
- おかしなメール、知らない相手からのメールは保護者に見せる。
- 有料サイトの利用は保護者に相談して、許可を取る。
- 人の悪口は絶対に書き込まない。



	• Làm bài tập về nhà • Tắm rửa • Ngủ sớm	→ Trường trung học cơ sở có nhiều bài tập về nhà hơn trường tiểu học. Phụ huynh nên rèn cho trẻ thói quen làm bài tập về nhà. → Học sinh trung học cơ sở thường ra mồ hôi khi học môn thể chất hoặc khi tham gia hoạt động câu lạc bộ. Do đó, trẻ nên tắm rửa và gội đầu sạch sẽ. → Cơ thể và trí óc của trẻ phát triển trong thời gian ngủ. Nếu trẻ ngủ muộn thì thời gian ngủ sẽ ngắn, khi đó học lực của trẻ sẽ bị ảnh hưởng và trẻ sẽ mất tính kiên nhẫn. Do đó, trẻ không nên thức khuya mà nên ngủ sớm. Số lượng trẻ em sử dụng điện thoại hoặc smartphone đến khuya đang tăng lên. Phụ huynh cần quy định quy tắc sử dụng và không cho trẻ sử dụng đến tận đêm khuya. Thời gian ngủ lý tưởng của học sinh trung học cơ sở là 7~8 tiếng. Nếu trẻ phải ôn bài để kiểm tra hoặc ôn thi thì cũng nên ngủ ít nhất là 6 tiếng.
--	--	--

2. Điện thoại di động và smartphone của học sinh trung học cơ sở

Gần đây, số lượng học sinh trung học cơ sở sử dụng điện thoại di động và smartphone đang tăng lên. Đối với những phụ huynh bận rộn, điện thoại di động và smartphone là phương tiện liên lạc rất tiện lợi. Tuy nhiên, bên cạnh sự tiện lợi đó, cho trẻ sử dụng điện thoại di động cũng là một việc rất nguy hiểm. Phụ huynh cần quy định quy tắc sử dụng đối với trẻ. Phụ huynh cũng có thể sử dụng dịch vụ chọn lọc (filtering service).

○ Một số ví dụ về quy tắc ○

※ Phụ huynh có thể bổ sung hoặc giảm bớt các quy tắc tùy theo độ tuổi của con mình.

- Không cho người khác số điện thoại và địa chỉ email của mình một cách thiếu thận trọng.
- Thông báo cho bố mẹ người mà mình đã cho số điện thoại và địa chỉ email.
- Không sử dụng điện thoại di động và smartphone sau 9 giờ tối.
- Không sử dụng điện thoại di động và smartphone trong bữa ăn hoặc trong giờ học.
- Không mang điện thoại di động và smartphone vào trong phòng của mình, sử dụng và bảo quản ở phòng khách.
- Không truy cập vào những trang web không cần thiết.
- Cho bố mẹ xem những mail bất thường hoặc mail gửi từ người lạ.
- Hỏi ý kiến bố mẹ để nhận được sự cho phép nếu muốn sử dụng những trang web mất phí.
- Tuyệt đối không viết nội dung nói xấu người khác.



＜SNSの危険性＞

中学生の間で携帯電話・スマートフォンを使った SNS (Social Network Service ex. LINE、Facebook など) の利用が増えています。親子や友達同士のコミュニケーションのために使うだけなら問題ありませんが、最近では SNS を使ったいじめ、いつのまにか知らない大人と連絡を取り合っているうちに巻き込まれる事件、許可のない人の写真の転載やアップなど、さまざまな問題が起きています。

保護者と子どもで携帯・スマートフォンを使うルールをきちんと決めて、いじめや事件に巻き込まれないようにすることが大切です。普段から、携帯やスマートフォンについて積極的に話し合しましょう。

＜フィルタリングサービスの活用＞

携帯電話・スマートフォンについている「フィルタリング」を知っていますか？フィルタリングとは「携帯電話を使う人が 18 歳未満のとき、使えるサイトやアプリを制限して、有害な情報に触れないようにする」ためのサービスです。保護者と子どもで「どのような制限を付けるか」について話し合しましょう。

サービスの利用方法がわからないときは、インターネットで調べたり、携帯電話ショップに行き聞いてみたりしましょう。

3. 中学生が出会うかもしれない危険

中学生は行動範囲も広がり、人間関係も広がります。素行のよくない人と知り合う可能性もあります。以下のものは校則や法律で禁止されています。たとえ知り合いから勧められても絶対に断らなくてはなりません。普段から保護者と子どもでこれらの危険性について話し合しましょう。

＜法律で禁止されていること＞※法律で罰せられることがあります。

きつえん 喫煙 	日本では、喫煙が認められるのは 20 才からです。20 才未満の喫煙は違法です。喫煙の習慣は、がんが発生するリスクを高めます。まだ体が発達しきっていないときに喫煙すると、体は発がん性物質を積極的に体内に取り込もうとします。また、若いときからの喫煙は体の成長を止め、免疫力を低下させます。さらに、タバコには依存性物質が含まれているため、一度喫煙の習慣がついてしまうとなかなかやめることができません。
いんしゅ 飲酒 	日本では、飲酒が認められるのは 20 才からです。20 才未満の飲酒は違法です。まだ体が発達しきっていないときに飲酒すると、早いうちに脳の萎縮が始まる可能性があります。また臓器不全やアルコール依存症になるリスクが高くなります。未成年が急に飲酒をすると、急性アルコール中毒になる可能性があります。
まんび 万引き 	万引きは犯罪です。警察に捕まります。

<Mối nguy hiểm của SNS>

Số lượng học sinh trung học cơ sở sử dụng SNS (Social Network Service, ví dụ như LINE hay Facebook) trên điện thoại di động và smartphone đang tăng lên. Nếu chỉ sử dụng với mục đích để giao tiếp với bố mẹ và bạn bè thì không có vấn đề gì. Tuy nhiên, gần đây xảy ra nhiều vấn đề như quấy rối qua SNS, bị lôi kéo do liên lạc với những người không quen biết, in hoặc đăng ảnh mà chưa được sự cho phép.

Phụ huynh cần quy định về quy tắc sử dụng điện thoại di động và smartphone với trẻ để trẻ không bị quấy rối hoặc gặp phải những vấn đề khác. Bố mẹ và con cái nên tích cực nói chuyện với nhau về việc sử dụng điện thoại di động và smartphone.

<Sử dụng dịch vụ chọn lọc (filtering service)>

Bạn có biết về dịch vụ “filtering” trên điện thoại và smartphone không? Đây là dịch vụ nhằm mục đích giới hạn các trang web và ứng dụng đối với người sử dụng điện thoại di động dưới 18 tuổi để tránh tiếp xúc với các thông tin gây hại. Bố mẹ và con cái nên nói chuyện với nhau xem cần giới hạn như thế nào đối với trẻ.

Nếu không biết cách sử dụng dịch vụ này, phụ huynh có thể tìm hiểu trên mạng hoặc hỏi các cửa hàng bán điện thoại di động.

3. Những nguy hiểm mà học sinh trung học cơ sở có khả năng gặp phải

Học sinh trung học cơ sở có nhiều mối quan hệ bạn bè và phạm vi hoạt động khá rộng. Trẻ có thể quen biết những người có hành vi xấu. Những hành vi dưới đây bị cấm theo quy định của nhà trường và pháp luật. Nếu ai đó khuyến khích thì trẻ nhất định phải từ chối, cho dù đó là người quen. Bố mẹ và con cái nên nói chuyện với nhau về mối nguy hiểm của những hành vi này.

<Những hành vi bị cấm theo pháp luật> ※ Có thể bị phạt theo pháp luật.

Hút thuốc 	Độ tuổi được cho phép hút thuốc ở Nhật là từ 20 tuổi trở lên. Người chưa đủ 20 tuổi được cho là vi phạm pháp luật nếu hút thuốc. Thói quen hút thuốc làm tăng nguy cơ bị ung thư. Nếu hút thuốc khi cơ thể chưa phát triển hoàn thiện, những vật chất gây ung thư sẽ dễ dàng xâm nhập vào trong cơ thể. Ngoài ra, hút thuốc khi còn trẻ còn có thể ngăn cản sự phát triển thể chất và làm giảm khả năng miễn dịch của cơ thể. Hơn nữa, trong thuốc lá có chứa chất gây nghiện, một khi đã có thói quen hút thuốc thì rất khó bỏ.
Uống rượu 	Độ tuổi được cho phép uống rượu ở Nhật là từ 20 tuổi trở lên. Người chưa đủ 20 tuổi được cho là vi phạm pháp luật nếu uống rượu. Nếu uống rượu khi cơ thể chưa phát triển hoàn thiện, não có nguy cơ bị teo. Ngoài ra, nguy cơ rối loạn chức năng nội tạng và nguy cơ nghiện chất còn cũng tăng cao. Trẻ vị thành niên có khả năng bị ngộ độc rượu cấp tính nếu uống rượu.
Trộm cắp 	Trộm cắp là hành vi phạm tội. Cảnh sát sẽ bắt giữ người có hành vi trộm cắp.

やくぶつ 薬物 	日本では、薬物の使用・所持・売買が禁止されています。薬物を使用・所持・売買すると警察に捕まってしまう。薬物とは覚せい剤・大麻・コカイン・危険ドラッグ・シンナーなどのことです。薬物を使用すると体に重大なダメージを負います。脳が委縮し、幻覚、妄想、錯乱などを起こし、犯罪を起こしてしまう可能性があります。臓器や眼にも影響があり、臓器不全や失明を起こすこともあります。また、強い依存性があり、使うたびに体の中に耐性ができるため、どんどん使用量を増やすことになります。薬物は犯罪組織とつながっていることがあります。決して軽い気持ちで関わってはいけません。
--	--

※シンナーは薬物として使用すると違法になります。

＜校則で禁止されていること＞

タトゥー	海外では、オシャレや文化として認められていることが多いですが、日本ではまだ受け入れられていない文化です。タトゥーをしていると、公共のプールや温泉施設などに入れません。
映画館 カラオケ ゲームセンター 漫画喫茶など への出入り	カラオケやゲームセンター、漫画喫茶などは、いろいろな人が来しています。酔っぱらった大人や、素行のわるい人たちが出入りしている可能性もあります。そういう場所に子どもだけで行くと、見知らぬ大人や素行のわるい人たちと知り合ったり、絡まれたりする可能性があります。行くときは保護者と一緒に行きましょう。また午後6時以降は、保護者同伴でも行くことはできません。
子どもだけでの宿泊	宿泊をする時は保護者と一緒に泊まりましょう。子どもだけで友だちの家へ泊まることはやめましょう。友だちが泊まりに行ったり来たりすると、夜に子どもだけでどこかへ遊びに行ったり、危ない遊びをしたりしてしまう可能性があります。

「愛知県青少年保護育成条例」の紹介

愛知県では18才未満の子どもを守るため条例を定めています。守らないと警察に捕まることがあります。内容の一部を簡単に紹介します。

1. 子どもに「性的」「暴力的」なもの、「犯罪を誘発する恐れがある」ものを見せたり聞かせたり渡したりしてはならない。
2. 子どもに性的な行為をしてはならない。
3. 子どもに入れ墨をしたり、させたりしてはいけない。
4. 子どもが悪いことをするための場所を、提供してはいけない。
5. 子どもに、刃物など人に危害を与える可能性があるものを持たせてはならない。
6. 子どもを深夜（午後11時～翌日の出）の間、外出させてはならない。
7. 子どもを性的な接客業や仕事に勧誘してはいけない。
8. リサイクルショップは、保護者の許可なしに子どもから物品を買い取ってはならない。

Thuốc cấm 	Ở Nhật nghiêm cấm hành vi sử dụng, lưu trữ và mua bán thuốc cấm. Cảnh sát sẽ bắt giữ người sử dụng, lưu trữ và mua bán thuốc cấm. Thuốc cấm bao gồm chất kích thích, ma túy, cocain, thuốc có tính nguy hiểm, chất pha loãng ※... Sử dụng thuốc cấm gây tàn phá nghiêm trọng đến cơ thể con người. Thuốc cấm có nguy cơ xảy ra các hiện tượng như teo não, ảo giác, ảo tưởng, không tỉnh táo và gây ra các hành vi phạm tội. Thuốc cấm còn gây ảnh hưởng đến nội tạng và mắt, dẫn đến rối loạn chức năng nội tạng và mù mắt. Ngoài ra, do thuốc cấm có chất gây nghiện mạnh nên nhu cầu về lượng sử dụng ngày càng tăng lên. Thuốc cấm có thể liên quan đến tổ chức phạm tội. Do đó, trẻ tuyệt đối không được sử dụng.
---	---

※ Sử dụng chất pha loãng như một loại thuốc cấm được cho là vi phạm pháp luật.

<Những hành vi bị cấm theo quy định của nhà trường>

Xăm hình	Ở nhiều quốc gia thì việc xăm hình được công nhận như một nét văn hóa hoặc để làm đẹp. Tuy nhiên, đây là văn hóa chưa được chấp nhận ở Nhật. Người xăm hình không được vào bể bơi công cộng hoặc bồn tắm công cộng.
Ra vào rạp chiếu phim, quán karaoke, trung tâm chơi game hay quán cà phê manga	Có rất nhiều người đến quán karaoke, trung tâm chơi game hay quán cà phê manga. Trong số đó có thể có những người say rượu hay những người có hành vi không tốt. Nếu trẻ đến những nơi như vậy, trẻ có thể quen biết với những người lạ mặt hoặc những người có hành vi không tốt và có quan hệ với những người đó. Nếu muốn đến những nơi này thì trẻ nên đi cùng bố mẹ. Ngoài ra, từ sau 6 giờ chiều, trẻ cũng không nên đi kể cả có bố mẹ đi cùng.
Nghỉ qua đêm mà chỉ có trẻ em	Khi nghỉ qua đêm ở đâu đó, trẻ phải đi cùng bố mẹ. Trẻ không nên nghỉ qua đêm ở nhà bạn nếu chỉ có một mình. Nếu ở nhà bạn qua đêm, trẻ có thể cùng nhau đi chơi vào buổi tối hay chơi những trò nguy hiểm.

Giới thiệu về “Điều khoản liên quan đến chăm sóc và bảo vệ thanh thiếu niên tỉnh Aichi”

Tỉnh Aichi quy định điều khoản nhằm mục đích bảo vệ trẻ em dưới 18 tuổi. Người không tuân thủ những điều khoản này sẽ bị cảnh sát bắt giữ. Dưới đây là một phần nội dung điều khoản.

1. Không được cho trẻ em xem, nghe hay đưa cho trẻ những thứ có “tính tình dục”, “tính bạo lực” hay những thứ “có nguy cơ dẫn đến phạm tội”.
2. Không được thực hiện hành vi tình dục đối với trẻ em.
3. Không được xăm hình cho trẻ em hoặc để cho trẻ em xăm hình.
4. Không được cung cấp cho trẻ địa điểm với mục đích làm việc xấu.
5. Không được cho trẻ em cầm dao hay những đồ vật có khả năng gây hại cho con người.
6. Không được cho trẻ em ra ngoài vào đêm khuya (trong khoảng từ 11 giờ tối đến lúc mặt trời mọc của ngày hôm sau).
7. Không được dụ dỗ trẻ em làm các công việc tiếp khách mang tính tình dục.
8. Cửa hàng đồ tái chế không được mua đồ của trẻ em khi chưa nhận được sự cho phép của phụ huynh.

〇わるいことをするのは子どものSOSです〇

子どもが「してはいけないこと」をするとき、それにはなにか原因があります。「友だちに誘われて断れなかった」「いじめられて、脅されてしてしまった」そんな理由もあるかもしれません。中には、家族や友達関係がうまくいかず孤独を感じている子どもや、言葉が通じない子どもを狙って、声をかけ、悪いことに巻き込もうとする人もいます。そんなときは保護者の助けが必要です。ただ怒ったり叱ったりするのではなく、まずはしっかり子どもと話をしましょう。

また、子どもが自分からわるいことをしてしまったとき、その原因は保護者とのコミュニケーション不足、愛情不足である可能性があります。まだまだ支えが必要な中学生、普段からしっかりコミュニケーションをとるようにしましょう。

※日本は安全？※

日本は安全な国だと考えられていますが、最近では日本でも子どもが巻き込まれる事件が増えています。予防できるものは予防し、夜遅く子どもを出歩かせたり、人通りの少ない場所に一人で行かせたりすることは控えましょう。子どもに防犯ベルを持たせるという手段もあります。

最近、日本で中学生が巻き込まれた事件をいくつか紹介します。

Case1 / 2015年に中学1年生の少女Aと少年Bが殺害された事件。2人は夜の外出中に被害に遭った。2人は夏休み中の午前5時すぎ、駅前を歩く姿が防犯カメラに映ったのを最後に行方がわからなくなった。

→その後2人の遺体が発見され、犯人は捕まった。

Case2 / 女子生徒は中学1年生だった2014年、午後3時過ぎに学校を出た後、自宅前で若い男と話している姿が目撃されたのを最後に行方がわからなくなった。その日の夕方、帰宅した母親が自宅ポストに「家も学校もちょっと休みたいです。しばらく友だちの家です。さがさないでください」と書かれた、女子生徒の自筆とみられるメモが入っているのを発見。県警に行方不明者届を出した。

→女子生徒は2年間監禁されていた。2年後、犯人のスキについて自力で逃げ出し、犯人は捕まった。

Case3 / 2014年、中学1年生だった少年Aは友だちを通じて年上の少年たちと知り合い、一緒に遊ぶようになった。少年Aは事件前に18歳少年から顔に青あざができるほどの暴力を振るわれ、翌日から「グループを抜きたい」と言い出すようになっていた。少年Aは正座をさせられ、10分近くに渡って殴る蹴るなどの暴行を受けた。

→2015年の冬に、河川敷で少年Aは殺害された上に遺体を遺棄された。事件から1週間後に少年3人が殺人の疑いで逮捕された。

OSOS từ những đứa trẻ làm việc xấu

Khi trẻ làm những việc bị cấm thì thường có một nguyên nhân nào đó. Trong đó có thể có các nguyên nhân như “bạn bè mời nên không thể từ chối” hay “bị bắt nạt và bị đe dọa”. Một số người lấy mục tiêu là những đứa trẻ cảm thấy cô độc vì mối quan hệ trong gia đình và mối quan hệ bạn bè không được tốt, hay những đứa trẻ không hiểu tiếng nước ngoài để dụ dỗ, lôi kéo làm những việc xấu. Sự giúp đỡ của phụ huynh rất cần thiết trong những lúc như thế này. Tuy nhiên, phụ huynh không nên cáu giận hay la mắng trẻ, mà trước hết cần nói chuyện với trẻ.

Ngoài ra, khi trẻ làm điều xấu, nguyên nhân có thể do thiếu sự giao tiếp với bố mẹ hoặc thiếu tình yêu thương của bố mẹ. Do đó, phụ huynh nên thường xuyên giao tiếp với trẻ vì trẻ mới chỉ là học sinh trung học cơ sở cần sự hỗ trợ từ bố mẹ.

※Nhật Bản có an toàn không?※

Nhật Bản được cho là một đất nước an toàn. Tuy nhiên, gần đây, ở Nhật cũng có nhiều vụ việc liên quan đến trẻ em. Do đó, cần ngăn chặn những việc có thể ngăn chặn được như không cho trẻ ra ngoài vào tối muộn, không cho trẻ đi một mình ở những nơi có ít người qua lại. Phụ huynh có thể cho trẻ mang theo chuông cảnh báo.

Dưới đây là một số vụ việc liên quan đến học sinh trung học cơ sở ở Nhật trong những năm gần đây.

Trường hợp 1/ Năm 2015, học sinh nữ A và học sinh nữ B cùng học lớp 7 bị sát hại. Hai học sinh này đã gặp nạn khi đi ra ngoài vào buổi tối. Hình ảnh đi bộ trước nhà ga là hình ảnh cuối cùng của hai học sinh được nhìn thấy qua camera an ninh vào lúc hơn 5 giờ sáng trong kỳ nghỉ hè.

→ Sau đó, thi thể của hai học sinh được phát hiện và phạm nhân đã bị bắt.

Trường hợp 2/ Năm 2014, một học sinh nữ học lớp 7 đã rời khỏi trường học vào lúc hơn 3 giờ chiều, sau đó hình ảnh nói chuyện với một người đàn ông trẻ tuổi ở trước cửa nhà là hình ảnh cuối cùng của học sinh nữ đó. Buổi chiều hôm đó, sau khi về nhà, mẹ học sinh đó đã phát hiện ra một tờ giấy ở trong hòm thư gia đình với lời nhắn được viết bằng chữ của con gái mình “Con muốn xa nhà và trường học để nghỉ ngơi một chút. Con sẽ ở nhà bạn một thời gian. Bố mẹ đừng tìm con”. Sau đó, mẹ của học sinh đó đã báo cảnh sát về việc con mình mất tích.

→ Học sinh nữ đó đã bị giam cầm trong 2 năm. Hai năm sau, cô ấy đã cố gắng trốn thoát bằng sức của mình và phạm nhân đã bị bắt.

Trường hợp 3/ Năm 2014, một học sinh A học lớp 7 quen biết với một nhóm thiếu niên hơn tuổi thông qua bạn bè và đã cùng đi chơi với họ. Trước khi xảy ra sự việc, học sinh A đó đã bị một thiếu niên 18 tuổi bạo hành đến mức bị thâm tím trên mặt và ngày hôm sau đã nói rằng “Tôi muốn rời khỏi nhóm”. Học sinh A đã bị bắt quỳ xuống, bị đâm đá một cách dã man suốt gần 10 phút.

→ Mùa đông năm 2015, thi thể của học sinh A được tìm thấy ở bên bờ sông. Một tuần sau khi xảy ra sự việc, 3 thiếu niên đã bị bắt vì tội giết người.

きゅうしょく 給食

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 給食ってなに？

給食は、中学校で食べるお昼ご飯のことです。栄養のバランスを考えて作られています。食べる楽しさ、食べることの大切さ、食べるときのマナーも一緒に学びます。

給食の時間は決まっています。みんなで一緒に食べます。給食の時間だけ家に帰って食べることはできません。

2. 給食にかかるお金

給食は無料ではありません。毎月給食費を払います。給食費の支払いが困難な場合には、就学援助制度があります。詳しくは先生に確認しましょう。



3. 給食の味付けについて

基本的には、日本人向けの味付けになっています。初めのうちは食べ慣れないこともあります。これから毎日給食を食べます。少しずつでも食べて慣れていきましょう。

4. 食事のマナーについて

箸の使い方、食べるときの姿勢、お椀を手にとって食べるなど、日本のマナーがあります。みんなで楽しく食べるためにはマナーを守ることが必要です。分からないことや不思議に思うことがあれば、先生に聞いてみましょう。

5. 宗教上食べられないものがある場合

宗教上、食べられない食材がある場合には、必ず保護者から中学校の先生に伝えましょう。取り除いてもらえることもありますが、中学校で対応しきれない場合は、家からお弁当を持参して行きます。

6. アレルギーなどで食べられないものがある場合

アレルギーなどで食べられない食材がある場合には、必ず保護者から中学校の先生に伝えましょう。また日本の中学校の給食には牛乳が毎日出ます。牛乳のアレルギーがある場合には、牛乳を断ることがありますので、先生に相談しましょう。

Bữa trưa ở trường (Kyuushoku)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Bữa trưa ở trường (Kyuushoku) là gì?

Bữa trưa ở trường là bữa trưa mà học sinh ăn ở trường. Bữa trưa được nấu với đầy đủ chất dinh dưỡng. Đây là cơ hội để học sinh cùng nhau ăn uống vui vẻ, học về tầm quan trọng của bữa ăn và những quy tắc khi ăn.

Nhà trường quy định thời gian cho bữa trưa. Tất cả học sinh cùng nhau ăn trưa ở trường. Học sinh không được phép về nhà chỉ để ăn trưa trong thời gian ăn trưa.

2. Chi phí cho bữa trưa ở trường

Bữa trưa ở trường không miễn phí. Hàng tháng, nhà trường sẽ thu tiền ăn trưa. Có Chế độ hỗ trợ học sinh (Shuugaku enjyo seido) đối với những trường hợp có khó khăn trong việc chi trả tiền ăn trưa ở trường. Phụ huynh nên xác nhận với giáo viên để biết thêm chi tiết.



3. Gia vị bữa trưa ở trường

Về cơ bản, bữa trưa ở trường được chế biến với gia vị phù hợp với khẩu vị của người Nhật. Lúc đầu, học sinh có thể sẽ không ăn quen. Tuy nhiên, từ giờ trở đi, học sinh sẽ ăn trưa ở trường hàng ngày. Do đó, học sinh cần làm quen với gia vị bữa trưa ở trường.

4. Những quy tắc khi ăn

Ở Nhật có những quy tắc liên quan đến sử dụng đũa, tư thế khi ăn, cầm bát trên tay khi ăn... Học sinh cần tuân thủ đúng các quy tắc khi ăn để tất cả mọi người cùng thưởng thức bữa ăn một cách vui vẻ. Học sinh cần hỏi giáo viên nếu có điều gì không hiểu hoặc điều mình cảm thấy lạ lẫm.

5. Trường hợp học sinh không thể ăn được một số món ăn vì lý do tôn giáo

Trường hợp có những thực phẩm mà trẻ không ăn được vì lý do tôn giáo, phụ huynh cần thông báo với giáo viên nhà trường. Nhà trường sẽ cố gắng loại bỏ những thực phẩm đó. Tuy nhiên, nếu nhà trường không thể đáp ứng được hết thì phụ huynh cần cho trẻ mang cơm hộp.

6. Trường hợp học sinh không thể ăn được một số món ăn do bị dị ứng

Trường hợp có những thực phẩm mà trẻ không thể ăn được do bị dị ứng, phụ huynh cần thông báo với nhà trường. Bữa trưa ở trường trung học cơ sở của Nhật đều phục vụ sữa bò hàng ngày. Nếu trẻ bị dị ứng với sữa bò thì có thể từ chối. Phụ huynh cần trao đổi với giáo viên về vấn đề này.

中学校では通常、アレルギーなどで食べられない食材（主に卵・乳製品）を取り除いた給食（除去食）を申請することができます。その際、食べられない食材について医師の指示書などが必要です。病院に行って指示書をもってから、中学校に相談しましょう。通常の献立表より詳しく使用食材が書かれた献立表がもらえます。中学校によっては除去食が準備できないこともあります。除去食が準備できない場合や、除去食でも対応することができないアレルギーがある場合は、お弁当を持っていきましょう。

（注意）・除去食は、子どもの嫌いな物を取り除くということではありません。

・医師より、食物アレルギーによるアナフィラキシーに緊急対応するための「エピペン」を処方されている場合は、必ず中学校にも1セット渡すようにしましょう。

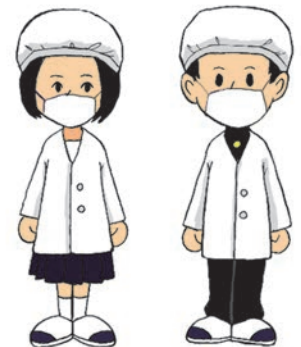
7. その他(学校によって違いがあります)

(1) 給食のために各家庭で準備するものがあります。準備するものは中学校によって違います。確認しましょう。

(例) 手ふき用ハンカチ、おはし、給食ナプキン、マスク

※毎日家で洗うものを学校で確認しましょう。

(2) 給食の準備（みんなに配るなど）は子どもが行います。7～10人くらいの班で、ローテーションをしていきます。当番になった人は、白衣・帽子または三角巾・マスクを着けて給食をよそったり、配ったりします。給食当番の人は、一週間の当番が終わったら、白衣と帽子を家に持ち帰り、洗濯をし、アイロンをかけて月曜日に中学校へ持っていきます。忘れると次の当番の人に迷惑をかけるので忘れないようにしましょう。



※先生方へ※

来日もない生徒は、日本の食事が合わず、食べられないこともあります。徐々に慣れさせていくことになるでしょう。その一方で、教師側も生徒の母国の料理を食べてみるなど、子どもの気持ちを理解する姿勢も大切です。

イスラム教徒の場合、「ラマダン」という断食月があります。幼い子どもは、完全な断食を強制されることはありませんが、段階的に慣れさせていく傾向にあるようです。保護者によっては対応を希望することがあるかもしれないので確認してください。学校によっては、別室で読書のような対応をとっているところもあります。



Thông thường, ở trường tiểu học, phụ huynh có thể đăng ký bữa ăn không sử dụng các nguyên liệu gây dị ứng mà con mình không ăn được (chủ yếu là trứng và các sản phẩm sữa), bữa ăn này được gọi là “jokyoshoku”. Khi đó, phụ huynh cần xin giấy hướng dẫn của bác sỹ về các nguyên liệu con mình không ăn được. Phụ huynh cần trao đổi với nhà trường sau khi nhận được giấy hướng dẫn của bác sỹ ở bệnh viện. Nhà trường sẽ cung cấp bảng thực đơn có ghi chi tiết hơn bảng thực đơn thông thường về các nguyên liệu sử dụng. Một số nhà trường không thể chuẩn bị được bữa ăn không sử dụng nguyên liệu gây dị ứng. Trường hợp nhà trường không thể chuẩn bị được hoặc trường hợp chuẩn bị được nhưng vẫn có một số nguyên liệu gây dị ứng thì học sinh phải mang theo cơm hộp.

- (Lưu ý)
- Bữa ăn không sử dụng nguyên liệu gây dị ứng không phải là bữa ăn không sử dụng các nguyên liệu học sinh không thích ăn.
 - Trường hợp học sinh đang được bác sỹ kê đơn “epipen” (một thiết bị y tế sử dụng để điều trị khẩn cấp đối với sốc phản vệ gây ra bởi dị ứng thực phẩm), phụ huynh cần đưa cho nhà trường một bộ để nhà trường giữ.

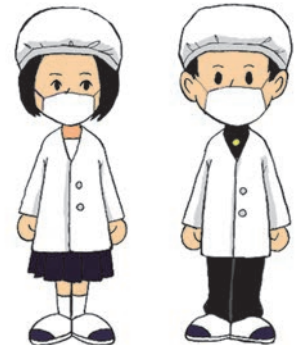
7. Một số nội dung khác (Khác nhau tùy theo từng trường)

(1) Mỗi gia đình phải chuẩn bị một số đồ dùng cho bữa trưa ở trường. Mỗi trường sẽ có quy định khác nhau nên phụ huynh cần xác nhận với nhà trường.

(Ví dụ) Khăn lau tay, đĩa, khăn trải bàn, khẩu trang

※ Phụ huynh cần xác nhận với nhà trường về những đồ dùng phải giặt hàng ngày ở nhà.

(2) Học sinh phải tự phục vụ bữa trưa ở trường từ bước chuẩn bị bữa ăn (như phân phát cho mọi người...). Học sinh thực hiện luân phiên nhau theo nhóm khoảng 7 đến 10 người. Học sinh đến lượt phụ trách của mình phải mặc trang phục màu trắng, đội mũ hoặc đội khăn hình tam giác và đeo khẩu trang để chuẩn bị bữa trưa và phân phát cho mọi người. Sau khi hết một tuần phụ trách, học sinh phải mang trang phục màu trắng và mũ về nhà để giặt, là, sau đó mang đến trường vào thứ hai tuần tiếp theo. Nếu học sinh quên không mang thì sẽ ảnh hưởng đến người phụ trách tiếp theo. Do đó, học sinh cần chú ý nhớ mang theo.



べんとう すいとう お弁当・水筒

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. お弁当がいる日

こうがいがくしゅう たいいくたいかい ひ てんこう ちゅうがっこう きゅうしょく じゅんぴ ひ も
校外学 習や体育大会の日、また天候によって中 学校で 給 食 が準備できない日などに持って
いきます。

2. お弁当を準備するときに気をつけること

べんとう じゅんぴ
お弁当を準備するときには次のことに気をつけてください。

- ①お弁当は自分のお弁当箱にいれます。店で買ったものでも、お弁当箱に入れなおして持たせてあげるといいでしょう。
- ②子どもが食べられる 量 を準備します。多すぎたり、少なすぎたりしないようにしましょう。
- ③持ち運ぶときに汁がこぼれてしまうことがあります。汁気のない物を入れましょう。
- ④腐りやすい物、生ものは入れないようにしましょう。特に夏は腐りやすいので、保冷剤などを利用しましょう。
- ⑤外で食べることもあります。こぼしたり、手がよごれたりしない食べやすいものを入れましょう。
- ⑥お弁当にはおかしなどのおやつは入れません。くだものなどは入れてもいいです。

3. 日本のお弁当

にほん べんとう ぶんか えいよう いろ み め かんが つく
日本にはお弁当の文化があります。栄養のバランスだけでなく、色どりなど見た目も考 えて作
ります。子どもが学校に持って行くお弁当は、ほとんど手作りです。

【日本のお弁当】



Cơm hộp (Obentou) và Bình nước (Suitou)

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Ngày mang cơm hộp (Obentou)

Học sinh mang cơm hộp vào những ngày như ngày học ngoại khóa, ngày hội thể thao, ngày nhà trường không chuẩn bị được bữa trưa do điều kiện thời tiết.

2. Những điều cần lưu ý khi chuẩn bị cơm hộp

Phụ huynh và học sinh cần lưu ý những điều dưới đây khi chuẩn bị cơm hộp.

- ① Cơm hộp phải để trong hộp cơm của mình. Nếu cơm mua ở cửa hàng thì phải gấp sang hộp của mình để mang đến trường.
- ② Chuẩn bị đủ lượng thức ăn mà trẻ có thể ăn được. Không mang quá nhiều hoặc quá ít.
- ③ Đồ ăn có nước sẽ tràn ra trên đường đi. Vì vậy, không nên mang đồ ăn có nước.
- ④ Hạn chế mang đồ ăn dễ hỏng, đồ ăn sống. Đặc biệt nên sử dụng chất giữ lạnh vào mùa hè vì mùa hè đồ ăn dễ hỏng.
- ⑤ Thỉnh thoảng học sinh sẽ ăn ở bên ngoài. Vì vậy, nên mang những đồ dễ ăn để tránh làm đổ hay làm bẩn tay.
- ⑥ Không đặt đồ ăn vặt như bánh kẹo vào hộp cơm. Tuy nhiên, có thể mang hoa quả.

3. Cơm hộp của Nhật Bản

Nhật Bản có văn hóa mang cơm hộp. Hộp cơm không chỉ đầy đủ chất dinh dưỡng mà còn rất đẹp mắt, nhiều màu sắc. Hầu hết cơm hộp trẻ mang đến trường thường là cơm nấu ở nhà.

【Cơm hộp của Nhật Bản】



4. 水筒が**い**る日

校外学こうがいがくしゅう習だいいくだいがいや体育大会などお弁当べんとうを持って行く日に持って行ったり、部活動ぶかつどう時の水分補給すいぶんほきゅうのために毎日まいにち持って行ったりします。行ぎょう事じや部活動ぶに関係かんけいなく、一年中いちねんじゅう持って行ってもいい中ちゅう学校がっこうもあります。先生せんせいに確認かくにんしましょう。



5. 水筒を準備するときに**き**をつけること

水筒すいとうを準備じゅんびするときには次つぎのことに**き**をつけてください。

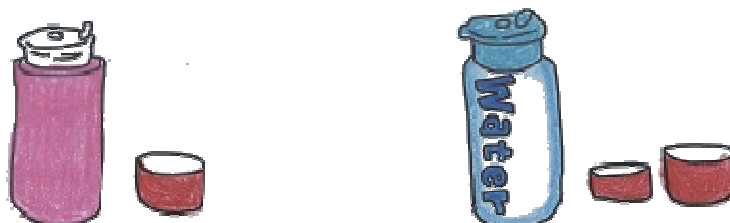
- ①水筒すいとうは保冷ほれい・保温効果ほおんこうかのあるステンレス製せいのものがおすすめです。
- ②お茶ちゃや水みずは必かならず水筒すいとうに入いれます。ペットボトルものまま持もって行いきません。
- ③水筒すいとうは子こどもの飲のむ量りょうに合あった大おおきさのものを準備じゅんびしましょう。
- ④水筒すいとうの中身なかみはお茶ちゃか水みずです。ジュースいは入ちやれてはいけません。お茶ちゃは、麦茶むぎちゃ・玄米茶げんまいちゃ・ウーロン茶ちゃなどです。
- ⑤コップつきの水筒すいとうを準備じゅんびしましょう。ストローえいせいじょうのついたものは、衛えい生せい上じょうよくありません。
- ⑥運動部うんどうぶで部活動ぶかつどうをしている子こどもは、熱中症ねつちゅうしょうを防ふぐためスいんりょうポもーツ飲い料りょうを持もって行いってもいい場ばああいがあります。中ちゅう学校がっこうによちがってルせんせいールかくにんが違ちがうので、先せんせい生かくにんに確かくにん認せんせいしましょう。

6. 日本にほんで水筒すいとうの中身なかみがお茶ちゃか水みずである理り由ゆう

国くにによっては食しょくじ事じのときのにジュースあまを飲ちやんだり、甘のいお茶あじつを飲しょくじんだりします。食しょくじ事じの味付あじつけとバしょくじランあじつスあじつによりあじつます。日本食にほんしょくには砂糖さとうをつかあまった甘あじつい味付あじつけのあじつものもああじつります。糖とう分ぶんのバとうぶんランとスとも考かんがえた食しょくじ事じになっしょくじていましょくじす。ジュースすいぶんほきゅうなどとうぶんを飲ちやみみずすぎると糖ちや分みずの取のりすぎになっちやてしまみずいます。そのたしょくじめ、食すいぶんほきゅう事とうぶんのときちやや水みず分の補給のには糖ちや分みずのなのいお茶のや水のを飲のみます。

4. Ngày mang bình nước

Học sinh mang bình nước vào những ngày như ngày học ngoại khóa, ngày hội thể thao và mang hàng ngày để cung cấp đủ lượng nước cần thiết khi tham gia hoạt động câu lạc bộ. Một số trường học cho phép học sinh mang bình nước đến trường tất cả các ngày trong năm, bất kể là có sự kiện hay hoạt động câu lạc bộ hay không. Phụ huynh cần xác nhận thông tin với phụ huynh.



5. Những điều cần lưu ý khi mang bình nước

Phụ huynh và học sinh cần lưu ý những điều dưới đây khi mang bình nước.

- ① Nên mang bình nước có chất liệu thép không gỉ, có chế độ giữ lạnh và giữ ấm.
- ② Trà và nước phải để trong bình nước. Không được mang chai nhựa mua ở cửa hàng.
- ③ Chuẩn bị bình nước có dung tích phù hợp với lượng nước mà trẻ uống.
- ④ Chỉ được phép mang theo bình nước có trà hoặc nước. Không được phép mang theo bình có nước hoa quả. Trà có nhiều loại như trà lúa mạch, trà gạo lứt, trà oolong...
- ⑤ Chuẩn bị bình nước có kèm theo cốc. Bình nước có kèm theo ống hút sẽ không đảm bảo vệ sinh.
- ⑥ Những học sinh tham gia hoạt động câu lạc bộ liên quan đến thể thao có thể được cho phép mang theo đồ uống thể thao để tránh bị say nắng. Mỗi trường sẽ có những quy định khác nhau nên phụ huynh cần xác nhận với giáo viên về vấn đề này.

6. Lý do tại sao ở Nhật chỉ mang theo trà hoặc nước

Một số quốc gia uống nước hoa quả hoặc uống trà ngọt trong bữa ăn. Điều này phụ thuộc vào sự cân bằng về gia vị trong bữa ăn. Một số đồ ăn Nhật sử dụng đường nên có vị ngọt. Bữa ăn đã có sự cân bằng về lượng đường. Do đó, nếu uống các đồ uống ngọt như nước hoa quả trong bữa ăn thì sẽ dẫn đến tình trạng hấp thu quá nhiều lượng đường. Vì lý do này, trong bữa ăn hoặc khi cần bổ sung nước thì nên uống trà không đường hoặc nước.

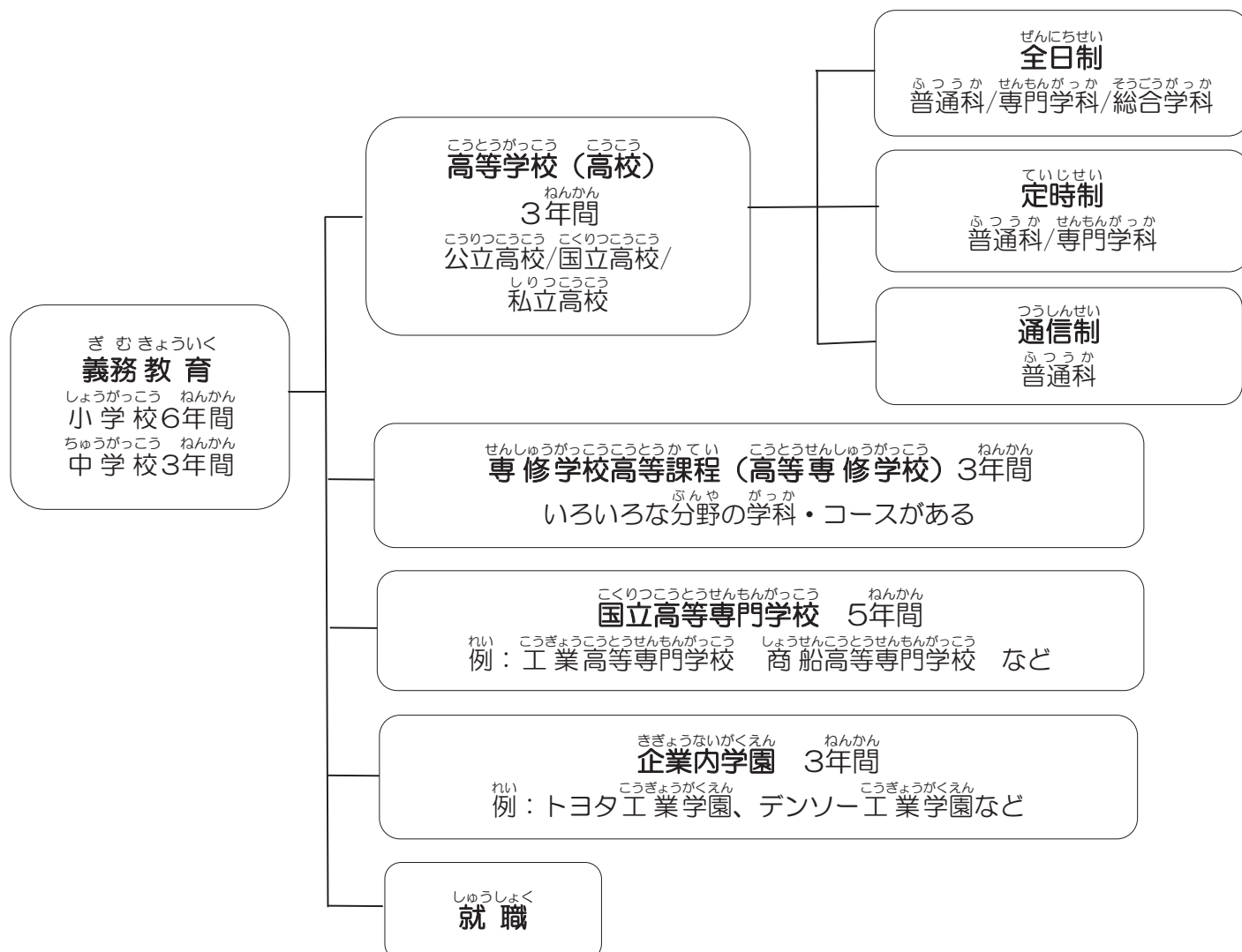
ちゅうがっこう そつぎょう 中学校を卒業したら

そつぎょうご しんろ 卒業後の進路

卒業したあと、自分がどこで、どう生きていくのか、将来進む人生のことを進路といいます。日本での義務教育は中学校までです。その先の進路は選べる自由がありますが、慎重に選ばなければいけません。そのため中学校では、何度も先生と子どもと保護者で進路相談をしていきます。子どもの希望、家庭の事情、中学校の成績など、いろいろなことを考えて、進路を決めていきます。後悔しないようにしっかりと考えて決めましょう。

卒業後の進路は、大きく分けて、学校に進む「進学」(p.161「進学」のページを見てください)と、仕事を始める「就職」(p.193「就職」のページを見てください)があります。卒業までに保護者や先生と相談して進路を決めます。

日本人の多くは中学校卒業後、すぐに高校に進学します。中学校を卒業したあとすぐに就職する子どもは少ないです。また日本では、中学校を卒業後、一旦就職してから数年後に進学するケースはほとんどありません。ほとんどの子どもが、中学校3年生のときに進学するかどうかを決めます。日本での現状をよく知って進路を決めることは、とても大切です。



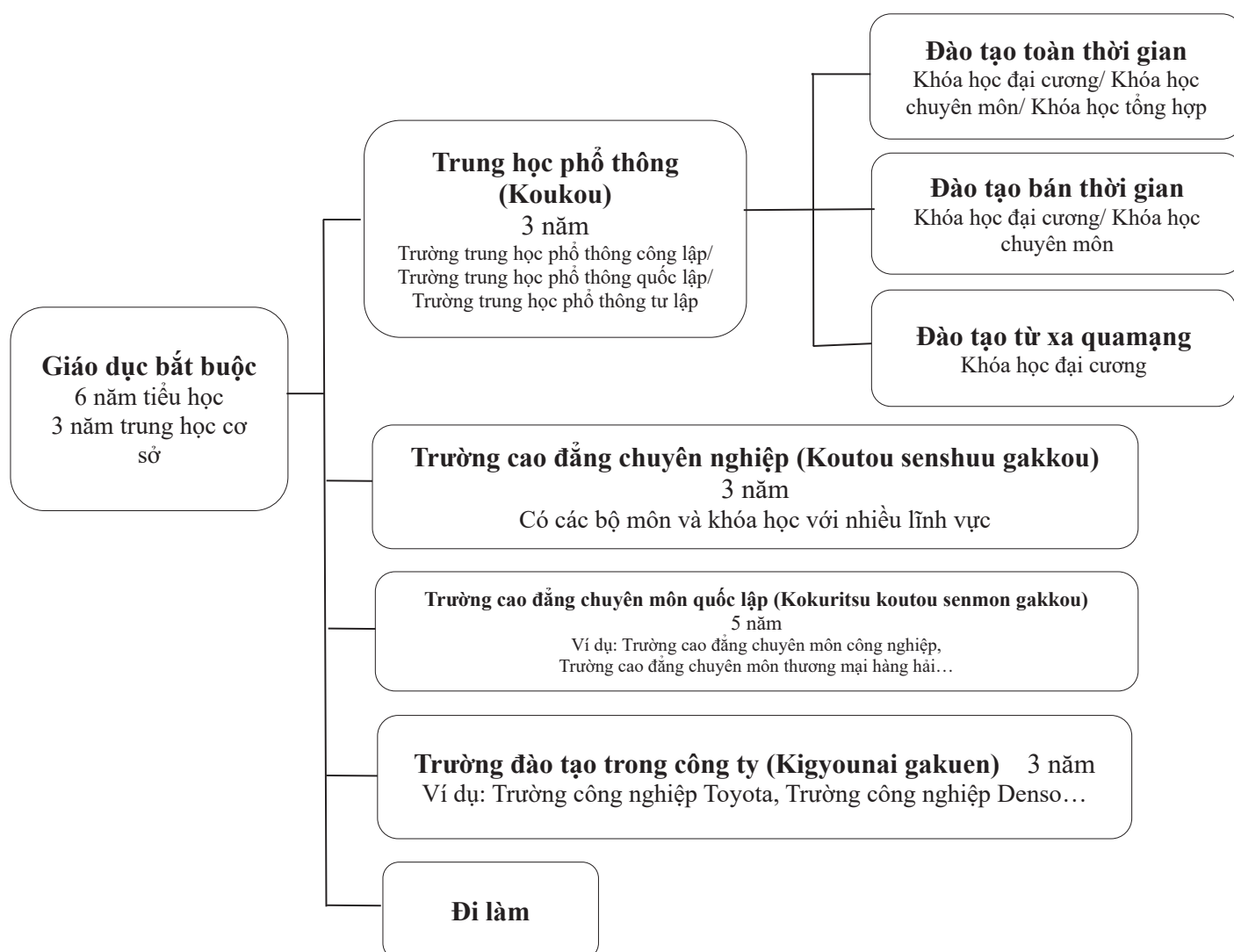
Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở

Hướng đi sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học sinh sẽ quyết định cách sống, nơi sống và cuộc đời trong tương lai của bản thân. Hệ thống giáo dục bắt buộc của Nhật là đến trung học cơ sở. Sau đó, học sinh sẽ tự lựa chọn hướng đi trong tương lai cho mình. Học sinh cần lựa chọn nghiêm túc. Do đó, ở trường trung học cơ sở, giáo viên, học sinh và phụ huynh nhiều lần họp trao đổi về hướng đi trong tương lai. Để quyết định được hướng đi trong tương lai, cần xem xét nhiều yếu tố như nguyện vọng của học sinh, hoàn cảnh gia đình, thành tích học tập ở trường trung học cơ sở... Học sinh cần suy nghĩ và quyết định cẩn thận để sau này không cảm thấy hối hận.

Hướng đi sau khi tốt nghiệp được chia làm 2 hướng đi chính, đó là Học lên trình độ cao (Shingaku) (Tham khảo trang “Học lên trình độ cao” ở trang 162) và Đi làm (Shuushoku) (Tham khảo trang “Đi làm” ở trang 194). Trước khi tốt nghiệp, học sinh sẽ trao đổi với phụ huynh và giáo viên để quyết định hướng đi cho mình.

Đa số học sinh người Nhật đều học lên trung học phổ thông ngay sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Số lượng học sinh đi làm ngay sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở không nhiều. Ngoài ra, ở Nhật cũng rất hiếm trường hợp làm việc một vài năm ngay sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, sau đó mới học lên trung học phổ thông. Hầu hết học sinh đều quyết định hướng đi cho bản thân trong học sinh năm 3. Học sinh cần nắm rõ tình hình hiện tại ở Nhật để có thể lựa chọn được hướng đi cho mình.



中学校を卒業したら

義務教育期間は国によって違います。日本では、義務教育は小学校6年間（6歳から12歳）と中学校3年間（12歳から15歳）、合わせて9年間です。その後、高等学校（高校とすることが多い）に進学するかどうかは自分で決めることができます。国によっては、進学が当たり前ではなかったり、卒業後、一度就職した後で進学したりする場合があります。しかし日本では、ほとんどの子どもが中学校を卒業後、すぐに高校に進学します。日本の高校進学率は約98%（全日制・定時制・通信制・専修学校高等課程を含む。文部科学省「平成28年度学校基本調査」）です。



※先生方へ※

国によっては、「いつか高校に行きたいが、今は就職する」という価値観が一般的なところもあります。しかし日本では、ほとんどの子どもが中学校卒業後すぐに高校に進学すること、日本で高校に進学しなかった場合、将来どのような影響があるのか（給料や職種など）を保護者に丁寧に説明する必要があります。

Hệ thống giáo dục bắt buộc khác nhau tùy theo từng quốc gia. Ở Nhật, hệ thống giáo dục bắt buộc là 9 năm, bao gồm 6 năm học tiểu học (từ 6 tuổi đến 12 tuổi) và 3 năm học trung học cơ sở (từ 12 tuổi đến 15 tuổi). Sau đó, học sinh có thể tự quyết định xem có học tiếp lên trung học phổ thông (thường được gọi là “Koukou”) hay không. Ở một số quốc gia thì việc học tiếp lên trình độ cao không phải là điều đương nhiên, một số quốc gia thì đi làm một thời gian sau khi tốt nghiệp rồi mới học tiếp lên trình độ cao. Tuy nhiên, ở Nhật, hầu hết học sinh đều học tiếp lên trung học phổ thông ngay sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh học lên trung học phổ thông ở Nhật là khoảng 98% (bao gồm đào tạo toàn thời gian, đào tạo bán thời gian, đào tạo từ xa qua mạng, trường cao đẳng dạy nghề. Theo “Kết quả điều tra cơ bản về trường học năm 2016” của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Kỹ thuật).



しんがく
進学

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

1. 進学することの大切さ

中学校を卒業した後の各学校への進学は義務教育ではないので、進学するかどうかは自分で決めることができます（日本で進学するためには、入学試験に合格しなければなりません）。将来のことを考えたとき、高校卒業（高卒）と中学校卒業（中卒）では、選べる仕事の種類や、もらえるお給料が違います（p.193「就職」を見てください）。高校を卒業していないと採用試験や面接を受けることができない会社も多いです。それは、ひとりの大人として社会に出て仕事をするためには、中学校までで勉強しただけの知識では足りないことが多いからです。派遣社員やアルバイトの仕事もありますが、正社員と比べるとお給料が少なく、病気になったりケガをしたりしたときのサポートが少なかったり、ないこともあります。

また、中学校では同じ地域の子どもが集まっていましたが、高校では、いろいろな地域から通学してくる仲間に出会うことができます。中学校とはまた違った楽しいことがたくさん体験できます。自分が将来何をしたいのか、高校3年間の間に考えることができます。またいろいろな経験をし、可能性を広げることができます。



ただし、高校は義務教育ではないので、欠席が多かったり校則を守れなかったりすると、進級や卒業ができないことがあります。

2. 進学先

進学先には色々な種類があります。

こうとうがっこう 高等学校（高校） ※2-1. 高校へ	こうりつ 公立	ふつうか せんもんがっこう そうごうがっこう 普通科、専門学科、総合学科
	しりつ 私立	
せんしゅうがっこう 専修学校 ※2-2. 専修学校へ	こうりつ 公立	じゅんかん こうしがっこう など、がっこう かぎ 准看護師学校など、学科が限られています。
	しりつ 私立	こうぎょう のうぎょう びよう ふくし がっこう 工業、農業、美容、福祉などいろいろな学科があります。
こうとうせんもんがっこう 高等専門学校	こくりつ 国立	こうぎょうこうとうせんもんがっこう しょうせんこうとうせんもんがっこう 工業高等専門学校、商船高等専門学校

Học lên trình độ cao

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

1. Tầm quan trọng của việc học lên trình độ cao

Học tiếp lên trình độ cao sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở không phải là điều bắt buộc. Do đó, học sinh có thể tự quyết định xem có học tiếp hay không. (Ở Nhật, để có thể học tiếp, học sinh phải đỗ kỳ thi nhập học).

Khi suy nghĩ về tương lai của mình, học sinh cần ý thức rằng loại công việc và mức lương nhận được của học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (chuusotsu) và học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (kousotsu) là khác nhau (Tham khảo nội dung “Đi làm” ở trang 194). Nhiều công ty không tổ chức kỳ thi tuyển dụng và phỏng vấn đối với những người chưa tốt nghiệp trung học phổ thông (dưới đây viết tắt là “THPT”). Lý do bởi vì lượng kiến thức của học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở không đủ để có thể làm việc trong xã hội với tư cách của một người trưởng thành. Có các công việc như công việc phái cử (haken shain) hay công việc bán thời gian. Tuy nhiên, mức lương nhận được thấp hơn so với nhân viên chính thức, chế độ khi bị ốm hay bị thương có thể ít hoặc không có.

Ngoài ra, trường trung học cơ sở tập trung nhiều học sinh sống trong cùng khu vực. Tuy nhiên, ở trường trung học phổ thông, học sinh có thể gặp gỡ nhiều bạn bè sống ở những khu vực khác nhau. Học sinh sẽ có cơ hội trải nghiệm nhiều điều thú vị khác với những trải nghiệm ở trường trung học cơ sở. Học sinh có thể suy nghĩ những việc bản thân muốn làm trong tương lai trong suốt 3 năm học trung học cơ sở. Học sinh cũng được trải nghiệm nhiều điều, những cơ hội trong tương lai cũng được mở rộng.

Tuy nhiên, bởi vì trung học phổ thông không bắt buộc nên nếu nghỉ học nhiều hoặc không tuân thủ quy định của nhà trường, học sinh có thể không được lên lớp hoặc không thể tốt nghiệp.



2. Các trường có thể học lên sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở

Có nhiều trường mà học sinh có thể học lên sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

Trường THPT (Koukou) ※ Đến mục 2-1. Trung học phổ thông (Koukou)	Công lập	Khóa học đại cương, Khóa học chuyên môn, Khóa học tổng hợp
	Tư lập	
Trường chuyên nghiệp ※ Đến mục 2-2. Trường chuyên nghiệp (Senshuu gakkou)	Công lập	Số lượng khoa không nhiều, ví dụ như trường điều dưỡng thực hành...
	Tư lập	Có nhiều khoa như Công nghiệp, Nông nghiệp, Thẩm mỹ, Phúc lợi
Trường cao đẳng chuyên môn (Koutou senmon gakkou)	Quốc lập	Trường cao đẳng chuyên môn công nghiệp, Trường cao đẳng chuyên môn thương mại hàng hải

2-1. 高校

日本には、たくさんの種類の高校があります。大学進学を目指す高校や、将来の仕事につながる専門的なことが学べる高校もあります。高校を卒業した後の自分の将来を考えて、行きたい高校に行けるのが一番理想ですが、高校に入るためには入学試験に受からなければいけません。受験日当日のテストの点数だけではなく、中学校での成績もあわせて合格・不合格が決まります。

中学校に入学したばかりの頃や、部活動に熱中しているときは、高校進学や将来についてあまり考えることはないかもしれません。しかし3年生になってからでは急には成績は上がりません。行きたい高校に行けるように、1年生の頃から勉強をがんばることはとても大切です。

※相談することが大切※

中学校では3年生になると高校の先生を呼んで進学説明会（学校の紹介など）をしたり、担任の先生と生徒と保護者の3人での、進路についての懇談会を行いました。

高校卒業後、大学に進学したい、就職したいなど、子どもの意思を先生や家族できちんと確認しましょう。将来について悩んでいたたり迷っていたりすることがあれば、先生に何でも相談しましょう。

また、高校を選ぶときは子どもの成績や高校のレベルだけでなく、家からの距離や授業料なども調べて決めましょう。公立高校では、家から遠いところは受検できなかったり、私立高校では、公立高校よりたくさんのお金が必要だったりします。家庭の事情で、子どもの希望に添えない場合も、きちんと家族で話し合い、子どもが納得できるように説明することが大切です。



※先生方へ※

保護者が日本での進学についてよく知らなかったり、母国での価値観で進路を考えていたり、子どもの希望する進路に理解を示していなかったりすることもあります。進路や進学について、子どもが保護者に相談することが難しい場合も多い、ということを、先生が理解してあげることが大切です。

2-1-1. 高校の種類

① 公立高校と私立高校

- 公立高校は都道府県や市が設置、運営。
- 国が設置、運営する国立高校もありますが、数は少ないです（愛知県内では2校のみ）。
- 私立高校は、民間の学校法人が設置、運営。

※高等学校等就学支援金制度により、私立高校と公立・国立高校の授業料の格差は少なくなりましたが、入学金や入学してから必要なお金は、私立高校より公立・国立高校のほうが安いです。

※公立高校（全日制普通科）は、住んでいる地域で受検できる高校が決まります（専門学科によっては地域外でも受検できることがあります）。

2-1. Trung học phổ thông (Koukou)

Ở Nhật có nhiều loại trường THPT. Có trường THPT trang bị kiến thức để học lên đại học, cũng có trường THPT dạy các kiến thức chuyên ngành cần thiết cho công việc trong tương lai. Lý tưởng nhất là học sinh có thể vào trường nguyện vọng khi đã suy nghĩ về tương lai của bản thân sau khi tốt nghiệp THPT. Tuy nhiên, để có thể vào trường THPT, học sinh phải tham gia kỳ thi nhập học. Yếu tố quyết định đỗ hay trượt kỳ thi nhập học không chỉ mỗi điểm số đạt được trong kỳ thi, mà còn cả thành tích học tập ở trường trung học cơ sở.

Thời điểm mới bắt đầu vào học ở trường trung học cơ sở hay khi quá tập trung vào hoạt động câu lạc bộ, học sinh có thể không suy nghĩ nhiều đến việc học lên THPT hay tương lai của mình. Tuy nhiên, thành tích học tập sẽ không tăng đột biến khi lên năm 3. Do đó, để có thể vào trường nguyện vọng, học sinh cần phải cố gắng học tập từ năm học 1.

※Tầm quan trọng của việc trao đổi※

Ở trường trung học cơ sở, khi học sinh học năm 3, nhà trường sẽ mời giáo viên của trường THPT để tổ chức Buổi hướng dẫn về việc học lên trình độ cao (Shingaku setsumeikai), tổ chức buổi Họp phụ huynh (Kondankai) trao đổi về hướng đi trong tương lai với sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm, học sinh và phụ huynh.

Sau khi tốt nghiệp THPT, giáo viên và gia đình cần xác nhận rõ xem học sinh muốn học tiếp lên đại học hay muốn đi làm. Nếu có bất cứ điều gì lo lắng hay băn khoăn về tương lai của bản thân, học sinh nên trao đổi với giáo viên.

Ngoài ra, khi lựa chọn trường THPT, phụ huynh không chỉ dựa vào thành tích học tập của con mình và trình độ của trường đó, mà cần xem xét đến các yếu tố như khoảng cách từ nhà đến trường, học phí... Trường công lập có khoảng cách xa nhà thì không thể tham gia dự thi được, còn trường tư lập thì tốn nhiều chi phí hơn so với trường công lập. Nếu vì hoàn cảnh gia đình mà không thể đáp ứng được nguyện vọng của con, gia đình cần nói chuyện để con mình có thể hiểu được.



2-1-1. Các loại trường trung học phổ thông

① Trường THPT công lập (Kouritsu koukou) và Trường THPT tư lập (Shiritsu koukou)

- Trường THPT công lập do các tỉnh thành hoặc thành phố thành lập và điều hành.
- Có trường THPT công lập do nhà nước thành lập và vận hành nhưng số lượng không nhiều (chỉ có 2 trường trong tỉnh Aichi).
- Trường THPT tư lập do các tổ chức trường học tư nhân thành lập và điều hành.

※ Theo chế độ hỗ trợ học phí THPT, sự chênh lệch về học phí của trường THPT tư lập và trường THPT công lập/ quốc lập đã giảm xuống. Tuy nhiên, đối với những khoản tiền như tiền nhập học hay tiền cần nộp sau khi nhập học thì trường THPT công lập/ quốc lập vẫn ít hơn trường THPT tư lập.

※ Trường THPT công lập (Khóa học đại cương trong hệ thống đào tạo toàn thời gian) mà học sinh có thể dự thi được quy định theo khu vực sinh sống. (Đối với khóa học chuyên môn, học sinh cũng có thể tham gia kỳ thi của trường không thuộc khu vực sinh sống).

② 普通科・専門学科・総合学科

【普通科】

- 卒業後に進学を目指す高校と卒業後に就職を目指す高校があります。
- 国際コースや情報コースがある高校もあります。

【専門学科】【総合学科】

- 専門学科だけの高校
工業高校、商業高校など、専門的なことを学びます。在学中にいろいろな資格を取ることができます。
- 普通科と専門学科、総合学科がある高校
同じ高校の中に普通科や専門学科（家庭科、音楽科など）、総合学科があります。



専門学科や総合学科で取れる資格

専門学科や総合学科では、高校在学中にいろいろな資格がとれます。簿記や情報処理、電気工事士や建築士などの資格があります。いろいろな資格試験があるので、自分が興味のある職業には、どんな資格が必要なのか、そのためには、どの高校を選んだらいいか、先生に手伝ってもらって調べたり、相談したりしましょう。

学校説明会やオープンキャンパスに行き、直接説明を聞いたり、見学したりして、子どもに合った高校を選びましょう。



※先生方へ※

保護者には日本の高校や職業について専門的な知識がなかったり、価値観などが自分の国とは違ったりすることがあります。職業に必要な資格の意味や内容が理解できないことがあるので、丁寧に説明する必要があります。

③ 全日制・定時制・通信制

日本人の多くは全日制的な高校に進学します。朝から夕方まで高校で生活をします。生活の中心は高校生活です。

定時制は昼間だけ、または夜間だけの短い時間だけ高校に通います。学費も安いです。仕事をしながら通うこともできます。

通信制は、仕事や家庭の事情や健康上の理由などで毎日通学できないけれども、高校卒業の資格を取りたい人が行きます。

② Khóa học đại cương (Futsuuka), Khóa học chuyên môn (Senmon gakka), Khóa học tổng hợp (Sougou gakka)

【Khóa học đại cương】

- Có trường THPT trang bị kiến thức để học lên trình độ cao sau khi tốt nghiệp và trường THPT trang bị kiến thức để đi làm sau khi tốt nghiệp.
- Ngoài ra còn có trường THPT có khóa học quốc tế và khóa học thông tin.

【Khóa học chuyên môn】 【Khóa học tổng hợp】

- Trường THPT chỉ có khóa học chuyên môn
Ở một số trường như trường THPT công nghiệp, trường THPT thương mại, học sinh được học các môn học chuyên môn. Học sinh có thể được cấp nhiều loại chứng chỉ trong quá trình học tại trường.
- Trường THPT có khóa học đại cương, khóa học chuyên môn và khóa học tổng hợp
Trong cùng một trường có khóa học đại cương, khóa học chuyên môn (bộ môn nữ công gia chánh, bộ môn âm nhạc...), khóa học tổng hợp.



Chứng chỉ mà học sinh được cấp ở khóa học chuyên môn và khóa học tổng hợp

Học sinh có thể được cấp nhiều loại chứng chỉ trong quá trình học THPT tại khóa học chuyên môn và khóa học tổng hợp. Có nhiều loại chứng chỉ như chứng chỉ sổ sách kế toán, xử lý thông tin, sửa điện, xây dựng... Do có nhiều kỳ thi lấy chứng chỉ khác nhau nên học sinh cần tìm hiểu, trao đổi với giáo viên để cân nhắc xem chứng chỉ nào cần thiết cho công việc mà mình quan tâm, từ đó lựa chọn trường THPT phù hợp.

Phụ huynh nên tham gia các buổi hướng dẫn về trường học, buổi tham quan trường học để có thể trực tiếp nghe thông tin về trường, tham quan trường, từ đó lựa chọn trường THPT phù hợp với con mình.



③ Hệ thống đào tạo toàn thời gian (Zennichi sei), Hệ thống đào tạo bán thời gian (Teiji sei), Hệ thống đào tạo từ xa qua mạng (Tsuushin sei)

Hầu hết người Nhật đều học trường THPT đào tạo toàn thời gian. Học sinh sinh hoạt và học tập ở trường từ buổi sáng đến buổi chiều. Cuộc sống của học sinh xoay quanh môi trường trường học.

Hệ thống đào tạo bán thời gian là hệ thống mà học sinh chỉ đến trường trong khoảng thời gian ngắn vào ban ngày hoặc ban đêm. Học phí cũng khá rẻ. Học sinh có thể vừa đi làm vừa đi học.

Hệ thống đào tạo từ xa qua mạng dành cho những người muốn lấy bằng tốt nghiệp THPT nhưng không thể đến trường hàng ngày vì những lý do như công việc, hoàn cảnh gia đình hay có vấn đề về sức khỏe.

	じ かん 時間	にち 1日の がくしゅう じ かん 学習 時間	ねんすう 年数	にゅうがく じ ひつよう かね 入学時に必要なお金
ぜんにちせいこうこう 全日制高校 (公立)	8:30 ～16:00	6時間	3年	まんえんてい ど 10万円程度 ※1
ぜんにちせいこうこう 全日制高校 (私立)	8:30 ～16:00	6時間	3年	まんえん がっこう 50～100万円(学校によ って違います)
てい じ せいこうこう 定時制高校 (公立夜間)	17:30 ～21:00	4時間	4年(3年での卒 業も可) ※2	まんえんてい ど 10万円程度 ※1
てい じ せいこうこう 定時制高校 (公立昼間)	12:00前後 ～夕方 ※3	4時間 ～5時間	4年(3年での卒 業も可) ※2	まんえんてい ど 10万円程度 ※1
つうしんせいこうこう 通信制高校	レポート提出と学校が指定した日(主に日曜日)に登校して面接指導を受ける		3年以上	こうりつ つうしんせい 公立通信制 ねんかん まんえん 年間2～5万円 ※4 しりつ つうしんせい 私立通信制 ねんかん まんえん 年間30～60万円 ※4

- ※1 制服がある場合は、5万円～6万円、必要です。
- ※2 単位制選択で3年で卒業することもできます。
- ※3 学校によって違います。二部制になっていて始まる時刻を選ぶ学校もあります。
二部制の例：①9:00～12:40 ②10:45～15:00
- ※4 通信制高校では、必要なお金を年間で表示してあるところが多いです。

2-1-2. 行きたい高校が決まったら

入学試験に向けて、ひたすら勉強をがんばります。日本人の多くは学校の勉強だけではなく塾に通っています。勉強で分からないところがあれば、先生に何でも質問しましょう。受験するために必要な願書の書き方は学校で教えてもらいながら書きます。正確に書く必要があります。



※先生方へ※

塾に通えない外国にルーツをもつ子どものために、地域のNPOやボランティア団体などが無料の学習教室など行っていることがあります。色々な情報を積極的に取り入れ、必要に応じて情報を発信してあげてください。

2-1-3. 入学試験

①全日制課程の入学試験

公立高校も私立高校も、全日制課程の高校の入学試験には、推薦選抜と一般選抜があります。どちらも学力を基準に受験する高校を決めますが、合格するためには、受験当日の学力テストの成績や面接だけでなく、中学校の先生が作成する調査書がとても重要です。

	Thời gian	Thời gian học trong một ngày	Số năm học	Chi phí cần thiết khi nhập học
Trường THPT đào tạo toàn thời gian (Công lập)	8:30 ~ 16:00	6 tiếng	3 năm	Khoảng 100,000 yên ※ 1
Trường THPT đào tạo toàn thời gian (Tư lập)	8:30 ~ 16:00	6 tiếng	3 năm	500,000 yên~1,000,000 yên (khác nhau tùy theo từng trường)
Trường THPT đào tạo bán thời gian (Trường công lập dạy ban đêm)	17:30 ~ 21:00	4 tiếng	4 năm (cũng có thể tốt nghiệp trong 3 năm) ※ 2	Khoảng 100,000 yên ※ 1
Trường THPT đào tạo bán thời gian (Trường công lập dạy ban ngày)	Trước hoặc sau 12:00 ~ buổi chiều ※ 3	4 tiếng ~ 5 tiếng	4 năm (cũng có thể tốt nghiệp trong 3 năm) ※ 2	Khoảng 100,000 yên ※ 1
Trường THPT đào tạo từ xa qua mạng	Nộp báo cáo và đến trường vào ngày nhà trường quy định (chủ yếu vào chủ nhật) để tham gia hướng dẫn phỏng vấn.		3 năm trở lên	Hệ thống đào tạo từ xa qua mạng của trường công lập 20,000 yên ~ 50,000 yên mỗi năm ※ 4 Hệ thống đào tạo từ xa qua mạng của trường tư lập 300,000 yên ~ 600,000 yên mỗi năm ※ 4

- ※ 1 Nếu nhà trường yêu cầu mặc đồng phục thì chi phí khoảng 50,000 yên ~ 60,000 yên.
- ※ 2 Học sinh có thể tốt nghiệp trong 3 năm nếu lựa chọn hình thức đơn vị học trình.
- ※ 3 Khác nhau tùy theo từng trường. Một số trường có chế độ đào tạo theo 2 khung giờ để học sinh lựa chọn.
Ví dụ về chế độ đào tạo 2 khung giờ: ①9:00 ~ 12:40 ②10:45 ~ 15:00
- ※ 4 Trong số các trường THPT đào tạo từ xa qua mạng, nhiều trường tính chi phí cần thiết theo năm.

2-1-2. Sau khi đã quyết định được trường THPT nguyện vọng

Học sinh phải học tập chăm chỉ để ôn tập cho kỳ thi nhập học. Ngoài thời gian học ở trường, nhiều người Nhật còn học thêm ở các trung tâm. Trong quá trình học, nếu có bất cứ điều gì không hiểu thì học sinh nên hỏi lại giáo viên.

Nhà trường hướng dẫn học sinh cách điền thông tin vào Đơn đăng ký dự thi (Gansho). Thông tin cần được viết chính xác.



2-1-3. Kỳ thi nhập học

① Kỳ thi nhập học của hệ thống đào tạo toàn thời gian

Kỳ thi nhập học vào trường THPT đào tạo toàn thời gian của trường THPT công lập và trường THPT tư lập đều có hai hình thức, đó là Tuyển sinh thông qua tiến cử (Suisen senbatsu) và Tuyển sinh thông thường (Ippan senbatsu). Cả hai hình thức này đều dựa trên học lực của học sinh để quyết định trường dự thi. Tuy nhiên, để đỗ kỳ thi thì ngoài kết quả bài kiểm tra học lực và kết quả phỏng vấn trong ngày dự thi, Phiếu điều tra (Chousasho) do giáo viên trường trung học cơ sở lập ra cũng rất quan trọng.

調査書では学力（中学校での定期テストや小テストの点数）だけではなく、学習態度（授業中の様子や宿題の提出など）や学校生活の様子なども評価の対象になります。推薦選抜の場合は、部活動の成績なども評価の対象になります（P19「学習について」を見てください）。

中学校の勉強とは別で、英検（実用英語検定）など各種資格を持っている場合は先生に言いましょう。調査書に書いてもらえる資格もあります（全部の資格が書いてもらえるわけではありません）。



①-（1）推薦選抜

- 学力や生活態度、部活動などから考えて、中学校の校長先生が推薦できると考えたときは受験できます。どうしてもその学校に行きたい、合格したら絶対にその学校に行くという人しか受験できません。
- 内申点もとても大切です。内申点とは通知表の9教科の評定（5～1）の合計点です（都道府県によって算出方法が違うところもあります）。通知表の評定を意識して、普段の授業をがんばらなくてははいけません。
- 部活動で全国大会に出場した人、優秀な成績で表彰された人、生徒会などの活動をした人、長期的に校内外でボランティア活動をした人は受験できます。
- 私立高校は、国語、数学、英語の学力テストと面接を行うところが多いです。3教科合わせて60分くらいの基礎学力試験と作文、面接のところなど、学校によって違います。
- 公立高校は、学科試験は行わないところが多いです。選抜方法は調査書、面接、作文など学校によって違います。

①-（2）一般選抜

- 行きたい高校のレベル以上の成績をとれるように勉強することが大切です。内申点もとても大切です。内申点とは通知表の9教科の評定（5～1）の合計点です（都道府県によって算出方法が違うところもあります）。通知表の評定を意識して、普段の授業をがんばらなくてははいけません。
- 調査書は、部活動や学校生活の様子を先生が書きます。特に成績が良くなくても、欠席が少ないこと、まじめにがんばっていることなど、先生が気づいたことを書きます。
- 学力テストがあります。公立高校では、国語・数学・英語・理科・社会の5教科、私立高校では、国語・数学・英語の3教科のところが多いです（学校によっては、5教科のところもあります）。

※推薦選抜、一般選抜どちらも、調査書に中学校2年生と3年生の出席日数を書きます。欠席・早退・遅刻は少ない方がいいですが、（体や心の）病気など、理由がある場合は、決められた書類に記入して提出します。

Trong Phiếu điều tra này, yếu tố đánh giá học sinh không chỉ là học lực (điểm số của bài kiểm tra định kỳ và bài kiểm tra nhỏ ở trường trung học cơ sở) mà còn cả thái độ học tập (như thái độ học tập trong lớp hay việc nộp bài tập về nhà...), cuộc sống sinh hoạt trong trường... Trường hợp tuyển sinh thông qua tiến cử thì thành tích hoạt động câu lạc bộ cũng là một yếu tố đánh giá. (Tham khảo nội dung “Học tập” ở trang 20).

Không liên quan đến các môn học ở trường trung học cơ sở, nếu học sinh có các loại chứng chỉ như chứng chỉ Kỳ thi năng lực tiếng Anh (Eiken) thì hãy nói với giáo viên. Một số chứng chỉ có thể được ghi trong Phiếu điều tra (không phải tất cả các chứng chỉ đều được ghi trong Phiếu điều tra).



① —(1) Tuyển sinh thông qua tiến cử

- Học sinh có thể dự thi khi được hiệu trưởng trường trung học cơ sở tiến cử dựa trên các yếu tố như học lực, cuộc sống sinh hoạt trong trường, hoạt động câu lạc bộ... Chỉ những người thực sự quyết tâm và chắc chắn nhập học nếu đỗ kỳ thi mới có thể dự thi.
- Điểm tổng kết (Naishinten) cũng rất quan trọng. Điểm tổng kết là tổng số điểm đánh giá (5~1) của 9 môn học ghi trong Giấy thông báo (cách tính điểm khác nhau tùy theo từng tỉnh thành). Học sinh cần ý thức được tầm quan trọng của điểm đánh giá ghi trong Giấy thông báo và cố gắng học tập trong các giờ học hàng ngày.
- Đối tượng có thể dự thi là người đã từng tham gia đại hội toàn quốc theo câu lạc bộ, người có thành tích xuất sắc được tuyên dương, người đã từng tham gia hoạt động trong hội học sinh, người đã từng tham gia hoạt động tình nguyện trong hoặc ngoài trường trong thời gian dài.
- Nhiều trường THPT tư lập tổ chức kỳ thi năng lực ba môn là Quốc ngữ, Toán học, Tiếng Anh và thi phỏng vấn. Tùy theo từng trường mà các môn thi khác nhau, ví dụ có trường tổ chức thi năng lực cơ bản kết hợp ba môn trong thời gian 60 phút, viết luận và phỏng vấn.
- Nhiều trường THPT công lập không tổ chức thi các môn. Hình thức tuyển sinh khác nhau tùy theo từng trường như Phiếu điều tra, phỏng vấn, viết luận...

① —(2) Tuyển sinh thông thường

- Học để có thể đạt được thành tích cao hơn trình độ mà trường THPT nguyện vọng yêu cầu là điều rất quan trọng. Điểm tổng kết cũng rất quan trọng. Điểm tổng kết là tổng số điểm đánh giá (5~1) của 9 môn học ghi trong Giấy thông báo (cách tính điểm khác nhau tùy theo từng tỉnh thành). Học sinh cần ý thức được tầm quan trọng của điểm đánh giá ghi trong Giấy thông báo và cố gắng học tập trong các giờ học hàng ngày.
- Trong Phiếu điều tra, giáo viên nhà trường sẽ ghi thái độ hoạt động câu lạc bộ và hoạt động trong trường của học sinh. Giáo viên sẽ ghi tất cả những điều mà giáo viên thấy như học sinh ít khi nghỉ học hay học sinh rất chăm chỉ và có cố gắng... cho dù thành tích học tập của học sinh đó không được tốt lắm.
- Có bài kiểm tra đánh giá năng lực. Thông thường, trường THPT công lập có bài kiểm tra 5 môn là Quốc ngữ, Toán học, Tiếng Anh, Tự nhiên, Xã hội; trường THPT tư lập có bài kiểm tra 3 môn là Quốc ngữ, Toán học, Tiếng Anh (một số trường có bài kiểm tra 5 môn).

※ Tuyển sinh thông qua tiến cử và tuyển sinh thông thường đều có ghi số ngày đi học của năm 2 và năm 3 ở trường trung học cơ sở trong Phiếu điều tra. Nếu số ngày nghỉ, ngày về sớm và ngày đi muộn ít thì sẽ có lợi. Tuy nhiên, nếu có lý do như bị ốm (cả về thể chất và tâm lý) thì cần nộp đơn có ghi lý do theo mẫu quy định.

進学

※面接試験には、個人面接と集団面接があります。高校によって違うので、必ず受験案内などで確認しましょう。集団面接でも個人面接でも、礼儀・姿勢・話し方など、基本的なことは1年生から身につけるようにしましょう。内容についても、志望動機などを自分の言葉で話せるようにしましょう。面接の練習は、先生が学校でやってくれます。家族も協力して何度も練習しましょう。

※体育・音楽・美術等の学科は、推薦選抜、一般選抜ともに実技試験もあります。

②定時制課程・通信制課程の入学試験

・定時制課程（昼間）

入学試験は、国語・数学・英語の3教科のところが多いです。

学力テストのほかに、作文、面接も行われます。

・定時制課程（夜間）

入学試験は、国語・数学・英語の3教科のところが多いです。

簡単な筆記試験を行うところもあります。

学力テストや簡単な筆記試験のほかに、作文、面接も行われます。

・通信制課程

学力テストを行わないところが多いです。

作文、面接は行われます。

がいこくじんせいとうせんぱつ 外国人生徒等選抜について

【外国人生徒等選抜とは】

日本に来てから、あまり年数が経っていないため、日本語での教科の受検が、日本人と同じようにはできない子どもが対象です。愛知県の出願資格は以下のようになっています。

保護者とともに県内在住（または住む予定）で、小学校4年生以上の学年に編入学、または3年生以下の学年に編入学し特別な事情（出入国を繰り返すなど）があると認められる外国籍の人。

入学試験の問題には、たくさんの漢字が使われています。外国人生徒等選抜では、漢字には、ひらがなでルビがふってあります。

日本語がまだ上手ではなくても、（高校受験までに外国人生徒の日本語能力が日本人と同レベルにならなくても、）がんばれば高校に合格できるように、入試の特別枠として外国人生徒等選抜制度を作って、外国人生徒の高校進学をすすめています。中学校の勉強とは別で、英検（実用英語検定）など各種資格を持っている場合は先生に言いましょう。調査書に書いてもらえる資格もあります（全部の資格が書いてもらえるわけではありません）。

- ※ Thi phỏng vấn bao gồm phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn tập thể. Hình thức phỏng vấn khác nhau tùy theo từng trường nên học sinh cần xác nhận kỹ thông tin trong hướng dẫn dự thi. Phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn tập thể đều có những tiêu chuẩn cơ bản mà học sinh cần học từ năm lớp 7 như cách ứng xử, tư thế, cách nói chuyện. Về nội dung phỏng vấn, học sinh cần luyện tập để có thể tự mình nói được về Lý do ứng tuyển (Shibou douki). Giáo viên nhà trường sẽ giúp học sinh luyện tập cho bài thi phỏng vấn. Gia đình cũng cần hợp tác giúp đỡ con mình luyện tập.
- ※ Hình thức tuyển sinh thông qua tiến cử và tuyển sinh thông thường đều có bài thi thực hành đối với các bộ môn như Thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật....

② Kỳ thi nhập học của hệ thống đào tạo bán thời gian và hệ thống đào tạo từ xa qua mạng

- Hệ thống đào tạo bán thời gian (ban ngày)

Hầu hết các trường đều tổ chức kỳ thi nhập học với 3 môn là Quốc ngữ, Toán học và Tiếng Anh. Ngoài bài kiểm tra năng lực còn có viết luận và phỏng vấn.

- Hệ thống đào tạo bán thời gian (ban đêm)

Hầu hết các trường đều tổ chức kỳ thi nhập học với 3 môn là Quốc ngữ, Toán học và Tiếng Anh. Một vài trường tổ chức thi viết đơn giản.

Ngoài bài kiểm tra năng lực và thi viết đơn giản còn có viết luận và phỏng vấn.

- Hệ thống đào tạo từ xa qua mạng

Hầu hết các trường đều không có bài kiểm tra năng lực.

Trường tổ chức thi viết luận và phỏng vấn.

Tuyển sinh học sinh người nước ngoài (Gaikokujin seitotou senbatsu)

【Tuyển sinh học sinh người nước ngoài là gì?】

Đối tượng tuyển sinh là những học sinh không thể dự thi các bộ môn bằng tiếng Nhật giống học sinh người Nhật do thời gian sống ở Nhật chưa lâu. Tiêu chuẩn đăng ký của tỉnh Aichi được quy định như dưới đây.

Học sinh có quốc tịch nước ngoài đang sinh sống (hoặc dự định sinh sống) trong khu vực tỉnh cùng với bố/ mẹ, chuyển trường vào năm 4, năm 5 hoặc năm 6 tiểu học; học sinh có quốc tịch nước ngoài chuyển trường trước khi học tiểu học, chuyển trường vào năm 1, năm 2 hoặc năm 3 tiểu học và được công nhận là có lý do đặc biệt (như xuất nhập cảnh nhiều lần...).

Đề bài trong kỳ thi nhập học sử dụng rất nhiều chữ Hán. Trong kỳ thi tuyển sinh học sinh người nước ngoài, chữ Hán sẽ được phiên âm Hiragana.

Hệ thống tuyển sinh học sinh người nước ngoài là một hệ thống đặc biệt dành cho học sinh người nước ngoài chưa giỏi tiếng Nhật lắm (năng lực tiếng Nhật của học sinh người nước ngoài chưa đạt đến trình độ tương đương người Nhật trước kỳ thi vào THPT) nhưng vẫn có thể đỗ vào trường THPT nếu cố gắng, nhằm mục đích khuyến khích học sinh người nước ngoài học lên THPT. Không liên quan đến các môn học ở trường trung học cơ sở, nếu học sinh có các loại chứng chỉ như chứng chỉ Kỳ thi năng lực tiếng Anh (Eiken) thì hãy nói với giáo viên. Một số chứng chỉ có thể được ghi trong Phiếu điều tra (không phải tất cả các chứng chỉ đều được ghi trong Phiếu điều tra).

進学

【試験内容（愛知県の例）】

- ・国語、数学、外国語（英語）の3教科を一つにまとめた基礎的な内容
- ・漢字には、ひらがなでルビがふってあります。
- ・面接を行っているところが多いです。面接は個人面接、日本語で行います。

【実施校（愛知県の例）】

- ・普通科：名古屋南高校、小牧高校、東浦高校、衣台高校、安城南高校、豊橋西高校
- ・職業学科：豊田工業高校工業科、豊川工業高校工業科、中川商業高校商業科

詳しいことは、それぞれの高校のHPを参照してください。愛知県での実施校はすべて公立高校全日制です。

※定時制課程の前期選抜において、学力検査を行う学校では、学力検査問題の漢字にひらがなでルビをふってあります。

※外国人生徒等選抜で合格とならなかった場合は、一般選抜（一般入試）になるので、外国人生徒等選抜の学力検査とは別に、一般選抜（一般入試）の学力検査（国語、数学、社会、理科、外国語（英語）の5教科）を受験することになります。

詳しいことは愛知県のHP <http://www.pref.aichi.jp/0000027366.html>
（英語、中国語、ハングル語、ポルトガル語、スペイン語訳あり）
名古屋国際センターのHP www.nic-nagoya.or.jp/japanese/nicnews/archives/5328
を見てください。



※先生方へ※

外国人生徒等選抜入試を含め、高校入試の制度は自治体により異なります。

本人や保護者から、来日についての話などをよく聞いて、出願資格があるかどうかを早めに確認してください。また、各自治体で制度の見直しをすることもありますので、それぞれの自治体のHPなどを確認して、生徒に伝えてください。

【Nội dung kỳ thi (ví dụ trong tỉnh Aichi)】

- Nội dung cơ bản tổng hợp 3 môn học là Quốc ngữ, Toán học, Ngoại ngữ (Tiếng Anh)
- Chữ Hán được phiên âm Hiragana.
- Nhiều trường tổ chức thi phỏng vấn. Hình thức phỏng vấn là phỏng vấn cá nhân bằng tiếng Nhật.

【Trường thực hiện (ví dụ trong tỉnh Aichi)】

- Khóa học đại cương: Trường THPT Nagoya Minami, trường THPT Komaki, trường THPT Higashiura, trường THPT Koromodai, trường THPT Anjyou Minami, trường THPT Toyohashi Nishi.
- Khóa học nghề: Khóa học công nghiệp của trường THPT công nghiệp Toyota, Khóa học công nghiệp của trường THPT công nghiệp Toyokawa, Khóa học thương mại của trường THPT thương mại Nakagawa.

Tham khảo trang web của từng trường để biết thêm chi tiết. Tất cả các trường thực hiện thuộc tỉnh Aichi đều là trường THPT công lập đào tạo toàn thời gian.

- ※ Đối với trường tổ chức kiểm tra năng lực, trong kỳ thi tuyển sinh kỳ đầu của hệ thống đào tạo bán thời gian, tất cả chữ Hán trong đề bài của bài kiểm tra năng lực đều được phiên âm chữ Hiragana.
- ※ Nếu không đỗ kỳ thi tuyển sinh học sinh người nước ngoài, học sinh sẽ tham gia bài kiểm tra năng lực (gồm 5 môn là Quốc ngữ, Toán học, Xã hội, Tự nhiên, Ngoại ngữ (Tiếng Anh) của kỳ thi tuyển sinh thông thường (kỳ thi nhập học thông thường), mà không liên quan đến kiểm tra năng lực của kỳ thi tuyển sinh học sinh người nước ngoài.

Tham khảo trang web để biết thêm chi tiết <http://www.pref.aichi.jp/0000027366.html>

(Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hungary, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha)

Trang web của Trung tâm quốc tế Nagoya www.nic-nagoya.or.jp/japanese/nicnews/archives/5328



2-1-4. お金について

高校に入学すると、中学校以上にたくさんのお金が必要となります。決められた条件に当てはまれば奨学金を借りることができますが、高校に入学してから申し込むことが多いです。奨学金には、お金を返さなくてもいい奨学金もありますが、ほとんどが返さなければなりません。高校を受験するときに納入する受験料や入学手続きをするときに納入する入学金を準備することはとても重要です。

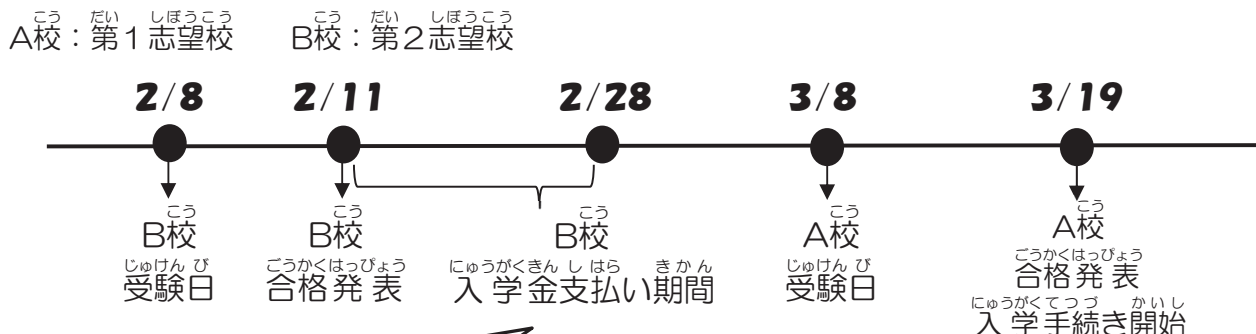
① 受験料

入学試験は、第1志望の高校（一番行きたい高校）を1校だけ受験しても構いませんが、ほとんどの中学生は、第1志望の高校に合格できなかったためのために、2～4校を受験します。受験料は1校ごとに必要です。

② 入学手続きの費用（入学金）

高校に合格したら、決められた日までに入学金を支払わなければなりません。第1志望の高校より先に第2志望の高校に合格した場合、第1志望の高校に合格しなかったためのために、まずは第2志望の高校に入学金を払います。第2志望の高校には行かないかもしれないのに、入学金を支払うのはもったいないと思うかもしれませんが、第1志望の高校に絶対合格できるかどうかは分かりません。

入学金の支払いの日程(例)



まだ、A校に合格できるかわからないので、B校に入学金を払います※1

A校に合格 → A校に入学金を払って入学手続きをします※2
 A校に不合格 → B校の入学手続きをします※3

- ※1 入学手続きの期間は、それぞれの高校によって違います。
- ※2 第2志望の高校の中には入学金を支払っていても、第1志望の高校に合格したので第2志望の高校には行かないということを申請すれば一部または全額お金が返ってくる場合もあります。
- ※3 第2志望の高校では、合格発表直後の入学手続き期間では入学金の一部を支払い、残りのお金は、第1志望の高校の合格発表を見て不合格だった場合に支払うというところもあります。残りのお金がある場合は支払うことを忘れないようにしましょう。

2-1-4. Chi phí

Trường THPT tốn nhiều chi phí hơn so với trường trung học cơ sở. Học sinh có thể vay tiền quỹ học bổng nếu đáp ứng được các điều kiện quy định. Tuy nhiên, học sinh thường chỉ được đăng ký sau khi đã vào trường. Trong quỹ học bổng, có học bổng không cần trả lại nhưng hầu hết học bổng đều phải trả lại. Phụ huynh cần chuẩn bị trước tiền dự thi để nộp khi con mình dự thi vào trường THPT và tiền nhập học để nộp khi làm các thủ tục nhập học.

① Tiền dự thi

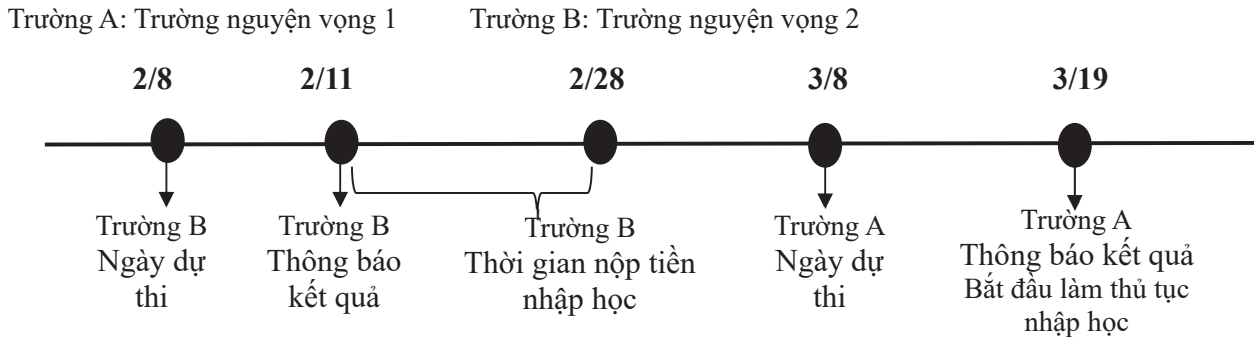
Trong kỳ thi nhập học, học sinh có thể dự thi duy nhất một trường THPT nguyện vọng 1 (trường mà bản thân muốn học nhất). Tuy nhiên, đa số học sinh trung học cơ sở đều dự thi từ hai đến bốn trường để phòng trường hợp không đỗ vào trường nguyện vọng 1. Tiền dự thi cần nộp cho mỗi trường dự thi.

② Chi phí khi làm thủ tục nhập học (Tiền nhập học)

Sau khi đỗ kỳ thi vào trường THPT, học sinh phải nộp tiền nhập học trước ngày quy định.

Nếu học sinh đỗ kỳ thi vào trường THPT nguyện vọng 2 trước khi có kết quả kỳ thi từ trường nguyện vọng 1, trước hết học sinh nên nộp tiền nhập học cho trường nguyện vọng 2 đó để phòng trường hợp không đỗ vào trường nguyện vọng 1. Có thể phụ huynh sẽ nghĩ rằng lãng phí tiền bạc bởi vì con mình có thể sẽ không học trường nguyện vọng 2. Tuy nhiên, phụ huynh không biết chắc chắn được rằng con mình có đỗ kỳ thi vào trường nguyện vọng 1 hay không.

Kế hoạch nộp tiền nhập học (Ví dụ)



Nộp tiền nhập học cho trường B vì chưa biết kết quả kỳ thi vào trường A ※1

Đỗ kỳ thi vào trường A → Nộp tiền nhập học cho trường A, nhập học và làm các thủ tục ※2

Không đỗ kỳ thi vào trường A → Làm thủ tục nhập học ở trường B ※3

※1 Thời gian làm thủ tục nhập học khác nhau tùy theo từng trường.

※2 Sau khi đã nộp tiền nhập học cho trường nguyện vọng 2 nhưng đỗ kỳ thi vào trường nguyện vọng 1, nếu học sinh đăng ký không học trường nguyện vọng 2 thì nhà trường có thể trả lại một phần hoặc toàn bộ số tiền nhập học đã nộp đó.

※3 Đối với trường nguyện vọng 2, học sinh có thể nộp trước một phần tiền nhập học trong thời gian làm thủ tục nhập học ngay sau khi biết kết quả, sau đó nộp nốt số tiền còn lại trong trường hợp không đỗ trường nguyện vọng 1. Tuy nhiên, đừng quên số tiền còn lại phải nộp này nhé.

③入学後、必要なお金

授業料に関しては、高等学校等就学支援金制度により、決められた条件に当てはまれば、無料になったり減らしてもらえたりすることもあります。しかし、入学が決まると制服や教科書代、年間の諸経費や修学旅行のための積立金などが必要になります。職業学科では実習に必要な教材や道具を買ったり、部活動に力を入れている高校では、ユニフォームや用具を買ったりするなど、学校以外の施設で活動するための費用（交通費や宿泊費）も必要になります。制服や教科書代、体操服など、買うときにお金を払うものもありますが、諸経費や積立金などは、銀行などから引き落としするように手続きをすることが多いです。（毎月、または二か月に1回、1学期ごとなど、定期的に支払うものは引き落としが便利です）

④貯金しておくことが大切

高校では、入学金や授業料とは別に、毎月の集金や部活動や通学のための（自転車や定期券の購入）お金、昼食代などいろいろ必要になります。また、将来、大学や専門学校に進学する場合は、たくさんのお金が必要になります。進学に備えて少しずつ貯金することはとても大切です。

特に、私立高校への進学を希望する場合は、公立高校よりたくさんのお金が必要になります。また、比較的受験しやすい高等専修学校（入学試験が作文や面接だけ、または、教科が2～3教科だけ）も私立のところが多いので、家族で相談することが重要です。

高校3年間にかかる費用は、公立高校409,979円、私立高校995,295円となっています。（いずれも全日課程、平成26年度文部科学省のHP「子供の学習費調査の結果について」より）

⑤必要なお金の例（愛知県の公立高校と私立高校、2016年度）

	公立高校	私立高校	公立定時制高校 ※1		
	普通科・専門学科	普通科・専門学科	昼間	夜間	通信制課程
受験料	2,200円	10,000円～20,000円	950円		無料
入学金	5,650円	200,000円～400,000円	2,100円	2,100円	2,100円
施設整備費等	—	学校によって違います	—	—	—
制服・体操服など学校指定の物品	制服は夏用のもの、学校によっては合服も必要になります。体操服関係では夏用はもちろんジャージやプールの授業で必要なものもあります。通学靴、通学カバン、サブバッグなどは中学校ほど細かい指定はありませんが、上靴、体育館シューズは指定されているところが多いです。 ※表1		昼間定時制は制服・体操服などがある学校が多いです。夜間定時制や通信制課程でも、一部指定のものがある学校もあります。（上靴や体育館シューズなど）		

③ Số tiền cần thiết sau khi nhập học

Theo chế độ hỗ trợ học THPT, học sinh có thể được miễn học phí hoặc giảm học phí nếu đáp ứng các điều kiện quy định. Tuy nhiên, sau khi học sinh nhập học, cần một khoản tiền để mua đồng phục, sách giáo khoa, các khoản chi phí hàng năm hay tiền tích lũy cho du lịch cuối khóa... Ngoài ra cũng cần một khoản chi phí sử dụng trong các hoạt động ngoài trường (chi phí đi lại, chi phí khách sạn). Ví dụ, đối với khóa học nghề thì cần phải mua giáo trình và dụng cụ dùng khi thực tập, đối với trường chú trọng hoạt động câu lạc bộ thì cần phải mua đồng phục, dụng cụ... Một số đồ dùng thanh toán bằng tiền mặt khi mua như đồng phục, sách giáo khoa, quần áo thể dục... Tuy nhiên, nhiều trường thực hiện thu tiền bằng cách tự động rút tiền từ tài khoản ngân hàng đối với các khoản chi phí hàng năm hay tiền tích lũy... (Đối với các khoản tiền nộp định kỳ như nộp hàng tháng, nộp hai tháng một lần, nộp theo từng học kỳ thì hình thức tự động rút tiền từ tài khoản rất tiện).

④ Tiết kiệm tiền rất quan trọng

Ở trường THPT, ngoài các khoản tiền như tiền nhập học hay học phí, cần rất nhiều khoản tiền như tiền nộp hàng tháng, tiền tham gia hoạt động câu lạc bộ, tiền đi lại (tiền mua xe đạp, tiền mua vé tháng), tiền ăn trưa... Ngoài ra, sau này, nếu học sinh học tiếp lên đại học hay các trường chuyên môn thì cũng cần rất nhiều tiền. Do đó, phụ huynh cần phải tiết kiệm từng chút một để con mình có thể học tiếp lên trình độ cao hơn.

Đặc biệt, nếu học sinh có nguyện vọng học trường THPT tư lập thì sẽ tốn nhiều chi phí hơn trường THPT công lập. Ngoài ra, nhiều trường cao đẳng chuyên nghiệp tư lập có kỳ thi nhập học tương đối đơn giản (kỳ thi chỉ có viết luận, phỏng vấn hoặc chỉ có 2~3 môn thi). Do đó, học sinh cần trao đổi với gia đình.

Chi phí cần thiết cho 3 năm học THPT là 409,979 yên đối với trường THPT công lập và 995,295 yên đối với trường THPT tư lập (thống kê của hệ thống đào tạo toàn thời gian, dựa theo “Kết quả khảo sát chi phí giáo dục cho trẻ em” trên trang web của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Kỹ thuật năm 2014).

⑤ Một số ví dụ về chi phí cần thiết (trường THPT công lập và trường THPT tư lập thuộc tỉnh Aichi năm 2016)

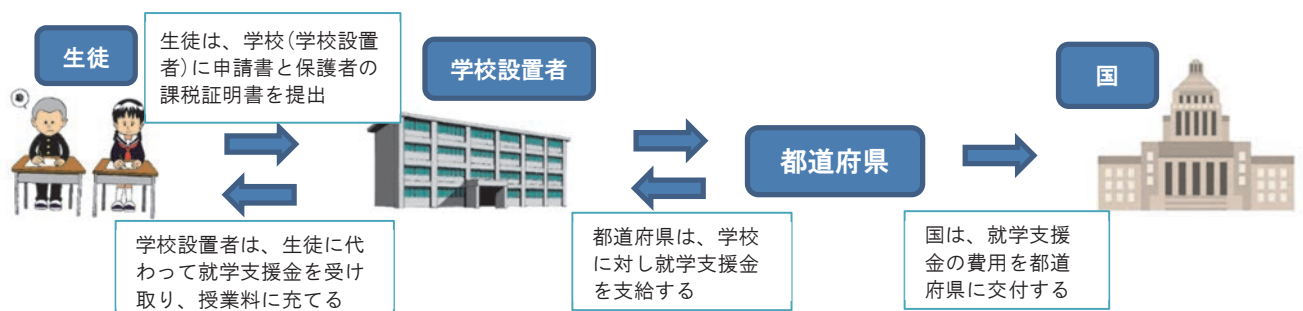
	Trường THPT công lập	Trường THPT tư lập	Trường THPT công lập đào tạo bán thời gian ※1		
	Khóa học đại cương, Khóa học chuyên môn	Khóa học đại cương, Khóa học chuyên môn	Ban ngày	Ban đêm	Hệ thống đào tạo từ xa qua mạng
Tiền dự thi	2,200 yên	10,000 ~ 20,000 yên	950 yên		Miễn phí
Tiền nhập học	5,650 yên	200,000 ~ 400,000 yên	2,100 yên	2,100 yên	2,100 yên
Chi phí liên quan đến trang thiết bị	—	Khác nhau tùy theo từng trường	—	—	—
Những đồ dùng do nhà trường quy định như đồng phục, quần áo thể dục	Đồng phục là đồng phục mùa hè, một số trường yêu cầu đồng phục theo mùa. Quần áo thể dục thì ngoài đồng phục mùa hè còn cần một số đồ dùng như quần áo thun và đồ dùng trong giờ học bơi. Một số đồ dùng như giấy đi học, túi xách đi học, túi phụ trợ... không có quy định cụ thể như trường trung học nhưng nhiều trường có quy định về giấy đi trong nhà, giấy đi trong nhà thể chất. ※Bảng 1		Đối với hệ thống đào tạo ban ngày, nhiều trường yêu cầu mặc đồng phục và quần áo thể dục. Đối với hệ thống đào tạo ban đêm và hệ thống đào tạo từ xa qua mạng, một số trường quy định đồ dùng (như giấy đi trong nhà, giấy đi trong nhà thể chất).		

	公立高校	私立高校	公立定時制高校 ※1		
	普通科・専門学科	普通科・専門学科	昼間	夜間	通信制課程
教科書代 (有償)	公立高校、私立高校ともに、25,000円～30,000円くらいですが、副教材の購入も必要になります。副教材は学校によって違います。		15,000円～ですが、働いている生徒に対し条件を満たせば無償で給与されます。		
学校徴収金等	PTA会費、生徒会費、積立金など約9,000円 ※表2-②③	PTA会費、生徒会費、積立金のほかに後援会費が必要な学校もあります	公立高校は学校徴収金などと授業料を合わせて		公立高校は学校徴収金など（諸経費・教材費など）合わせて年間35,000円程度です。
授業料 ※2	118,800円 (年間)	250,000円～400,000円 (年間)	昼間定時制：月額約11,500円 夜間定時制：月額約9,900円程度です。		

※1 私立高校では定時制は非常に少ないです。通信制のある私立高校はたくさんありますが、公立高校よりたくさんのお金が必要です。公立の通信制は受検料と入学金を払った後、必要なお金は、学校徴収金等（諸経費・教材費等）合わせて、35000円程度です。私立の通信制は入学金が2万円～5万円、授業料は単位数にもよりますが、年間30～60万円程度です。

通信制高校にはスクーリングといって、学校に行き、先生の面接指導を受ける日があります。また、行事等で校外に出かける学校もあり、特に私立の通信制高校はコースによってたくさんのお金が必要になることもあります。

※2 生徒が学校に申請書を提出します。学校は都道府県から就学支援金（奨学金）を受け取り、それを授業料に充てます。（イラストは文部科学省のHPを参考にしています）



申請には親の収入などいろいろな条件があります。

例：年収610万円未満程度の場合

詳しくは文部科学省のHPを見てください。

「高校生等への就学支援」 www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka

ほかにも、都道府県ごとに、入学料補助金など、いろいろな支援があります。

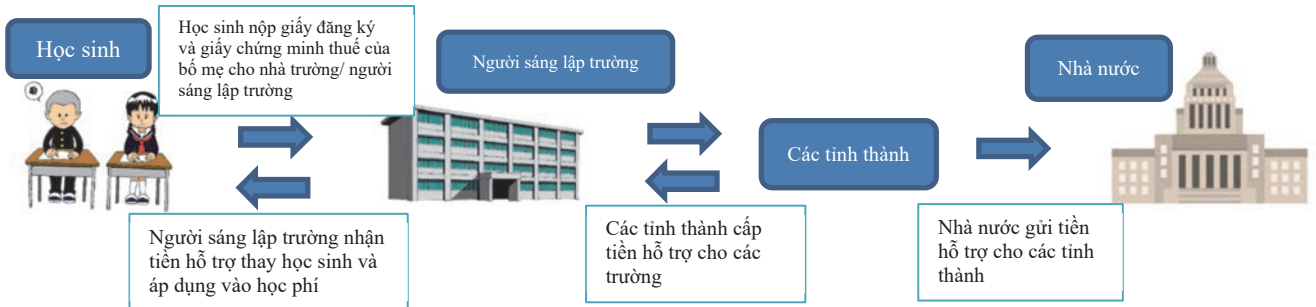
愛知県の例「高等学校等における助成制度」 www.pref.aichi.jp/soshiki/shigaku/0000003280.html

	Trường THPT công lập	Trường THPT tư lập	Trường THPT công lập đào tạo bán thời gian ※1		
	Khóa học đại cương, Khóa học chuyên môn	Khóa học đại cương, Khóa học chuyên môn	Ban ngày	Ban đêm	Hệ thống đào tạo từ xa qua mạng
Tiền sách giáo khoa (mất phí)	Trường THPT công lập và trường THPT tư lập đều có chi phí khoảng 25,000 yên ~ 30,000 yên. Học sinh phải mua thêm giáo trình phụ trợ. Giáo trình phụ trợ khác nhau tùy theo từng trường.		Chi phí từ 15,000 yên trở lên. Tuy nhiên, học sinh đang đi làm sẽ được phát miễn phí nếu thỏa mãn các điều kiện.		
Tiền nhà trường thu	Khoảng 9,000 yên bao gồm hội phí hội PTA, hội phí hội học sinh, tiền tích lũy... ※ Bảng 2—②③	Ngoài hội phí hội PTA, hội phí hội học sinh, tiền tích lũy, một số trường còn cần nộp hội phí hội hỗ trợ.	Trường THPT công lập, tính cả tiền nhà trường thu và học phí thì: Hệ thống đào tạo bán thời gian ban ngày: Khoảng 11,500 yên mỗi tháng. Hệ thống đào tạo bán thời gian ban đêm: Khoảng 9,900 yên mỗi tháng.		Trường THPT công lập cần khoảng 35,000 yên mỗi năm bao gồm cả các khoản tiền nhà trường thu (các khoản chi phí hàng năm, tiền giáo trình...)
Học phí ※ 2	118,800 yên (hàng năm)	250,000 yên ~ 400,000 yên (hàng năm)			

※1 Trường THPT tư lập rất ít có hệ thống đào tạo bán thời gian. Nhiều trường THPT tư lập có hệ thống đào tạo từ xa qua mạng nhưng chi phí đắt hơn so với trường THPT công lập. Đối với hệ thống đào tạo từ xa qua mạng của trường công lập, chi phí cần thiết là khoảng 35,000 yên bao gồm cả tiền nhà trường thu (các khoản chi phí hàng năm, tiền sách giáo khoa...), không tính số tiền dự thi và tiền nhập học đã nộp. Đối với hệ thống đào tạo từ xa qua mạng của trường tư lập, tiền nhập học là 20,000 yên ~ 50,000 yên, học phí phụ thuộc vào số đơn vị học trình, chi phí ước tính hàng năm là khoảng 300,000 yên ~ 600,000 yên.

Trường THPT với hệ thống đào tạo từ xa qua mạng có một ngày gọi là “Ngày đến trường” (schooling), học sẽ đến trường và được giáo viên dạy trực tiếp. Ngoài ra, một số trường cũng yêu cầu học sinh ra ngoài để tham gia các hoạt động... Đặc biệt, trường THPT tư lập với hệ thống đào tạo từ xa qua mạng có thể tốn khá nhiều chi phí tùy theo từng khóa học.

※2 Học sinh nộp đơn đăng ký cho nhà trường. Nhà trường nhận tiền hỗ trợ (học bổng) từ các tỉnh thành, sau đó áp dụng vào học phí. (Hình minh họa dưới đây tham khảo từ trang web của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Kỹ thuật).



Khi đăng ký cần rất nhiều điều kiện như thu nhập của bố mẹ...

Ví dụ: Trường hợp thu nhập hàng năm của bố mẹ dưới 6,100,000 yên

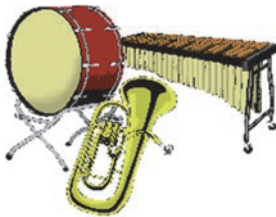
Tham khảo chi tiết tại trang web của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Kỹ thuật

「Hỗ trợ dành cho học sinh THPT」 www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka

Ngoài ra, mỗi tỉnh thành còn có rất nhiều hỗ trợ khác như “Hỗ trợ tiền nhập học” (Nyuugakuryou hoyokin).

Ví dụ trong tỉnh Aichi: Chế độ hỗ trợ trong trường THPT (Koutougakkoutou niokeru jyosei seido)

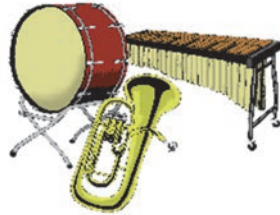
www.pref.aichi.jp/soshiki/shigaku/0000003280.html

その他	ちゅうしょくだい いえ べんとう つく ば あい のぞ ・ 昼 食 代（家で弁当を作る場合を除く） てい じ せい や かん きゅうしょく ば あい きゅうしょくひ えんてい ど ・ 定時制（夜間）など 給 食 がある場合は給 食 費（5,000円程度） つうがく ひよう ・ 通学にかかる費用 じてんしゃつうがく じてんしゃこうにゆう でんしゃ つうがく てい き だい 自転車通学（自転車購 入） 電車・バス通学（定期代）    ぶ かつかんけい ようぐだい ・ 部活関係（ユニフォームや用具代など）   
------------	---

※ 表 1 《制服・体操服など学校指定の物品の例》

	こうりつこうこう 公立高校	しりつこうこう 私立高校
せいふく 制服	40,000円～60,000円 （入学後夏服の注文もあります。 あいふく がっこう 合服のある学校もあります）	10万円～20万円 （学校により制服のデザインは様々です。季節ごとに指定されたベストやセーター、コートなど必要になります）
たいそうふく 体操服 （上下）	7,000円～10,000円 （夏は着替え用があると便利です）	7,000円～ （夏は着替え用があると便利です）
ジャージ （上下）	8,000円～15,000円	10,000円～
うわぐつ 上靴 （スリッパ）	1,000円～2,000円	1,000円～
たいいくかん 体育館 シューズ	2,500円～5,000円	3,000円～

- ・ 上記のほか、スクールバッグや水着などにも指定のあるところもあります。
- ・ 入学式前後に行われるオリエンテーションや入学後に、学年費や学年積立金などの一括徴収をする学校が多く、4月の納入金が高額になります。
- ・ 一般的に5月または6月からの毎月徴収金は、PTA会費、生徒会費、修学旅行積立金等です。

Các chi phí khác	• Tiền ăn trưa (trừ trường hợp mang cơm hộp từ nhà). • Trường với hệ thống đào tạo bán thời gian (ban đêm) phục vụ bữa ăn thì nộp tiền ăn (khoảng 5,000 yên). • Chi phí đi lại Đi học bằng xe đạp (mua xe đạp)/ Đi học bằng tàu điện hoặc xe buýt (mua vé tháng)
	  
	• Chi phí liên quan đến hoạt động câu lạc bộ (như đồng phục, dụng cụ...)   

※ **Bảng 1** 《Ví dụ về đồ dùng do nhà trường quy định như đồng phục, quần áo thể dục...》

	Trường THPT công lập	Trường THPT tư lập
Đồng phục	40,000 yên ~ 60,000 yên (Đồng phục mùa hè có thể đặt hàng sau khi nhập học. Một số trường yêu cầu mặc đồng phục theo mùa).	100,000 yên ~ 200,000 yên (Thiết kế đồng phục đa dạng khác nhau tùy theo từng trường. Cần phải mua cả áo vest, áo len, áo khoác... quy định theo từng mùa).
Quần áo thể dục (quần và áo)	7,000 yên ~ 10,000 yên (Vào mùa hè, nếu có quần áo để thay thì rất tiện)	7,000 yên ~ (Vào mùa hè, nếu có quần áo để thay thì rất tiện)
Quần áo thun (quần và áo)	8,000 ~ 15,000 yên	10,000 yên ~
Giày vải (Dép đi trong nhà)	1,000 ~ 2,000 yên	1,000 yên ~
Giày đi trong nhà thể chất	2,500 ~ 5,000 yên	3,000 yên ~

- Ngoài những đồ dùng nêu trên, một số trường còn có quy định về túi xách đeo đến trường, đồ bơi...
- Trong buổi hướng dẫn tổ chức trước và sau lễ nhập học hay sau khi nhập học, nhiều trường thu một lần tất cả các chi phí như học phí và tiền tích lũy theo khối lớp, do đó số tiền phải nộp trong tháng 4 khá nhiều.
- Thông thường, chi phí nộp hàng tháng từ tháng 5 hoặc tháng 6 là hội phí hội PTA, hội phí hội học sinh, tiền tích lũy cho du lịch cuối khóa...

進学

※表2 《4月の納入金の例》

①	にゅうがくきん 入 学 金	5,650円
②	いっかつちようしゅうきん 一 括 徴 収 金	30,600円
③	まいつきちようしゅうきん ※ 毎月 徴 収 金 (4月5月の2か月分)	9,400円
④	きょう か しょだい 教 科 書 代	24,500円
ごうけい 合 計		70,150円



※毎月徴収金は、毎月、または2か月分を口座振替で納入する学校が多いです。このほかに教材費（特に職業学科では実技科目の教材費や資格を取るための検定料などのお金）も必要になります。

⑥奨学金とは

日本には、高校や高等専修学校の授業料を払うことが困難な家庭に対して低い金利でお金を貸してくれたり、減らしてもらえたりする制度があります。中には返さなくてもいいものもあります。

(1)日本学生支援機構

- 日本で一番利用されているのは、日本学生支援機構の奨学金です。入学してから毎月決められたお金が振り込まれます。この奨学金は、もらえるお金ではなく借りるお金です。卒業してから返さなければなりません。初めから奨学金を頼るのではなく、まずは貯金をするのが大切です。

日本学生支援機構HP www.jasso.go.jp/shogakukin

(2)国の教育ローン（日本政策金融公庫の教育一般貸付）

- 教育ローンは、入学する前でも借りることができます。卒業するまでに必要なお金をまとめて借りることができます。借りた翌月から決められたお金を返済していきます。毎月の生活費から、お金を返すことになるので、よく考えて借りなければいけません。

日本政策金融公庫HP <https://www.jfc.go.jp/n/finance/search/ippan.html>

奨学金なるほど相談所HP <http://www.shogakukin.jp/13loann/>

(3)銀行系、信販系の教育ローン

- 日本学生支援機構の奨学金や、国の教育ローンより簡単な手続きで借りられます。利息が高いです。（国の教育ローン2%、銀行系3～5%、信販系5～10%）

※ Bảng 2 《Ví dụ về chi phí nộp trong tháng 4》

①	Tiền nhập học	5,650 yên
②	Tiền nộp một lần	30,600 yên
③	Tiền nộp hàng tháng ※ (2 tháng của tháng 4 và tháng 5)	9,400 yên
④	Tiền sách giáo khoa	24,500 yên
Tổng số		70,150 yên



※ Nhiều trường thu chi phí hàng tháng hoặc hai tháng bằng hình thức tự động rút tiền từ tài khoản ngân hàng. Ngoài ra, cần phải nộp cả tiền giáo trình (đặc biệt, khóa học nghề cần nộp các khoản tiền như tiền giáo trình của môn học thực hành kỹ năng, tiền dự thi lấy chứng chỉ...).

⑥ Học bổng (Shougakukin) là gì?

Ở Nhật có chế độ cho vay tiền với lãi suất thấp hoặc giảm tiền đối với những gia đình có khó khăn trong việc nộp học phí ở trường THPT hay trường cao đẳng chuyên nghiệp. Trong đó, có những học bổng không cần phải hoàn lại.

(1) “Tổ chức hỗ trợ học sinh Nhật Bản” (Nihon gakusei shien kikou)

- Ở Nhật, học bổng phổ biến nhất là học bổng của Tổ chức hỗ trợ học sinh Nhật Bản. Sau khi nhập học, học sinh sẽ nhận được một số tiền nhất định hàng tháng qua tài khoản ngân hàng. Tiền học bổng này không phải là tiền trao tặng mà là tiền cho vay. Học sinh phải hoàn trả tiền sau khi tốt nghiệp. Học sinh không nên dựa dẫm vào số tiền học bổng đó mà cần phải tiết kiệm.

Trang web của Tổ chức hỗ trợ học sinh Nhật Bản: www.jasso.go.jp/shogakukin

(2) Khoản vay chi phí giáo dục từ nhà nước (Khoản vay chi phí giáo dục phổ biến của Cơ quan tài chính chính sách Nhật Bản)

- Học sinh có thể vay chi phí giáo dục từ nhà nước trước khi nhập học. Học sinh có thể vay toàn bộ số tiền cần thiết cho đến khi tốt nghiệp. Số tiền vay đó sẽ được trả lại vào tháng tiếp theo của tháng vay. Học sinh sẽ phải trích từ tiền sinh hoạt hàng tháng để trả nên cần cân nhắc kỹ trước khi vay.

Trang web của Cơ quan tài chính chính sách Nhật Bản:

<https://www.jfc.go.jp/n/finance/search/ippan.html>

Trang web của Trung tâm tư vấn học bổng:

<http://www.shogakukin.jp/13loann/>

(3) Khoản vay chi phí giáo dục từ ngân hàng và từ cơ quan tài chính

- Khoản vay này có thủ tục đơn giản hơn so với học bổng của Tổ chức hỗ trợ học sinh Nhật Bản và khoản vay chi phí giáo dục từ nhà nước. Tuy nhiên, lãi suất tương đối cao. (lãi suất của khoản vay chi phí giáo dục từ nhà nước là 2%, vay từ ngân hàng là 3 ~ 5%, vay từ cơ quan tài chính là 5 ~ 10%).

⑦国や自治体などからの支援

(1)高校生等奨学給付金

収入が低い家庭は、授業料以外の教育費（教科書代、教材費、通学用品代、生徒会費、PTA会費等）の負担を減らすために国や各自治体からお金がもらえます。詳しいことは文部科学省のHPを見てください。

高校生等奨学給付金 www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/1344089.htm

(2)地方公共団体（都道府県・市区町村）・奨学事業実施団体が行う大学・短大生及び高校生等への奨学金制度

http://www.jasso.go.jp/about/statistics/shogaku_dantaiseido/index.html#search_button

(3)私立高校や高等専修学校で勉強や部活動の成績がとて素晴らしいなど特別な場合

入学金や授業料を払わなくていい場合や減額される場合があります。奨学金をもらえるところもあります（この場合の奨学金は、返さなくていいです）。学校によって違うので、入学案内を見たり先生に確認したりしましょう。

○日本学生支援機構の奨学金や、銀行などの教育ローンは比較的借りやすいです。ただし、卒業後、必ず返さなければならないので、気軽に借りないように注意することが必要です。また、高校卒業後、専門学校（高校を卒業しなければ受験できない専修学校専門課程）や大学に進学する可能性も考えて、さらにたくさんの貯蓄が必要となります。高校と同じように専門学校や大学も、国公立と私立では学費に大きな差があります。学費については、高校と違って、国公立大学はレベルが高く合格するためにはたくさんの努力が必要です。

○補助金、奨学金、教育ローンについては、「外国につながる子どもたちの進路開拓ガイドブック」（愛知県地域振興部国際課多文化共生推進室発行）にも載っています。（2012年発行のため各項目ごとに他団体のURLなども参考に、最新情報を確認してください）

⑦ Hỗ trợ từ nhà nước và chính quyền địa phương

(1) Học bổng cấp cho học sinh THPT

Gia đình có thu nhập thấp có thể nhận được tiền từ nhà nước và chính quyền địa phương để giảm bớt gánh nặng về chi phí giáo dục ngoài học phí (tiền sách giáo khoa, tiền giáo trình, tiền mua dụng cụ học tập, hội phí hội học sinh, hội phí hội PTA...). Tham khảo chi tiết tại trang web của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Kỹ thuật.

Học bổng cấp cho học sinh THPT

www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/1344089.htm

(2) Chế độ học bổng dành cho sinh viên đại học, sinh viên cao đẳng và học sinh THPT được thực hiện bởi các đoàn thể địa phương (các tỉnh thành, thôn xóm), đoàn thể thực hiện dự án quỹ học bổng

http://www.jasso.go.jp/about/statistics/shogaku_dantaiseido/index.html#search_button

(3) Trường hợp đặc biệt dành cho học sinh của trường THPT tư lập hay trường cao đẳng chuyên nghiệp có thành tích xuất sắc trong học tập và hoạt động câu lạc bộ

Có trường hợp không cần phải nộp tiền nhập học, học phí và trường hợp được giảm một phần. Học sinh cũng có thể nhận được học bổng (học bổng trong trường hợp này là học bổng không phải hoàn lại). Chế độ này khác nhau tùy theo từng trường nên học sinh cần xem hướng dẫn nhập học hoặc hỏi lại giáo viên.

- Học sinh có thể vay học bổng của Tổ chức hỗ trợ học sinh Nhật Bản và chi phí giáo dục từ ngân hàng một cách tương đối dễ dàng. Tuy nhiên, phụ huynh cần suy nghĩ kỹ trước khi vay vì sẽ phải hoàn lại số tiền đó sau khi trẻ tốt nghiệp. Ngoài ra, phụ huynh cần tiết kiệm nhiều tiền vì trẻ có thể học tiếp lên trường chuyên môn (không thể dự thi khóa học chuyên môn của trường chuyên nghiệp nếu chưa tốt nghiệp THPT), đại học sau khi tốt nghiệp THPT. Giống như trường THPT, trường chuyên môn và trường đại học cũng có chênh lệch khá lớn về học phí giữa trường quốc lập/ công lập và tư lập. Khác với trường THPT, vì trường đại học quốc lập/ công lập và tư lập đòi hỏi trình độ cao nên học sinh phải nỗ lực nhiều để có thể thi đỗ vào trường.
- Thông tin về tiền hỗ trợ, tiền học bổng, khoản vay tiền giáo dục được ghi trong “Sách hướng dẫn phát triển hướng đi trong tương lai dành cho trẻ em người nước ngoài” (do Văn phòng xúc tiến đa văn hóa, bộ phận quốc tế, phòng xúc tiến khu vực thuộc tỉnh Aichi phát hành). (Sách xuất bản từ năm 2012 nên cần tham khảo trang web của các tổ chức khác đối với từng nội dung để cập nhật thông tin mới nhất).

2-2. 専修学校(高等課程)

2-2-1. 専修学校の種類

専修学校には高等課程と一般課程と専門課程があります。高等課程を卒業すると、高校の卒業資格がもらえます。中学校卒業後に進学するのは、ほとんど高等課程です。高等課程のことを高等専修学校ということがあります。

日本には、たくさんの種類の高等専修学校があります。高等専修学校では、将来の仕事につながる知識や技術を学ぶ専門科目の授業が中心になります。就職して、すぐに役立つ実習や実技の時間が多いです。

8つの分野（工業、農業、医療、衛生、教育・社会福祉、商業実務、服飾・家政、文化・教養）の中に、いろいろな学科があります。

8つの分野

1	工業分野	機械科、コンピュータ科、建築科、電気科、自動車整備科など
2	農業分野	農業科
3	医療分野	准看護科
4	衛生分野	調理師科、製菓衛生師科、理容科、美容科、食物科
5	教育・社会福祉分野	介護福祉科、保育福祉科、福祉科、社会福祉科
6	商業実務分野	商業科、経理課、簿記科、ITビジネス科、トラベルビジネス科など
7	服飾・家政分野	ファッションデザイン科、ファッションビジネス科など
8	文化・教養分野	美術科、外国語科、スポーツ科、バレエ科など

詳しいことは、全国高等専修学校協会「分野別進学ガイド」HPを見てください。

<http://www.zenkokukoutousenshugakkoukyoukai.gr.jp/bunya.html>

2-2-2. 入学試験について

国語、数学、英語、社会、理科の5教科のところ、国語、数学、英語の3教科のところなど、学校によって違います。

作文や面接があるところが多いです。

推薦入試やAO入試を行っているところもあります。

詳しいことは、

全国高等専修学校協会のHP www.zenkokukoutousenshugakkoukyoukai.gr.jp/about02.html

愛知県は、愛専各（愛知県専修学校各種学校連合会）のHP www.askr.or.jp を見てください。

2-2. Trường chuyên nghiệp (Senshuu gakkou) Khóa học cao đẳng (Koutou katei)

2-2-1. Các loại trường chuyên nghiệp

Trường chuyên nghiệp bao gồm khóa học cao đẳng, khóa học thông thường và khóa học chuyên môn. Sau khi tốt nghiệp khóa học cao đẳng, học sinh sẽ được cấp chứng chỉ tốt nghiệp. Khóa học cao đẳng là khóa học mà hầu hết học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên. Khóa học cao đẳng đôi khi còn được gọi là trường cao đẳng chuyên nghiệp.

Ở Nhật có nhiều loại trường cao đẳng chuyên nghiệp. Trường cao đẳng chuyên nghiệp chủ yếu tập trung vào giờ học các môn chuyên ngành đào tạo kiến thức và kỹ thuật sử dụng cho công việc trong tương lai. Học sinh được tham gia nhiều giờ học thực tập và thực hành kỹ năng có ích cho công việc.

Trong 8 lĩnh vực (công nghiệp, nông nghiệp, y tế, vệ sinh, giáo dục và phúc lợi xã hội, thương mại, thời trang và tài chính gia đình, văn hóa và giáo dục) có nhiều khoa khác nhau.

8 lĩnh vực học

1	Lĩnh vực công nghiệp	Khoa cơ khí, Khoa máy tính, Khoa xây dựng, Khoa điện, Khoa bảo dưỡng ô tô...
2	Lĩnh vực nông nghiệp	Khoa nông nghiệp
3	Lĩnh vực y tế	Khoa điều dưỡng thực hành
4	Lĩnh vực vệ sinh	Khoa nấu ăn, Khoa vệ sinh bánh kẹo, Khoa làm tóc, Khoa thẩm mỹ, Khoa thực phẩm
5	Lĩnh vực giáo dục và phúc lợi xã hội	Khoa chăm sóc điều dưỡng, Khoa chăm sóc trẻ, Khoa phúc lợi, Khoa phúc lợi xã hội
6	Lĩnh vực thương mại	Khoa thương mại, Khoa kế toán, Khoa sổ sách, Khoa thương mại IT, Khoa kinh doanh du lịch...
7	Lĩnh vực thời trang và tài chính gia đình	Khoa thiết kế thời trang, Khoa kinh doanh thời trang...
8	Lĩnh vực văn hóa và giáo dục	Khoa mỹ thuật, Khoa ngoại ngữ, Khoa thể thao, Khoa múa ballet...

Tham khảo thông tin chi tiết tại trang web “Hướng dẫn học lên trình độ cao theo từng lĩnh vực” của Hiệp hội trường cao đẳng chuyên nghiệp toàn quốc:

<http://www.zenkokukoutousenshugakkoukyoukai.gr.jp/bunya.html>

2-2-2 Kỳ thi nhập học

- Các môn thi khác nhau tùy theo từng trường, có trường thi 5 môn là Quốc ngữ, Toán học, Tiếng Anh, Xã hội, Tự nhiên; có trường thi 3 môn là Quốc ngữ, Toán học, Tiếng Anh.
- Nhiều trường tổ chức thi viết luận, phỏng vấn.
- Một số trường tổ chức kỳ thi nhập học theo tiến cử và kỳ thi nhập học AO.

Tham khảo thông tin chi tiết tại trang web của Hiệp hội trường cao đẳng chuyên nghiệp toàn quốc:

<http://www.zenkokukoutousenshugakkoukyoukai.gr.jp/bunya.html>

Đối với tỉnh Aichi, tham khảo trang web của Aisenkaku (Hiệp hội các trường chuyên nghiệp của tỉnh Aichi).

www.askr.or.jp

2-2-3. お金について

- ・私立高校よりたくさんのお金が必要です（卒業資格をとるために通信制高校にも在籍。実習費や教材費も必要）。
- ・たくさんの種類の学校、学科があるので、自分が選んだ学校、学科によってかなりの違いがあります（50万～120万円程度）。
- ・制服があるところが多いです。制服代も学校によって違います。
- ・国から就学支援金があります。自治体からも授業料軽減補助が受けられます（条件は高校とほとんど同じです）。

2-3. その他、中学校卒業後の進路

①高等専門学校

5年一貫教育で、高度な技術者の養成を目的としており、高いレベルの学力が必要です。

例：〇〇工業高等専門学校（〇〇高専）、△△商船高等専門学校（△△商専）など

②職業能力開発校

③企業内学園

②、③については、P193「就職」を見てください。

3. 中学校ができる支援

進路について準備を進め、進学先が決まったら、受験勉強とは別に、願書の書き方や提出方法も教えてもらいましょう。願書を志望校に直接提出する場合は、志望校までの行き方を事前によく調べておきましょう。また、願書を郵送する場合は、試験日までに一度は自宅から志望校まで行っておくと、受験当日も気持ちに余裕をもって出かけられます。

また、担任の先生と面接の練習をしたり、家族に協力してもらって家でも面接の練習をしたりしましょう。繰り返し声に出すことで、面接試験への苦手意識がなくなります。

このように、受験には、子どもも先生方も家族も、万全の準備をして臨むわけですが、毎日、毎時間が同じではないように、受験に向かう途中、ハプニングが起こったり、合格してから入学手続きまでの間に問題が出てきたりすることもあります。何か起こったら、まずは中学校の先生に相談しましょう。

○事例紹介○

①1人で公共交通機関で行く。

- (1) 電車やバスの路線を間違えて乗ってしまった。
- (2) 降車駅や改札口を間違えてしまった。
- (3) 受験校までの道を間違えてしまった。
- (4) 乗り遅れてしまった。



2-2-3. Về chi phí

- Chi phí cao hơn so với trường THPT tư lập (học sinh cũng cần học ở trường THPT đào tạo từ xa qua mạng để lấy chứng chỉ tốt nghiệp. Học sinh phải trả thêm chi phí học thực hành và tiền giáo trình).
- Bởi vì có nhiều loại trường học và nhiều khoa nên chênh lệch giữa các trường và các khoa khá lớn (chi phí khoảng từ 500,000 yên ~ 1,200,000 yên).
- Nhiều trường yêu cầu mặc đồng phục. Tiền đồng phục cũng khác nhau tùy theo từng trường.
- Học sinh có thể nhận được tiền hỗ trợ từ nhà nước. Học sinh cũng có thể nhận được chế độ hỗ trợ giảm học phí từ chính quyền địa phương (điều kiện tương tự như trường THPT).

2-3. Những hướng đi khác sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở

① Trường cao đẳng chuyên môn (Koutou senmon gakkou)

Trường có hệ thống giáo dục nhất quán trong 5 năm, Mục đích của trường là đào tạo kỹ sư cao cấp nên đòi hỏi năng lực và trình độ cao.

Ví dụ: ○○ Trường cao đẳng chuyên môn công nghiệp (Kougyou koutou senmon gakkou) (○○ Kousen), △△ Trường cao đẳng chuyên môn thương mại hàng hải (Shousen koutou senmon gakkou)(△△ Shousen)...

② Trường phát triển kỹ năng tay nghề (Shokugyou nouryoku kaihatsukou)

③ Trường đào tạo trong công ty (Kigyounai gakuen)

Tham khảo nội dung “Đi làm” ở trang 194 đối với mục ② và ③.

3. Hỗ trợ từ trường trung học cơ sở

Khi bắt đầu chuẩn bị cho hướng đi trong tương lai và quyết định được trường mà bản thân muốn học tiếp, ngoài việc ôn tập cho kỳ thi nhập học, học sinh sẽ được hướng dẫn về cách viết và hình thức nộp Giấy đăng ký (Gansho). Trường hợp nộp trực tiếp Giấy đăng ký cho trường nguyện vọng, học sinh cần tìm hiểu trước về đường đi từ nhà đến trường nguyện vọng đó. Trường hợp gửi Giấy đăng ký qua đường bưu điện, học sinh nên đi thử từ nhà đến trường nguyện vọng ít nhất một lần trước ngày dự thi để biết được quãng đường đến trường trong ngày dự thi.

Ngoài ra, học sinh nên luyện tập cho bài thi phỏng vấn cùng với giáo viên chủ nhiệm và luyện tập ở nhà cùng với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình. Nếu luyện tập nhiều lần thì sẽ không còn cảm giác lo lắng nữa.

Học sinh, giáo viên và gia đình đều chuẩn bị kỹ lưỡng cho kỳ thi nhập học. Tuy nhiên, cũng giống như hàng ngày và hàng giờ luôn thay đổi, không tránh khỏi những sự việc xảy ra ngoài ý muốn trong quá trình ôn thi hay phát sinh các vấn đề từ khi có kết quả đỗ kỳ thi cho đến khi làm thủ tục nhập học. Nếu có bất cứ vấn đề gì xảy ra, học sinh nên trao đổi với giáo viên nhà trường.

○Một số ví dụ điển hình○

① Đi một mình bằng phương tiện giao thông công cộng

- (1) Đi nhằm tuyến tàu điện hoặc xe buýt.
- (2) Xuống nhằm ga hoặc ra nhằm cửa soát vé.
- (3) Nhắm đường đến trường dự thi.
- (4) Trễ tàu điện hoặc xe buýt.



(1)～(3)のケースに備えて、まず駅員さんなど近くににいる人に尋ねることができるように、日頃から必要なコミュニケーションは積極的に取るように心がけましょう。そして、間に合わない場合は受験会場に電話をする、中学校の先生や家族に電話する、などの対処法がありますが、その場合の電話の仕方もしミュレーションしておく必要があると思います。携帯電話を持っていない場合は、公衆電話を探してそこから電話する、ということになるので、公衆電話の使い方を事前に教えてもらい、練習しておきましょう。

(4)の場合、乗り遅れた理由が個人的な不注意によるものでも、受験会場や中学校の先生に連絡することが大切です。

例：朝寝坊などの個人的な理由、事故に遭遇（自分の不注意、加害者になった）、事故に遭遇（巻き込まれた、被害者になった）など

②お金に関する問題

○入学準備にかかるお金が用意できなくなった

「お金について」の項目にも書いてあるように、経済的に困難な家庭には、国や都道府県、その他の団体からの学費に対する支援があります。ただし、支給されるのが5月～6月というところが多いため、それまでに準備しなければならないお金について前倒しで支給するところもありますので、住んでいる自治体に相談してみましょう。



※先生方へ※

日系4世の在留資格や就労制限に関する問題については、法務省入国管理局のHPなどを参照してください。

過年度卒の場合、全日制高校では部活の大会出場の際、学年齢により選手として登録できないなどのデメリットがありますが、定時制高校や通信制課程の高校では、定時制通信制大会があり学年齢に関係なく出場できます。

Đối với trường hợp (1) ~ (3), học sinh cần thực hành kỹ năng giao tiếp hàng ngày để có thể hỏi nhân viên nhà ga hay ai đó ở gần mình. Trường hợp bị muộn giờ, có nhiều cách ứng phó như gọi điện đến hội trường thi hay gọi điện cho giáo viên nhà trường hoặc gia đình. Học sinh cũng cần thực hành kỹ năng gọi điện thoại trong những trường hợp này. Nếu không có điện thoại di động, học sinh phải gọi điện bằng điện thoại công cộng. Do đó, học sinh cần tìm hiểu và luyện tập cách sử dụng điện thoại công cộng.

Đối với trường hợp (4), học sinh cũng cần liên lạc với hội trường thi và giáo viên nhà trường kể cả lý do trễ là do sự bất cẩn của bản thân.

Ví dụ: Lý do cá nhân như ngủ dậy muộn, gặp tai nạn (do sự bất cẩn của bản thân và là người gây ra tai nạn), gặp tai nạn (ngoài ý muốn và bản thân trở thành nạn nhân)...

② Vấn đề liên quan đến tài chính

○ Không chuẩn bị đủ tiền cần thiết khi nhập học

Theo như nội dung đã đề cập trong phần “Chi phí”, nhà nước, các tỉnh thành và các tổ chức có chế độ hỗ trợ học phí đối với các gia đình có kinh tế khó khăn. Tuy nhiên, hầu hết đều chi trả trợ cấp vào tháng 5 ~ tháng 6. Do đó, nhiều trường hợp gặp khó khăn về khoản tiền cần chuẩn bị trước khoảng thời gian đó. Từ năm 2017, một số tỉnh thành chi trả trợ cấp trước để phù hợp với thời điểm chuẩn bị nhập học. Phụ huynh nên trao đổi với chính quyền địa phương nơi mình sống về vấn đề này.



就職

分からないことや困ったことがあったら、先生に相談しましょう。

就職とは何らかの職業に就いて仕事を始めることです。中学校を卒業後の就職先については、中学校の先生と相談して決めたり、ハローワークや信頼できるところに探してもらいましょう。短い期間だけ仕事をするわけではありません。就職したら同じところでずっと仕事をすることになります。長いと定年退職するまでずっと同じところで仕事をする日本人もいます。給料だけではなく保障や福利厚生などをチェックして決めましょう。

※ハローワークは、正式には「公共職業安定所」といいます。国が設置、運営しています。仕事の紹介や相談、履歴書などの書類の書き方や面接指導などを無料で行っています。



1. 正社員として働く

中卒での入社を歓迎する会社、中卒で取れる資格を生かせる職業の一例

- ・引越し業などの力仕事を主な業務とする会社
- ・SEやプログラマーなどの技術職やヘルパーなどの介護職

【注意！】社会に出るということは、中学校までとは違うコミュニティで、年齢、学歴、職歴も違う人たちとかかわりながら働き、給料をもらうということです。日常会話では、仕事で敬語を使う機会が多くなります。仕事上の専門用語が必要になる仕事もあります。中学校までに身につけた日本語だけでは足りないと感じることも出てくると思います。また、資格を取るための勉強には「絶対に合格する！」という気持ちでがんばって、合格を目指しましょう。

2. 働きながら学ぶ

企業の中で、中学校を卒業した人が学べるところを「企業内学園」といいます。すべての企業にあるわけではありません。



① 企業内学園を持っている会社

学費や寮費は会社が負担してくれるほか、給与・手当が支給されるところもあります。

例：

- ・「デンソー工業学園」「日野工業高等学園」…採用試験を受けて入社後、訓練生として学ぶことができます。
- ・「トヨタ工業学園」「日立工業専修学校」…卒業後は親会社やグループ各社に入社できます。

Đi làm

Trao đổi với giáo viên khi có vấn đề thắc mắc

Đi làm có nghĩa là bắt đầu làm một công việc nào đó sau khi được tuyển dụng. Về nơi làm việc sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể trao đổi với giáo viên nhà trường hay tìm thông qua ※Hello Work hoặc những nơi đáng tin cậy khác. Công việc không làm trong khoảng thời gian ngắn, một khi đã được tuyển dụng thì sẽ làm lâu dài ở một nơi. Có người Nhật làm việc lâu dài ở một nơi cho đến tận khi nghỉ hưu. Khi lựa chọn công việc, ngoài yếu tố lương thì cần xem xét cả các yếu tố như bảo hiểm hay các chế độ phúc lợi...

※ Hello Work có tên chính thức là “Trung tâm dịch vụ việc làm cộng đồng” (Koukyou shokugyou anteijyo). Đây là trung tâm do nhà nước thành lập và điều hành. Trung tâm cung cấp miễn phí các dịch vụ như giới thiệu việc làm, tư vấn, hướng dẫn cách viết các giấy tờ như Sơ yếu lý lịch, hướng dẫn phỏng vấn...



1. Làm việc với tư cách là nhân viên chính thức

Một số ví dụ về công ty tiếp nhận học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và loại công việc có thể sử dụng chứng chỉ đạt được khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Công ty với loại hình công việc chủ yếu sử dụng tay chân như công ty chuyển nhà...
- Công việc liên quan đến kỹ thuật như SE hay lập trình viên, công việc điều dưỡng, người giúp việc...

【Lưu ý!】 Môi trường làm việc khác với môi trường học tập ở trường, học sinh phải làm việc cùng nhiều người có độ tuổi, học vấn, kinh nghiệm làm việc khác nhau và được nhận lương. Học sinh có nhiều cơ hội sử dụng kính ngữ trong công việc khi giao tiếp hàng ngày. Một số công việc phải sử dụng từ chuyên ngành. Học sinh sẽ cảm thấy chỉ vốn tiếng Nhật mà bản thân đã học được cho đến khi tốt nghiệp trung học cơ sở thì không đủ để sử dụng. Học sinh cần có thái độ học tập tích cực với mục tiêu rõ ràng “Minh nhất định phải thi đỗ!” để lấy được chứng chỉ.

2. Vừa học vừa làm

Một số công ty có trường được gọi là “Trường đào tạo trong công ty” (Kigyounai gakuen)-nơi mà học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể học. Tuy nhiên, không phải tất cả các công ty đều có trường đào tạo này.



① Công ty có Trường đào tạo trong công ty (Kigyounai gakuen)

Một số công ty không chỉ hỗ trợ học phí và tiền ký túc xá mà còn chi trả lương và các khoản trợ cấp cho nhân viên.

Ví dụ:

- Trường công nghiệp Denso (Denso kougyou gakuen)
Trường cao đẳng công nghiệp Hino (Hino kougyou koutou gakuen)
... Học sinh sẽ tham gia kỳ thi tuyển dụng, sau khi được tuyển vào công ty, có thể học với tư cách là thực tập sinh.
- Trường công nghiệp Toyota (Toyota kougyou gakuen)
Trường dạy nghề công nghiệp Hitachi (Hitachi kougyou senshuu gakkou)
... Sau khi tốt nghiệp, học sinh có thể được vào làm việc tại công ty mẹ hoặc các công ty trong tập đoàn.

② 職業能力開発校（旧 職業訓練校）
機械関係、電気関係、情報関係、建築関係など、就職に必要な技術を身につけます。

例：〇〇高等技術専門学校、△△技能専門学校、
□□介護・美容職業訓練校など



愛知県職業訓練校一覧 kunrenkou.oker.jp/2025/09/post_3.html を参照

② Trường phát triển kỹ năng tay nghề (Shokugyou nouryoku kaihatsukou)

Tên cũ “Trường huấn luyện tay nghề” (Shokugyou kunrenkou)

Học sinh được học những kỹ thuật cần thiết cho công việc như kỹ thuật liên quan đến máy móc, điện, thông tin, xây dựng...

Ví dụ: ○○Trường cao đẳng kỹ thuật

△△Trường chuyên môn kỹ năng

□□Trường đào tạo nghiệp vụ điều dưỡng và làm đẹp



Tham khảo danh sách các trường đào tạo nghiệp vụ trong tỉnh Aichi

kunrenkou.oker.jp/2025/09/post_3.html

アイデンティティーに悩む子ども

1. 自分は何人？

中学生になった子どもは、日本での生活をどのように過ごしていますか。周りとの違いに戸惑い、悩んでいますか？小学生の頃はあまり気にならなかった周りとの違いが、中学生になってから気になるようになってしまうことがあります。見た目の問題だけではありません。「日本で生まれて育ってきたけれど、両親が日本人ではないから、自分は日本人ではない」「日本で生まれて、日本の学校に通ってきたから、みんなと同じように日本語が話せて当然なのに、自分だけ『日本語が話せてすごいね』と言われる」「自分にとっては外国のような母国」「周りには外国人と言われるのに日本語しかわからない」、そういった経験から「自分は一体何人だろう」「自分の本当の居場所はどこなんだろう」と自分のアイデンティティーを見失いそうになることがあるのです。

日本に來ている外国にルーツをもつ子どもは、日本にいる理由も背景も様々です。しかし、自分の意志とは関係なく、複雑な環境におかれてしまっている現実を受けとめられず、とまどってしまうことがあります。「日本人じゃないからね」「外国人でしょ」「日本語が話せてすごいね」などの何気ない一言でも、子どもは、大人の想像以上に色々な受けとめかたをするでしょう。

保護者も学校の先生も、子どもが自分を見失いそうになって悩んでいることをしっかりと受けとめ、子どもが自分の存在を否定することにならないように、サポートしていかなくてはなりません。子どもにとって大切なことは、これから自分がどこで、どのように生きていきたいかということです。その将来に向けて、今できること、やらなければならないことを子どもと一緒に考えましょう。

※先生方へ※

子どもが日本語を流ちょうに話せていると、「この子は日本人と変わらない」「大丈夫だ」と思い込んでしまいます。しかし、それは大きな間違いです。外国にルーツをもつ子どもたちは常に異文化を感じています。日本に対しての異文化だけではありません。日本文化に慣れてしまった子どもにとっては、自分の家庭に対して異文化を感じてしまうこともあるかもしれません。



2. 子どもと一緒に

子どもの日本での生活が長くなると、日本語の能力や日本の学校生活に対する知識が、親をこえてしまうこともあるでしょう。親に相談したいけれど、相談しても分かってもらえないからと、相談することをあきらめてしまうこともあるかもしれません。

そういうときに、保護者が手を差し伸べることをあきらめてしまうと、子どもとの信頼関係が失われてしまいます。子どもが何を悩んでいるのかを聞き、分からないことは、一緒に先生に相談し、解決するために保護者として何ができるのかを考えましょう。

Trạng thái khủng hoảng bản sắc ở trẻ em

1. Mình là người nước nào?

Một đứa trẻ sẽ trải qua cuộc sống như thế nào ở Nhật sau khi trở thành học sinh trung học cơ sở? Chúng có hoang mang và lo lắng khi sống trong môi trường khác biệt không? Khi còn là học sinh tiểu học, trẻ không quan tâm nhiều đến sự khác biệt với mọi người xung quanh. Tuy nhiên, sau khi trở thành học sinh trung học cơ sở, trẻ bắt đầu quan tâm hơn. Sự khác biệt không chỉ ở ngoại hình. Những đứa trẻ có khả năng rơi vào trạng thái khủng hoảng bản sắc sẽ tự đặt ra những câu hỏi như “Mình sinh ra và lớn lên ở Nhật, nhưng bố mẹ mình không phải là người Nhật nên mình không phải là người Nhật”, “Mình sinh ra ở Nhật, học ở trường của Nhật nên đương nhiên là mình có thể nói tiếng Nhật giống mọi người. Tuy vậy nhưng chỉ mỗi mình được mọi người khen là nói tiếng Nhật tốt”, “Đối với mình, nước mẹ đẻ giống như nước ngoài vậy”, “Mặc dù mọi người xung quanh bảo mình là người nước ngoài, nhưng mình lại chỉ nói được mỗi tiếng Nhật”. Từ những băn khoăn như vậy, trẻ bắt đầu có những suy nghĩ “Vậy thực sự mình người nước nào?”, “Mình thực sự thuộc về nơi nào?”.

Những đứa trẻ có nguồn gốc nước ngoài đến Nhật và sinh sống ở Nhật vì rất nhiều lý do khác nhau. Tuy nhiên, khi bị đặt trong một môi trường phức tạp mà không phải ý muốn của mình, trẻ không thể chấp nhận được sự thật đó và có thể cảm thấy hoang mang. Chỉ với những câu nói vô tình từ người xung quanh như “Bởi vì bạn không phải là người Nhật mà”, “Bạn là người nước ngoài đúng không”, “Bạn nói tiếng Nhật giỏi quá”, trẻ sẽ có những suy nghĩ vượt quá sự tưởng tượng của người lớn.

Đối với những trẻ cảm thấy hoang mang và có khả năng rơi vào trạng thái khủng hoảng bản sắc, phụ huynh và giáo viên nhà trường cần thấu hiểu và giúp đỡ trẻ để trẻ không phủ nhận sự tồn tại của bản thân. Điều quan trọng đối với trẻ là bản thân trẻ muốn sống ở đâu và sống như thế nào. Do đó, chúng ta cần phải suy nghĩ xem chúng ta có thể làm gì bây giờ và phải làm gì vì tương lai của trẻ.



2. Luôn ở bên trẻ

Nếu trẻ sống ở Nhật một thời gian dài, năng lực tiếng Nhật và những kiến thức liên quan đến sinh hoạt ở trường học của Nhật có thể vượt trội hơn bố mẹ. Có những việc trẻ rất muốn nói chuyện với bố mẹ, nhưng trẻ lại không nói nữa vì nghĩ rằng có nói thì bố mẹ cũng không hiểu được.

Những lúc như vậy, nếu bố mẹ không mở rộng vòng tay với trẻ thì mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái sẽ dần bị mất đi. Phụ huynh cần lắng nghe tâm sự của trẻ, nếu không biết nên làm như thế nào thì phụ huynh có thể trao đổi với giáo viên, cùng suy nghĩ xem có thể làm gì để giải quyết vấn đề của trẻ.

3. ^{いま}今、できること

母国と日本の間^{あいだ}でゆれる子どもには、今^{いま}おかれている状^{じょうきょう}況^{なか}の中で、将^{しょう}来^{らい}子どもにとってプラスになる部分^{ぶぶん}を見つけてほしいです。今^{いま}、悩^{なや}んでいることさえも、乗^のり越^こえていけば、これから日本^{にほん}に来^くる子どもたちの手本^{てほん}にもなれます。母語^{ぼご}と日本語^{にほんご}を学^{まな}んで、日本^{にほん}と母国^{ぼこく}をつなぐ存在^{そんざい}となることもできます。日本^{にほん}のことも、母国^{ぼこく}のことも誇^{ほこ}りがもてるように、保護者^{ほごしや}や先生^{せんせい}が子ども^こもの存在^{そんざい}を認^{みと}め、日本^{にほん}と母国^{ぼこく}どちらも尊^{そんちよう}重^{しせい}する姿^こ勢^みを子どもに見^みせることが大切^{たいせつ}です。

3. Những việc có thể làm bây giờ

Đối với những đứa trẻ sống giữa hai đất nước là nước mẹ đẻ và Nhật, phụ huynh cần tìm ra những điểm có lợi cho tương lai sau này của trẻ từ tình huống hiện tại. Hiện tại, trẻ có thể băn khoăn, lo lắng, nhưng nếu có thể vượt qua được, trẻ có thể trở thành hình mẫu cho những đứa trẻ sẽ đến Nhật trong tương lai. Nếu trẻ học được cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Nhật, trẻ có thể trở thành cầu nối giữa nước mẹ đẻ và nước Nhật. Phụ huynh và giáo viên cần nhìn nhận sự tồn tại của trẻ, cho trẻ thấy được thái độ tôn trọng đối với nước mẹ đẻ và nước Nhật để trẻ có thể cảm thấy tự hào về cả hai đất nước.

PTA活動

1. PTAって何？

PTAは英語の「保護者と先生の会」の略です。保護者と先生が、協力し合って子どもたちの教育を支援するいろいろな活動をしています。中学校に子どもが入學すると保護者はPTAの会員になります。PTAの会員の中から役員を決めます。役員を中心として、いろいろな委員会を運営していきます。教育に関する学習活動や広報活動、文化・スポーツ活動、教育資金集めなどを行います。PTAが主催する行事や活動は、役員が企画し、毎回中学校を通して保護者全員に案内が届きます。

PTAの活動は全て無報酬です。仕事を休んで参加しなければならないこともあります。しかし、その活動は全て子どもたちの教育を支援する活動につながっています。

2. 具体的にどんな活動があるの？

活動内容は各中学校によります。例として、以下のような活動があります。

○バザー

各家庭の不用品（自分にとっては不用品だが、他の人にとっては価値のあるもの）を持ち寄り販売します。売上げは教育に役立てる資金として使用されます。

まずは各家庭の不用品を集めるところから始まります。そして一つひとつに値札をつけ、販売の準備をします。

バザー当日には、売る側として作業をします。バザーはとても人気なので、多くの人が買いに来ます。

○資源回収

学区の各家庭からリサイクル資源（新聞・雑誌・段ボールなど）を集め、業者に回収を依頼します。回収された量によって、業者からお金を受け取ります。受け取ったお金は教育に役立てる資金として使用されます。

まずは学区の方々に資源回収への協力をお願いするところから始まります。資源回収の日時の広報、回収当日の作業などがあります。多くの場合、土日などの休みの日に行われます。

3. 役員になったらどうしよう…

日本語が分からないからといって、PTAの活動に参加しなくてもいいというわけではありません。外国人の保護者でも役員をすることもあります。分からないときには周りの人に助けてもらえばいいのです。普段関わり合うことのない保護者や中学校の先生とコミュニケーションをとることのできる機会でもあります。子どもの中学校での様子を知る機会も増えます。積極的に参加してみましょう。

Hoạt động PTA

1. PTA là gì?

PTA (Parent-Teacher Association) là từ viết tắt trong tiếng Anh, có nghĩa là “Hội phụ huynh và giáo viên). Phụ huynh và giáo viên cùng nhau hợp tác để thực hiện các hoạt động hỗ trợ giáo dục cho trẻ em. Phụ huynh sẽ trở thành hội viên của PTA khi con mình bắt đầu học trung học cơ sở. Hiệp hội sẽ lựa chọn ủy viên từ các hội viên của PTA. Hiệp hội bao gồm nhiều ủy ban do các ủy viên điều hành. Các ủy ban này sẽ thực hiện các hoạt động như hoạt động học tập liên quan đến giáo dục, hoạt động thông báo, hoạt động văn hóa và thể thao, thu quỹ giáo dục... Thông tin về các sự kiện và hoạt động do PTA tổ chức sẽ được nhà trường thông báo đến tất cả các phụ huynh.

Tất cả các hoạt động của PTA đều là hoạt động tình nguyện. Phụ huynh có thể phải nghỉ làm để tham gia hoạt động. Tuy nhiên, tất cả các hoạt động này đều có liên quan đến hoạt động hỗ trợ giáo dục trẻ em.

2. Có hoạt động cụ thể nào?

Nội dung hoạt động khác nhau tùy theo từng trường học. Dưới đây là một số ví dụ.

○ Bán đồ cũ

Hiệp hội sẽ tập hợp những đồ dùng không cần thiết từ các hộ gia đình (đồ dùng không cần thiết với người này nhưng có giá trị với người khác) để bán. Số tiền thu được sẽ được sử dụng làm quỹ giáo dục.

Trước hết, hiệp hội sẽ tập hợp những đồ dùng không cần thiết từ các hộ gia đình. Sau đó, dán giá tiền lên từng sản phẩm để chuẩn bị bán.

Trong ngày bán đồ cũ, phụ huynh sẽ làm công việc của một người bán hàng. Đây là một hoạt động được nhiều người quan tâm nên sẽ có rất nhiều người đến mua đồ.

○ Thu hồi tài nguyên

Hiệp hội sẽ tập hợp tài nguyên tái chế (báo, tạp chí, hộp giấy...) từ các hộ gia đình trong khu vực trường học và nhờ bên thu mua đến thu hồi. Sau đó, bên thu mua sẽ trả tiền theo số lượng tài nguyên thu hồi được. Số tiền thu được sẽ được sử dụng làm quỹ giáo dục.

Trước hết, hiệp hội sẽ yêu cầu các hộ gia đình trong khu vực trường học hợp tác để thu hồi tài nguyên. Sau đó, hiệp hội sẽ thông báo thời gian thu hồi và thực hiện công việc thu hồi vào ngày hôm đó. Hoạt động này chủ yếu được tổ chức vào ngày nghỉ như thứ bảy, chủ nhật.

3. Phụ huynh phải làm gì khi được chọn làm ủy viên?

Phụ huynh không biết tiếng Nhật cũng phải tham gia hoạt động PTA. Phụ huynh người nước ngoài cũng có thể được chọn làm ủy viên. Phụ huynh có thể nhờ những người xung quanh giúp đỡ nếu có điều gì không hiểu. Đây là một cơ hội rất tốt để phụ huynh có thể nói chuyện và trao đổi với giáo viên nhà trường và các phụ huynh khác mà ngày thường ít có dịp tiếp xúc. Đây cũng là cơ hội để phụ huynh có thể quan sát hoạt động ở trường của trẻ. Phụ huynh nên tích cực tham gia.

4. PTA会費って？

PTAで使われるお金のことです。そのお金はPTA役員の活動費（給料ではありません）、
学校で使われる道具の購入、学校の修繕費など、学校のためや子どものために使われます。

PTA会費は毎月額が決まっています。多くの学校では半年分をまとめて集金します。値段は
学校によって違います。



4. Phí hội PTA là gì?

Phí hội PTA là chi phí được sử dụng bởi hội PTA. Chi phí này là chi phí hoạt động của các ủy viên PTA (đây không phải là tiền lương), được sử dụng vì lợi ích của nhà trường và học sinh như mua đồ dùng sử dụng trong nhà trường, sửa trường học...

Số tiền của phí hội PTA cố định hàng tháng. Hầu hết các trường học đều thu tiền nửa năm một lần. Số tiền khác nhau tùy theo từng trường.



こ 子どものために



1. 中学校生活を充実させるために…

中学校生活は勉強、部活動だけでなく、いろいろな行事があり、子どもたちは毎日がとても忙しいです。中学校の3年間はあっという間に過ぎていきます。日本に来たばかりの子どもでも、言葉が理解できないからといって、何もしないで立ち止まっていることはできません。大切なことは、早いうちに子どもと中学校卒業後のこと、将来のことについてよく話し合っ決めていくことです。進学、就職、帰国、どの道を選ぶことができるのか、子ども自身がそれを知ることが必要です。将来の目標が決まれば、今やるべきことが見えてきます。子ども本人のやる気が一番の成長につながります。

それでも、出来ないことが多すぎて、自信ややる気をなくしてしまうこともあるかもしれません。周りの大人は、子どもが置かれている状況を理解した上で、子どもの将来のために導き、支え続けることが大切です。そのためには、保護者や担任の先生だけでなく、子どもが自分の思いや悩みを話せる大人の存在が必要です。保護者や担任の先生は、子どもがどんな大人と関わっているかを知っておくことも大切です。

2. 毎日中学校に通うことが大切です。

日本では子どもにとって、小学校や中学校で義務教育を受けることが最優先されます。体調が悪いとき以外は学校を休みません。家事をするためや弟や妹の世話をするために休むことはありません。子どもが中学校に継続して通える環境を整えましょう。

また、中学校は子どもにとって安全な居場所です。学校に行かないで、町を出歩いていると、保護者や先生の知らないうちに、子どもにドラッグや犯罪などの危険が近づいてきます。子どもを危険から守るためにも学校に通わせましょう。

3. 教育にかかるお金

公立中学校では授業料はかかりませんが、毎月給食費や修学旅行・遠足・見学費などの集金があります。部活動でもお金がかかります。毎月1万円程度は集金のために必要です（それ以上必要になることもあります）。入学時も公立学校は入学金は必要ありませんが、制服やカバン、体操服、学用品を買い揃えるためにまとまった金額（10万円程度）が必要になります。子どものために毎月の教育費を確保してください。家族の経済的な理由により、これらの支払いが困難な時には、教育費の一部を援助する就学援助制度があります。詳しくは中学校に確認してください。

高校への進学にもお金は必要です。なかにはまとまったお金を準備できず、やむを得ず高校進学をあきらめる子どももいます。将来のために早いうちからお金を貯金しておきましょう。

Vì lợi ích của trẻ



1. Để trẻ có cuộc sống vui vẻ ở trường trung học cơ sở ...

Cuộc sống ở trường trung học cơ sở không chỉ có việc học và hoạt động câu lạc bộ mà còn có rất nhiều các hoạt động khác. Do đó, cuộc sống hàng ngày của học sinh khá bận rộn. Ba năm học trung học cơ sở trôi qua rất nhanh. Những đứa trẻ vừa mới đến Nhật và chưa hiểu tiếng Nhật không có nghĩa là dừng lại và không làm gì cả. Điều quan trọng là phụ huynh cần nói chuyện rõ ràng với trẻ ngay từ khi còn sớm để quyết định về hướng đi sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và về tương lai của trẻ. Bản thân trẻ cần phải biết trẻ có thể lựa chọn học tiếp lên trình độ cao, xin việc hay về nước. Nếu quyết định được mục tiêu trong tương lai thì trẻ sẽ biết được việc mình cần làm bây giờ. Động lực phấn đấu của trẻ đóng vai trò rất lớn đối với sự phát triển của trẻ.

Tuy vậy nhưng có lúc trẻ sẽ cảm thấy mất tự tin và động lực vì có quá nhiều việc trẻ không làm được. Những người lớn xung quanh cần hiểu được những gì mà trẻ đang phải trải qua, giúp đỡ và dẫn dắt trẻ đến tương lai. Để làm được điều này, ngoài phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm thì những người lớn mà trẻ tin cậy để có thể nói ra những suy nghĩ và lo lắng của bản thân cũng rất quan trọng. Phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm cũng cần biết được trẻ quen biết với những người lớn nào.

2. Đến trường hàng ngày rất quan trọng

Ở Nhật, việc tham gia giáo dục bắt buộc ở trường tiểu học và trường trung học cơ sở được ưu tiên hàng đầu. Trẻ chỉ nghỉ học khi tình trạng sức khỏe không tốt. Trẻ không nghỉ học vì các lý do như phải làm việc nhà, phải chăm sóc em trai hoặc em gái... Phụ huynh nên tạo môi trường tốt để trẻ có thể đến trường mà không bị gián đoạn giữa chừng.

Ngoài ra, trường học là nơi rất an toàn đối với trẻ. Nếu không đến trường mà đi lang thang trên phố, trẻ có khả năng gặp nguy hiểm như tiếp xúc với thuốc cấm hay phạm tội trong khi phụ huynh và giáo viên không hay biết. Phụ huynh nên cho trẻ đến trường để bảo vệ trẻ khỏi những nguy hiểm.

3. Chi phí giáo dục

Trường trung học cơ sở công lập được miễn học phí. Tuy nhiên, hàng tháng, nhà trường sẽ thu tiền ăn trưa, tiền du lịch cuối khóa (shuugaku ryokou), tiền dã ngoại (ensoku), tiền tham quan... Tham gia hoạt động câu lạc bộ cũng mất chi phí. Mỗi tháng cần nộp khoảng 10,000 yên (có thể cần nhiều hơn). Trường trung học cơ sở công lập không thu phí nhập học, nhưng phụ huynh cần chuẩn bị một số tiền nhất định (khoảng 100,000 yên) để mua quần áo, cặp sách, quần áo thể thao, đồ dùng học tập... cho trẻ. Phụ huynh cần đảm bảo chi phí giáo dục cho trẻ hàng tháng. Đối với những gia đình có khó khăn trong việc chi trả các khoản này do vấn đề kinh tế, có chế độ hỗ trợ giáo dục (shuugaku enjo seido) hỗ trợ một phần chi phí giáo dục. Phụ huynh có thể xác nhận thông tin chi tiết với nhà trường.

Phụ huynh cần chuẩn bị một khoản tiền để trẻ học tiếp lên trung học phổ thông. Có những trẻ phải từ bỏ việc học trung học phổ thông một cách bất đắc dĩ chỉ vì không chuẩn bị đủ tiền. Vì tương lai của trẻ, phụ huynh nên tiết kiệm tiền từ sớm.

[illegible]

- ほか き ちよくせつせんせい つた
- ・この他、気をつけてほしいことがあれば、直接先生に伝えましょう。
- Ngoài những nội dung nêu trên, phụ huynh có thể trao đổi trực tiếp với giáo viên nếu có điều gì cần lưu ý đối với con mình.
- きにゆう はいりょじこうすべ たいおう たいおう ちゅうがっこう ほごしゅ そうだん
- ・ここに記入した配慮事項全てに対応できるというわけではありません。どのように対応していくかは、中学校と保護者と相談します。
- Nhà trường có thể không đáp ứng được tất cả những nội dung nêu trong bảng. Khi đó, phụ huynh và nhà trường cùng bàn bạc để tìm cách giải quyết.

ぎょうじ し
行事のお知らせ Thông báo sự kiện

() ← ぎょうじめい きにゅう
行事名を記入 Tên sự kiện

さんか
【参加について Tham gia】

() こ どもと ほごしゃ かなら さんか
子どもと保護者は必ず参加します。 Phụ huynh và học sinh bắt buộc phải tham gia.

() こ どもは かなら さんか ほごしゃ さんか
子どもは必ず参加します。保護者はできるだけ参加します。

Học sinh bắt buộc phải tham gia. Phụ huynh tham gia nếu có thể.

() こ どもだけ かなら さんか ほごしゃ さんか
子どもだけ必ず参加します。保護者は参加しません。

Học sinh bắt buộc phải tham gia. Phụ huynh không cần tham gia.

にちじ
【日時 Thời gian】 ※ じかん かなら まち しゅうごうじかん おく
時間は必ず守ります。集合時間に遅れてはいけません。

Tuân thủ thời gian quy định. Đi đúng giờ tập trung.

() こ どもの しゅうごうじかん
子どもの集合時間です。 Thời gian tập trung của học sinh

○ ひ にち Ngày < > しゅうごうじかん
集合時間 Giờ tập trung < : >

() こ どもと ほごしゃ しゅうごうじかん おな
子どもと保護者の集合時間は同じです。

Thời gian tập trung của phụ huynh và học sinh giống nhau.

○ ひ にち Ngày < > しゅうごうじかん
集合時間 Giờ tập trung < : >

() こ どもと ほごしゃ しゅうごうじかん ちが
子どもと保護者の集合時間は違います。

Thời gian tập trung của phụ huynh và học sinh khác nhau

○ こ ども Học sinh: ひ にち Ngày < > しゅうごうじかん
集合時間 Giờ tập trung < : >

○ ほごしゃ 保護者 Phụ huynh: ひ にち Ngày < > しゅうごうじかん
集合時間 Giờ tập trung < : >

べんとう すいとう
【弁当・水筒 Cơm hộp và bình nước】

○ こ ども Học sinh: () べんとう も
弁当を持ってきました。 Hãy mang theo cơm hộp.

() すいとう も
水筒を持ってきました。 Hãy mang theo bình nước.

○ ほごしゃ 保護者 Phụ huynh: () べんとう も
弁当を持ってきました。 Hãy mang theo cơm hộp.

() すいとう も
水筒を持ってきました。 Hãy mang theo bình nước.

も もの
【持ち物 Đồ mang theo】

() とくべつ も もの ひつよう せんせい かくにん
特別な持ち物が必要です。先生に確認してください。

Cần mang theo một số đồ đặc biệt. Phụ huynh cần xác nhận với giáo viên.

() おな
いつもと同じです。 Mang theo đồ giống ngày thường.

ふくそう
【服装 Trang phục】

() ちが ふくそう き せんせい かくにん
いつもと違う服装で来ます。先生に確認してください。

Trang phục khác ngày thường. Phụ huynh cần xác nhận với giáo viên.

() おな
いつもと同じです。 Trang phục giống ngày thường.

さんこう 参考URL

か き さんこう
下記サイトも参考になります。

いりょうつうやく うんえいじむきょく いりょうつうやく ○あいち医療通訳システム運営事務局「あいち医療通訳システム」

<<http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/>>

びょうき にほんご ひと つうやく そうだん の
病気やけがをしてしまったとき、日本語がわからない人のために、通訳の相談に乗ってくれます。
げんご えいご ちゅうごくご こ こ
言語は英語、中国語、ポルトガル語、スペイン語、フィリピン語です。

きゅうきゅういりょう きゅうきゅういりょうじょうほう きゅうきゅういりょう ○あいち救急医療ガイド 救急医療情報センター「あいち救急医療ガイド」

<http://www.qq.pref.aichi.jp/es/qq/qq23egmp_lt.asp>

えいご じぶん げんご たいおう びょういん さが
メインページは英語ですが、自分の言語に対応できる病院などを探することができます。

とよはしきょういくいいんかい がいこくじんじどうせいときょういくしりょう がっこうきょうじかんけい あんないぶん ○豊橋市教育委員会 外国人児童生徒教育資料「学校行事関係の案内文」

<<http://www.gaikoku.toyohashi.ed.jp/>>

ほか がっこう がいこくじん かた む つく み
他の学校の、外国人の方向けに作られたおたよりを見ることができます。
がっこうきょうじかんけい あんないぶん
「学校行事関係の案内文」のところをクリックしてください。

ざい じちたいこくさいかきょうかい ちいきこくさいかきょうかいれんらくきょうぎかい たげんごせいかつじょうほう ○（財）自治体国際化協会 地域国際化協会連絡協議会「多言語生活情報」

<<http://www.clair.or.jp/tagengo/index.html>>

がいこくじん かた にほん せいかつ ひつよう きほんてき せいかつじょうほう げんご せつめい
外国人の方が日本で生活するために必要な基本的な生活情報を13言語で説明しています。

なごやかこさい かいがいじどうせいときょういくそうだん ○名古屋国際センター「海外児童生徒教育相談」

<<http://www.nic-nagoya.or.jp/japanese/nicnews/>>

せんもん そうだんいん がいこくじん かた こ きょういくぜんぱん そうだん の でんわ よやくせい
専門の相談員が、外国人の方の子どもたちの教育全般について相談に乗ってくれます。電話による予約制です。

こうえきざいだんほうじん あいちけんこくさいこうりゅうきょうかい ○公益財団法人「愛知県国際交流協会」

<<http://www2.aia.pref.aichi.jp/>>

あいちけん す がいこくじん かた む さまざま じょうほう の
愛知県に住む外国人の方の方向けに様々な情報が載っています。
げんご えいご こ ちゅうごくご かんこくご にほんご
言語は英語、ポルトガル語、スペイン語、中国語、韓国語、日本語です。

Trang web tham khảo

Phụ huynh có thể tham khảo các trang web dưới đây

○ Phòng vận hành hệ thống phiên dịch y tế tỉnh Aichi

“Hệ thống phiên dịch y tế tỉnh Aichi”

[<http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/>](http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/)

Trang web tư vấn về dịch vụ phiên dịch khi bị bệnh hoặc bị thương dành cho những người không biết tiếng Nhật.

Trang web có các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Philippines.

○ Hướng dẫn về y tế cấp cứu tỉnh Aichi – Trung tâm thông tin y tế cấp cứu

“Hướng dẫn về y tế cấp cứu tỉnh Aichi”

[<http://www.qq.pref.aichi.jp/es/qq/qq23egmp_lt.asp>](http://www.qq.pref.aichi.jp/es/qq/qq23egmp_lt.asp)

Trang web được viết bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, phụ huynh có thể tìm các bệnh viện có hỗ trợ ngôn ngữ của mình.

○ Ủy ban giáo dục thành phố Toyohashi – Tài liệu giáo dục cho trẻ em người nước ngoài “Thông báo về các sự kiện ở trường học”

[<http://www.gaikoku.toyohashi.ed.jp/>](http://www.gaikoku.toyohashi.ed.jp/)

Phụ huynh có thể xem những thông báo dành cho người nước ngoài của các trường học khác.

Phụ huynh xem bằng cách nhấp chuột vào mục “学校行事関係の案内文 (Thông báo về các sự kiện ở trường học) ”.

○ Hiệp hội quốc tế địa phương (CLAIR) - Ban liên lạc hiệp hội quốc tế khu vực

“Thông tin đa ngôn ngữ liên quan đến cuộc sống”

[<http://www.clair.or.jp/tagengo/index.html>](http://www.clair.or.jp/tagengo/index.html)

Trang web cung cấp những thông tin cần thiết cơ bản về cuộc sống bằng 13 ngôn ngữ dành cho người nước ngoài sinh sống tại Nhật.

○ Trung tâm quốc tế Nagoya (Tư vấn giáo dục cho trẻ em người nước ngoài)

[<http://www.nic-nagoya.or.jp/japanese/nicnews/johosodan/kyoikusodan/>](http://www.nic-nagoya.or.jp/japanese/nicnews/johosodan/kyoikusodan/)

Các tư vấn viên có chuyên môn sẽ tư vấn về tất cả các vấn đề liên quan đến giáo dục cho trẻ em người nước ngoài. Phụ huynh phải liên hệ qua điện thoại để hẹn trước.

○ Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Aichi

[<http://www2.aia.pref.aichi.jp/>](http://www2.aia.pref.aichi.jp/)

Trang web cung cấp những thông tin dành cho người nước ngoài sinh sống ở tỉnh Aichi.

Trang web có các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nhật.

謝辞

本冊子『中学校ガイドブック』の作成にあたり、多くの先生方に、ご助言を賜りました。また、愛知県立小牧高等学校、愛知県立衣台高等学校の先生方には、見学を快く引き受けて頂き、お忙しいにも関わらず、丁寧にご対応頂きました。

ここに、すべての先生方に心より感謝申し上げます。ありがとうございました。

『小学校ガイドブック』作成後に、多くの方より様々なご意見を頂きました。今回はそれらをできるだけ多く反映するように心がけて作成致しました。ご意見頂きました皆様、本当にありがとうございました。

※ご協力いただいた方々（50 音順 敬称省略）

井村美穂（NPO 子どもの国、豊田市教育委員会） 小山幾子（豊田市立市木小学校）

杉浦茂（リソースルームアドバイザー） 長坂富夫（安城生活福祉高等専修学校） 野入はる香

松永博司（安城市立安城西中学校） 丸井合 山田孝（刈谷市文化財保護審議会）

愛知県立衣台高等学校 愛知県立小牧高等学校

参考文献・URL

○あいち医療通訳システム運営事務局「あいち医療通訳システム」

〈<http://www.aichi-iryou-tsuyaku-system.com/>〉

○あいち救急医療ガイド 救急医療情報センター「あいち救急医療ガイド」

〈<http://www.qq.pref.aichi.jp/>〉

○公益財団法人 予防接種リサーチセンター「予防接種と子どもの健康」

〈<http://www.yoboseshu-rc.com/>〉

○内閣府 「児童虐待、いじめ、ひきこもり、不登校等についての相談・通報窓口」

〈<http://www8.cao.go.jp/youth/soudan/>〉

○文部科学省ホームページ

〈<http://www.mext.go.jp/>〉

○愛知県教育委員会ホームページ

〈<http://www.pref.aichi.jp/soshiki/kotogakko/0000027366>〉

○豊橋市教育委員会 外国人児童生徒教育資料

〈<http://www.gaikoku.toyohashi.ed.jp/>〉

○岩倉市日本語適応教室ホームページ

〈<http://www.iwakura.ed.jp/nihongo/frame.htm>〉

○横浜市教育委員会「ようこそ横浜の学校へ」

〈<http://www.city.yokohama.lg.jp/kyoiku/sidou1/nihongoshido-tebiki/>〉

○四日市市教育委員会「外国人児童生徒と保護者のための四日市市立小・中学校ガイドブック」

〈<http://www5.city.yokkaichi.mie.jp/menu73781.html>〉

○名古屋国際センターNIC「愛知県の高校入試をご存知ですか」

〈<http://www.nic-nagoya.or.jp/japanese/nicnews/archives/5328>〉

○探そマイスクール

〈<http://aichi.mgxgis.jp/myschool/default.asp>〉

○日本学生支援機構ホームページ

〈<http://www.jasso.go.jp>〉

○日本政策金融公庫ホームページ（教育一般貸付）

〈<https://www.jfc.go.jp/n/finance/search/ippan.html>〉

○奨学金なるほど相談所

〈<http://www.shogakukin.jp>〉

○NPO 法人トルシーダほか『外国につながる子どもたちの進路開拓ガイドブック』

愛知県地域振興部 国際課多文化共生推進室 2012

○川口直巳ほか『小学校ガイドブック』

愛知教育大学外国人児童生徒支援リソースルーム 2015

○磯村美保子ほか『外国につながる子どものサポートブック』

名古屋 YMCA ガリ勉クラブ 2016

○坂巻敏章ほか『お助け！高校進学単語帳』

多文化共生センター東京 2006

○角田仁ほか『進路ガイドブック 中学を卒業したら、どこで、何をしましょう？』

多文化共生センター東京 21 2005

翻 訳 協 力 : グ エ ン ミ ン フ ォ ン

イ ラ ス ト : 森田賢吾 松村恵美 平茜

監 修 : 川口直巳

執筆／編集 : 川口直巳 西山幸子 鈴木絵莉 山下絵美 遊佐美和子

夏目礼子 五反田智美 井藤伸比古

問い合わせ : 愛知教育大学 外国人児童生徒支援リソースルーム

〒448-8542 愛知県刈谷市井ヶ谷町広沢 1

TEL : 0566-26-2219 FAX : 0566-26-2566

e-mail : gendaigp@aeu.ac.jp

※文責は愛知教育大学外国人児童生徒支援リソースルームにあります。

中学校ガイドブック ～ベトナム語版～

令和 3 年 3 月 初版発行

監 修：川口 直巳

編集・発行：愛知教育大学 外国人児童生徒支援リソースルーム

〒448-8542 愛知県刈谷市井ヶ谷町広沢 1

TEL:0566-26-2219 FAX:0566-26-2566

印 刷：株式会社コームラ

本書の全部または一部の営利目的による無断複写・転写を禁じます。

